

85 2  
116  
**VĂN-HOÁ**

**NGUYỆT-SAN**

**CƠ-QUAN NGHIÊN-CỨU VÀ PHỔ-THÔNG**

**THE ABRAHAM LINCOLN LIBRARY**  
143, Nguyen-Hue  
**SAIGON**



Tập XII, Quyển 12

Số 88 (tháng 12, 1963)

**NHA VĂN-HOÁ**  
**BỘ QUỐC-GIA GIÁO-DỤC**  
**SÀI-GÒN - VIỆT-NAM**

# VĂN-HOÁ

NGUYỆT-SAN

CƠ-QUAN NGHIÊN-CỨU VÀ PHỒ-THÔNG

*Loại mới — Tập XII — Quyển 12*

Số 88 (Tháng 12 năm 1963)



NHA VĂN-HOÁ  
BỘ QUỐC-GIA GIÁO-DỤC



Abraham Lincoln Library  
3/16/45

# VĂN-HOÁ NGUYỆT-SAN

**CƠ-QUAN NGHIÊN-CỨU VÀ PHỔ-THÔNG**  
NHA VĂN-HÓA BỘ QUỐC-GIA GIÁO-DỤC XUẤT-BẢN  
*Loại mới — Tập XII — Quyển 12*  
Số 88 (Tháng 12, năm 1963)

## Mục-lục

- Diễn-văn của Trung-Tướng Chủ-Tịch Hội-Đồng Quán-Nhân Cách-Mạng nhân dịp Lễ Bàn-giao Thành Cộng-Hòa cho Bộ Quốc-Gia Giáo-Dục ngày 14-12-1963.
- Diễn-văn của Ông Tổng-Trưởng Bộ Quốc-Gia Giáo-Dục nhân dịp lễ Tiếp-nhận Thành Cộng-Hòa ngày 14-12-1963.
- Diễn-văn của Đại-diện Ban Thường-Vụ Đại-Hội Đại-Diện Sinh-Viên Lâm-Thời Sài-Gòn nhân-dịp Lễ Tiếp-nhận Thành Cộng-Hòa ngày 14-12-1963.

### I. Văn-hóa Việt-Nam

Phát-triển Văn-hóa <i>(tiếp theo)</i> . . . . .	NGUYỄN-ĐÌNH-THI	1869
Non động trên Thất-Sơn . . . . .	NGUYỄN-VĂN-ĐẦU	1884
Văn-phẩm với thời-đại của văn-phẩm: truyện Vương-Tường . . . . .	LÃNG-HỒ	1893
Từ Dục-Đức đến Duy-Tân <i>(tiếp theo)</i> . . . . .	PHẠM-VĂN-SƠN	1899
Cung-oán ngâm-khúc binh-chú <i>(tiếp theo)</i> . . . . .	TRẦN QUÂN	1905
Bất cứ . . . . .	NGUYỄN-HỮU-HỒ	1911
Văn-chương binh-dân và văn-chương bác-học . . . . .	HUY-LỤC	1915
Côn-sơn ca . . . . .	NGUYỄN-TRÃI	1921

*(Bản dịch của Hải-Âu-Tử)*

Thi-ca của ĐÔNG-VIÊN, QUY-ƯU, B. S. TRẦN-VĂN-BÀNG, THƯỜNG-TIÊN, BẠCH-LÃNG, THẠCH-ẤN, TRẦN-CÔNG-CHÍNH, VIỆT-NHÂN, ĐẶC-PHƯƠNG, ĐÔNG-XUYỀN, HỒNG-THIÊN, BẮNG-TÂM, ĐÔNG-HẢI, TRẦN-VĂN-THỰC v. v...

II. Văn-hóa Thế-giới

Pháp-trị và pháp-học ở Á-Đông xưa :			
Thế, Pháp, Thuật (tiếp theo) . . . . .	NGUYỄN-ĐĂNG-THỰC	1939	
Teilhard de Chardin (1881-1955) . . . . .	DUNG-ĐẠO	1951	
Nhân-sinh hệ-lụy (Of Human Bondage) (tiếp theo)			
Bản dịch của Nguyễn-Huy-Đôn . . . . .	W. SOMERSET MAUGHAM	1969	
Quan-Vũ, nhân-vật điển-hình của trung-thần			
nghĩa-sĩ . . . . .	LƯU-MINH-TÂM	1981	
Trăng bao nhiêu tuổi trăng già ? . . . . .	THANH-TÂM	1989	
Điểm sách ngoại ngữ . . . . .	NGUYỄN-ĐÌNH-THI	1997	

III. Tin-tức Văn-hóa

Tin trong nước . . . . .		2001
Tin ngoài nước . . . . .		2021
Tin sách, báo . . . . .		2023

IV. Tranh-ảnh

Quan-Vân-Trường ngồi đọc sách

V. Phý-trương

Văn-phạm Anh-văn cho người Việt-Nam :			
cách dạy và học			
(Nguồn-tác bằng Anh-văn) . . . . .	NGUYỄN-ĐĂNG-LIÊM	2033	
Phân-tâm giải-thích sự hiểu-biết và vấn-đề			
ngôn-ngữ của thiếu-niên học-đường . . . . .	NGUYỄN-GIAO	2041	
(Nguồn-tác bằng Anh-văn)			
Lễ Bàn-giao Thành Cộng-Hòa cho Bộ Quốc-Gia			
Giáo-dục, ngày 14-12-1963 :			
• Diễn-văn của Trung-Tướng Chủ-Tịch Hội-Đồng			
Quân-Nhân Cách-Mạng			
(Bản dịch Anh-văn và Pháp-văn)			
• Diễn-văn của Ông Tổng-Trưởng Bộ Quốc-			
Gia Giáo-Dục			
(Bản dịch Anh-văn và Pháp-văn)			
• Diễn-văn của Đại-diện Ban Thương-Vụ Đại-			
Hội Đại-diện sinh-viên Lâm-thời Sài-gòn.			
(Bản dịch Anh-văn và Pháp-văn)			

# CULTURE

## MONTHLY REVIEW

PUBLISHED BY THE DIRECTORATE OF CULTURAL AFFAIRS

MINISTRY OF NATIONAL EDUCATION

Vol. XII, No. 12

December 1963 (Fasc. 88)

## Contents

Address by the Chairman of the Military Revolutionary Council at the Ceremony of the Transfer of the Cong-Hoa Barracks to the Ministry of Education (Dec. 14, 1963)

Address by the Minister of National Education at the Ceremony of the Taking-Over of the Cong-Hoa Barracks (Dec. 14, 1963).

Speech by the Student Representative at the Ceremony of the Taking-Over of the Cong-Hoa Barracks (Dec. 14, 1963).

### I. Vietnamese Culture

Development of Culture (continued) . . . . .	NGUYỄN-ĐÌNH-THI	1869
Peaks and grottoes in the That-son mountain. . . . .	NGUYỄN-VĂN-HÀU	1884
Literary works and their dates: The Story of		
Vương-Tường . . . . .	LÃNG-HỒ	1893
From Emperor Duc-Duc to Emperor		
Duy-Tan (continued) . . . . .	PHẠM-VĂN-SƠN	1899
Annotations to <i>Cung-Oan Ngam-Khuc</i>		
'An Odalisque's Complaint' (continued) . . . . .	TRẦN QUẢN	1905
Catching Bandits (novel) . . . . .	NGUYỄN-HỮU-HỔ	1911
Popular Literature and Learned Literature. . . . .	HUY-LUC	1915
The Con-Son Poem		
(translated by Hải-Âu-Tử) . . . . .	NGUYỄN-TRÃI	1921
Poems by ĐÔNG-VIÊN, QUỖ-ƯU, B. S. TRẦN-VĂN-BẰNG, THƯỜNG-TIÊN,		
BẠCH-LÃNG, THẠCH-ÂN, TRẦN-CÔNG-CHÍNH, VIỆT-NHÂN,		
ĐẰNG-PHƯƠNG, ĐÔNG-KUYỀN, HỒNG-THIÊN, BẰNG-TÂM, ĐÔNG-		
HẢI, TRẦN-VĂN-THUYẾT. v. v...		

## II. World Culture

Government in Ancient Asia (continued)	NGUYỄN-ĐĂNG-THỰC	1939
Teilhard de Chardin (1881-1955)	DUNG-ĐẠO	1951
Of Human Bondage (continued)	W. SOMERSET MAUGHAM	1969
<i>Vietnamese translation by Nguyễn-Huy-Đôn</i>		
Quan-Vu, a model of loyalty and heroism	LUU-MINH-TÂM	1981
Moon maid, how old are you?	THANH-TÂM	1989
Book reviews	NGUYỄN-ĐÌNH-THI	1997

## III. Cultural News

Vietnam News	2001
World News	2021
Publications Received	2023

## VI. Figures and Illustrations

*Quan-Van-Truong reading a treatise on strategy*

### V. Supplement

English Grammar for Vietnamese: Teaching and Learning problems	NGUYỄN-ĐĂNG-LIỆM	2033
A Psychoanalytic Interpretation of the lore and Language of Schoolchildren	NGUYỄN-GIAO	2041
Address by the Chairman of the Military Revolutionary Council at the Transfer Ceremony of the Cong-Hoa Barracks to the Ministry of Education (Dec. 14, 1963). <i>(Original text in Vietnamese, English and French Translations)</i>		
Address by the Minister of National Education at the Ceremony of the Taking-Over of the Cong-Hoa Barracks (Dec. 14, 1963). <i>(Original text in Vietnamese, English and French Translations)</i>		
Speech by the Student Representative at the Ceremony of the Taking-Over of the Cong-Hoa Barracks (Dec. 14, 1963). <i>(Original text in Vietnamese, English and French Translations)</i>		

# CULTURE

REVUE MENSUELLE D'ÉTUDE ET DE VULGARISATION

PUBLIÉE PAR LA DIRECTION DES AFFAIRES CULTURELLES

MINISTÈRE DE L'ÉDUCATION NATIONALE

Nlle Série — Vol. XII, No. 12

Décembre 1963. (Fasc. 88)

## Table des Matières

Discours du Général de Division Duong-Van-Minh, Président du Conseil Militaire Révolutionnaire à l'occasion de la Cérémonie de Transfert de la Citadelle Cong-Hoa au Ministère de l'Éducation Nationale (14-12-1963):

Discours du Ministre de l'Éducation Nationale à l'occasion de la Remise de la Caserne Cong-Hoa (14-12-1963).

Discours du Représentant des Etudiants à l'occasion de la Remise de la Caserne Cong-Hoa (14-12-1963).

### I. Culture vietnamienne

Le développement de la Culture (suite)	NGUYỄN-ĐÌNH-THI	1869
Pics et grottes dans le mont de That-Son.	NGUYỄN-VĂN-HỮU	1884
Les oeuvres littéraires et leurs dates de composition: l'Histoire de-Vuong-Tuong.	LĂNG-HỒ	1893
De l'Empereur Duc-Đuc à l'Empereur Duy-Tan (suite)	PHẠM-VĂN-SƠN	1899
Annotations du poème <i>Cung-Oan Ngam-Khuc</i> 'Complainte d'une odalisque' (suite)	TRẦN QUÂN	1905
Capture des bandits (nouvelle)	NGUYỄN-HỮU-HỒ	1911
Littérature populaire et littérature savante	HUY-LỤC	1915
Le poème de Con-Son	NGUYỄN-TRÃI	1921
<i>(Traduit par Hải-Áu-Tử)</i>		

Poèmes de ĐÔNG-VIỆN, QUỶ-ƯU, B. S. TRẦN-VĂN-BẢNG, THƯỜNG-TIÊN, BẠCH - LĂNG, THẠCH - ẪN, TRẦN - CÔNG - CHÍNH, VIỆT - NHÂN, BẢNG-PHƯƠNG, ĐÔNG-XUYÊN, HỒNG-THIÊN, BẢNG-TÂM, ĐÔNG-HẢI, TRẦN-VĂN-THUỘC v. v...

## II. Culture internationale

L'Administration et les Études Juridiques dans l'Asie antique (suite) . . . . .	NGUYỄN-ĐĂNG-THỤC	1939
Teilhard de Chardin (1881-1955) . . . . .	DUNG-ĐẠO	1951
Of Human Bondage (suite) <i>Traduction vietnamienne de Nguyễn-Huy-Đôn</i>	W. SOMERSET MAUGHAM	1969
Quan-Vu, modèle de loyauté et d'héroïsme . . . . .	LUU-MINH-TÂM	1981
Ô Lune! À quand donc ta vieillesse? . . . . .	THANH-TÂM	1989
Compte-rendus des livres de langue étrangère. . . . .	NGUYỄN-ĐÌNH-THI	1997

## III. Nouvelles culturelles

Nouvelles du Viet-Nam . . . . .	2001
Nouvelles du monde . . . . .	2021
Livres et Périodiques . . . . .	2023

## IV. Planches et Gravures

Quan-Van-Truong lisant un traité de stratégie

## V. Supplément

La grammaire anglaise pour Vietnamiens : l'enseignement et l'étude . . . . .	NGUYỄN-ĐĂNG-LIÊM	2033
Une interprétation psychoanalytique de la connaissance et du langage des écoliers . . . . .	NGUYỄN-GIAO	2041
Discours du Général de Division, Président du Conseil Militaire Révolutionnaire à l'occasion de la Cérémonie de Transfert de la Citadelle Cong-Hoa au Ministère de l'Éducation Nationale (14-12-1963). <i>(Texte original en Vietnamien, traductions anglaise et française)</i>		
Discours du Ministre de l'Éducation Nationale à l'occasion de la Remise de la Caserne Cong-Hoa (14-12-1963). <i>(Texte original en Vietnamien, traductions anglaise et française)</i>		
Discours du Représentant des Étudiants à l'occasion de la Remise de la Caserne Cong-Hoa (14-12-1963). <i>(Texte original en Vietnamien, traductions anglaise et française)</i>		

## DIỄN-VĂN

của  
**TRUNG-TƯỚNG CHỦ-TỊCH H.Đ.Q.N.C.M.**  
nhân dịp Lễ bàn-giao Thành Cộng-Hòa  
cho Bộ Quốc-Gia Giáo-Dục  
ngày 14-12-1963

Thưa Quý Vị,

Các bạn Sinh-viên, Học-sinh,

Tôi hân-hoan đến đây chủ-tọa lễ bàn-giao Thành Cộng-Hòa này, từ nay đặt thuộc quyền sử-dụng của Bộ Quốc-Gia Giáo-Dục.

Ý-nghĩa của quyết-định trên, trước hết có mục-đích thực-tiên là giúp cho Sinh-viên có một trường-sở rộng-rãi, đủ tiện-nghỉ ở gần Trung-tâm thành-phố để học-tập trong khi chờ đợi hoàn-thành Khu Đại-Học tại Thủ-Đức.

Sau đó là đề-chứng-tò mõi quan-tâm của Hội-Đồng Quân-Nhân Cách-Mạng và Chánh-Phủ đối với nền giáo-dục nước nhà, mặc dầu trong hiện-tại mọi nỗ-lực của Quốc-gia đang phải hướng về mục-tiêu chống Cộng.

Tôi mong rằng Bộ Quốc-Gia Giáo-Dục sẽ coi sự tiếp-nhận này là một bước đầu đề đi đến việc cải-thiện nền Đại-Học Việt-Nam và cả chương-trình giáo-dục trong một tinh-thần mới.

Các bạn Sinh-viên, Học-sinh,

Trong thời-gian qua, các bạn đã tỏ ra rất đáng khen vì đã thể-hiện được cuộc đấu-tranh trong sạch, bất vụ-lợi của người thanh-niên có học, trước những vấn-đề liên-hệ đến xứ-sở và dân-tộc.

Nay với sự thành-công của cuộc Cách-Mạng, các bạn cần phải duy-trì những gì đã tranh-đấu được, đề-cùng với nhân-dân tập-trung mọi nỗ-lực đi tới chiến-thắng. Như các bạn đã rõ, mục-tiêu của Hội-Đồng Quân-Nhân Cách-Mạng cũng như của Chánh-Phủ là cương-quyết diệt Cộng, nếu không, mọi kế-hoạch dù đẹp-đẽ và hứa-hẹn đến đâu cũng chỉ là ảo-tưởng. Chúng ta không chú-tâm hiểu-chiến, nhưng trước sự xâm-lãng trắng-trợn của Việt-cộng, chúng ta nhất-định phải đối-phó đề xây-dựng một xã-hội Dân-chủ và Tự-do.

Trở về vấn-đề học-tập, chủ-trương của chúng ta là nhằm thực-hiện một nền giáo-dục thực-tiên, ứng-dụng được với nhu-cầu và hiện-tình của xứ-sở, một nền giáo-dục hướng về



## II. Culture internationale

L'Administration et les Études Juridiques dans l'Asie antique (suite) . . . . .	NGUYỄN-ĐĂNG-THỰC	1939
Teilhard de Chardin (1881-1955) . . . . .	DUNG-ĐẠO	1951
Of Human Bondage (suite) <i>Traduction vietnamienne de Nguyễn-Huy-Đôn</i>	W. SOMERSET MAUGHAM	1969
Quan-Vu, modèle de loyauté et d'héroïsme . . . . .	LƯU-MINH-TÂM	1981
Ô Lune! À quand donc ta vieillesse? . . . . .	THANH-TÂM	1989
Compte-rendus des livres de langue étrangère. . . . .	NGUYỄN-ĐÌNH-THI	1997

## III. Nouvelles culturelles

Nouvelles du Viet-Nam . . . . .	2001
Nouvelles du monde . . . . .	2021
Livres et Périodiques . . . . .	2023

## IV. Planches et Gravures

Quan-Van-Truong lisant un traité de stratégie

## V. Supplément

La grammaire anglaise pour Vietnamiens : l'enseignement et l'étude . . . . .	NGUYỄN-ĐĂNG-LIÊM	2033
Une interprétation psychoanalytique de la connaissance et du langage des écoliers . . . . .	NGUYỄN-GIAO	2041
Discours du Général de Division, Président du Conseil Militaire Révolutionnaire à l'occasion de la Cérémonie de Transfert de la Citadelle Cong-Hoa au Ministère de l'Éducation Nationale (14-12-1963). <i>(Texte original en Vietnamien, traductions anglaise et française)</i>		
Discours du Ministre de l'Éducation Nationale à l'occasion de la Remise de la Caserne Cong-Hoa (14-12-1963). <i>(Texte original en Vietnamien, traductions anglaise et française)</i>		
Discours du Représentant des Étudiants à l'occasion de la Remise de la Caserne Cong-Hoa (14-12-1963). <i>(Texte original en Vietnamien, traductions anglaise et française)</i>		

## DIỄN-VĂN

của  
TRUNG-TƯỚNG CHỦ-TỊCH H.Đ.Q.N.C.M.  
nhân dịp Lễ bàn-giao Thành Cộng-Hòa  
cho Bộ Quốc-Gia Giáo-Dục  
ngày 14-12-1963

Thưa Quý Vị,

Các bạn Sinh-viên, Học-sinh,

Tôi hân-hoan đến đây chủ-tọa lễ bàn-giao Thành Cộng-Hòa này, từ nay đặt thuộc quyền sử-dụng của Bộ Quốc-Gia Giáo-Dục.

Ý-nghĩa của quyết-định trên, trước hết có mục-đích thực-tiến là giúp cho Sinh-viên có một trường-sở rộng-rãi, đủ tiện-nghi ở gần Trung-tâm thành-phố để học-tập trong khi chờ đợi hoàn-thành Khu Đại-Học tại Thủ-Đức.

Sau đó là đề-chứng-tỏ mối quan-tâm của Hội-Đồng Quân-Nhân Cách-Mạng và Chính-Phủ đối với nền giáo-dục nước nhà, mặc dầu trong hiện-tại mọi nỗ-lực của Quốc-gia đang phải hướng về mục-tiêu chống Cộng.

Tôi mong rằng Bộ Quốc-Gia Giáo-Dục sẽ coi sự tiếp-nhận này là một bước đầu để đi đến việc cải-thiện nền Đại-Học Việt-Nam và cả chương-trình giáo-dục trong một tinh-thần mới.

Các bạn Sinh-viên, Học-sinh,

Trong thời-gian qua, các bạn đã tỏ ra rất đáng khen vì đã thể-hiện được cuộc đấu-tranh trong sạch, bất vụ-lợi của người thanh-niên có học, trước những vấn-đề liên-hệ đến xứ-sở và dân-tộc.

Nay với sự thành-công của cuộc Cách-Mạng, các bạn cần phải duy-trì những gì đã tranh-dấu được, đề-cùng với nhân-dân tập-trung mọi nỗ-lực đi tới chiến-thắng. Như các bạn đã rõ, mục-tiêu của Hội-Đồng Quân-Nhân Cách-Mạng cũng như của Chính-Phủ là cương-quyết diệt Cộng, nếu không, mọi kế-hoạch dù đẹp-đẽ và hứa-hẹn đến đâu cũng chỉ là ảo-tưởng. Chúng ta không chủ-tâm hiếu-chiến, nhưng trước sự xâm-lăng trắng-trợn của Việt-cộng, chúng ta nhất-định phải đối-phó để xây-dựng một xã-hội Dân-chủ và Tự-do.

Trở về vấn-đề học-tập, chủ-trương của chúng ta là nhằm thực-hiện một nền giáo-dục thực-tiến, ứng-dụng được với nhu-cầu và hiện-tình của xứ-sở, một nền giáo-dục hướng về

nhân-bản, phản-ảnh được tính-chất của dân-tộc, tránh được sự lệ-thuộc vào một nền văn-hóa ngoại-lai.

Do đó, nhiệm-vụ của các Sinh-viên, Học-sinh hiện-tại là phải học-tập để thành-nhân, hầu mai sau có đủ khả-năng đứng ra gánh vác trọng-trách mà dân-tộc kỳ-vọng ở các bạn.

Các bạn phải ý-thức được rằng tương-lai của xứ-sở tùy thuộc ở sự đóng góp của phần-tử trí-thức có tài, tận-tâm và liêm-khiết.

Các bạn phải nhận-định được rằng sự duy-trì kỷ-luật học-đường là cần-thiết trong lúc này, hầu tránh việc đối-phương lợi-dụng lòng hăng-hái của tuổi trẻ để xúi-gục gây hoang-mang, rối loạn.

Mặt khác, các bạn cũng là một phần-tử của Quốc-gia mà là một phần-tử gương-mẫu, các bạn có nhiệm-vụ phải hòa mình vào nhịp sống của toàn-dân để thúc đẩy mọi tầng lớp trong xã-hội làm hậu-thuần cho cuộc chiến-đấu của Quân-Đội.

Thưa Quý Vị,

Tôi xin đặt hết sự tín-nhiệm của Hội-Đồng Quân-Nhân Cách-Mạng nơi quý vị Giáo-sư, Phụ-huynh cùng quý vị có nhiệm-vụ lãnh-đạo, điều-đặt và hướng-dẫn con em trong đường lối giáo-dục canh-tân mà ông Tổng-Trưởng đã phác-họa những nét đại-cương.

Tôi cũng tin-tưởng một cách chắc-chắn rằng các anh chị em Sinh-viên và Học-sinh sẽ tiếp-tục dồn hết tâm-trí vào việc học, sáng-suốt nhận-định trách-nhiệm của mình, luôn luôn cố gắng trau-giồi văn-hóa và kỹ-thuật, để cùng toàn-dân hoàn-thành sứ-mạng lịch-sử trong giai-đoạn hiện-tại.

## DIỄN-VĂN

của  
**ÔNG TỔNG-TRƯỞNG BỘ QUỐC-GIA GIÁO-DỤC**  
nhân dịp Lễ Tiếp-nhận Thành Cộng-Hòa  
ngày 14-12-1963

Kính thưa Trung-Tướng, Chủ-Tịch Hội-Đồng Quân-Nhân Cách-Mạng,  
Kính thưa Thủ-Tướng,  
Thưa Quý Vị,

Trong giờ phút long-trọng hôm nay, tôi được vinh-hạnh tiếp-nhận cơ-sở này mà Hội-Đồng Quân-Nhân Cách-Mạng đã có nhã-ý đặt thuộc quyền sử-dụng của Bộ Quốc-Gia Giáo-Dục.

Cuộc chiến-thắng thành-trì này hẳn còn in sâu trong tâm-trí của mọi người. Những tảng đá, những viên gạch nền-ngang trước mắt quý vị nếu có thể nói lên tiếng nói của giới vô-trí sẽ mãi mãi nhắc lại chiến-công oai-hùng của lực-lượng cách-mạng chiếm-cứ pháo- đài kiên-cố để ngày nay Bộ chúng tôi được hưởng-dụng. Tôi xin thành-tâm tưởng nhớ và tri-ân toàn-thể chiến-sĩ cách-mạng mà tên tuổi sẽ liên-kết với lịch-sử đấu-tranh cho tự-do tổ-quốc.

Dưới chế-độ cũ, Thành "Cộng-Hòa" đã tự-hào tiêu-biêu cho "Thành và Tín", nhưng "Thành, Tín" ấy lại chỉ để phụng-sự cho một cá-nhân, một gia-đình chống lại nguyện-vọng chung của toàn-dân và rêu-rúng quyền-lợi tối-cao của Đất Nước.

Ngày nay, một thời-đại đã chấm dứt, một kỷ-nguyên mới bắt đầu.

Chúng tôi xin cảm-tạ Hội-Đồng Quân-Nhân Cách-Mạng và Chánh-Phủ đã ưu-ái dành cho Bộ chúng tôi nói chung và gia-đình Đại-học nói riêng một căn-cứ rộng-rãi, chiếm một địa-thế vào bực nhứt ở ngay trung-tâm thành-phố.

Sau khi được sửa chữa cho thích-hợp với nhu-cầu giáo-huấn, nơi đây sẽ tập-trung vài phân-khoa Đại-học và Trường Cao-Đẳng Nông-Lâm-Súc với đầy đủ giảng-đường rộng lớn thay thế những lớp học nhỏ bé không còn đủ sức chứa đựng số sinh-viên mỗi ngày một gia-tăng.

Như vậy, vấn-đề thiếu trường-sở được tạm-thời giải-quyết một phần nào trong hoàn-cảnh khó-khăn của nước nhà với các phương-tiện eo-hẹp.

Nhưng mối hoan-hỉ của tôi trong giờ phút này, chính là sự nhận-thức mối quan-tâm của Hội-Đồng Quân-Nhân Cách-Mạng và Chánh-Phủ đối với nền giáo-dục và sự đào-tạo nhân-tài.

Mặc dầu quá bận tâm vì công-kuộc cách-mạng, kiến-thiết xứ-sở và nhất là chiến-thắng Cộng-sản, Quý Vị đã không quên dành lòng ưu-ái cho thanh thiếu-niên.



Những chính-thể dân-chủ thật sự thường can-đảm đóng bót trại giam và xây thêm trường học, giúp cho dân-trí được mở mang. Trái lại, các chế-độ độc-tài đều đàn-áp trí-thức, sinh-viên đề cũng-cổ địa-vị cho một cá-nhân hay một gia-đình. Xưa kia, Tân-Thủy-Hoàng đốt sách, chôn học trò, mới đây chế-độ độc-tài gia-đình-trị họ Ngô bắt-bớ, giam-cầm trí-thức, sinh-viên và học-sinh, vì những người này đã dám nói lên lẽ phải và bênh-vực chính-ngĩa.

Quý Vĩ đã hy-sinh một căn-cứ quân-sự rộng-rãi để góp phươg-tiện vào việc đào-tạo nhân-tài. Không những thế, anh em Công-Binh sẽ cố gắng ngày đêm giúp chúng tôi sửa chữa cơ-sở này trong một thời-gian kỷ-lục.

Hậu-thế sẽ ghi mãi thiên-chí và cử-chí cao quý ấy. Tôi dám chắc rằng sinh-viên sẽ không làm phụ lòng mong đợi của Quý Vĩ.

Vì vậy, để đáp lại lòng ưu-ái của Quý Vĩ, Bộ chúng tôi sẽ thực-hiện ý muốn của Hội-Đồng Quân-Nhân Cách-Mạng và Chính-Phủ, đề từ nơi này đây một tinh thần giáo-dục mới sẽ được thể-hiện. Bốn bức tường vừa cao vừa kiên-cố trước kia xây-dựng trên sự áp-bức, nay sẽ là ranh-giới của một nơi nghiêm-trang thuận-tiện cho sự tra-u-giỏi kiến-thức.

Thưa Quý Vĩ,

Hôm nay đánh dấu cho một cuộc cải-thiện nền Đại-Học Việt-Nam theo tinh-thần dân-chủ và tự-do. Lẽ ra việc cải-thiện này phải được thực-hiện từ lâu, nhưng, chế-độ cũ không chú trọng nhiều tới sự học cùng đời sống của sinh-viên. Do đó, nhiều vấn-đề không được giải-quyết thỏa đáng, chẳng hạn như vấn-đề thiếu trường-sở và sự sinh-hoạt của sinh-viên. Bộ chúng tôi đã cho xúc-tiến mạnh-mẽ việc xây cất Khu Đại-Học Thủ-Đức, và đang nghiên-cứu việc thiết-lập một cơ-xá sinh-viên đầy đủ tiện-nghĩ.

Ngoài ra, cũng trong tinh-thần ấy, chúng tôi sẽ nói rộng việc xuất-duyệt du-học. Chế-độ cũ làm cho hầu hết những sinh-viên Việt-Nam xuất-ngoại đều không muốn trở về nước, vì gặp phải độc-tài phong-kiến không biết sử-dụng nhân-tài. Lấy tự-do dân-chủ làm căn-bản, thì tình-trạng nguy hại trên sẽ không tái-diễn. Rồi đây, tất cả những chuyên-viên hoặc những sinh-viên đã tốt-nghiệp ở ngoại-quốc có thể hồi-hương để góp sức vào công-cuộc kiến-quốc mà không lo ngại gì. Những bạn đó được hoãn-dịch và sau một thời-gian phục-vụ hay chưa tham gia công-tác, nếu không hài lòng sẽ có thể tùy-thích xuất-ngoại lại.

Thưa Quý Vĩ,

Lễ tiếp-nhận hôm nay tăng thêm tin-tưởng cho Bộ chúng tôi và cho toàn-thể sinh-viên. Với niềm tin-tưởng ấy và với ý-thức trọng-trách mà Trung-Tướng Chủ-Tịch Hội-Đồng Quân-Nhân Cách-Mạng và Thủ-Tướng Chính-Phủ giao- phó, tôi trân-trọng nhận lãnh cơ-sở quân-sự này và xin thành-thực cảm ơn Quý Vĩ.

## DIỄN-VĂN

của

**ĐẠI-DIỆN BAN THƯỜNG-VỤ**  
**ĐẠI-HỘI ĐẠI-DIỆN SINH-VIÊN LÂM-THỜI SÀI-GÒN**  
nhân dịp Lễ Tiếp-nhận Thành Cộng-Hòa  
ngày 14-12-1963

Kính thưa Trung-Tướng, Chủ-tịch Hội-Đồng Quân-Nhân Cách-Mạng,

Kính thưa Thủ-Tướng Chánh-Phủ Lâm-Thời,

Kính thưa Trung-Tướng, Tổng-Trưởng Bộ Quốc-Phòng,

Kính thưa Ông Tổng-Trưởng Bộ Quốc-Gia Giáo-Dục,

Kính thưa Quý Vĩ,

Hai tháng trước đây, muốn đứng nơi này, tôi phải là một tên lính sẵn-sàng nhả đạn vào những kẻ nào muốn phá đổ một chế-độ tàn-bạo, phải là một tên lính sẵn-sàng thí-mạng mình để phòng-vệ cho một nhóm người độc-tài.

Trong những ngày đó, nhưt là trong những ngày bãi-khoá của sinh-viên, học-sinh, mỗi lần qua nơi con đường Thống-Nhứt này, con đường đã hơn một lần, những xe Cảnh-sát chở đầy nhóc các bạn học-sinh chúng tôi vút qua, chúng tôi đã không khỏi tủi-nhục, dù rằng chúng tôi, với cái danh sinh-viên, không phải là những kẻ có thể phá đổ những bức tường ngoạ-nghĩ đầy lỗ châu-mai... Nhưng rồi, cái gì đến ắt đến, bức tường thành phải đổ, mang theo một chế-độ bạo-tàn, để rồi hôm nay, sau ngày Cách-mạng vinh-quang 1-11-1963, chúng tôi được đứng nơi đây, trước Quý Vĩ để phát-biểu tự-do, thành thật những gì mình nghĩ mà không một chút lo sợ.

Thiệt làm sao mà chúng tôi không xúc-động được khi nghĩ rằng: Từ một nơi trú-ngụ của những tên vệ-sĩ của một chế-độ độc-tài, hôm nay bắt đầu trở thành nơi đào-tạo những con người sẽ đem sự hiểu biết của mình phục-vụ cho một xã-hội công-bằng, sẵn-sàng hy-sinh vì lý-tưởng tự-do dân-chủ.

Kính thưa Quý Vĩ,

Cách-mạng đã biến thành "Cộng-Hòa" này thành khu Đại-học qua một quyết-định thích-dáng của Hội-Đồng Tướng-Lãnh và của Chánh-Phủ. Chúng tôi muốn nhận mạnh tiếng thích-dáng ở đây, vì nó còn bao-hàm một tinh-thần cách-mạng nữa.

Thực tế, chế độ cũ đã coi thường nơi học, nơi ở của sinh-viên. Trước một sự bành-trướng sĩ-số sinh-viên, theo sự suy-luận của chúng tôi, việc phát-triển cơ-sở vật-chất một Đại-học, khởi đầu phải là mở rộng giảng-dường, mở rộng những phòng thí-nghiệm, mở rộng thư-viện, các cư-xá sinh-viên.

Hôm nay, quyết-định của Hội-Đồng Quân-Nhân Cách-Mạng và của Chánh-Phủ là một quyết-định cách-mạng, vì muốn đi ngược lại cái quá-trình xây-dựng Đại-học của chế-độ cũ. Thiết-tưởng chúng tôi có quyền nghĩ như vậy để nuôi thêm niềm hy-vọng mới.

Niềm hy-vọng mới đó là gì ?

Kính thưa Quý Vị,

Khu Đại-học không thể chỉ gồm những phòng để sinh-viên vào ngồi học. Nó còn phải có những nơi để sinh-viên đến đó giải-trí và trao-đổi những kiến-thức của mình hầu trau-giồi thêm những hiểu biết ngoài những hiểu biết trong ngành chuyên-môn mình đang theo đuổi. Chúng tôi muốn đề-cập đến những Câu-Lạc-Bộ Sinh-viên chẳng hạn. Có lẽ có vị cười thầm rằng chúng tôi "được voi đòi tiên". Không, chúng tôi muốn một sự đầy-đủ tối-thiểu mà chánh-quyền cũ đã cố tình làm cho không bao giờ đạt đến để bóp nghẹt sự sinh-hoạt của sinh-viên chúng tôi.

Hôm nay, trong không khí của sự khởi-hành cho một giai-đoạn xây-dựng mới, việc quyết-định biến khu lính phòng-vệ cho chế-độ cũ thành khu Đại-học, đào-luyện những con người xây-dựng cho thể-hệ tương-lai, là một quyết-định thích-đáng, đẹp-đẽ, nó sẽ làm chúng tôi ghi nhớ mãi.

Trân-trọng kính chào Quý Vị.

NGUYỄN-ĐÌNH-THI

## phát-triển văn-hóa

(xin đọc V.H.N.S. từ số 87)

Canh tân xứ-sở không nhằm gì khác là để phát-huy con người. Muốn thế, trong công-cuộc canh-tân, giá-trị tinh-thần phải được coi là động-lực, là ánh sáng dẫn đường. Nhưng thử hỏi, chúng ta có thể chu-toàn công-tác đó mà không cần quan tâm đến văn-hóa dân-tộc không ?

Trọng số những người trả lời "không" chúng ta có thể tìm thấy những quan-điểm sau đây :

(1) Quan-điểm thứ nhất hệ ở chỗ phủ-nhận sự hiện-hữu của nền văn-hóa dân-tộc. Họ nghĩ rằng văn-hóa Việt-Nam trước sau chỉ là văn-hóa của người. Họ mỉm cười mỉa-mai khi nghe ai nói đến chuyện "bốn ngàn năm văn-hiến". Việt-Nam theo họ, chỉ là "một nước Trung-hoa thu nhỏ" và đã được tây-phương-hóa phần nào. Họ tán-đồng ý-kiến của một số học-giả tây-phương khi những người này chú-trọng rằng "đặc-tính của văn-hóa Việt-Nam là văn-hóa Trung-hoa và nền văn-hóa này thực ra cũng chỉ là con cái của nền văn-hóa Bắc-Âu". Chúng ta chỉ cần đọc lại phê-phán của Maspero về Mã-Việt thì có thể nhận-thức được phần nào quan-điểm đó. Maspero viết :

"Nếu An-nam, sau khi được giải-phóng, đã có thể chống cự được với thế-lực của Trung-hoa, trong khi tất cả những quốc-gia láng-giềng khác, Đại-lang, Điện, Nam-chiêu, đều dần dần bị sụp đổ, đó là vì An-nam là nước duy-nhất trong nhiều thế-kỷ dưới sự cai-trị thường-xuyên của Trung-quốc, chính-quyền này phá vỡ những tổ-chức phân-tán và những tập-đoàn bản-xứ, du-nhập những ý-tưởng và những hình-thái xã-hội Trung-hoa, khiến cho nó có một sự liên-kết và một hình-thái mà các quốc-gia láng-giềng không có. Ưu-thê đó chính là do Mã-Việt đem lại. Cho nên không phải là vì nhấm-lăn mà rất nhiều làng An-nam đã thờ-phụng ông ta, bởi vì chính người Trung-hoa đi chinh-phục này, trong khi phá vỡ những chính-thể cũ của Bắc-kỳ đã vĩnh-viễn đưa xứ này vào trong dòng văn-minh Trung-hoa, bắt đầu bằng việc kiến-lập ở đó một cơ-cấu Trung-hoa

vững mạnh, nó đã cho phép xử ậy ngay từ thế-kỷ thứ X đóng vai trò hàng đầu trong lịch-sử Đông-dương".<sup>1</sup> Cũng vì thế mà O. Jansé đã xác-định chủ-đích khảo-cứu của ông ở Đông-dương là đề "nghiên-cứu sự phát-triển của nền văn-hóa Trung-hoa ở Đông-dương trong khoảng niên-kỷ thứ I trước Công-nguyên" thôi!

Quan-điểm chặt-hẹp, thiên-lệch này phát sinh từ thái-độ chủ-quan lấy Tây-phương làm lý-tượng và trung-tâm; văn-hóa nhân-loại — đối với họ — chỉ là một bộ mặt của văn-hóa tây-phương.

(2) Quan-điểm thứ hai có thể nói là một quan-điểm lãnh-đạm và mơ-hồ về văn-hóa dân-tộc. Quan-điểm này, trên thực-tế, hệ ở chỗ không đặt thành văn-đề văn-hóa dân-tộc. Theo họ, văn-hóa dân-tộc, có hay không, cũng không liên-hệ gì tới việc canh-tán xứ-sở. Con người ở đâu cũng như ở đâu. Họ mong trở thành những công-dân của thế-giới. Câu nói của Kipling "Đông là Đông, Tây là Tây, và không bao giờ Đông và Tây sẽ gặp nhau" được họ cho là một câu nói phi-lý và phản thực-tế. Nhân-loại đang tiến dần tới đại-đồng; một ngày kia biên-giới các quốc-gia phải được xóa bỏ, ngôn-ngữ phải thông-nhất. "Tứ hải giai huynh-đệ" không còn là một nguyên-tắc nhưng sẽ trở thành một sự-kiện thực-tế. Quan-điểm này phát sinh từ cái nhìn thương-hại về cuộc đời về nhân-loại trước những cuộc cách-mạng đẫm-máu và chiến-tranh tàn-khốc. Có thể nói nó mang đặc-tính cách-mạng lãng-mạn hơn là hành-động thực-tế. Trước thảm-trạng của cuộc sống con người, họ muốn đặt lại văn-đề ý-nghĩa nhân-sinh nhưng không dám nhìn thẳng vào thực-tế. Họ mơ giấc mơ đại-đồng của Mặc-tử, nhưng cùng một lúc muốn trở về với chủ-nghĩa tự-nhiên của Rousseau. Đó cũng là giấc mơ của Mác:

"... Trong giai-đoạn cao của xã-hội cộng-sản, khi mà cá-nhân không còn phụ-thuộc một cách nô-lệ vào sự phân công nữa, và sự đối lập giữa lao-động trí óc với lao-động chân tay cũng theo đó mà không còn nữa; khi mà lao-động sẽ không phải chỉ là một phương-tiện để sống nữa, mà tự nó sẽ biến thành một nhu-cầu bậc nhất cho đời sống; khi mà lực-lượng sản-xuất cũng đã tăng lên cùng với sự phát-triển mọi mặt của các cá-nhân và tất cả những nguồn tài-phú cộng-đồng đều tuôn ra dào-dạt, thì chỉ khi đó người ta mới có thể vượt hẳn ra khỏi giới-hạn chật hẹp của quyền-lợi kiểu tư-sản và xã-hội mới có thể ghi trên lá cờ của mình: 'Làm hết năng-lực, hưởng theo nhu-cầu!'".<sup>2</sup> Đó là giai-đoạn 'Nhà nước sẽ biến mất'.

(3) Còn một quan-điểm thứ ba, hình-thức tuy mới, nhưng thực ra chỉ là một hệ-luận có tính cách máy-móc của hai quan-điểm trên. Đó là quan-điểm dựa

1 L'expédition de Ma Yuan, H. Maspéro, B.E.F.E.O. XVIII, 1918, p. 27-28.

2 Chủ-nghĩa Mác-Lênin bàn về lịch-sử, tập II, tr. 546, 1961.

trên một định-nghĩa về dân-tộc của Stalin: "Dân-tộc là sản-vật tất nhiên và hình-thức tất nhiên của thời-đại phát-triển của xã-hội tư-bản chủ-nghĩa?" Lấy định-nghĩa đó làm tín-điều, một số người đã tìm cách giải-thích sự hình-thành của dân-tộc Việt-Nam bằng cách thái-trừ những gì mâu-thuẫn với định-nghĩa đó. Kết cục, họ phải cõ ý phủ-nhận một phần lớn lịch-sử dân-tộc và đi đến chủ-trương dân-tộc Việt mới thành hình vào khoảng thế-kỷ XVII, XVIII, hay vào đầu thế-kỷ XX. Đó là quan-điểm mà ông Đào-Duy-Anh đã cực-lực phản-đối trong quyển Văn-đề hình-hành của dân-tộc Việt-nam.<sup>3</sup> Ông Đào-Duy-Anh viết:

"Trước hết, hãy nhắc ý-kiến của ông Trần-Huy-Liệu về văn-đề hình thành dân-tộc Việt-Nam. Trong ý-kiến của Stalin, *điểm chủ-yếu được chú ý là, dân-tộc chỉ có thể xuất-hiện ở thời-kỳ tiền lên của chủ-nghĩa tư-bản*. Ông Trần-Huy-Liệu nói: "Bản về hình-thành dân-tộc Việt-Nam, theo định-nghĩa của Stalin, chúng ta nhất-định phải gắn nó với việc phát-sinh và phát-triển của chủ-nghĩa tư-bản, một trình-độ nào đó để có thể hình thành dân-tộc trên bốn yếu-tố ngôn-ngữ chung, lãnh-thổ chung, sinh-hoạt kinh-tê chung và trạng-thái tâm-lý chung biểu-hiện ở văn-hóa chung". Sau khi dẫn một số tài-liệu chứng tỏ rằng người Việt-Nam ở thế-kỷ XVII và XVIII đã có ngôn-ngữ chung, lãnh-thổ chung, sinh-hoạt kinh-tê chung và văn-hóa chung, và dẫn những tài-liệu mà ông cho là có thể chứng-minh rằng bây giờ "nhân-tộc tư-bản chủ-nghĩa dần dần phát-triển trong sự tan rã về căn-bản của hệ-thống phong-kiến", ông kết-luận rằng "trên những yếu-tố cấu thành dân-tộc đã tiếm-tàng đầy đủ, cuộc đại-thắng của Tây-son, phá tan các tập-đoàn phong-kiến cát cứ, thông nhất lãnh-thổ từ Nam đến Bắc, là một đột-biến để cụ-thể-hóa việc hình-thành dân-tộc Việt-Nam trên mọi phương-diện ngôn-ngữ, lãnh-thổ, sinh-hoạt kinh-tê, *sinh-hoạt văn-hóa mà từ trước chưa từng có*". Tiếp theo ông Trần-Huy-Liệu, ông Hoàng-Xuân-Nhị cũng bám sát định-nghĩa dân-tộc của Stalin, mà còn dựa vào uy-tín của bộ 'Đại-bách-khoa toàn thư Xô-viết' của Liên-xô chủ-trương tào-bạo hơn là chỉ với sự thành-lập của Đảng Cộng-sản Đông-dương, 'lần đầu tiên trong lịch-sử Việt-Nam', trải qua mấy nghìn năm, dân-tộc Việt-Nam bắt đầu hình-thành".

Trước chủ-trương phản-thực-tại lịch-sử và dân-tộc đó, ông Đào-Duy-Anh đã vạch rõ "nạn giáo-điều" trong công-cuộc nghiên-cứu văn-hóa dân-tộc, và tất nhiên trong công-tác phát-huy văn-hóa dân-tộc.

Nhắc qua ba quan-điểm trên, chúng tôi không có ý gì khác là vạch rõ nguồn-gốc của chủ-trương canh tân dân-tộc mà không cần quan tâm đến văn-hóa dân-tộc. Ở đây chúng tôi không có ý phân-tách và phê-bình từ quan-điểm

3 Văn-đề hình thành của dân-tộc Việt-nam, Đào-Duy-Anh, tr. 24-28, 1957.

một, nhưng chỉ muốn nói lên rằng ba quan-điểm đó, tuy có thể khác nhau ở bình-diện lý-thuyết, song trên thực-tế, cả ba đều đi đến chủ-trương "xây-dựng một nước Việt-Nam chưa có hay mới có", bằng cách bắt chước tây-phương trong mọi lãnh-vực chính-trị, kinh-tế xã-hội...

Chủ-trương thay-thê hay bắt chước này thực ra không phải là một chủ-trương mới. Chỉ cần nhìn lại lịch-sử dân-tộc, chúng ta cũng đủ rõ. Đó là chủ-trương của những người ngoại-quốc xâm-chiếm và muốn thôn-tính Việt-Nam. Đó cũng là phương-thức hành-động của một số triều-đại cũ của nước ta, mà kết-quả là dân-tộc Việt-Nam hiện tại đang phải sống trong tình-trạng kém mở-mang.

Chính-sách của nhà Hán, sau khi chiếm được Âu-lạc, là tìm đủ mọi phương-tiện để Hán-hóa. Từ những tổ-chức hành-chánh đến sinh-hoạt hàng ngày, nhà Hán muốn Âu-lạc thực hiện như mình. Nói tắt là nhà Hán ngay từ lúc đầu đã có thâm-ý đem văn-hóa Hán chống lên văn-hóa địa-phương. Nhưng bước đầu không phải là dễ. Vì thế nhà Hán, một mặt phải để những hình-thức sinh-hoạt cũ của Âu-lạc được tồn-tại: "lấy tục cũ của nó mà cai-trị", cho các Lạc-tướng trị dân như cũ; mặt khác nhà Hán liệu cách thay đổi cơ-cấu sẵn có: bộ lạc được đổi thành huyện và Lạc-tướng cũng lấy danh-hiệu mới là Huyện-lệnh với 'ân đồng tủa xanh' và đặt thêm những bộ máy mới để điều-khiển hay đúng hơn để thực-hiện chính-sách ràng buộc ngõ hầu nền văn-hóa mới sẽ tiêu-diệt nền văn-hóa cũ. Ở các trung-tâm kinh-tế và văn-hóa, nhà Hán thiết-lập một số cứ-điểm mới với những con người mới, từ Trung-hoa sang.

Chính-sách thay thế đó đã đem lại gì nếu không phải là sự phản-uất của dân-chúng. Cuộc khởi-nghĩa của Hai Bà Trưng là một dân-chúng cụ-thể. *Hậu Hán thư* chép: "Thái thú Giao-chi là Tô-Định lấy pháp-luật ràng buộc, Trắc oán giận cho nên làm phản". Câu văn vắn gọn đó đã đủ nói lên chính-sách của nhà Hán và kết-quả tất-nhiên của nó.

Đền lượt Mã-Viện, sau khi đàn áp được cuộc cách-mạng của hai chị em họ Trưng, lại càng cố tâm thực-hiện cho kỳ được chính-sách Hán-hóa.

Về hành-chánh, Mã-Viện tìm cách can-thiệp tới những sinh-hoạt cấp huyện mà trước kia vẫn để cho các Lạc-tướng cai-trị. Mã-Viện lại tìm cách chia dân với dụng ý phá tan những cơ-sở cũ để thay thế bằng những cơ-sở mới. *Hậu-Hán thư* chép: "Viện đi qua nơi nào đều xây thành-quách cho các quận huyện. Viện tâu rằng huyện Tây-vu có 32.000 hộ, biên-giới cách xa huyện-đỉnh tới hơn nghìn dặm, xin chia thành hai huyện Phong-khê, Vọng-hải, vua Hán bằng lòng"<sup>4</sup>. Tây-vu, theo các nhà sử-học, là địa-bàn cũ của Tây-vu-vương, con

4 *Hậu-Hán*, Mã-Viện truyện, q. 54, 8b.

cháu An-dương-vương. Điem đó chứng tỏ rằng Mã-Viện cố tâm hủy-diệt những cơ-cấu sinh-hoạt cũ.

Đặc-biệt hơn cả là Mã-Viện tìm cách đem luật Hán vào thay luật Việt. "Viện tâu rằng luật Việt và luật Hán khác nhau hơn mười việc, (nay) xin làm sáng tỏ cụ-chê đối với người Việt để ước thúc họ. Từ đó về sau, Lạc-Việt tuân theo việc cũ của Mã-tướng-quân." (*Hậu-Hán thư*, q. 54, 8b). Đòi hỏi của Mã-Viện trên đây phản-ảnh đầy đủ chủ-tâm của Mã-Viện. Có thể nói Mã-Viện muốn thực-hiện một cuộc cách-mạng văn-hóa, dựa trên vũ-lực pháp-luật. Thay đổi được pháp-luật Việt, theo họ Mã là công cuộc cách-mạng đó nhất định đạt đích!

Thay tổ-chức, thay pháp-luật chưa đủ, nhà Hán ngay từ đầu đã nghĩ đến việc thay dân. Tài-liệu lịch-sử không cho chúng ta rõ đã có bao nhiêu người Tàu sang đất Việt kể từ ngày Âu-lạc thuộc Hán. Nhưng chúng ta nhận thấy là công cuộc đó đã được thực-hiện khá liên-tục và khá mạnh. Chúng ta đã rõ, sau khi chiếm được miền Nam Ngũ-linh, nhà Tấn đã cho lính đến đóng giữ và "đem những người lại xử án không ngay thẳng đày đi đất Việt" (*Sử-ký*). Chính-sách của nhà Hán lại càng sâu độc hơn. *Hậu-Hán thư* viết: "Phàm đất thuộc Giao-chi, tuy đã đặt quận huyện nhưng ngôn-ngữ khác nhau, phải nhiều lần dịch mới hiểu... Sau đó đòi những người tội-nhân Trung-quốc đến cho ở lẫn với họ, mới hơi biết ngôn-ngữ, dần dần thay hóa theo lễ," "Dịch sứ qua lại được xem xét lễ nghi giáo-hóa." (*Hậu-Hán thư* q. 116, 5b; Lời sớ của Tiệt-Tông trong Tam-quốc-chí, *Ngô chí* q. 8,7 a). Ngoài những tù-nhân, còn có những thương-nhân. Lớp người này đã trở nên giàu có rất nhanh (*Tiền-Hán thư*, q. 28 hạ, 21b). Cảnh thương-nhân còn có những hào-nhân. Chẳng hạn, vào năm 1 trước công-nguyên, "bọn Không-hương-hầu Phó-Yên, thiếu-phủ Đông-Cung đều bị bãi quan-tước, đày đi Hợp-phô" (*Tiền-Hán thư*, q. 12,1 a). Sau khi mở xong đường ở miền Tây Nam-di, nhà Hán đã lập tức "mộ dân đến làm ruộng ở Nam-di, nộp thóc cho huyện-quan rồi lấy tiền ở trong nội-phủ (*Sử-ký*, quyển 30, 3b, *Tiền-Hán thư*, *Thực-hóa chí*, q. 24 hạ, 5 b). *Hợp-đương quốc chí* cũng chép: "Năm thứ hai hiệu Nguyên-phong đời Hán Vũ-đê (109 trước công-nguyên)... đặt làm quận (quận Ich-châu, Văn-nam) bèn mộ bọn tù tử-tội, và bọn gian-hào đến đó".

Chính Mã-Viện, cũng đã chủ-trương làm công việc đó trước khi sang Giao-chi. Lúc còn ở Lạc-dương và chưa được phong chức gì, "Viện thấy đất Tam-phụ rộng-rãi phi-nhiều mà tân-khách của mình đông đúc, bèn dâng thư xin đồn điền ở trong vườn Thượng-lâm" (*Hậu-Hán thư*, Mã-Viện truyện, q. 54, 3b). Vì thế khi đã sang Giao-chi, Mã-Viện không khỏi quên chuyện "trồng dân". Mã-Viện đã để lại binh-lính và có khi cả gia-nhân. Chắc những người dân Mã lưu mà Du-Ich-Ký nói là "binh lính của Mã-Viện còn sót lại

không về, là do Mã-Viên đã để lại để khai-thác đồn điền, ở phía nam Cửu châu". Con số di-dân từ Trung-quốc sang Việt-Nam trong thời-gian này có lẽ khá cao; nhất là sau mỗi cuộc cách-mạng địa-phương, chính-quyền nhà Hán lại càng đem dân sang đông hơn, một mặt để đàn áp, một mặt để làm hậu-thuần...

Nhưng tất cả những hành-động trên có thâm vào đâu nếu đem so với những hành-động sau này của nhà Minh.

Chủ-trương độc-nhất của nhà Minh trong công-cuộc bảo-hộ là thủ-tiêu hẳn nền văn-hóa Việt và thay thế bằng văn-hóa Tàu. Năm 1479 nhà Minh sai tịch-thu tất cả các kho-tàng văn-hóa Việt đem về Tàu hay hủy đi<sup>5</sup>. Nhà Minh muốn cho người Việt quên hẳn lịch-sử Việt, truyền-thông Việt. Họ bắt người Việt phải sống hoàn-toàn như người Trung-hoa kể từ cái 'búi tóc' cho đến 'guộc đi'<sup>6</sup>. Đặc-biệt nhất là họ tìm cách Minh-hóa một số người Việt: đó là các hoạn-quan mà họ bắt nhà Trần tiễn công. Chính Minh Thành-tổ đã dùng lớp hoạn-quan này làm gián-điệp. Đó là trường-hợp của Nguyễn Toàn, Nguyễn Đạo, Ngô Tín... Nhưng đau đớn nhất là chính sách bắt trẻ con Việt về Tàu mà sử sách Trung-quốc gọi là những Giao-đồng, với mục đích huấn-luyện chúng trở thành kẻ vong-bản. Những nạn-nhân đó không ai khác là một Phạm Hoàng, Vương Kế vong-bản. Những nạn-nhân đó không ai khác là một Phạm Hoàng, Vương Kế, Nguyễn Lăng, Nguyễn An mà lịch-sử còn để lại cho chúng ta thấy...

5 Theo 'Văn-tịch-chí' trong *Lịch-triều hiến-chương loại chí* của Phan-buỵ-Chú, thì trong dịp này nhà Minh đã tịch thu mất những sách sau này:

*Hình-thư*, 3 quyển  
*Quốc-triều thông lễ*, 10 quyển  
*Hình-luật*  
*Kiến-trung thường lễ*  
*Khóa-hư tập*  
*Ngự-thi*  
*Di-hậu lục*, 2 quyển  
*Cơ cứu lục*  
*Trần-triều đại điển*, 2 quyển  
*Trung-hưng thực lục*, 2 quyển  
*Thi-tập* của Trần Nhân-tông  
*Thi-tập* của Trần Minh-tông  
*Thủy-vân tùy bút*, 2 q.  
*Bảo-hòa điển dư bút*, 8 quyển  
*Vị-ti điện u-linh tập*  
*Thi-tập* của Trần Nghệ-tông

*Bình-gia yếu lược*  
*Vạn-kiếp bí truyền*  
*Tứ-thư thuyết ước*  
*Tiêu-ân thi*  
*Sâm-lân tập*  
*Lạc-đạo tập*  
*Băng hồ ngọc thác tập*  
*Giới-hiền thi tập*  
*Hiệp-thạch tập*  
*Cúc dương di thảo*, 2 q.  
*Thảo nhân hiền tân*  
*Việt-nam thể chí*, 1 bộ  
*Việt-sử cương mục*  
*Đại-Việt sử ký*, 30 q.  
*Nhị-kê thi tập*  
*Phi sa tập*.

6 Về những thủ-đoạn đồng-hóa, và chính-sách thủ-tiêu văn-hóa Việt, chúng ta chỉ cần đọc qua *An-nam chí nguyện* thì đủ rõ.

Nhưng kết quả sau hàng ngàn năm thuộc Tàu, có thể nói, người Việt không bị Tàu-hóa, trái lại có thể đưa ra giả-thuyết một số người Tàu đã bị Việt-hóa. Chính-sách thay thế hay đồng-hóa của người Tàu chỉ làm tăng thêm tinh-thần dân-tộc nơi người Việt. Những cuộc kháng-chiến do Lý-Bí, Ngô-Quyển, Lê-Lợi để xướng đã được nhân-dân Việt hưởng-ứng và mỗi khi đã nắm được quyền tự chủ, lòng căm-tức cũ lại được diễn-tả dưới những cái nhìn hài-hước đối với những người 'thầy' cũ:

*Gánh vàng đi đổ sông Ngô,*  
*Thừa con mà gả cho Ngô cho Lào.*

*Tham giầu lây phải thằng Ngô,*  
*Đêm nằm như thể cành khô chực vào.*

*Kể từ ngày tôi lấy anh, anh bảo tôi rằng chớ biết tiếng gì.*  
*Tôi chỉ biết một tiếng phán-xì là củ khoai lang.*

Và đây tâm-trạng hay đúng hơn tác-phong của một người đàn-bà Việt-Nam đối với người chống Ngô khuất núi:

*Ba mươi tét, tét lại ba mươi,*  
*Vợ thằng Ngô đốt vàng cho chú Khách.*

*Một tay em cầm cái dù rách,*  
*Một tay em xách cái chân bông,*  
*Em ra đứng bờ sông.*

*Em trông sang nước người:*  
*Ơi chú chiếc ơi là chú chiếc ơi!*  
*Một tay em cầm quan tiền,*  
*Một tay em xách người bù nhìn,*  
*Em ném xuống sông,*  
*Quan tiền nặng thì quan tiền chìm,*  
*Bù nhìn nhẹ thì bù nhìn nổi,*  
*Ơi ai ơi! của nặng hơn người!*

Qua mấy vần thơ trên của đại-chúng Việt-Nam chúng ta có thể đo-lường được những thành-quả của chính-sách thay thế văn-hóa mà Trung-hoa đã cố thi hành ở Việt-Nam. Người Tàu thất bại là chuyện dĩ-nhiên, nhưng người Việt cũng không thể nào tránh khỏi những khủng-hoảng trầm trọng trong sinh-hoạt gia-đình cũng như ngoài xã-hội, mà có thể nói là một trong những nguyên-nhân chậm-tiến!

Chính-sách và kết-quả của những cuộc đô-hộ cũ đã như thế, cuộc đô-hộ mới đây của người Pháp lại đưa dân-tộc ta vào những bề-tác trầm trọng hơn. Có

thê nói chính sách thực-dân trước và sau cũng là một. Lý-do mà các cường quốc Âu-châu vịn vào để đi chiếm thuộc-địa là để 'khai-hóa' cho các dân-tộc chậm-tiến. Nhưng họ khai-hóa không phải để giúp phát-huy con người mà để bóc-lột, và phương-pháp "khai-hóa không gì khác là giết chết mồm-màng văn-hóa dân-tộc và thay thế bằng văn-hóa tây-phương". Đó là một chính-sách thâm-độc nhất, chính-sách dạy cho đứa bé Việt-Nam lên mười "tỏ-tiền chúng ta là người Gô-loa" và "mẫu-quốc là nước Đại-Pháp". Ở đây không phải chúng ta có ý tở-cáo những lỗi phạm của chế-độ thực-dân mà lịch-sử đã và đưa ra ánh sáng. Chúng ta nói lên chỉ cốt để tránh những lỗi đi cũ: đó là chủ-trương thay thế văn-hóa mà có người đang đặt ra, và chúng ta cần xét lại. Thực ra không phải đến bây giờ chúng ta mới là người đầu tiên đặt lại vấn-đề. Trước chúng ta và ngoài chúng ta đã có bao nhiêu người khác đã vạch rõ những khuyết-điểm trầm-trọng của chính-sách đó. Giáo-sư Robert Montagne, trong bài nhận-xét tổng-kết về chính-sách đô-hộ của Pháp, đã chứng-minh một cách đầy đủ nhận-xét của chúng ta. Giáo-sư nói đại-khái như sau: <sup>7</sup>

"Ông cha chúng ta — và cả chúng ta — suốt từ thời phục-hưng đến mười năm đầu thế kỷ nay, — đã ra đi xâm chiếm thuộc-địa, hoặc vì những hiểu kỹ khoa-học, hoặc vì lý-tưởng tôn-giáo luân-lý, hoặc vì chuồng quyền ham lợi! Những động-cơ đó thực ra đã cùng hiện-diện trong mọi lúc và mọi thời, đã đẩy những con người Âu-châu tới những xứ xa-xôi! Chúng ta đã bị dả-sòng, bị bán-năng mang đi mà quên suy-nghi quan-sát. Vì mạnh hơn, được trang-bị về vật-liệu và kỹ-thuật hơn, văn-minh hơn, có lòng tin cao độ hơn... chúng ta đã cho những người kia là 'sống dưới bóng tử-thần' là những 'người man rợ'... Thực ra những nhà du-lịch đầu tiên đã nhiều lần phải ngạc-nhiên khi tìm thấy nơi họ những cơ-cấu tài-tình... Ngày nay, phê-phán của chúng ta có phần dịu hơn. Với những cuộc khảo-cứu sâu rộng, về những nền văn-minh đó, chúng ta thấy rằng sau bức màn có vẻ xa lạ và man-rợ của các cơ-cấu, có những hệ-thống thần-luận, vũ-trụ-luận và xã-hội-luận rất cao... Chúng ta cần suy-nghi lại hành-động của chúng ta, cần tìm xem đâu là ảnh-hưởng mà những sự can-thiệp của chúng ta đã gây nên... Hành-động của chúng ta có muôn mặt, nhưng những hành-động đó hầu như là những hủy-lực đối với các cơ-cấu cũ bằng trăm nghìn phương-tiện mà chúng ta đã sử-dụng. Cái gây xáo-lộn hơn hết nơi các xứ (thuộc-địa) không phải luôn là những cuộc hành-quân của các nhà quân-sự. Nhưng chính là, sau khi đã dùng binh-lực để ổn-định tình thế, để bắt dân địa-phương phục-tùng, các nhà quân-sự đó đã củng-cố các địa-phương và thiết-

7 *Peuples d'Outre Mer et Civilisation occidentale*, tr. 37-39, Paris, 1948.

lập chính-sách bảo-hộ... có khi dùng đến "cả vàng bạc để mua chuộc lương-tâm của các nhà thần-luận khắc-khổ nhất"... Ngày nay chúng ta đã vượt qua lỗi bảo-hộ cô-điền các dân-tộc đã nhân-danh quyền-lợi dân-tộc lên tiếng kết án... Nhưng khắp nơi đang phát-triển cuộc nô-dịch-hóa tinh-thần chính-trị và kinh-tế..." Cũng trong Tuần lễ xã-hội đó, Charles Flory, nhân-danh chủ-tịch đã đặt ra vấn-đề tự kiểm-thảo với câu hỏi: "... Chúng ta trước tiên phải thành-khẩn với chúng ta, phải tự hỏi chúng ta đã tiếp đón xứng đáng những giá-trị (văn-hóa) địa-phương chưa? Chúng ta liệu có thể chắc quyết rằng, với nỗi lo-lắng khai-hóa, chúng ta đã không bao giờ có tư-tưởng thông-trị và củng-cố chúng ta?" <sup>8</sup>

Mấy nhận-định trên của chính người Pháp có lẽ đã nói lên đầy đủ chính-sách mà người Pháp đã áp-dụng ở các nước thuộc-địa và kết-quả tai-hại của nó. Đó là một chính-sách đô-hộ bằng vũ-lực, bằng kinh-tế chính-trị... với dụng ý đi đến một cuộc đô-hộ văn-hóa. Do đó, một trong những lý-do của tình-trạng chậm-tiến ở Á-Phi là chính-sách đô-hộ của tây-phương.

Đó là nói về phía người. Còn về phía dân-tộc? Nhìn lại lịch-sử, chúng ta không khỏi đau lòng khi thấy công cuộc canh-tân xứ-sở đã bị một số triều-đại đặt sai hướng. Đó là chính-sách 'bắt chước' đúng-hết văn-hóa mà đặc-biệt nhất là của Trung-hoa. Từ cách tổ-chức triều-đình cho đến từng cử-chỉ nhỏ nhất, chúng ta đã hơn một lần muốn lấy các định-chè Trung-hoa. Bắt chước không phải chuyện xấu nhưng nếu bắt chước một cách mù-quáng thì sẽ trở thành nô-lệ. Chính vì những xung-đột gây nên do chính-sách bắt chước trung-thành đó, mà dân-tộc chúng ta có lúc xem ra không còn chỗ thoát. Ai lại không muốn cho dân giàu, nước mạnh, nhưng đích điếm đó nhiều lúc đã bị phương-thức chi-phôi hay triệt-hủy. Hơn ai hết, cuối thế kỷ XIX, Nguyễn-Trường-Tộ đã nói lên thực-trạng đau-đớn đó. Chúng ta chỉ cần đọc lại một vài đoạn trong "Tế cấp bát điều" thì đủ rõ: <sup>9</sup>

"... Sự học của ta hiện nay, những cái thầy dạy, những cái học trò học đều là những việc đời xưa cả. Mặc dù trong sách có chép một vài việc thực-tế, nhưng mấy việc thực-tế ấy không nói chi-tiết rõ-ràng và nó cũng đã chôn nốt theo với người xưa rồi, đâu có thể quật má lên hỏi?"

"Bởi vậy người xưa nói rằng: Có thể học biết cái thái-bình thịnh-trị của đời Đường đời Ngu (đời Nghiêu-Thuần) nhưng không thể học được những cái làm cho thái bình thịnh-trị đó. Người xưa lại vì sự việc như đàn sắt đàn cầm, mỗi người không có mỗi điệu riêng. Chính là thế."

<sup>8</sup> Sách đã dẫn, tr. 25.

<sup>9</sup> Nguyễn-Trường-Tộ, điều thứ tư trong 'Tế cấp bát điều', trích đăng trong *Những đề nghị cải-cách của Nguyễn-Trường-Tộ*, 1961.



"Vi có một vài người từ đời ba nghìn năm trước sống đến bây giờ, ta hỏi họ những việc xưa trong sách, hỏi rành-rẽ để đem ra thực-hành, thì cũng phải trở lại sống như nhân-dân thời thượng-cổ, ăn ở theo phong-tục đời thượng-cổ, như vậy mới thích-hợp được. Nếu không, thì cũng như kiểu Trần-Tương (làm theo xưa, nhưng không ai làm theo cả).

"Hiện nay, người nước ta, hồi còn bé thì học văn từ thi phú đến khi lớn thì lại làm những việc thuộc về luật, lịch, binh, hình; hồi còn bé thì học Sơn-đông, Sơn-tây, ở đâu đâu, đến lớn làm việc thì lại đi Nam-kỳ, Bắc-kỳ; hồi nhỏ thì học những sách thiên-văn địa-lý, chính-sự phong-tục thời xưa của Trung-quốc (mà bây giờ họ sửa đổi khác rồi) đến lớn lên lại phải làm thiên-văn địa-lý, chính-sự, phong-tục của nước Nam không dính-dáng gì với sách học cả; hồi nhỏ thì học những lễ nhạc, cách ăn uống cư-xử, việc chiến-đấu và doanh-trại xưa của Trung-quốc, mà đến lớn thì làm những lễ nhạc, cách ăn ở, việc đánh giặc, mỗi một đều phải làm theo quan dân nước Nam ngày nay. Còn biết bao việc như thế, không sao kể hết. Các nước trên thế-giới chưa bao giờ có một nền học-thuật ngược đời như thế...

"Nước ta trên cũng có trời che dưới cũng có đất chở, đó là thiên-văn và địa-lý. Nước ta đứng trong trời đất, cũng là một nước đàng-hoàng, không phải là thuộc-địa của Trung-quốc, trong nước cũng có công việc con người, trật tự con người, đó là những cái mà ta phải làm cho hiện-tại và tương-lai. Nước ta cũng có tổ-tiên, cũng có vua quan lớp trước, những sự-tích lưu truyền lại, ta có thể tìm những duyên-cớ tại sao có được và mất, có thể nghiên-cứu nguyên-nhân tại sao có trị và loạn, đó là những cái mà ta cần biết gốc nguồn lai-lịch... Những non sông bờ cõi, hình thế, biên hồ, đốn thành và đất đai trong nước ta xưa nay thay đổi thế nào, đó là những cái mà ta cần biết rõ để tránh những sai lầm trong khi hành-chánh, trong khi có việc. Luật nước lệ làng và những gì lợi, những gì hại, những phương-pháp giáo-dục, những tục tốt tục xấu trong nhân-dân của nước ta, là cái mà ta cần phải học hỏi tìm tòi để hiểu rõ mà thay đổi và bổ-cứu lại, nếu không làm được trong một tỉnh một phủ thì cũng thí-nghiệm được trong một làng đó là học để mà 'trị nước giúp đời' (chính-trị). Các loại mỏ ở dưới đất cho đến việc trồng trọt, chăn nuôi trong nước ta, là cái mà ta cần phải hiểu cách khai-thác như thế nào và trồng như thế nào, nuôi như thế nào, để tự cấp cho được (kinh-tế)... Các vị danh-thần trong các triều vua của nước ta còn lưu lại biết bao công-tích của họ, và những vị danh-thần hiện tại với những quan-chức trong Triều đình ta hiện nay cũng có nhiều việc làm đáng nêu lên, sao không truyền tụng những cái gương tốt đó cho người ta bắt chước vùng lên, mà cứ đêm ngày cứ luồn miệng kêu réo Hàn-Tín, Tiêu-Hà của

Trung-quốc là những người đã chết mất từ mấy ngàn năm nay? Phải chăng chúng ta hôm nay còn mang ơn của họ? Phải chăng người đời nay không bằng người đời xưa? Hay là muốn kêu cho họ sống lại?"

Mấy hàng chữ tâm-huyết trên của Nguyễn-Trường-Tộ đã cho chúng ta rõ phần nào sự khủng-hoàng trầm trọng do chủ-trương bất chước văn-hóa người gây nên. Đó là khủng-hoàng giữa lý-thuyết và thực-hành, giữa cái của người và cái của mình. Nguyên-do của những khủng-hoàng đó ở tại chỗ khinh-thường văn-hóa dân-tộc. Lấy văn-hóa người chống lên văn-hóa mình chỉ gây nên những xáo-lộn ở mặt tinh-thần, xã-hội và ngay cả trên địa-hạ kinh-tê. Do đó, người dân Việt-Nam đã có lúc tỏ thái-độ nghi-hoặc hay dè-giữ trước những gì xa-lạ:

*Ta về ta tâm ao ta,*

*Dầu trong dầu đục ao nhà vẫn hơn.*

Chính-sách đi 'trông' văn-hóa hay bất chước văn-hóa có lúc chỉ gây thêm họa hơn phúc vì rằng mỗi nền văn-hóa không phải là những sự-kiện tình cờ hay phụ-thuộc, nhưng là một thực-tại và là kết-quả của cả một lịch-sử. Thực-tại văn-hóa đó không phải là một trạng-thái chết, nhưng là một động-lực luôn trên đường đi tìm hòa-điều. Nếu đem tới những yếu-tố mới mà không quan-tâm đến đặc-tính căn-bản đó, nhất định sẽ làm tổn-thương Lẽ Sông.

Xét về phía tích-cực, những ý-kiến trên của Nguyễn-Trường-Tộ ngấm vạch cho ta một hướng đi. Đó là công-cuộc canh-tân xứ-sở bằng cách phát-triển đồng đều các sinh hoạt của dân-tộc. Muốn canh-tân nước Việt Nam, nhất thiết phải thấu rõ văn-hóa dân-tộc Việt-Nam, cần xem xét nền văn-hóa đó hiện có khả-năng gì và đang gặp phải những cản-trở nào. Chữa những bệnh 'gia-truyền', khai-thác cái hay cái quý, cho thêm những sinh-tổ mới: ba công-tác đó phải được thực hiện cùng một lúc trong mục-dích duy nhất là để đem lại cho con người và dân-tộc cái nó phải có.

Chúng ta không phủ-nhận nhưng người đã có thiện-chí phát-triển xứ sở mà lịch-sử và hiện-tại đang chứng-minh. Chúng ta cũng không phủ-nhận những thành-tích cụ-thể do những chủ-trương trên đã đem lại cho dân-tộc. Nhưng so-sánh cái phải làm với cái đã làm, cái phải có và cái đang có, chúng ta thấy khoảng cách của chúng ta quá xa. Đàng khác, chúng ta cũng nên lưu ý rằng những thành-quả thu được một phần lớn lệ-thuộc vào những dự-kiện của nền văn-hóa dân-tộc và cách sử-dụng tốt những dự-kiện đó. Có thể lấy ngữ-ngôn dân-tộc làm ví-dụ: ai chẳng công nhận tiếng Việt đã tiến-triển rất nhiều, nhưng sự tiến-triển đó không làm mất tính duy-nhất và độc-đáo của tiếng Việt. Tiếng Tàu không thể thay thế tiếng Việt, và không thể lấy nguyên chữ Tàu làm chữ

Việt. Một số tiếng Tàu chỉ trở thành Việt khi đã được Việt-hóa và hình-thức chữ Tàu mà đã được người Việt dùng làm chữ Việt trước đây (chữ Nôm) không còn trăm phần trăm là Tàu nữa. Rồi từ chữ Nôm đến Quốc-ngữ hiện tại, chúng ta thấy cái mắt đi không phải là cái cốt-yếu của ngữ-ngôn Việt-Nam, trái lại cái cốt-yếu đó vẫn duy nhất dưới hai hình-thức dị-biệt. Như thế bất chước không phải là chuyện xấu, nhưng cần làm sao để khỏi rơi vào hồ nô-lệ. Cần làm chủ được mình trong khi du-nhập cái của người, cần làm cho văn-hóa dân-tộc phát-triển nhanh và tốt. Dùng chữ Hán để cầu-tạo chữ Nôm chưa có tinh-cách thích-ứng tài tình như khi dùng mẫu-tự la-tinh để diễn-tả tiếng Việt. Trong cách trước, chúng ta còn thấy một cái gì chật hẹp, gò bó, trái lại trong cách sau, có một cái gì tự-nhiên hơn, dôi-dào hơn.

Qua ví-dụ trên, chúng ta thấy rằng một dân-tộc không phải là một khối người hỗn-độn, phức-tạp, vô tổ-chức như một buổi tập-trung bắt ngờ, nhưng là một thực-tại lịch sử duy-nhất trong khác biệt, liên-tục trong không-gian và thời-gian. Đó không phải là một thực-tại chết, nhưng là một sự-hữu sống động thể-hiện mẫu-nhiệm cộng-đồng, có khả-năng sống và phát-triển bằng cách biết lựa chọn những món ăn cần và thích hợp, đồng thời có đặc-tính tự-nhiên biết chống đỡ độc-tổ. Chính vì thế mà triết gia Maurice Blondel<sup>10</sup> đã cực lực phản-đối chủ-trương của những người đi chiếm thuộc-địa với danh-nghĩa đi "khai-hóa". Triết-gia đã phân-tách một cách kỹ-lưỡng những tác hại của chủ-trương đó. Lấy văn-hóa Tây thay văn-hóa một địa-phương nào đó theo triết-gia tức đi ngược lại với cái giàu có của cuộc sống và của chung nhân-loại. Hủy-diệt những cái riêng với mộng thực-hiện một cái chung, tựu-trung chỉ là làm một công việc điên rồ như muốn có một buổi hòa tấu mà hủy hết các nhạc-khí và chỉ giữ lại một.

Sau đây nhận xét sơ-lược trên, chúng ta có thể tạm thời rút ra mấy kết luận sau :

(1) Trong công cuộc canh tân, chúng ta không thể coi nhẹ văn-hóa dân-tộc. Đó không chỉ là một bài học lịch-sử, nhưng là vấn-đề then chốt trong hiện tại. Có thể nói tương-lai nhân-loại chính là tương-lai của hai phần ba đang sống trong tình-trạng kém mở mang. Vậy số phận nhân-loại ngày mai tùy thuộc một phần lớn vào công-tác và phương-pháp phát-triển mà chúng ta đang làm và phải làm. Nếu trong lúc phát-triển mà chúng ta hủy-diệt cái giàu có của nhân-loại bằng cách đặt ra ngoài văn-hóa dân-tộc, nhất định sớm hay muộn sẽ rơi vào tình trạng khủng-hoảng. Đó không phải là một giả-thuyết để-phòng, nhưng là một sự thực đau

<sup>10</sup> Maurice Blondel, *Droit à l'expansion et le devoir d'équité, Politique*, No 10, Nov. 1935, Paris.

đớn mà Jacques Austruy và bao nhiêu người khác đã lên tiếng tố-cáo. Theo Jacques Austruy, một trong những lỗi-lầm lớn của các nhà chủ-trương canh-tân hiện nay là coi nhẹ văn-hóa các dân-tộc : hai khối hiện nay đang cố-gắng nâng-đỡ và phát-triển các nước chậm-tiền, nhưng cả hai ít hay nhiều đang nặng thành-kiến tự-tôn về văn-hóa của mình mà ông cho đó là một độc-tố nguy-hại hơn cả chính-sách đề-quốc, thực-dân cũ. <sup>11</sup> Vì tự-tôn về văn-hóa của mình nên muốn hủy văn-hóa của người hay ít ra bắt các nền văn-hóa đó phục-vụ cho văn-hóa của mình. Tháng bảy vừa qua, trong Tuần lễ xã-hội-học ở Caen (Pháp) với đề tài *Xã-hội dân-chủ*, nhà xã-hội-học Joseph Folliet <sup>12</sup> cũng đã nêu lên sự-trạng đó. Theo ông, cái nguy-hại của các nước đang phát-triển là thường bị cảm-đổ "bất chước tây-phương". Kết-quả của chủ-trương đó là "bệnh lý-thuyết" và "hình-thức". Cũng theo ông việc phát-triển các nước chậm-tiền là một công-tác phải bắt đầu bằng công-tác nghiên-cứu một đường lối thích-hợp với tính dân-tộc trong những điều-kiện của dân-tộc. Chưa có phương-pháp nào vạch-sẵn. Mỗi dân-tộc tự phải tìm cho mình một hướng phát-triển và một phương-pháp thích-hợp. Và hơn hết, văn-kien "*Hòa-bình thế-giới*"<sup>13</sup>, mới đây đã nói lên đầy đủ tầm quan-trọng của vấn-đề, đã lưu-ý các nước tiên-bộ phải tôn-trọng các giá-trị văn-hóa của các dân-tộc trong công-tác và thái-độ huynh-đệ các dân-tộc đó phát-triển.

(11) Nhưng không phải vì thế mà chúng ta có thể phát-triển xứ-sở với chủ-trương bảo-tồn một nền văn-hóa ỉn-cổ.

Không thể nhìn văn-hóa dân-tộc như một hòn đá cứng hay một cây ma. Nó là một thực-tại sống-động và nó chỉ hiện-diện và tồn-tại khi nó tiếp-tục phát-triển. Văn-hóa dân-tộc đã có, nhưng không thể đứng lại ở cái đã có. Chúng ta thừa kế văn-hóa dân-tộc không có nghĩa như thừa kế một sự vật, trái lại là một nguồn lợi dẫn tăng-gia với một sức mạnh làm động-lực.

Không thể nhìn văn-hóa Việt-Nam như một cái gì đã hoàn-thành đầu vào đó nay chỉ việc lấy ra dùng, như xúc lúa từ kho ra để xay. Nói *bôn ngàn năm văn-hiến* không có nghĩa đó là một sự vật đã sáng-tạo xong nay chỉ cần giấu-giếm hay canh-gác cẩn-thận để khỏi bị thất lạc hay mục nát. Nhưng, trái lại, phải ý-thức rằng cái chúng ta đã có chính là cái chúng ta đang có và cái chúng ta sẽ có lệ-thuộc vào cách sử-dụng sở-hữu của chúng ta hiện tại.

<sup>11</sup> Jacques Austruy, *L'économiste et les civilisations, Economie et Humanisme*, số 124, 1960, tr. 9.

<sup>12</sup> Joseph Folliet, *La démocratie et les différents types de culture*, sẽ xuất-bản vào đầu năm 1964, Lyon.

<sup>13</sup> *Hòa-bình thế-giới*, thông-diệp của Đức Giáo-hoàng Gioan XXIII, 1963.

Chủ-trương giữ lại một nền văn-hóa ôn-cổ tức phản lại đà sông và sứ-mệnh cao-quý của con người. Chỉ có tiền hay lùi, chứ không có trạng-thái chính giữa. Dừng lại tức lùi, tức là chặng đầu tiên của diệt-vong. Trong cuộc sống, con người không thể dừng lại thực để chiêm ngắm tác-phẩm của mình, vì đó là mầm của tự-mãn và tất nhiên là mầm của phần tiền-bộ, phần đã-sông.

Cũng vì thế, mà chúng ta không thể nói chuyện phục-hưng văn-hóa dân-tộc. Hai chữ 'phục hưng' có thể gây nên những hiểu lầm tai-hại, vì rằng nói phục-hưng tức ám-chỉ rằng con người cản trở về với quá khứ và có thể làm sông lại quá khứ. Nhưng đó là việc không có thể. Thời-gian qua đi là không bao giờ trở lại. Di-vãng không còn lệ-thuộc chúng ta. Chúng ta chỉ có quyền và có khả năng kiến-tạo trong hiện-tại và bằng hiện-tại. Đã không thể nói chuyện phục-hưng trong hiện tại, nên cũng không thể đặt chuyện đó lại trong tương-lai. Cuộc đời đầu phải là những mảnh thời-gian chấp vá lại mà thành. Một dân-tộc không phải là tổng-số của những triều-đại lịch-sử. Tính-chất căn-bản của con người cũng như của một dân-tộc là tính-liên-tục. Đầu muôn hay không, một dân-tộc chỉ có thể tồn-tại bằng tiếp-tục đà lịch-sử và tính lịch-sử của nó. Đặt vấn-đề phục-hưng trong tương-lai là nêu ra một vấn-đề mâu-thuẫn ngay cả ở bình-diện luận-lý và cả ở bình-diện thực-tại.

Như vậy, chúng ta không thể duy trì chủ-trương giữ lại nguyên vẹn những hình thức văn-hóa cũ, cũng không thể cho nó vào một xó nhà để rồi mai ngày lúc cần đến lại đưa ra. Không! Văn-hóa dân-tộc là một thực-tại không thể dùng lý-luận hay tưởng-tượng để chỗi từ nó. Nó hiện-diện và có khi sự hiện-diện đó vượt quá ý muốn chúng ta. Nhưng đáng đề ý nhất là sự hiện-diện của nó có tính-cách lưỡng-giá. Nó có thể là một thuận-lợi căn-bản cho việc phát-triển, nếu chúng ta biết sử-dụng nó; nhưng nó cũng có thể trở thành một chướng-ngại không thể vượt qua nếu chúng ta chà đạp nó.

Thực ra ý-nghĩ bảo-cổ hay phục-hưng chỉ phát sinh từ cái nhìn tĩnh-hóa văn-hóa dân-tộc. Vì cái nhìn đó, mới có tư-tưởng sợ tiền-bộ, luyện-tiêu quá khứ. Trái lại nếu có cái nhìn của cuộc sống và trong cuộc sống, chúng ta sẽ tránh được những khiếm-khuyết tai-hại đó đồng thời thực hiện tốt nhu-cầu và nhiệm vụ tiền-bộ nơi cá-nhân cũng như nơi dân-tộc. Vì thế, không phải vô-lý, hay chỉ vì lịch-sự, mà từ hai năm nay, người ta muốn thay thế hai tiếng 'chậm tiến' (sous-développé) bằng kiểu nói 'đang phát-triển' (en voie de développement). Lời nói trước phát-biểu một cái nhìn tĩnh-hóa thực-tại, trái lại phát-biểu thứ hai phát-biểu trung thành hơn tính sống động của thực-tại.

(III) Kết-luận cuối cùng mà chúng ta có thể rút ra là trong công cuộc canh tân chúng ta cần có một cái nhìn sâu rộng về bình-diện, phương-pháp cùng mục-đích canh tân.

Canh tân một nước không có nghĩa là làm một cuộc viễn-du không đích-điểm và không biết đâu là phương-tiện, là những chặng đường phải qua. Không thể lấy con người và dân-tộc làm thí-điểm cho một chương-trình vì chính mục-đích canh tân là để phục-vụ con người chứ không phải là trò chơi của ích-kỷ hay vụ lợi. Cuộc sống con người có một giá-trị không gì thay thế. Vì thế, không thể coi nó là một phương-tiện. Nếu một lúc nào gạt cứu-cánh ra khỏi phương-tiện, lúc đó canh tân chỉ là một cái vỏ và tất nhiên nó sẽ biến thành một phồng-thể bạc nhắt.

Canh tân ngầm chỉ khả-năng và nhiệm-vụ của con người. Nhưng khả-năng và nhiệm-vụ đó chỉ là một sự thể-hiện tất nhiên và cụ-thể của con người trên con đường phục-vụ sứ-mệnh cao quý của mình. Mục-đích gắn liền với phương-tiện và cần có sự hiện-diện của mục-đích ở ngay phương-tiện. Vì thế, muốn thực hiện trọn vẹn sứ-mệnh cá-nhân và nhân-loại mà con người đã mang sẵn ở mình "Thiên mệnh chi vị tính" (*Trung-dụng*) con người cần phải dựa vào những điều-kiện hiện-sinh, để từ chỗ cái đã có tiền tới cái phải có. Đó chính là ý-nghĩa, phương-tiện mục-đích của canh tân ở phạm-vi cá-nhân và xã-hội.

(còn tiếp)

## non động trên thất-sơn

(xin đọc V.H.N.S. số 84)

Ngó lên Bảy Núi thấy riêng,  
Thương người trung nghĩa biết chừng nào người!  
Nguyễn-văn-Thời

Du-khách tới viếng Thất-Sơn, chắc-chắn không ai không nghe qua danh-từ Năm-Non và sự kỳ-lạ của các Hang Động ở rải-rác trong vùng núi.

Nghe thì nghe vậy, chứ sự thật muốn biết rõ Năm-Non là gì, Hang Động ở đâu, đó lại không phải là chuyện dễ; cần phải có những người quen chân trèo núi, thạo chuyện đời xưa, giảng-giải và hướng-dẫn mới có thể nghe thấy được phần nào.

Theo kết-quả sự tra-cứu, tìm hỏi của chúng tôi thì Năm-Non là cái chòm cao (cũng gọi là Vó) trên hòn núi Cầm. Những nơi mà các bậc lương-thần, các nhà ái-quốc từng đền ở tu, hoặc đền để mưu-đó đại-sự. Năm chòm cao ấy là:

(1) *Vó Bò-Hong*, cao 716 thước, ở về hướng tây. Tại đây ngày trước lúc ít người lai vãng, giếng bò-hong sinh-nở nhiều vô-số.

(2) *Vó Đâu*, cao 584 thước ở về hướng tây-bắc. Người ta đặt tên cho Vó Đâu, phải chăng vì vó này là cái vó mà du-khách phải gặp trước tiên khi trèo núi Cầm, từ con đường Thum-Chưn đi lên?

(3) *Vó Bà* hay *Phnom Barech*, cao 579 thước, ở về hướng Nam. Bà tức là Bà Chúa-Xứ. Trên vó có một cái điện đơn-giản như một hang đá, trong đặt lư-hương, một vài cái bát sành đựng hoa quả cho du-khách tới viếng non và Bà Chúa-Xứ.

(4) *Vó Ông Bướm*, cao 480 thước, ở về hướng bắc. Người ta gọi là Vó Ông Bướm cho gọn chữ thực ra gọi đủ thì *Vó Ông Bướm Ông Voi*. Nguyên gốc ngày xưa tại đây có hai người Thổ tên là Bướm và Voi đền ở tu, hai ông được dân-chúng coi như Phật sống.

[Tập XII, Quyển 12 (Tháng 12, 1963)]

(5) *Vó Thiên-Tuê* hay *Phnom Prapéal*, cao 514 thước, ở về hướng đông. Tại đây có rất nhiều cây thiên-tuê, một thứ cây thấp, dáng tựa cây dừa nhưng lá nhỏ và chĩa ra thật sắc.

Biết sơ qua như vậy, du-khách mới hết bỡ-ngỡ, lạ lùng khi nghe tới những câu về thơ lúc sang chơi miền 'Năm Non Bảy Núi':

Ngó lên Bảy Núi thấy riêng,  
Thương người trung-ngĩa biết chừng nào người!

Đời cần tu gấp kịp thì,  
Sau xem bầu ngọc ly-kỳ Năm Non...

Trong Năm Non kể trên, mỗi Non (hay vó) đều có một vài sự-tích riêng, diêm-xuyết thêm cho cái nhiệm-mầu của vùng sơn-lãnh xa-xôi mờ-mịt ấy. Chẳng hạn:

*Vó Bò-Hong*. Nơi một gộp đá cao trên vó, là chỗ nhập-định ngày xưa của một dị-nhân: Cậu Hai Lành.<sup>1</sup> Hai Lành cũng gọi Cậu Hai Gò-Sặt, là một thuộc-tướng thân-tín nhất của cụ Quận-Thành — nhà lãnh-đạo cuộc khởi-ngĩa Bảy-Thửa — bình-sinh võ nghệ của Cậu rất cao, có thuật gồng, thông bùa thư và thông chữ nho. Khoảng năm 1841, Cậu theo giúp cụ Quận-Thành, từng mang binh dẹp loạn nhiều trận ở vùng Thất-Sơn, được nổi tiếng nhất là trận Láng-Cháy. Cậu đã thu-phục được hai tướng Miên là Bướm và Voi về hàng.

Thuật gồng của Cậu Hai đáng sợ. Cậu có thể đi tay không vào trận không ngại gươm đao. Cậu bắt giặc và trói giặc bằng một vài miếng dằm đá xem ra như bỡn, nhưng quân giặc phải đành khoanh tay chịu phép. Có khi lương-thực tiếp-tê thiêu-thồn, Cậu đang hành quân dọc theo các sóc, thấy bên trong sóc Thổ có người nầu bánh tét trong trã to đang sôi-sục gán chín, Cậu lại, mò tay vào trã nước sôi để lấy bánh, thế mà không bị phỏng da. Người Thổ tưởng Cậu là Thần, gọi là Tà-Lãnh.

Tuy nhiên, cuộc đời của Cậu Hai-Lành có lắm truân-chuyên. Vào khoảng năm 1845, trong một cuộc mang binh đi tuần-sát vùng biên-thùy Miên-Việt, Cậu đã bị vây đền đối hàng ngũ quân đội tan-nát, còn riêng Cậu thì chạy lạc sang Cao-Miên một mình. Trong cảnh khốn-cùng, Cậu Hai phải giả làm thường dân, đi làm thuê-mướn kiếm ăn tại Gò-Sặt, cho đến hơn một năm sau, Cậu mới lần hồi tìm đường về nước được.

Trong lúc sa-cơ, ai cũng tưởng Cậu Hai đã chết. Bà vợ Cậu, cùng với một người con gái duy-nhứt mà Cậu rất thân-yêu, đau-đớn quá

<sup>1</sup> Tương truyền Cậu Hai-Lành được cử tới chức Hiệp-Quân, nhưng về sau Cậu bỏ chức đi tu, nên người ta gọi là Cậu, rồi lần-lần thành quen, quên chức Hiệp-Quân đi.

không đành ngồi yên mà chịu được, nên cùng dẫn nhau đi tìm chồng, tìm cha. Hai mẹ con đi bơ-vơ khắp mạn biển-thùy mà không tìm đâu ra được người thân, sau rốt, bà nghĩ chắc Cậu Hai đã bị giặc giết, nên dẫn con trở về chùa Phi-Lai — một ngôi chùa trong núi Dơi — rồi ít lâu hai mẹ con tự thiếu mình mà chết. Hai câu hát mà đồng-bào miền sơn-cước Thất-Sơn ngày nay vẫn chưa quên:

*Bà Hai am-tự thâm-tình,  
Hóa-thiếu thân-thê án hình Phi-Lai.*

đã phản-ánh trung-thành trước cái chết đau-dớn của mẹ con bà Hai vậy.

Nhưng như trên đã nói, sau hơn một năm bôn-tẩu, Cậu Hai lại trở về. Bây giờ quốc-sự đã yên — vì Nặc-Ông-Đồn dâng biểu tạ-tội với vua Thiệu-Trí và cụ Nguyễn-Tri-Phương đã ký tờ hòa-ước bãi-binh với Xiêm — lại thêm gặp cảnh vợ con tan-tác, Cậu Hai buồn-nản vô-cùng, Cậu quyết xin với cụ Quán-Thành cho được về thông-thả tìm nơi tĩnh-dưỡng.

Từ đó, người ta không thấy Cậu Hai ở trong quân-thứ An-Giang nữa, mà trên một chòm cao nhất của vùng Thất-Sơn — Vó Bò-Hong — hình ảnh tu-trì khổ-hạnh của bậc dị-nhân kia xuất-hiện. Người ta thì-thăm bảo nhau: Cậu đã được chứng-quả trên non tiên.

Bây giờ, nhắc lại chuyện xưa, tưởng nên ngâm-nga ít vần-thơ cũ của Cậu Hai, để hiểu qua trạng-thái lẫn tâm-hồn Cậu trong những ngày chót ở chốn non cao động vắng:

*Riêng chiếm non bông một cảnh tiên,  
Tu-trì phép đạo khác màu thiên.  
Nước kinh rửa sạch lòng trần-tục,  
Phù phật dành dựng kẻ thiện-duyên.  
Sáu ngả quý-tặng nhiều chi bảo,  
Ba đường tội phước khắp rân truyến.  
Từ bi đã có lòng siêu-độ,  
Biển khổ sông mê thấy những phiền.  
Thấy những phiền cho cuộc ở đời,  
Xa tằm non nụi một phương trời.  
Hoa tươi trước mặt thơm-tho nực,  
Thú dữ bên mình nhả-nhờn chơi.  
Nghiêng chén hái-lan vui chồn chồn,  
Cụm cây trắng-sở dạo nơi nơi.  
Quên năm Giáp-tí năm nào cả,  
Luyện thuốc linh-đơn tề-độ người.*

*Độ người thẳng tới cõi thiên-thai,  
Chẳng nhuộm màu đời có mấy ai?  
Giày cỏ dền lui trời đất rộng,  
Ao sen xài-xạc núi sông dài.  
Kiếng vui ý hiệp sơn giới phần,  
Thú lạ tình ra đá chẳng phai.  
Nghiêng-ngửa cội tùng nghe tiếng gió,  
Đọc ngang mặc thích thế không hay?*

Vó Đẩu. Một cái vó cao 584 thước, có cây to, đá dựng, quang-cảnh thực nên thơ; nhưng bao trùm vó này còn có một huyền sử mà khách đi non hằng chú ý.

Theo thói quen của những người mê-tín, sau khi trèo qua một dốc đá, đi quanh một quãng đường để tới non, du-khách phải đốt vàng hương lễ bái «Chư-vị sơn-thần», hầu trình-diện và xin phép thường-cảnh. Theo thổ-dân ở đây thì vó này có thể tới viếng và lưu lại vài hôm sau khi đã làm xong «thủ-tục» vừa nói chứ ở lâu thì nhất-định không được, vì sẽ có ác-thú tới quấy phá hành-hung. Còn những người ăn mấm ăn muối, buông lời khinh-mạn bậy-bạ, họ sẽ thấy huyền-diệu của «sơn-quân» hoặc sẽ phải một phen bị trận thử-thách kinh-hồn rồi cũng phải cuốn gói xuống non tức khắc.

Do đó mà từ trước tới nay, ở Vó-Đẩu không hề có am cốc của ai cất ở, cho tới cụ Đức-Minh — một đạo-sĩ hữu-danh vùng núi Cầm, bị Pháp bắt đày Bà-Rá vì tội mưu-đó phục-quốc — cũng chỉ cất chùa ở một nơi khác rồi thỉnh-thoảng tới đây tham-thiền hay luyện võ trong những ngày sóc-vọng mà thôi.

Vó Bà. Đi vào non mà thiều đèn Vó Bà là một điều đáng tiếc. Tiếng gọi «Vó-Bà» nhưng trên vó không có được pho-tượng Bà to lớn và mỹ-lệ như tượng ở miếu bà Chúa-Xứ núi San. Cảnh-vật ở đây im-lặng và rùng-rợn: cây cối mọc trần-lan, chim-chóc thưa bóng. Một phiến đá vi-đại giống hình chiếc thuyền chằm-chệ nằm trên chót vó. Muốn lên thượng-tầng phiến đá, du-khách phải trèo qua một thân cây hoặc chuyển sang một thân cây khác nữa mới có thể tới được.

Vào những buổi chiều tắt nắng, khi mà dưới mặt đất xa mút-mắt quanh chân núi kia đã có «vài miêng dêm u-uất lẫn trong cành», hoặc khi có cơn «gió trời dật-dờ nơi chiêm-lầy» và xa xa, ngọn «đèn trời leo-loét dâm u-lâm», nếu du-khách được dịp ngồi nán lại trên vó để nghe kể sự-tích của chiếc thuyền, hẳn

2 Có tất cả «liên-hoàn thập thủ», nhưng chúng tôi chỉ xin trích-dẫn ở đây ba bài đầu để tượng-trưng.



khách sẽ tự cảm thấy tâm-hồn, trong vài giây, được trở về với những gì xa xôi, bí-ẩn nhất.

Trong lâu xưa đời kiếp, không rõ năm tháng ngày giờ nào, lúc miền Nam còn là biển và những núi này còn là những hòn đảo ngoài bề-khoi, thì có một chàng trai tuấn-khiết nặng nợ phiêu-lưu, cỡi thuyền dong chơi khắp trên mặt biển, chàng ta — tục gọi Chàng Nam, một trong các vị tổ vượt biển của dân-tộc Phù-Nam — chàng những có vũ-tài mà còn có phép thuật rất cao, nên hằng nuôi cái mộng treo lên ngôi lãnh-chúa. Chàng đã quy-tụ anh-tài, kết-tập dân-binh chờ dịp vùng lên để một phen làm cho sơn-hà rung-chuyển.

Nhưng chàng may, một lãnh-chúa có thế-lực mạnh nghe tiếng và sợ chàng, bèn thừa-cơ trong một dịp bất-cẩn đã đánh úp mà bắt được. Chiếc thuyền độc nhât mà chàng Nam dùng làm chân đi trên mặt biển tự thuở nào tới nay cũng bị người ta lấy mất. Chàng bị lên án trăm, quyết. Nhưng trước khi đem hành-hình, vị lãnh-chúa kia đã «khoan-hống» cho chàng được tùy ý nài xin những gì chàng muốn, lãnh-chúa hứa sẽ chấp-thuận tất cả trừ cái việc phải xử-tử chàng.

Chàng Nam không xin gì khác hơn là chiếc thuyền thân-yêu của chàng được đứng chứa cái xác chết của chàng trên mình nó. Và chàng muốn rằng sau khi chàng già-biệt cõi đời, người ta cũng sẽ dùng nó làm cỗ áo-quan, theo chàng sâu trong lòng đất.

Lãnh-chúa ừ ngay.

Nhưng hôm đem ra hành-quyết, chàng Nam không chết. Pháp-thuật của chàng đã khiến các đao-phủ-thủ rụng-rời không tài nào chém được. Sau có người biết chuyện báo phải đưa chàng xuống nước mới xử trăm xong. Chàng Nam quả phải chịu chết về cách ấy, nhưng liền đó một trận cuồng-phong nổi lên, thuyền đắm mất và cả bọn đao-phủ cũng mất tích luôn. Xác chàng Nam từ đây không ai gặp nữa.

Chiếc thuyền ngấm trôi tập trên Vó-Bà, hóa thành đá núi như ta thấy bây giờ, còn linh-hồn của Chàng Nam thì mộng cũ chưa tan, đặt-dờ uất-hấn, chàng đã thường theo khuấy phá — như Đàng-Bò<sup>3</sup> — làm đau-ôm võ-vàng những đàn bà con gái yêu tinh-thần đi tắm hoặc đi giặt-giã quần-áo dưới sông vào lúc hoàng-hôn.

<sup>3</sup> Một con yêu diên-hình trong giới phù-thủy hoang-dường, chuyên gây bệnh-hoạn cho hàng phụ-nữ.

Vó Ông Bướm. Cảnh vô thi không có gì đẹp mắt hơn các vô khác, nhưng lịch-sử của người mà vô mang tên cũng cần nên biết, vì nó có đôi cái lạ-lùng hay hay.

Ông Bướm, ông Vôi, nguyên là tên của hai người Cao-Miến. Hai ông là tướng-lãnh rất tài ba của giặc Phú-Kép<sup>4</sup> nổi lên dưới thời Tự-Đức. Trong nhiều trận tranh hùng, hai ông đã làm cho quân Việt ngán tay. Mãi đến giữa năm quý-mão (1843), trong một trận cuối cùng bị thất-bại, hai ông mới chịu về hàng cụ Quận-Thành và xin được lên non tu-luyện.

Trận cuối cùng đó xảy ra vào một ngày hè năm đã nói; hôm ấy trời mưa như thác đổ, cụ Quận-Thành sau khi dẹp giặc ở sóc Chưm-Num, về nghỉ binh ở phía nam núi Cồ-Tô, bỗng có tin cấp báo rằng quân Phú-Kép nổi lên đánh phá ở Láng-Cháy rất gấp. Cụ không đợi ngớt mưa, hạ lệnh cho binh-sĩ gặp rút lên đường.

Chiều hôm sau thì đoàn quân tới nơi. Vừa cắm trại và cơm nước xong, bỗng hay tin quân Phú-Kép từ phía tây Láng-Cháy kéo tới mặt trước xấp chiến. Đền nhà-nhem tối, khắp các sóc ở chung quanh rừng núi Thắt-Sơn, quân giặc kéo tới vô-số, bao vây chặt các nẻo đường rồi tiến vào dữ-dội. Súng hỏa-mai và điều-thương của quân Việt ở trong bản ra, hễ lớp trước rập xuống thì lớp sau lại tiến vào, liên-tiếp không ngớt.

Cụ Quận-Thành thấy binh-thê đã nguy, liền chia quân làm ba đạo: Cựu-Hai-Lãnh đi tiên-phong, đánh về mặt Nam, các ông Suất-đội 8-9-10 hợp thành đạo binh tá-dực đánh về phía đông; còn cụ Quận-Thành thì thân cầm đạo hữu-dực gồm làm chủ-lực-quân điều-động tiền ra mặt bắc.

Quân Phú-Kép la ó suốt hai đêm, sáng hôm ấy họ không nghe thấy quân Việt động-tĩnh, tưởng đã chết mòn gấn hết nên xúm nhau tụ năm tụ bảy mà đánh chén say vui, không cần đề-phòng chi hết.

Bị phản-công bất-ngờ, quân Phú-Kép chết mất rất nhiều và tan-rã gấn hết, duy còn hai đạo chủ-lực của Bướm và Vôi gom lại chống cự với Cựu-Hai-Lãnh ở mặt nam một cách yêu-ớt.

Cựu-Hai-Lãnh ra lệnh đánh mạnh và cho kêu thêm viện-binh đến bủa chặt tư bề rồi đích-thân lên đứng trên đồi cao kêu nói bằng tiếng Miên, giải-thích điều lợi-hại và khuyên dụ hai ông Bướm, Vôi về hàng.

Thấy thế lực đã cùng, lại nghe những lời chiêu-dụ hữu-lý của Cựu-Hai-Lãnh, Bướm và Vôi truyền cho sĩ-tốt quăng binh-khí rồi đến trước mặt cụ Quận-Thành thọ tội.

<sup>4</sup> Giặc Phú-Kép trước hết nổi lên ở Kép (Kampot) rồi lần lần lan ra nhiều nơi, cùng chung một khẩu-hiệu tranh-đấu và cùng chịu mệnh-lệnh chỉ-huy.



Xong trận này, quân Phủ-Kép ở các vùng phụ-cận Thất-Sơn đều về hàng tất cả. Riêng hai ông Bướm và Vòi thì xin cụ Quán-Thành cho về ẩn-dật. Họ hứa sẽ kêu gọi tàn-binh không để cho quấy nhiễu Việt-Nam nữa.<sup>5</sup>

Từ đó người ta thấy hai ông lên núi Cầm ở tu và ít năm sau, hai ông được nhân-dân coi như là những vị hoặc Phật, còn cái vó, chỗ hai ông ở tu, người ta cũng lấy tên của hai ông mà gọi cho nó.

Để hiểu thêm điều vừa kể, chúng ta thấy trong tập *Cứu-khúc kiêng-tiên* của cụ Nguyễn-văn-Thời có chép:

*Tán hữu phật Bướm Vòi,  
Hơn đa ngôi tiên-thánh.*

Tán, chỉ Chân-Lạp; còn Hơn thì ám-chỉ nước Việt của chúng ta đó.

*Vó Thiên-Tuê.* Trên chót vó là một khu đất rộng mênh-mông, bằng-phẳng. Nơi này đã được cụ võ-cử Nguyễn-Đa dùng làm sân tập võ cho các sĩ-tử ngày xưa. Cụ gốc ở Qui-Nhơn; sau khi đã tham-dự cuộc tranh-đầu chống Pháp thất-bại, cụ bỏ vào Thuộc-Nhiều, kể lại bị quân Pháp tập-nã nữa nên phải chạy về Thất-Sơn.

Bên ngoài khoác áo nâu-sông, nhưng bên trong cụ ngấm lo việc; học-trò học với cụ bây giờ kể có hàng trăm.

Nhưng đại-cuộc chưa thành thì tung-tích phát lộ, quân Pháp ở Châu-Độc kéo đến bủa vây lung bát, cụ phải bỏ chạy nơi khác. Từ đó cụ đến Phú-Quốc rồi sang Tà-Lơn. Cụ đổi tên lại là Ngọc-Thanh, tìm nơi tinh-mịch để tinh-dưỡng.<sup>6</sup>

Lúc vẫn niên, cụ Cử có cháu nhiều môn-đệ, mà những người thân-tín nhất thường theo hầu cụ là các ông Nguyễn-Ngọc-Minh và Trần-Bá-Lương. Lâu lâu người ta thấy cụ có trở về Thất-Sơn thăm các môn-đệ cũ. Cụ thường dặn bảo họ rằng nếu không có mệnh-lệnh của cụ thì không một ai được bạo-động.

Thề rồi tâm hơi cụ Cử ngày một biến-biệt, không ai nghe biết cụ ở nơi nào, chỉ có lời khẩu-truyền sau này rằng từ ngày vắng bóng nhà ái-quốc, thỉnh-thoảng có người thấy một ông già râu tóc bạc phơ, mặt non mơn-mơn,

5 Xem *Cuộc khởi-nghĩa Bảy-Thưa* của tác-giả trang 24, 25, 26, 27 đề hiểu đầy đủ về trận Láng-Cháy.

6 Trong tập *Tà-Lơn* của cụ Cử Đa có câu:  
*Húc-y đời lại cũ sa,  
Cắt tên đặt lại hiệu là Ngọc-Thanh.*

cỡi hổ mun, vượt rừng qua lại trong dãy Thất-Sơn, nhất là trên vó Thiên-Tuê. Người ta thì-thẩm bảo nhau: ông già ấy là cụ Cử!

Ngoài các chóm cao trên hòn núi Cầm mà chúng ta vừa thăm qua, vùng Thất-Sơn còn có nhiều Hang, Động rải-rác trong khắp các nơi. Mỗi Hang, Động thường cũng có nhiều chuyện hay tích lạ, nhất là những chuyện « linh thiêng huyền-bí » thì không sao kể hết.

Bỏ bớt đi những điều quá quái-đán, người chơi non ít nhất cũng phải duyệt qua một vài Hang, Động để thưởng-thức cảnh đẹp thiên-nhiên, để tìm-hiểu những gì thâm-kín sâu-xa mà trước giờ chưa từng nghe thấy.

Nếu đi lên núi Cầm bằng ngã Ráy-Đét, và khi tới dốc Đá-Chài rồi dòm qua phía tả, du-khách đã thấy xa-xa một khu rừng cây vĩ-đại, thì đó là vùng *Điện Cây-Quê*. Gọi *Điện Cây-Quê*, vì nơi đây có quê và báp trăm hương. Nếu gặp lúc gió thuận chiều, tại dốc Đá-Chài du-khách vẫn có thể ngửi ngay được mùi thơm lạ của trăm-hương bay tới.

Người đã đi viếng Điện Cây Quê, chắc không ai không nghe thuật rằng tại đây, trong hang sâu có hai con rắn hổ-mây khổng-lô, hằng chăm lo gìn giữ hai món bảo-vật nói trên, không để cho ai tự-do vào đây tìm lấy. Người ta cũng thuật rằng khoảng 20 năm trước, có ba người Chà-Và (Mã-Lai) ở Nam-Vang, giỏi bùa thư và gông-ngải, có đến Điện này với cái mộng làm phú-hộ nhờ trăm và quê, nhưng họ đã bị rắn quấn chét tươi, bỏ rơi mộng đẹp.

Gần điện này ngày trước có một cái hang chứa đồ kiểu xưa. Người ở miền sơn-cước mỗi khi có việc cần-dùng nhiều chén bát thì cứ đến đây mượn về xài rồi đem trả lại. Có người thầy đồ tốt, động tánh tham, đem đồ xâu mà đổi từ đó hăm chén bị một tảng đá to chặn lấp không ra vào được.<sup>7</sup>

Viếng xong *Cây-Quê*, du-khách có thể tới thăm các động *Thủy-Liêm*, *Điện Ông-Hổ*, *Hang Khỉ*, *Điện Rau-Tán*, *Động Thiên-Linh* v. v... và có thể bằng đường xe qua Xà-Tón, trèo lên chót-vót ngọn núi Tô mà xem *Điện-Kín*.

*Điện-Kín* là một cái hang rộng lớn, tư bề đá phủ bịt-bùng, chỉ chừa cái cửa đủ để du-khách ra vào lẽ-bái. Trong điện có nhiều thạch bàn, mỗi bàn thường có bát nhang, có vàng hương để sẵn.

Ở cuối hang có một đường hầm vừa đủ cho một người đi. Người ta bảo hang này sâu lắm, ăn thông qua tận Cầm-Sơn; tuy nghe vậy biết vậy mà trước giờ vẫn chưa hề có ai quả-cảm đi vào tận đáy.

7 Miền Thất-Sơn xưa còn nhiều hang, nhiều hầm chứa chén bát và binh-khí chứ không riêng ở đây. Dân-chúng trong vùng tin những vật ấy là của thần thánh tàng-trữ. Nghiệm ký thì đó chỉ là những kho binh-khí và kho tài-vật dùng cho các cuộc khởi-nghĩa của các nhà cách-mạng còn sót lại.

Văng cảnh Hương-Sơn, Chu-Mạnh-Trình từng đã ngâm-ngã :

*Thăm-thẳm một hang lồng bóng nguyệt,  
Gập-ghenh mấy lối uốn thang mây.*

Còn sang chơi Điện-Kin, Nguyễn-Xuân-Thiếp<sup>8</sup> có đề :

*Âm-u bóng quý hăm không đáy,  
Lập-lánh đèn trăng động biêng soi.*

Một hang thì rực-rỡ xinh-tươi quá, còn một hang thì sao mà âm-thẳm, bí-mật quá !

Khi sang chơi vùng Thất-Sơn, ngoài sự chiêm-quan những non động, chùa am với khói trầm nghi-ngút đêm ngày, ngoài sự được nghe những chuyện tích truyền kỳ với lời kể chân-thành mộc-mạc của các bố-lão, khách sẽ còn thường-thức được vô-số cảnh đẹp thiên-nhiên. Suối reo reo vô-tận. Mây trời trôi vô-định. Trên đầu bóng sao rợp mát. Dưới chân hương đầu-khẩu thơm-tho. Tới đâu cũng nghe thấy không-khí yên-lành u-nhã. Tới đâu cũng gặp được những vật lạ muốn nhìn. Nếu có những loài hồng-hoàng, cao-các sắc-sỡ trong áo mũ tươi màu xuất-hiện vui ca han-chào quý khách, mang đến cho khách những niềm vui rộn-rực thì cũng có những con lợn-nói, những con mang, hoặc thân hình tiểu-tụy mặt mũi buồn hiu, hoặc rú lên những giọng hãi-hùng làm bốn-chốn dạ khách !

Trèo lên núi Cầm một ngày, ngủ lại ở Bồ-Hong một đêm, tuy không phải thường-thức được trọn vẹn những gì đặc-biệt của miền Thất-Sơn, nhưng cũng có thể tự-hào là có nếm được một phần phong-vị kỳ-thú của một miền rừng núi thâm-u cực nam nước Việt.



<sup>8</sup> Nguyễn-Xuân-Thiếp tức thi-sĩ Việt-Châu, một nhà thơ miền Nam, đã mất khi còn trẻ tuổi.

## văn-phẩm với thời-đại của văn-phẩm

(xin đọc V.H.N.S. số 87)

### TRUYỆN VƯƠNG-TƯỚNG

Về văn-đề thời-đại ra đời của *Truyện Vương-Tướng* có hai thuyết chính : thuyết của Ô.Ô. Nguyễn-Đông-Chi và Hoàng-Liên-Sơn, thuyết của Ông Hoàng-Xuân-Hãn.

#### 1. Thuyết của Ô.Ô. Nguyễn-Đông-Chi và Hoàng-Liên-Sơn

Theo các Ông Nguyễn-Đông-Chi, Hoàng-Liên-Sơn, *Truyện Vương-Tướng* được soạn ra về đời Trần, và ám-chỉ việc Trần-Anh-Tông gả công-chúa Huyền-Trần cho vua Chiêm, nhân đó, ở Triều và ở quê, nhiều văn-nhân đã mượn truyện vua Hán gả Chiêu-Quân cho Hung-Nô, làm thơ cùng bài hát để chê giễu.

Trước khi phê-bình thuyết của hai Ông Nguyễn-Đông-Chi, Hoàng-Liên-Sơn, chúng ta hãy nghiên-cứu những tài-liệu do Quốc-sử công hiên về truyện Huyền-Trần.

Tài-liệu Quốc-sử về truyện Huyền-Trần có ba loại :

(1) *Đại-Việt Sử-Ký Toàn-Thư* của Ngô-Si-Liên, phụng mệnh vua Lê-Thánh-Tông soạn ra, căn-cứ vào *Đại-Việt Sử-Ký* của Lê-Văn-Hưu, do Phan-Phủ-Tiên biên nối từ Trần-Thái-Tông trở xuống.

(2) *Khâm-Định Việt-Sử* do Quốc-Tử-Giám phụng mệnh vua Tự-Đức soạn ra, đến năm 1884 thì tiền trình và khắc in.

(3) *Việt-Nam Phong-Sử* do Nguyễn-Văn-Mại, soạn năm giáp-dần (Duy-Tân thứ 8 (1914), do Đông-Châu lược-dịch ra tiếng Việt đăng trong Nam-Phong Tạp-Chí.

Trong ba sử-liệu này, riêng về truyện Huyền-Trần, *Đại-Việt Sử-Ký Toàn-Thư* của Ngô-Si-Liên, xét ra, đáng tin-nhiệm hơn cả, vì đã căn-cứ vào những tài-

liệu của Phan-Phù-Tiên. Còn Khâm-Định Việt-Sử và Việt-Nam Phong-Sử thời có nhiều đoạn thêm-thắt đáng ngờ, với tính-cách tiêu-thuyết-hóa những sự thực đã ghi trong sử cũ.

Dưới đây là sự tích Huyền-Trần theo Đại-Việt Sử-Ký Toàn-Thư, Khâm-Định Việt-Sử và Việt-Nam Phong-Sử.

Đại-Việt Sử-Ký chép như sau : “Tháng 6 mùa hạ, gả Huyền-Trần Công-Chúa xuống cho Chúa Chiêm-Thành là Chê-Mân. Trước đây, khi Hoàng-Thượng du phương, qua chơi Chiêm-Thành đã trót hứa lời mà gả con cho. Bởi thế, các văn-nhân trong nước, phần nhiều mượn truyện Vua Hán đem Chiêu-Quân gả cho Hung-Nô, soạn ra thơ và từ bằng Quốc-văn để chê việc đó”.

“Sử-thần Ngô-Si-Liên bàn rằng : Ngày trước Cao-Hoàng nhà Hán vì Hung-Nô hay quấy khổ ngoài biên, phải đem con gái của người nhà già làm Công-Chúa gả cho Thuyền-Vu. Một việc gả con cho người khác giống, tiền-nho đã chê. Nhưng ý Vua Hán là muốn yên dân nghỉ quân, cũng còn có lẽ. Đền Nguyên-Đề nhân nước Hồ-Hàn vào triều và xin việc hôn-nhân, nên nhà Hán đem Vương-Tường gả cho, cũng là có cơ. Đàng này Nhân-Tông đem con gái gả cho vua Chiêm-Thành, là nghĩa gì ? Nói rằng vì khi du phương trót hứa, sợ không gả thì thất tín, vậy sao không cải mệnh-lệnh ấy đi. Hiện lúc đó nhà vua đương ở ngôi vua mà Thượng-Hoàng thì đã xuất gia, vậy nhà vua cứ việc cải mệnh-lệnh. cũng không lấy gì làm khó. Đàng này lại đem con gái gả cho một người khác giống ở xa, để giữ lời hứa trước ; rồi lại dùng mưu lừa dối cướp lại về sau, như thế còn gì là tín ?” (Theo bản dịch của Thi-sĩ Á-Nam).

Nay đọc Khâm-Định Việt-Sử và Việt-Nam Phong-sử, thời thấy sự tích Huyền-Trần có thêm nhiều chi-tiết mới, không thấy có trong Đại-Việt Sử-Ký Toàn-Thư : “Tháng ba năm tân-sửu (1301) hiệu Hưng-Long thứ 9 đời vua Trần-Anh-Tông, khi ấy đức Thượng-Hoàng là Trần-Nhân-Tông đã truyền ngôi cho con, ra tu ở núi Yên-Tử, thường muốn lịch-lãm khắp sông núi trong thiên-hạ, nên mới du-phương, rồi sang Chiêm-Thành (Khâm-Định Việt-Sử, bản-dịch của Nguyễn-Văn-Tồ).

“Đền tháng 6 năm bình-ngọ (1306) hiệu Hưng-Long thứ 15, vua Chiêm-Thành là Chê-Mân dâng châu Ô và châu Lý làm sính lễ. Vua Anh-Tông bèn quyết-dịnh gả em gái là Huyền-Trần Công-Chúa cho Chê-Mân. Lúc bấy giờ văn-nhân trong nước phần nhiều mượn truyện Chiêu-Quân công Hồ đặt làm thơ nôm để chê giễu.” (Khâm-Định Việt-Sử, bản-dịch của Nguyễn-Văn-Tồ).

“Vua Anh-Tông lại dặn bày mưu kế để đem Công-Chúa về. Trần-Khắc-Chung sang đến nơi, nói với Thê-Tử Chiêm-Thành rằng : “Bản Triều sợ đi kết hiếu với Vương-Quốc, vì vua trước là Hoàn-Vương, người ở Tượng-Lâm, thành Diên-Xung, là đất Việt-Thường : hai bên bờ cõi đất liền nhau, thì nên

yên phận, để cùng hưởng hạnh-phúc thái-bình, cho nên gả Công-Chúa cho Quốc-Vương. Gả như thế, là vì thương dân, chứ không phải mượn má phần để giữ trường-thành đầu. Nay hai nước đã kết-hiệu, thì nên tập lấy phong-tục tốt. Quốc-Vương đây mắt, nếu đem Công-Chúa tuần táng ngay, thì việc tu-trai không người chủ-trương. Chi bằng theo lệ tục bản-quốc, trước hằng ra bãi biển chiêu hôn ở bên trời, đón linh-hồn cùng về, rồi mới vào hòa-dàn”.

“Lúc bấy giờ các cung-nữ của Huyền-Trần biết rằng Công-Chúa sẽ bị hòa táng, nhưng không biết làm thế nào, nhân thấy sứ nhà Trần là Khắc-Chung tới, mới hát một câu rằng :

*Đàn kêu tích tịch tình tang,  
Ai đem Công-Chúa lên thang mà ngói.*

“Thang tức là Hòa-dàn, có ý nói cho sứ ta “biết” (Việt-Nam Phong-Sử, bản dịch của Nguyễn-Văn-Tồ).

“Người Chiêm-Thành nghe theo lời Trần-Khắc-Chung. Khi thuyền Công-Chúa ra đền giữa bể, Trần-Khắc-Chung đem chiếc thuyền nhẹ cướp Công-Chúa đem về, rồi cùng Công-Chúa tư thông, quanh quất trên bể, đi hơn một năm, mới về đến Kinh-Sư. Hưng-Nhượng-Vương là Quốc-Tàng, rất ghét về truyện ấy, hề trông thấy Khắc-Chung, thì mắng rằng : “Họ tên người này không tốt, có lẽ nhà Trần mất vì người này chăng” cho nên Khắc-Chung, hề trông thấy Quốc-Tàng đầu thì tránh mặt” (Khâm-Định Việt-Sử, bản dịch của Nguyễn-Văn-Tồ).

“Vì Huyền-Trần Công-Chúa trước gả cho Chê-Mân là việc bất đắc-di, nay lại bị Khắc-Chung tư-thông, nên dân bấy giờ có câu ca-dao rằng :

*Tiền thay, hột gạo trắng ngần,  
Đã vo nước đục, lại vẫn lữa rơm.*

“Gạo trắng, vì vào Công-Chúa, nước đục, vì Chê-Mân, lữa rơm, vì Khắc-Chung” (Việt-Nam Phong-Sử, bản dịch của Nguyễn-Văn-Tồ).

Nay nêu ta so sánh ba loại sử-liệu về phương-diện sự tích Huyền-Trần, ta nhận thấy rằng Huyền-Trần trong Khâm-Định Việt-Sử và Việt-Nam Phong-Sử đáng chê bai hơn là Huyền-Trần trong Đại-Việt Sử-ký Toàn-Thư.

Theo hai sử-liệu trên, Huyền-Trần đáng cười, không những vì “trước gả cho Chê-Mân, nhưng lại vì về sau lại cùng Khắc-Chung tư-thông”. Còn theo sử-liệu dưới, Huyền-Trần không đáng cười, mà chỉ đáng thương. Người đáng chê trách, không phải là Huyền-Trần, có thể coi là một nạn-nhân trong việc gả bán bắt buộc đó nhưng chính là vua Trần-Nhân-Tông, theo như lời kết-án của Ngô-Si-Liên “đã đem con gái gả cho một người khác giống ở xa, để giữ lời hứa trước, rồi lại dùng mưu lừa dối, cướp lại về sau, như thế còn gì là tín”.

Rất có thể đã có những thi-từ quốc-văn phúng thích việc gả bán của Huyền-Trần cho Chế-Mân phỏng theo chuyện Chiêu-Quân Công Hồ như có chép trong Đại-Việt Sử-Ký Toàn-Thư, nhưng đã bị thất-truyền, sau vụ quân Minh tịch-thu thuế-tịch nước ta đem về Kim-Lãng.

Nhưng truyện Vương-Tường được chép vào cuối cùng *Hồng-Đức Quốc-Âm Thi-Tập*, không có gì cho phép ta sánh được Huyền-Trần với Vương-Tường và không hề có ngụ ý chê giễu Vương-Tường.

Lại nữa, theo sự nhận-xét rất xác-đáng của Ông Hoàng-Xuân-Hãn, đời nào cũng có văn-nhân lấy chuyện Chiêu-Quân làm đề-mục. Do lẽ này, ông đã căn-cứ vào một tiêu-chuẩn khác với tiêu-chuẩn của Ô. Ô. Nguyễn-Đông-Chi và Hoàng-Liên-Sơn để phỏng đoán thời-đại ra đời của truyện Vương-Tường.

## 2. Thuyết của Ô. Hoàng-Xuân-Hãn về thời-đại ra đời của truyện Vương-Tường

Nay ta thử xét tới thuyết của Ô. Hoàng-Xuân-Hãn tương-đời có giá-trị hơn nhiều. Luận-cứ chính-yếu của Hoàng-quân để chứng-minh *Truyện Vương-Tường* là một chuyện rất xưa tạm cho thuộc đời Trần là chuyện đó viết bằng thơ Đường-luật là một thể-văn-chuyện xưa nhất ở nước ta, nay chỉ có thấy ít thí-dụ mà thôi, chuyện Tô-Vũ và chuyện Bạch-Viên Tôn-Các.

Tôi rất tiếc không hoàn-toàn đồng ý với Hoàng-quân vì những lẽ sau :

(1) Nếu thể văn-truyện bằng Đường-luật là thể-văn xưa nhất ở nước ta, thì sao trong cuốn *Thi-Văn Việt-Nam* (từ đời Trần đến cuối đời Mạc) lại đặt truyện Tô-Vũ và truyện Bạch-Viên Tôn-Các ở thời Mạc, nhất là truyện Tô-Vũ cũng xảy ra vào đời nhà Hán, liên-quan tới nhà Hán và rợ Hung-Nô như ở truyện Vương-Tường.

Tôi không nhận thấy một lý-do chính-đáng nào để phân-biệt giữa ba truyện đó về phương-diện thời-đại ra đời của ba tác-phẩm.

(2) Thứ đến, nếu thể văn-truyện bằng Đường-luật là một tiêu-chuẩn chắc-chắn để kết-luận một tác-phẩm là xưa nhất ở nước ta, thì sao còn đặt truyện *Trinh-Thử* vào đời Trần.

(3) Phải chăng vì Hàn-Thuyên đời Trần là người đầu tiên, theo sử, đã biết ứng-dụng Đường-luật vào việc làm thơ phú quốc-âm, mà Hoàng-quân đã suy ra rằng truyện Vương-Tường là một thể văn-truyện xưa nhất chẳng ?

Lý lẽ này lại cũng không được thỏa đáng cho lắm.

Bài thơ nôm 'Bán Than' vẫn tương-truyền là của Trần-Khánh-Dur, một vị tướng nhà Trần về đời Trần-Nhân-Tông, nay xét ra không phải là của ông mà là của một di-thần Chúa Nguyễn. Nguyễn-Án trong *Tang-Thương Ngẫu-Lục* chép về lai-lịch bài thơ ấy như sau :

"Có một di-thần nhà Nguyễn không chịu ra làm quan, lấy nghề bán than làm kế sinh-nhai. Khi đi đường, ông gặp quốc-lão họ Hoàng kéo quân trải qua, Hoàng-công trông thấy, lấy làm lạ, bèn bảo làm thơ Nôm lấy đề-mục là Bán Than. Ông bèn ứng khẩu đọc bài này :

*Một gánh kiến khôn, quấy xuống ngàn,  
Hỏi chi bán đây ? gừi rằng : Than.  
Chuồn mua miễn được đồng tiền tốt,  
Hơn thiệt nài bao gốc củi tàn.  
Ở với lửa hương cho vẹn kiếp,  
Thờ xem sắt đá có bền gan,  
Nhưng e nhem nhức mong nghề khác,  
Song lệ trời kia lắm kẻ hàn.*

Hoàng-công khen phục, thưởng cho 5 quan tiền, nhưng ông không chịu nhận, lại quấy gánh rẽ đường tắt mà đi. Vậy bài thơ ấy không phải thơ đời Trần, mà là một bài thơ làm sau về thế-kỷ thứ XVIII.

Theo thiên-ý, giả-thuyết thứ nhất Hoàng-quân đã nêu ra, nhưng không thừa nhận có lẽ xác-đáng hơn và tôi xin cõ chứng-minh giả-thuyết đó.

— Nếu căn-cứ vào thể-văn truyện mà tạm cho vào khoảng đời Trần, tôi tự hỏi, sao lại không tạm cho vào đời Lê Hồng-Đức có hơn không ? vì chính Hoàng-quân cũng nhận thấy trong truyện đó có nhiều chữ xưa, hay dùng đời Lê, hay dùng cả trong tập văn Hồng-Đức và chính Hoàng-quân đã kết-luận về những chữ xưa thấy ở đó rằng "muộn nữa, thì truyện đó cũng vào đời Lê".

— *Truyện Vương-Tường* có chép vào *Hồng-Đức quốc-âm thi-tập* vào khoảng cuối cùng. Theo Hoàng-quân, chắc đó chỉ là chép phụ vào, chứ không có ý nói soạn vào đời Hồng-Đức.

Nhưng, đó chỉ là một ý-kiến riêng của Hoàng-quân không căn-cứ vào một luận-điểm xác-đáng nào.

Tôi thiết nghĩ việc truyện Vương-Tường được chép vào cuối *Hồng-Đức quốc-âm thi-tập*, không phải là một lý-do đủ để kết-luận rằng truyện đó chỉ là chép phụ vào tập thơ đời Lê chứ không phải soạn vào đời Hồng-Đức. Trái lại, có thể cho rằng *Truyện Vương-Tường* là một chuyện thuộc *Hồng-Đức quốc-âm thi tập* vì những lẽ sau :

(1) Tập *Hồng-Đức quốc-âm thi-tập* có chừng 300 bài, không truyền lại tên các tác-giả, có lẽ là của các bậc văn-thần đời Hồng-Đức. Nếu, những bài này, đều có tác-giả thuộc đời Lê, mà duy truyện Vương-Tường không có tên tác-giả, thì ức-thuyết của Hoàng-quân rất có thể thấu nhận được. Nhưng, hết

thấy các bài, kể cả truyện Vương-Tường, đều không truyền lại tên của tác-giả, thời không có lý gì mà gạt truyện Vương-Tường ra ngoài tập thơ đó.

(2) Có thể truyện Vương-Tường ám-chỉ đến việc Huyền-Trần Công-Chúa gả cho Chê-Mân, nhưng giả-thuyết đó không có gì mâu-thuẫn với giả-thuyết theo đó truyện Vương-Tường được soạn ra về đời Hồng-Đức chứ không phải vào đời Trần.

Vua Lê-Thánh-Tông vốn rất thiết tha đời với những sự-tích cổ. Ngài là người đầu tiên nghĩ đến việc cho vẽ địa-đồ nước Nam. Theo Sử, Ngài sai quan ở các đạo xem xét ở trong hạt mình, có những núi sông gì hiểm trở thế nào, phải vẽ địa-đồ cho rõ-ràng, và chỗ nào, tự cổ chí kim, có những sự-tích gì, phải ghi chép cho tường tận, rồi gửi về bộ Hộ, làm quyền địa-dư nước nhà (Trần-Trọng-Kim, *Việt-Nam Sử-Lược*, Tân-Việt, 1952, tr. 246.)

Lại nữa, Lê-Thánh-Tông đã từng đi đánh Chiêm-Thành và thắng Chiêm-Thành. Vậy rất có thể chính Ngài hay một văn-thần nào đó, sau cuộc chinh-phạt Chiêm-Thành đã có cảm-hứng về sự-tích Huyền-Trần và Chê-Mân mà soạn ra *Truyện Vương-Tường* chăng?

Lẽ cuối cùng, để chứng rằng *Truyện Vương-Tường* có thể thuộc đời Lê-Thánh-Tông, là trong Hồng-Đức Quốc-Âm Thi-Tập, có nhiều bài, vịnh về liệt-nữ tiết-phụ, so với giọng văn Vương-Tường, không khác nhau mấy.

*Truyện Vương-Tường* có ám-chỉ tới Công-Chúa Huyền-Trần hay không, điều đó không lấy gì làm chắc-chắn cho lắm, vì truyện đó, xét ra, không hề ngụ ý chê giễu việc Công-Chúa Huyền-Trần lấy vua Chiêm-Thành.

Tuy nhiên, căn-cứ vào những chữ cổ thường dùng ở đời Lê-Hồng-Đức, theo thể-văn và nhất là do lẽ truyện thấy có chép ở cuối Hồng-Đức Quốc-Âm Thi-Tập, thiết tưởng có thể tạm coi tác-phẩm đó thuộc đời Lê-Hồng-Đức, còn hơn là coi như thuộc đời Trần.

## từ đức-đức đến duy-tân

(xin đọc V.H.N.S. từ số 87)

Vua Hiệp-Hòa nằm yên ở chân đồi Phước-Quả thì Trần-tiến-Thành, Đệ-nhất Phụ-chạuh, một nhân-vật quan-trọng số một, của phe chủ-hòa cũng bị mây tên lính 'Phân-nghĩa' của hai ông Tường, Thuyết hạ-sát vào một đêm khuya.

Kinh-thành Thuận-Hóa lúc này như đang run-rẩy trong một cơn sốt rét chánh-trị nặng-nề. Bây giờ là tháng chạp năm qui-mùi (1883). Nhiều quan đại-thần xanh mặt nhìn nhau không biết thân-phận mình ra sao vì họ bị kẹt giữa hai áp-lực: một bên là tòa Khâm-lũ-lũ bên kia bờ sông Hương mà đằng sau là binh hùng tướng mạnh, súng ống, tàu chiến đã từng biểu-dương sức mạnh tuyệt-đôi tại cửa bể Thuận-An vừa đây trước sự bỡ-ngỡ, sừng-sốt của vua quan và nhân-dân thành Huế — một bên là những lưỡi dao nhọn bén của hai đạo cầm-tử-quần 'Phân-nghĩa' và 'Đoạn-kiệt' của hai nhà độc-tài Tường, Thuyết lúc nào cũng hờm sau lưng họ, chỉ một cái liếc, một cái nháy mắt của hai ông là họ sẽ tàn lụi cuộc đời.

Cuộc khủng-hoảng tinh-thần này cứ kéo dài hầu như vô-tận cho những người trong cuộc như một tình-trạng thường-xuyên. Rồi trong khi phe Kháng-chiến công-khai bài ngoại, phe thân Pháp, phản-động ngầm-ngấm liên-lạc với tòa Khâm-sứ Pháp và Giám-mục Caspar, viên Cò-văn bí-mật của bọn De Champeaux và Rheinart, ông Dương-Thiện lên ngôi. Ông Dương-Thiện húy là Ung-Đăng bước lên ngai vàng vào ngày 7-10 năm ấy (1883) lấy niên-hiệu là Kiên-Phúc, bây giờ ngài mới 17 tuổi. Mọi việc của nhà vua ở bên trong đều do bà Học-Phi là mẹ nuôi chi-phối và bên ngoài do hai quan Phụ-chính.

Bà Học-Phi là người thế nào?

Bà tức là Hoàng-thái-Phi, vợ ba của vua Tự-Đức sau bà Trang-Ỗ và là mẹ nuôi của vua Kiên-Phúc. Bà còn là mẹ nuôi của vua Hàm-Nghị sau này nữa. Ngoài hai bà này còn bà Từ-Dũ thái-hậu là mẹ của vua Tự-Đức lâu có ảnh-hưởng rất lớn đời với cái triều-đình bên núi Ngự sông Hương. Cũng



nên nhớ rằng đã hai lần bà Phi-Học (Hoàng-thái-Phi) phá việc nối ngôi của Mẹ-Tríu (vua Đông-Khánh) là anh của Kiên-Phúc và Hàm-Nghi từ ngày Dục-Tôn qua đời. Thê-lực của bà Học-Phi thuở ấy đã bị người ta dị-nghị rằng bà mạnh hơn hai bà Thái-hậu kể trên là bởi sự tư-tình giữa Bà với ông Nguyễn-văn-Tường. Và cũng do sự dị-nghị này vua Kiến-Phúc bắt đầu ngờ vực nhưng vẫn giả-vờ không biết gì cả.

Ngài làm vua chưa được bao lâu thì ngộ-bệnh (bệnh mai-độc, căn-bệnh này có từ bao giờ không ai có biết rõ). Ông Tường thường lấy cớ ra vào thăm vua để gặp bà mẹ nuôi của ngài. Một hôm ngài thấy ông Tường trao cho bà Học-Phi điều thuốc lá ông đang hút dở, nhà vua làm như không biết gì và tuy ngài đã kiệt-sức nhưng vẫn tỉnh-trí. Ngài không nói năng cho tới một đêm khuya, ngài vờ mệt ngất miên-man thì trông thấy bà Thái-hậu cùng ông Tường thả sức trao ân đổi ái. Không nên được sự giận, ngài hét : *" Tao lành, tao sẽ chặt đầu cả ba họ chúng bay ! "*

Thấy việc bại-lộ và không còn đường lùi nữa, bà Học-Phi cùng ông Tường nghỉ ngay đến việc thì vua. Ông Tường xuống luôn Thái-y-viện bốc một chén thuốc có độc-được. Bà Học Phi bưng vào mời vua uống. Chén thuốc này đã kết-liều một đời vua và khi mặt trời ló dạng, có tiếng bay ra ngoài thành : vua Kiên-Phúc băng ! Việc này dĩ-nhiên không ghi trong chánh-sử đời Nguyễn và chỉ có thể coi là một dã-sử, rồi do cái chết của Kiên-Phúc, Pháp được dịp thi-hành triết-đề Hòa-ước 1884.

Ngày sáng hôm sau, triều-đình nhóm họp đưa ông Hoàng Ung-Lịch lên thay. Cũng như lần trước, Nam-triều không cho tòa Khâm-biết việc lập vua mới. Vài hàng về tiểu-sử của vua Hàm-Nghi : ngài là còn trai Kiên-thái-vương, em ruột vua Kiên-Phúc lúc này 14 tuổi. Trước đó ngài không được học-hành, nuôi dạy trong cung như hai anh là Chánh-Mông và Dưỡng-Thiện. Cuộc sống của ngài lúc thiếu-thời rất là thanh-bạch. Lúc sứ-giả đến đón ngài về cung, ngài còn mặc quần áo rách-rưới đang chơi với lũ trẻ binh-dân ngoài xóm. Người ta đưa mũ áo cho ngài thay, ngài run lấy bầy không dám mặc. Người ta phải khoác áo quần mới cho ngài để đưa ngài về cung giữa hai hàng thị-vệ . . .

Sau một đêm và một ngày, việc lập tân-vương mới đến tại Khâm-sứ Rheinart do Linh-mục Thơ, viên Thông-ngôn chính-thức của sở Thượng-Bạc Rheinart cực-lực phản-đối Nam-triều nói rằng việc này vi-phạm trắng-trợn

1 Vua Kiến-Phúc ở ngôi được 8 tháng và băng vào ngày 10-6 năm giáp-thân (31-7-1884).

Hòa-ước Qui-Mùi (Hòa-ước Harmand). Rồi y đánh điện về Paris xin chỉ-thị. Theo ý của Rheinart, nếu bỏ qua việc này thì Hòa-ước Qui-Mùi chỉ có hiệu-lực về mặt quân-sự mà thôi, ngoài ra Nam-triều vẫn không bị trói buộc gì về chánh-trị và nội-bộ. Y không muốn hai chữ " Báo-hộ " của Đại-Pháp lại suông nhạt như vậy. Còn bọn ông Tường, tất-nhiên cò rầy ra khỏi Hòa-ước kể trên chừng nào hay chừng này nên cò tinh đặt bọn Thủy-dân trước một sự đã rồi.

Hai ông Tường, Thuyết đã trả lời Rheinart : Hòa-ước không có khoản nào nói rằng mỗi khi lập vua mới, Nam-triều phải hỏi ý-kiến của các " quý-quan ", ngoài ra ngôi vua là việc trọng không thể bỏ trống lâu ngày . . .

Rheinart còn muốn vớt-vát nên đầu-dụ và đưa ra đề-nghị lập Gia-hưng quận-vương là em vua Tự-Đức vì ông này thân Pháp. Nam-triều cãi rằng việc đã xong rồi không nên trở lại, nhất là việc lên ngôi của vua Hàm-Nghi còn do di-chỉ của tiên-quân. Rheinart chống lại : *" Vua Kiên-Phúc vị-thành-niên, quyết-định ấy không có giá-trị ! . . . "* Rút cục chẳng bên nào chịu bên nào cả.

Thủ-tướng Jules Ferry sau được tin có vua mới ở Việt-Nam và không có sự chấp-thuận của đại-diện Pháp ở Huế liền điện luôn cho Trung-tướng Millot đang hành quân ở Bắc-kỳ phái một Đại-đội vào kinh-đô nhà Nguyễn. Millot liền ra lệnh cho Đại-tá Guerrier thi-hành việc này rồi chuyển tầu ' Tarn ' vào gặp Trung-kỳ mang theo 600 chiến-binh và một đội pháo-thủ dưới quyền điều-kiển của Trung-tá Wallarmé.

Guerrier có mặt ở Huế được 2 hôm, sau khi nghiên-cứu kế-hoạch về mọi phương-diện liền gửi tời-hậu-thư cho Nam-triều. Ông Tường không mở cửa cho Pháp-quân vào thành mà cũng không đàn quân dự chiến. Ông nói sẵn-sàng thương-thuyết với Rheinart nếu muốn lập một Hiệp-ước mới. Rheinart trả lời : *" Hiệp-ước Patenôtre (16-1884) vẫn có hiệu-lực, không cần thêm bất điều gì, hện 12 tiếng đồng hồ nếu Nam-triều không mở cổng thành, y sẽ cho nã súng đại-bác vào cung-điện. "* Và điều y muốn là nước Pháp phải đóng vai chủ trong việc tôn-vương tức là lễ tôn-vương phải làm lại với sự chấp-thuận của đại-diện Pháp.

Ngày hôm sau (16-8-1884) vào 3 giờ trưa, trước thời-hạn đã định, ông Nguyễn-văn-Tường tất tưởi sang Sứ-quán xin lỗi và chịu làm tờ xin phép lập ông Ung-lịch. Tờ xin phép viết rằng chữ Nôm, Rheinart không chịu, sau ông Tường phải viết bằng chữ Hán. Trong dịp này y còn nhắc nhở rằng do sự vi-phạm Hòa-ước Qui-Mùi hai quan Phụ-chánh có thể bị truy-tò ra trước tòa-án Bình, nhưng Nam-triều đã có lời xin lỗi thì nước Pháp cũng bỏ qua (!). Rồi hai bên hện nhau ngày hôm sau cùng làm lễ tôn-vương theo ý-nghĩa lễ tôn-vương có đại-diện Pháp chứng-kiến, Pháp phong vương cho vua Hàm-Nghi, mọi việc lớn nhỏ ở



Việt-Nam đều thuộc quyền quyết-định của Pháp. Như vậy từ nay Hòa-ước Quý-Mùi đã hủy-bỏ chủ-quyền của người Việt-Nam trên thực-tê. Lại một lần nữa bọn ông Tường trong bụng rất uất-giận.

Ngày 17-8-1884, Guerrier cùng viên Khâm-sứ và thuyền-trưởng tàu Tarn (Wallarmé) với 25 sĩ-quan và 160 tên lính kéo vào điện Thái-hòa hồi 9 giờ sáng. Họ không mang súng đeo gươm. Khi tới cửa Ngọ-môn, riêng Guerrier, Rheinart và Wallarmé vào cửa chính còn các sĩ-quan hải-quân và lục-quân vào cửa bên, lính-tráng thì túc-trực ở ngoài. Ông Thuyết lúc này đã dàn quân hai bên và sắp đặt các văn-võ bá quan rất là nghiêm-chỉnh. Bọn Pháp vào tới nơi, vua Hàm-Nghi không đứng dậy và cũng không ra đón. Guerrier tiến đến trước mặt ngài trao giấy huy-chương đệ-nhất Bắc-đầu bội-tinh và nhân-danh nước Pháp đọc bài chúc-từ mà điểm chính là công-nhận vua Hàm-Nghi làm vua nước Nam. Chúc-từ đặt trong một chiếc hộp đỏ, Guerrier đã bung đến trước mặt nhà vua mở ra rồi đọc. Các cử-chỉ này đều có thảo-luận với bộ Lễ nhưng Guerrier cũng không theo đúng hẳn.

Về phần vua Hàm-Nghi, sau khi nghe chúc-từ cử một đại-thần ra hỏi thăm Guerrier về tin-tức của Tông-Thông Pháp và các Tướng-lãnh Pháp cùng các văn quan đã từng có mặt ở Việt-Nam. Sau đó lễ tân-phong cũng như việc xā-giao chậm dứt. Các đại-diện Pháp ra về thì cửa Ngọ-môn đã đóng, họ phải do cửa bên mà ra. Việc này làm cho họ khó chịu nhưng cả nước Việt-Nam hải lòng vì Nam-triều đã giữ được quốc-thê. Trong cuốn *Le roi proscrit*, trang 40 41, Marcel Gauthier viết :

« Vua Hàm-Nghi đã giữ được tính-cách thiêng-liêng đối với thần dân của mình. Vô-tình vị vua trẻ tuổi đã làm một việc có ảnh-hưởng vang-dội khắp nước : với ý-chí cương-quyết độc-tập và dù Pháp có đóng quân tại Huế, Triều-đình Việt-Nam vẫn biểu-dương một thái-độ không hèn... Thái-độ ấy do Hội-dổng Phụ-chính để ra. Hội-dổng rất có lý mà tin chắc rằng quần-chúng Việt-Nam, trông vào thái-độ của nhà vua để noi theo, xem thái-độ ấy như là một mệnh-lệnh không nói ra bằng lời để cho nhân-dân chống lại những kẻ mới tới... »

Lễ phong vương cho vua Hàm-Nghi đã đành là một sự thành-công của Pháp, một sự thành-công do võ-lực xây-dựng nhưng nó vẫn không đạt được mục-dích chính là khôi-phục được phe chủ chiến ở Huế đang là đầu não của Kháng-chiến Việt-Nam trên toàn-quốc. Di-nhiên, như vậy bọn thực-dân vẫn chưa hoàn-toàn toại-nguyện. Ngay sự hiện-diện của họ giữa nơi đề-đỏ nhà Nguyễn cũng còn là điều bất chắc do đó Khâm-sứ Rheinart đã hội-ý với Trung-tá Pernot thiết-lập gấp cơ-câu phòng-thủ ở Mang-Cá và chung-quanh Sứ-quán.

Ông Nguyễn-văn-Tường đã phản-đôi rằng Hiệp-ước tuy đã ký nhưng chưa có phê-chuẩn và hồ-giao nên chưa thể áp-dụng được điều 5 trong Hiệp-ước (Hiệp-ước này sau được Thượng, Hạ nghị-viện Pháp phê-chuẩn vào đầu tháng 6 năm 1885); việc đồn-trú của quân-đội Pháp sẽ làm giảm uy-thê của nhà vua và làm kinh-động dân-tâm... Pháp làm lơ rồi ngày 17-8-1884 Guerrier cùng Rheinart qua Mang-Cá thượng cờ tam tài ở Trần-bình-đài và xin nhớ rằng quân Pháp đã đến đóng nơi đây từ hai hôm trước. Không-khí đối bên Việt-Pháp lúc này rất là khó thờ. Rồi một ngày kia trước công bộ Lại người ta dán đôi câu đối dưới đây :

*Nhật giang lưỡng quốc nan phân Thuyết  
Tứ nguyệt tam vương triệu bất Tường*

(Một sông hai nước khôn đường nói. Bồn tháng 3 vua triệu chẳng lành). Tác-giả đôi câu đối này là ai, chưa ai dám nói đích. Có người bảo tác-giả là Ông Ich-Khiêm một vị quan trường hữu danh về cả hai mặt văn võ thuở đó, lại có tiếng là đã có phen dăm chông ông Thuyết. Có kẻ nói người làm đôi câu đối này là một nhân-viên của Bộ Binh đã xin từ chức ít ngày trước. Đôi câu đối này với hai câu tám chữ đã đủ đánh dấu thời-cuộc lúc đó về những vụ lộn-xộn đã xảy ra đang xúc-động rất mạnh quần-chúng các lớp.

Bồn tháng ba vua bị bắt đặc-kỳ-tử đã làm cho giới nữ cao áo dài lạnh gáy, việc Pháp đánh phá cửa Thuận tan tành làm cho bao nhiêu chiến-sĩ trận vong chưa khuấy trong lòng nhân-dân thì lại bùng nổ thêm mấy vụ nữa cũng gây thêm nhiều sự lo ngại từ Hoàng-cung ra đến ngoài dân-dã. Vua Hàm-Nghi vừa lên ngôi xong, việc đầu tiên của Ngài là làm tội Hương-Đình, con thứ 23 của vua Thiệu-Trị tức Hoàng-thần Kỳ Phong. Ông này bị cáo về tội nghiện-hút, phóng-dăng lại còn dám nhục-mạ nhà vua là đứa con hoang trước khi ngài được tôn lập. Kỳ-Phong cũng chịu hình phạt như Dục-Đức là bỏ đói trong ngục vào ngày 19-9-1884. Năm sau vào trung tuần tháng 4 năm 1885, Gia-hưng quận-vương người cầm đầu Tôn-nhân-phủ có ý định chống chính-sách độc-tài của ông Nguyễn-văn-Tường bị bắt giam trong khi vương mở cuộc điều-tra về cái chết bí-mật của vua Kiên-Phúc. Cuộc điều tra này bị bại lộ nên ông Tường ra tay ngay mặc dầu Vương là Phụ-chánh đại-thần dưới đời vua Kiên-Phúc không phải là không có uy-thê. Ngoài ra Vương lại được toà Khâm-ngâm-ngám ủng-hộ không phải là kém thế-lực. Ai ai cũng đều nghĩ thế.

Ông Tường đã cáo Vương vào tội loạn-luân và giao-thông với Pháp vì quá ông thường liên-lạc với Rheinart dự-mưu đánh đổ vua Hàm-Nghi nên đã được toà Khâm vừa đẩy đế-ngự vương lên thay vua Kiên-Phúc. Lemaire đến

kê vị Rheinarit làm Tổng-trú sứ ở Việt-Nam đã thâu sự tình giữa Vương và bọn ông Tường, Thuyết nên đã can-thiệp, nhờ đó Vương ra khỏi nhà giam ; ông Tường lại buộc vương vào tội khác để lột hết phẩm-tước, đày Vương đi Cam-lộ (Quảng-Trị), con cái đổi qua họ mẹ (*cái tòng mẫu-tính*). Ngày 9-5-1885 vương cùng gia-quyền lên đường, chưa ra khỏi tư dinh đã bị giết và cũng trong giai-đoạn này nhiều phần-tử thân Pháp bị tiêu-diệt do nơi Kháng-chiến, khi bí-mật khi công-khai. Cho tới khi kinh-thành Thuận-hóa thất-thủ vào tay bọn De Courcy (5-7-1885), vua Hàm-Nghi xuất hạnh, tinh-thê mới ngã-ngũ và trở nên nhẹ-nhàng. Ai theo vua đi chống Pháp thì ra khỏi thành, ai muốn sống yên và thân Pháp thì ở lại, không còn chuyện rình nhau như vũ thần đầu mộc vừa đây nữa.

(còn tiếp)

TRẦN QUÂN

Tiền-sĩ Văn-chương  
Đại-Học-Đường Paris,

## cung - oán ngâm - khúc bình chú

(xin đọc V.H.N.S. từ số 84)

- 25 *Cầm điềm nguyệt phỏng tâm Tư Mã,*  
26 *Sáo lâu thu là gã Tiêu lang.*  
27 *Dấu mà miệng hát tay dang,*  
28 *Thiên tiên cũng ngành nghề thường trong trăng.*

### bình chú

25 *Cầm.* Cầm 琴 là đàn cầm hình tròn như mặt trăng, cổ dài, có 13 phím xưa giăng năm dây nay bảy dây tơ, gảy bằng móng tay, thường gọi đàn nguyệt, đàn kim, cái nguyệt. Tiếng Pháp gọi là 'cithare à cinq cordes'. Đàn cầm do Lưu-Tử-Kỳ xưa làm ra nhờ vua Phục-Hi đời thượng cổ chỉ dẫn. Thường chơi chung hai đàn cầm và đàn sắt để hòa âm, vì vậy cầm sắt vì tinh thuận thảo vợ chồng, như có câu trong Kinh thi 經詩 nói :

琴瑟在御

Cầm sắt tại ngự.

Đàn cầm đàn sắt đương hòa nhau.

Truyện Kiều có câu thơ số 639-640 nói :

Đàn đo cân sắc cân tài,

Ép cung cầm nguyệt thử bài quạt thơ.

*Điềm nguyệt.* Điềm 店 là cái quán ăn hoặc cái tiệm. Nguyệt 月 là mặt trăng. *Điềm nguyệt* là cái nhà rước khách chơi có bóng trăng chói sáng vào xem

rất vui vẻ. Ở đây có ý nhắc đến cái quán của Tư-Mã để rước khách uống rượu nghe đàn trong đêm trăng.

Có bản chép :

*Cắm dưới nguyệt phỏng tấm Tư-Mã.*

Chữ *dưới* không rõ bằng chữ *điềm* dùng để đối chiếu với chữ *lầu* trong câu thơ dưới.

*Phỏng tấm.* Phỏng 仿 là bắt chước theo. *Tấm* (tim) 尋 là tìm kiếm. *Phỏng tấm* là cố gắng noi theo cho được bằng nhau.

*Tư-Mã.* Tư-Mã tức là Tư-Mã Tương-Như 司馬相如 thường gọi Tráng-Khanh, người ở Thành-Đô đời Hán, thơ hay đàn giỏi, có tư-cách sang trọng theo bậc quý phái phong lưu. Một đêm Tư-Mã đàn khúc "Phụng cầu kỳ hoàng" 鳳求祈凰 theo điệu du dương dưới bóng trăng, làm nàng Trác-Vân-Quân rúng động say mê bỏ nhà theo làm vợ. Truyện Kiều có câu thơ số 475-476 nói :

*Khúc dẫu Tư-Mã phượng cầu,  
Nghe ra như oán như sầu phải chăng.*

Câu thơ số 25 ý nói cung-phi có tài gảy đàn cắm trong đêm trăng gió mát, không thua kém Tư-Mã Tương-Như là nhạc-sĩ có tiếng đời Hán, ngồi gảy đàn nơi quán rượu.

26 *Sáo.* Sáo do chữ *tiêu* 簫 là một thứ nhạc-cụ làm bằng ống trúc nhỏ, xoi sáu lỗ, thổi ngang, có giọng véo von thanh nhẹ. Nên phân biệt với ống *tiêu* có hình giống ống sáo mà dài hơn, nhưng thổi dọc, có tiếng rất tiêu sáo. Tiếng Pháp gọi ống sáo là 'fifre', còn ống tiêu gọi là 'flúté'. Truyện "Phan Trán" có câu thơ số 23-24 nói :

*Tưng bừng nhịp sáo nhịp sênh,  
Điệu thông cao thấy chén quỳnh đầy voi.*

Có bản chép :

*Phủ lầu thu là gã Tiêu lang.*

Chữ *phủ* (văn xuôi) làm lạc mạch câu thơ, vì không hợp nghĩa với chữ *Tiêu lang* là một nhạc-sĩ chứ không phải là một nhà văn.

*Lầu thu.* Lầu do chữ *lầu* 樓 là nhà cất có tầng trên. *Thu* 秋 là mùa thu. *Lầu thu* là nhà lầu cao mùa thu có gió mát thổi vào.

*Gã.* Gã là tiếng nôm dùng trò người con trai thiếu niên, còn đàn bà thì gọi *đ.*

*Tiêu lang.* Tiêu là Tiêu-Sứ 蕭史 người đời Xuân-Thu, khéo thổi ống sáo có tiếng, như chim phụng hoàng kêu xa. Vua Mục-Công nước Tấn dựng một cái lầu cao để rước Tiêu-Sứ ở mà dạy nghề cho con là Lộng-Ngọc công-chúa thành tài. Sau hai người kết duyên cùng nhau. "Liệt tiên truyện" 列仙傳 nói chim phụng nghe tiếng sáo bay xuống cho hai vợ chồng cỡi trên lưng bay lên trời thành tiên. *Lang* 郎 là chàng tiếng đàn bà dùng gọi chồng hay con gái gọi tình-nhân, thường đứng sau tên họ người đàn ông, như hai chữ *Kim lang* ở câu thơ số 755 trong truyện Kiều.

Câu thơ số 26 ý nói cung-phi có tài thổi sáo không kém gì chàng Tiêu lang rủ chim phụng xuống trước tại lầu thanh tịnh mùa thu.

Hai câu thơ số 25-26 đối nhau từng ý từng chữ :

cắm	=	sáo
điềm nguyệt	=	lầu thu
phỏng tấm	=	là gã
Tư-Mã	=	Tiêu lang

Từ câu thơ số 21 đến 26 tức là 6 câu, tác giả muốn trình-bày nghệ riêng của cung-phi rất sành các món chơi tao nhã của hạng quý phái là cắm kỳ thi họa từ :

cắm	=	Tư-Mã Tương-Như
kỳ	=	Đề-Thích
thi	=	Lý-Thái-Bạch
họa	=	Vương-Duy
từ	=	Lưu-Linh

Trong truyện Kiều có câu thơ số 1245-1246 nói về sự vui thú riêng của nàng Thúy-Kiều trong lúc lẻ loi một mình :

*Đời phen nét vẽ câu thơ,  
Cung cầm trong nguyệt nước cờ dưới hoa.*

27 *Dấu mà.* Hai chữ *dấu mà* ở đây có nghĩa là nếu mà, ví mà.

*Dang.* Dang do chữ *đương* 揚 là đưa từ dưới lên trên cao, mở rộng ra, đưa ra.

Có bản chép :

*Dấu mà tay múa miệng dang.*

Hai tiếng *miệng dang* không rõ nghĩa bằng *miệng hát*, còn *tay múa* hoặc *tay dang* cũng đồng một ý.

rất vui vẻ. Ở đây có ý nhắc đến cái quán của Tư-Mã để rước khách uống rượu nghe đàn trong đêm trăng.

Có bản chép :

*Cắm dưới nguyệt phông tâm Tư-Mã.*

Chữ dưới không rõ bằng chữ diềm dùng để đối chiếu với chữ lấu trong câu thơ dưới.

*Phông tâm.* Phông 仿 là bắt chước theo. Tâm (tim) 尋 là tìm kiếm. Phông tâm là cố gắng noi theo cho được bằng nhau.

*Tư-Mã.* Tư-Mã tức là Tư-Mã Tương-Như 司馬相如 thường gọi Trảng-Khanh, người ở Thành-Đô đời Hán, thơ hay đàn giỏi, có tư-cách sang trọng theo bậc quý phái phong lưu. Một đêm Tư-Mã đàn khúc "Phụng cầu kỳ hoàng" 鳳求祈凰 theo điệu du dương dưới bóng trăng, làm nàng Trắc-Vân-Quân rúng động say mê bỏ nhà theo làm vợ. Truyện Kiều có câu thơ số 475-476 nói :

*Khúc đầu Tư-Mã phượng cầu,  
Nghe ra như oán như sầu phải chăng.*

Câu thơ số 25 ý nói cung-phi có tài gảy đàn cầm trong đêm trăng gió mát, không thua kém Tư-Mã Tương-Như là nhạc-sĩ có tiếng đời Hán, ngồi gảy đàn nơi quán rượu.

26 *Sáo.* Sáo do chữ tiêu 簫 là một thứ nhạc-cụ làm bằng ống trúc nhỏ, xoi sáu lỗ, thổi ngang, có giọng véo von thanh nhẹ. Nên phân biệt với ống tiêu có hình giống ống sáo mà dài hơn, nhưng thổi dọc, có tiếng rất tiêu sáo. Tiếng Pháp gọi ống sáo là 'fifre', còn ống tiêu gọi là 'flûte'. Truyện "Phan Trán" có câu thơ số 23-24 nói :

*Tưng bừng nhịp sáo nhịp sênh,  
Điệu thông cao thầy chén quỳnh đầy vơi.*

Có bản chép :

*Phú lấu thu là gã Tiêu lang.*

Chữ phú (văn xuôi) làm lạc mạch câu thơ, vì không hợp nghĩa với chữ Tiêu lang là một nhạc-sĩ chứ không phải là một nhà văn.

*Lầu thu.* Lầu do chữ lấu 樓 là nhà cất có tầng trên. Thu 秋 là mùa thu. Lầu thu là nhà lầu cao mùa thu có gió mát thổi vào.

*Gã.* Gã là tiếng nôm dùng trỏ người con trai thiếu niên, còn đàn bà thì gọi đ.

*Tiêu lang.* Tiêu là Tiêu-Sử 蕭史 người đời Xuân-Thu, khéo thổi ống sáo có tiếng, như chim phụng hoàng kêu xa. Vua Mục-Công nước Tấn dựng một cái lầu cao để rước Tiêu-Sử ở mà dạy nghề cho con là Lộng-Ngọc công-chúa thành tài. Sau hai người kết duyên cùng nhau. "Liệt tiên truyện" 列仙傳 nói chim phụng nghe tiếng sáo bay xuống cho hai vợ chồng cỡi trên lưng bay lên trời thành tiên. Lang 郎 là chàng tiếng đàn bà dùng gọi chồng hay con gái gọi tình-nhân, thường đứng sau tên họ người đàn ông, như hai chữ Kim lang ở câu thơ số 755 trong truyện Kiều.

Câu thơ số 26 ý nói cung-phi có tài thổi sáo không kém gì chàng Tiêu lang rủ chim phụng xuống trước tại lầu thanh tịnh mùa thu.

Hai câu thơ số 25-26 đối nhau từng ý từng chữ :

cắm = sáo  
diềm nguyệt = lấu thu  
phông tâm = là gã  
Tư-Mã = Tiêu lang

Từ câu thơ số 21 đến 26 tức là 6 câu, tác-giả muốn trình-bày nghệ riêng của cung-phi rất sành các món chơi tao nhã của hạng quý phái là cầm kỳ thi họa từ :

cắm = Tư-Mã Tương-Như  
kỳ = Đê-Thích  
thi = Lý-Thái-Bạch  
họa = Vương-Duy  
từ = Lưu-Linh

Trong truyện Kiều có câu thơ số 1245-1246 nói về sự vui thú riêng của nàng Thúy-Kiều trong lúc lẻ loi một mình :

*Đòi phen nét vẽ câu thơ,  
Cung cầm trong nguyệt nước cờ dưới hoa.*

27 *Dấu mà.* Hai chữ dấu mà ở đây có nghĩa là nếu mà, vì mà.

*Dang.* Dang do chữ dương 揚 là đưa từ dưới lên trên cao, mở rộng ra, đưa ra.

Có bản chép :

*Dấu mà tay múa miệng dang.*

Hai tiếng miệng dang không rõ nghĩa bằng miệng hát, còn tay múa hoặc tay dang cũng đồng một ý.

rất vui vẻ. Ở đây có ý nhắc đến cái quán của Tư-Mã để rước khách uống rượu nghe đàn trong đêm trăng.

Có bản chép :

*Cắm dưới nguyệt phồng tằm Tư-Mã.*

Chữ *dưới* không rõ bằng chữ *điềm* dùng để đòi chiều với chữ *lầu* trong câu thơ dưới.

*Phồng tằm.* *Phồng* 仿 là bắt chước theo. *Tằm* (tìm) 尋 là tìm kiếm. *Phồng tằm* là cò găng nơi theo cho được bằng nhau.

*Tư-Mã.* *Tư-Mã* tức là *Tư-Mã Tương-Như* 司馬相如 thường gọi Tráng-Khanh, người ở Thành-Đô đời Hán, thơ hay đàn giỏi, có tư-cách sang trọng theo bậc quý phái phong lưu. Một đêm Tư-Mã đàn khúc "Phụng cầu kỳ hoàng" 鳳求祈凰 theo điệu du dương dưới bóng trăng, làm nàng Trắc-Vân-Quán rung động say mê bỏ nhà theo làm vợ. Truyện Kiều có câu thơ số 475-476 nói :

*Khúc đầu Tư-Mã phượng cầu,  
Nghe ra như oán như sầu phải chăng.*

Câu thơ số 25 ý nói cung-phi có tài gảy đàn cắm trong đêm trăng gió mát, không thua kém Tư-Mã Tương-Như là nhạc-sĩ có tiếng đời Hán, ngồi gảy đàn nơi quán rượu.

26 *Sáo.* *Sáo* do chữ *tiêu* 簫 là một thứ nhạc-cụ làm bằng ống trúc nhỏ, xoi sáu lỗ, thổi ngang, có giọng véo von thanh nhẹ. Nên phân biệt với ống *tiêu* có hình giống ống sáo mà dài hơn, nhưng thổi dọc, có tiếng rất tiêu sáo. Tiếng Pháp gọi ống sáo là 'fifre', còn ống tiêu gọi là 'flûte'. Truyện "Phan Trấn" có câu thơ số 23-24 nói :

*Tưng bừng nhịp sáo nhịp sênh,  
Điệu thông cao thấy chén quỳnh đầy vơi.*

Có bản chép :

*Phú lầu thu là gã Tiêu lang.*

Chữ *phú* (văn xuôi) làm lạc mạch câu thơ, vì không hợp nghĩa với chữ *Tiêu lang* là một nhạc-sĩ chứ không phải là một nhà văn.

*Lầu thu.* *Lầu* do chữ *lầu* 樓 là nhà cất có tầng trên. *Thu* 秋 là mùa thu. *Lầu thu* là nhà lầu cao mùa thu có gió mát thổi vào.

*Gã.* *Gã* là tiếng nôm dùng trỏ người con trai thiếu niên, còn đàn bà thì gọi *đ.*

*Tiêu lang.* *Tiêu* là *Tiêu-Sử* 蕭史 người đời Xuân-Thu, khéo thổi ống sáo có tiếng, như chim phụng hoàng kêu xa. Vua Mục-Công nước Tấn dựng một cái lầu cao để rước Tiêu-Sử ở mà dạy nghề cho con là Lộng-Ngọc công-chúa thành tài. Sau hai người kết duyên cùng nhau. "Liệt tiên truyện" 列仙傳 nói chim phụng nghe tiếng sáo bay xuống cho hai vợ chồng cỡi trên lưng bay lên trời thành tiên. *Lang* 郎 là chàng tiếng đàn bà dùng gọi chồng hay con gái gọi tình-nhân, thường đứng sau tên họ người đàn ông, như hai chữ *Kim lang* ở câu thơ số 755 trong truyện Kiều.

Câu thơ số 26 ý nói cung-phi có tài thổi sáo không kém gì chàng Tiêu lang rủ chim phụng xuống trước tại lầu thanh tịnh mùa thu.

Hai câu thơ số 25-26 đối nhau từng ý từng chữ :

cắm	=	sáo
điềm nguyệt	=	lầu thu
phồng tằm	=	là gã
Tư-Mã	=	Tiêu lang

Từ câu thơ số 21 đến 26 tức là 6 câu, tác-giả muốn trình-bày nghệ riêng của cung-phi rất sành các món chơi tao nhã của hạng quý phái là cắm kỳ thi họa từ :

cắm	=	Tư-Mã Tương-Như
kỳ	=	Đề-Thích
thi	=	Lý-Thái-Bạch
họa	=	Vương-Duy
từ	=	Lưu-Linh

Trong truyện Kiều có câu thơ số 1245-1246 nói về sự vui thú riêng của nàng Thúy-Kiều trong lúc lẻ loi một mình :

*Đòi phen nét vẽ câu thơ,  
Cung cầm trong nguyệt nước cờ dưới hoa.*

27 *Dấu mà.* Hai chữ *dấu mà* ở đây có nghĩa là nếu mà, vì mà.

*Dang.* *Dang* do chữ *ương* 揚 là đưa từ dưới lên trên cao, mở rộng ra, đưa ra.

Có bản chép :

*Dấu mà tay múa miệng dang.*

Hai tiếng *miệng dang* không rõ nghĩa bằng *miệng hát*, còn *tay múa* hoặc *tay dang* cũng đồng một ý.



Có bản khác chép :

*Dấu mà miệng hát tay sang.*

Chữ *sang* ở đây không rõ nghĩa bằng chữ *dang*.

28 *Thiên tiên*. *Thiên* 天 là trời. *Tiên* 仙 là vị tiên-nữ (xem thêm chú thích chữ *tiên* trong câu thơ số 23). *Thiên tiên* là các bậc tiên-nữ ở trên trời.

*Ngành*. *Ngành* là xoay mặt ra phía khác, không ngang mặt với nhau. Có bản chép :

*Thiên tiên cũng ngoảnh nghề thường trong trăng.*

Chữ *ngodnh* cũng không khác nghĩa với chữ *ngành*.

Có bản khác chép :

*Thiên tiên cũng xếp nghề thường trong trăng.*

Ở đây chữ *xếp* rất hợp với hai chữ *nghề thường*, nhưng nói về lý chữ *ngành* thì rất đúng câu văn.

*Nghề thường*. *Nghề* 竟 là cái mòng cầu vòng có bảy sắc giăng ngang trên không lúc trời đương mưa.

*Thường* 裳 là cái xiêm. *Nghề thường* là một thứ áo xiêm bằng lụa mòng có bảy sắc như màu cầu vòng, mà vua Minh-Hoàng nhà Đường cùng đạo-sĩ La-Công-Viên xem thấy đêm trung thu đi chơi cung trăng, trong lúc tiên-nữ múa hát. Truyện "Bích Câu Kỳ Ngộ" có câu thơ số 399-400 nói :

*Đong đưa khoe thăm đưa vàng.*

*Vũ y thấp thoáng nghề thường thướt tha.*

Câu thơ số 28 cần sắp chữ lại cho ý nghĩa xuôi chảy như vậy : *Thiên tiên* (mặc) *nghề thường* (b) trong cung trăng cũng *ngành* (mặt).

Hai câu thơ số 27-28 ý nói cung-phi có tài múa hát vỗ đương, mà các nàng tiên trong cung trăng cũng *ngành* mặt lác đầu ngẩn ngơ chịu thua, không dám so bì.

Trong hai câu thơ số 27-28 chữ *dang* ở cuối câu lục (27) phải hòa vận với chữ *thường* trong câu bát (28), nhưng vì không đồng âm cho mấy nên có thể coi như chuyêt-vận.

Phạm-Gia-Kính hiểu sai nghĩa hai câu thơ số 27-28 rồi dịch theo quá sát chữ ra như vậy :

"Gestes de mes bras et chansons de ma bouche

Auraient distraït les Immortels du spectacle des danseuses lunaires aux voiles d'arc-en-ciel."

Không đúng vậy, phải hiểu rằng tài hát múa của cung-phi làm các tiên-nữ trên cung trăng hồ thẹn mà ghen tỵ, nên *ngành* mặt đi không dám ngó đèn. Nên dịch lại như vậy :

"M'auraient-elles entendu chanter ou vu avec mes bras esquisser les gestes de danse Que les fées de la lune, revêtues des couleurs de l'arc-en-ciel, auraient détourné leur visage rougissant d'envie ?"

Từ câu thơ số 21 đến 28 tức là 8 câu, tác-giả kể tài-ba đặc-biệt của nàng cung-phi không ai dám sánh nổi : thơ thì làm anh Lý-Thái-Bạch, họa thì làm chị Vương-Duy, rượu thì hơn Lưu-Linh, cờ thì trên Đê-Thích, gảy đàn như Tư-Mã Trưng-Như, thổi sáo bằng Tiêu lang, múa hát làm thẹn tiên-nữ.

Ấy là một cung-phi có tài sắc vẹn toàn, đầu nàng tiên hay người phàm không ai dễ sánh đối.

Trong 10 câu thơ số 19-28 tác-giả dùng phép mượn lời này tích nọ để miêu-tả hoặc biểu-duyợng ý tứ ngầm trong trí, mà tiếng Pháp gọi là "allusion" (tá-diễn-pháp).

Nếu dùng phép tá-diễn cho đúng chỗ nhằm câu, cho có trí độ minh đoán, thì rất quý trong nghệ văn. Nhưng chỗ yếu là làm văn-tự trở thành kiểu kỳ mập mờ u ám khiến độc-giả phải chán nhàm đã dượi : như câu thơ số 834 của truyện Kiều nằm trong trường-hợp ấy :

*Thì vin cành quít cho cam sự đời.*

làm bao nhiêu nhà bình-phẩm phải bắt đồng ý cả, cũng vì chữ *quít* không biết định nghĩa ra sao.

Vậy Bùi-Khánh-Diễn<sup>1</sup> nói cành cây quít. Hồ-Đắc-Hàm<sup>2</sup> hiểu chữ *quít* là cụp xuống, cong xuống đất. Tân-Đà Nguyễn-Khắc-Hiệu<sup>3</sup> thay chữ *cành quít* ra chữ *cành đào*, mà bị lâm vào luật âm-vận. Nguyễn-Văn-Vinh<sup>4</sup> thì đổi chữ *quít* ra chữ *tít* cho gọn câu thơ.

1 *Kim-Vân-Kiều chú-thích*, Imprimerie Ngô-Từ-Hộ, Hanoi, 1926.

2 *Kiều truyện dân giải*, Imprimerie Đắc-Lập, Huế, 1929.

3 *Vương-Thúy-Kiều chú-giải tân truyện*, Editions Tân-Dân, Hanoi, 1941.

4 *Kim-Vân-Kiều dịch ra quốc-ngữ có chú-dẫn các điển-tích*, Imprimerie Ich-Ký Hanoi, 1912.

Nều không có câu thơ của ông Tô-Thức viết :

老人遊戲如童子  
Lão nhân du hí như đồng tử,  
不折梅枝折橘枝  
Bất chiết mai chi chiết quýt chi.

Người già chơi như đứa trẻ con ;

Không bẻ cành mai mà lại bẻ cành quýt.

có ý nói người lớn tuổi mà ăn ở không đúng đắn, thì chắc không một ai giải-quyet cho được nghĩa kín của bốn chữ thì vìn cành quýt.

( còn tiếp )



THẺ-LỆ MUA VĂN-HÓA NGUYỆT-SAN

( kể từ năm 1963 )

Mỗi số ( Tư-nhân ) :	12\$	1 năm	( 12 số ) :	120\$
		nửa năm	( 6 số ) :	60\$
Mỗi số ( Công-sở ) :	24\$	1 năm	( 12 số ) :	240\$
		nửa năm	( 6 số ) :	120\$

Gửi bảo-đảm, mỗi số tính thêm 8\$

- Các cơ-quan hoặc tư-nhân tại Ngoại-quốc mua dài hạn trả 8 Mỹ-kim một năm ( 12 số ), kể cả cước-phí gửi bằng đường thủy.
- Độc-giả mua dài hạn xin gửi phiếu mua báo và ngân-phiếu về Ô. Giám-Đốc Nha Văn-Hóa ( 89, Đường Lê-Văn-Duyệt, Sài-gòn ).

bắt cướp

Mặt trời đã tụt xuống dần sau lũy tre làng, để lại trên cánh đồng mạ non xanh rờn những làn sóng lăn-tăn bởi những cơn gió đông-nam. Về phía chân trời xa tít, đàn cò trắng tung cánh bay về tổ. Trên con đường làng, trẻ mục-đồng cũng đã đánh trâu về chuồng, chỉ còn lác-đác một vài cô gái làng gánh nước ngoài bờ giếng đang cười nói chuyện-trò vui-vẻ và lúc ấy cũng không ai để ý đến một ông cụ già từ phương xa lại. Ông cụ chừng độ ngoài sáu mươi, nước da bánh mật như đậm nét phong sương, người cụ còn khỏe. Cụ mặc quần áo nâu cộc đã bạc phềch, hai vai đã sần rách, đầu đội chiếc nón lá, vai cụ đeo chiếc khăn gói vải. Cụ bước vào một cái quán hàng nước bên gốc đa đầu làng. Cụ vừa đặt chân ngồi xuống một cái ghế dài làm bằng hai cái thân cây tre ghép lại và hỏi bà hàng :

— Bà hàng có gì ăn, bán cho tôi ăn đở.

Bà hàng không để ý đến người khách lạ ấy vì bà đang mài khoảng tay xuống gấm phản như để kiểm một chiếc đèn dầu. Một lúc sau bà mới chậm rãi trả lời :

— Tôi nay có bánh đúc riêu nóng, mời ông ăn thử một bát !

— Bán cho tôi một bát lại có cả rau chuối ghém nữa, chắc bánh đúc của bà ngon lắm !

Bà hàng vừa múc bánh vừa trả lời :

— Thề mà tôi nào tội cũng bán hết ngay vài mẹt bánh, lát nữa những người canh-diêm đi nhỏ mạ đêm thường qua đây mỗi người làm vài bát. Các ông ấy tôi nào cũng đèn đây ăn quả.

Trong căn lều tranh tối tranh sáng, khiến cho người đang ở ngoài bước vào không nhìn rõ những thứ hàng gì bày bán trên cái chõng tre của bà hàng. Nhờ có ánh sáng của ngọn đèn dầu làm cho trong căn lều bớt tối-tăm. Lúc ấy bà hàng mới để ý đến người khách lạ là một ông cụ già đi làm ăn ở xa về qua

đây tạm nghỉ chân. Bà cụ vừa đưa bát bánh đúc cho khách vừa thân-mặt hỏi chuyện :

— Cụ ở đâu tới mà mãi bây giờ mới đến đây ?

Ông cụ vừa đỡ lấy bát bánh vừa trả lời :

— Tôi đi làm ở mãi tận tỉnh Đông đã lâu ngày, nên hôm nay mới có dịp về thăm quê nhà.

— Quý quán cụ gần hay xa ?

— Tôi về miền Suối cũng xa lắm, tôi muốn về cho kịp ngày giỗ nên phải đi tối nay.

Sau khi ăn quả xong, cụ chiêu một ngụm nước chè tươi và rít một hơi thuốc lào. Đoạn cụ mới thông thả mở chiếc khăn gói mà hỏi nãy cụ vấn đề khư-khư trong lòng. Cụ lục tìm hồi lâu không thấy gói tiền, cụ mới bỏ những thứ nào bèo, đực, tràng ra ngoài như cớ ý làm cho bà hàng biết mình làm thợ mộc, bây giờ cụ mới từ-từ kéo cái gói bằng mo cau ra trong có sấp bạc giấy. Cụ mang ra đem bên gần chiếc đèn rồi rút trong sấp giấy bạc ra tờ giấy một trăm đồng đưa cho bà hàng để trả lại, rồi cụ lại xếp gói bạc vào trong khăn gói của cụ như cũ. Bà hàng từ nãy vẫn đứng khoanh hai tay vào háng như để xem cử-chỉ của ông cụ già khách lạ này, nên thoát mới trông thấy bọc bạc giấy của ông già nọ mà bà hàng đã thấy hoa cả mắt lên, tay bà run-run cầm tờ giấy bạc và trả lời :

— Tôi làm gì có tiền lẻ mà trả lại cho cụ đây !

— Bà tính bao nhiêu tiền ?

— Thưa cụ chỉ biết có xu rưỡi thôi !

Cụ già hình như vô ý nói to lên để cho bà hàng nghe rõ : Tôi chỉ có toàn những giấy bạc trăm hay nhờ bà đi đổi giúp.

Ngừng một lát, bà hàng như nảy ra một ý nghĩ gì, bà nói :

— Cụ ở đây trông hàng cho tôi một chút, để tôi chạy vào trong làng gần đây đổi tiền cho cụ.

Nói xong, bà hàng vội-vã rào bước đi ngay về phía cổng làng để đổi tiền, mà mục-dịch của bà là cần nhất gậy ngay Trương Tôn. Tên Trương Tôn là một tên đầu tộm đuôi cướp. Hắn vừa mãn hạn tù vì năm ngoái hắn giết cướp về làng để đánh cướp ngay nhà ông bác họ của hắn. Chỉ vì vợ hắn đến hỏi vay ông Lý Kính (bác Trương Tôn) mấy thùng thóc không xong mà hắn thù oán như thù. Vừa rồi hắn được tin bà hàng đến cho biết có một ông cụ già đang ngồi chờ đổi tiền ở quán của bà, bà cho là ông già đi làm ăn về lại có tiền bạc đem theo thì lòng tham của hắn sôi lên cực độ. Vì hắn biết có làm đến mòn đời cũng không kiếm được ra số tiền to lớn như thế. Một mặt hắn liền

tin cho một số tay anh chị của hắn ở cùng làng và một mặt hắn ra sau vườn nhà chỗ bụi chuối, giấu những mộc, lá chân ở đây ; hắn đem về để đây cả ở sân. Cuộc họp bí-mật xảy ra trong khoanh-khắc tại nhà của hắn. Bọn cướp gồm độ năm người, mặc quần áo đen, nai-nịt gọn-gàng, tay cầm dao, tay cầm lá-chân. Trương Tôn dẫn đầu bọn này đến một khúc quanh của con đê đầu làng, hắn liền ra hiệu cho đóng bọn tản ra hai bên bờ đê. Bọn hung-thần bò dần dần đến nấp sau những thân cây gáo cao lớn, đứng trơ những cành khẳng-khiu như thách đố những cơn gió táp mưa sa. Trời vẫn tối đen như mực, có ai xoe cả bàn tay giờ ra trước mặt cũng không nhìn thấy rõ.

Sau khi cụ già đã nhận đủ tiền trả lại của cụ hàng và ông già cũng cáo từ cắt bước ra đi với chiếc khăn gói lên vai. Từ trong quán bước đi ra một ông già bước thấp bước cao như một bóng ma trên con đường đất gồ-ghề bậc thang. Bóng đó đã đi quá xa thì bóng có tiếng quát lớn :

— Ai đi đâu, đứng lại ?

Câu nói vừa dứt, dao chín, mã tấu giơ lên một loạt cùng với những cái bóng đen từ những gốc cây gáo hiện ra. Trên khuôn mặt hắc-hắc của ông già nọ, ông sợ hãi chấp cả hai tay lạy van xin :

— Xin các Quan tha phúc cho nhà cháu, thân già này nghèo túng đi làm ăn xa, không có gì cả !

Một thằng trong bọn nhảy tới và giật luôn chiếc khăn gói đeo trên vai ông già, thằng khác nhanh chân cũng chạy tới và giơ dao ra vừa nói vừa khóa tay ông già lại :

— Tiền bạc của mày đâu đưa hết ra đây cho chúng tao ?

Mặc cho những lời van xin của ông già bọn chúng nấn khắp người ông và lục soát chiếc khăn gói, chúng quăng ngồn-ngang những bảo, đực ra đường. Trương Tôn thấy bọc bạc của ông già, reo mừng tranh cướp nhau, làm huyên-náo cả một cánh đồng không móng quạnh giữa đêm khuya. Một thằng trong bọn thấy ngay được cái còi ở trong túi áo của ông già liền chắt-vấn hỏi :

— Đi làm ăn có cả còi nữa cơ à ?

— Bám lấy các Quan, thằng cháu ở nhà cứ dặn tôi khi nào ông đi làm về mua cho cháu nó chơi đây ạ ! Xin các Quan trả lại cho cháu nó thứ đó.

Chiếc còi được thổi qua từ mồm người nọ sang người kia làm vang lên những tiếng như xé tan màn sương đêm tịch-mịch. Sau những tiếng còi vừa dứt thì cả bọn phá lên cười. Bóng ngay bên nương dâu trên bãi sông nào ai có ngờ đâu lại có những bóng người đội nón chóp, quần áo lính, chân quần xà-cạp, tay mang súng trường có cắm lưới lê. Bọn cướp cũng vẫn chưa biết gì hết, chúng như những con thú dữ đang tranh nhau miếng mồi ngon nên không

đề ý và phòng bị. Bọn lính kia là của ông Lãn-binh tỉnh được tin đồn từ mấy tháng nay nhiều vụ cướp bóc thường hay xảy ra khắp trong vùng này. Ngay buổi chiều hôm ấy, ông Lãn-binh cho một ông già già làm người làm ăn lương-thiện đi về những nơi vùng quê hẻo lánh có tiếng là cướp bóc nhiều. Muốn bắt trọn một ổ cướp nên ông Lãn-binh mới cho lính mặc giả thường dân đi buôn bán bằng thuyền đèo ngang sông chỗ đã định trước, rồi chờ lúc gần tối trời ông già nọ mới đi ngang qua làng đó để thử bà hàng biết mình có tiền nong mà báo cho bọn cướp trong làng chặn bắt ông già. Ông Lãn-binh biết trước bọn cướp thế nào cũng đón đường lột sạch tiền nong của ông già kia nên một mặt ông mật-báo cho ông Huyện sở tại và một mặt ông cho lính vây khắp cánh đồng, nấp ở bên bãi dâu, khi nào có hiệu còi của ông già thì cứ việc tiến lên. Trong lúc bọn cướp thì nhau thổi chiêng còi, thì lính của ông Lãn cũng tới kịp. Đoàn tiếng súng lệnh vừa nổ thì cả bọn cướp cũng vắt cả dao, mác, lá chắn định quay đầu chạy, nhưng đã muộn. Vòng vây quân lính dần dần xiết chặt, bọn cướp thấy nguy biết là mắc mưu, chạy cũng không thoát. Thế là những cánh tay cứ việc giơ cao khỏi đầu và những khuỷu tay bị ghi chặt bởi những giây thừng của bọn lính, trước những họng súng đen ngòm. Cả bọn không thoát đi đâu một đứa, đứa nọ nhìn đứa kia không ai nói một lời nào.

Bọn cướp được dẫn đến một diêm canh đầu làng rồi ông Lãn cho mời các chức-dịch cùng tuần-trưởng trong làng ra lập-biên bản làm vi-băng và dẫn luôn bọn cướp lên tỉnh.

Đêm đã khuya, dân làng đổ xô đi xem ông Lãn-binh bắt cướp cũng lục tục kéo nhau ra về. Họ thì thầm bàn tán nào là bọn cướp tù một gông, nào là lý-dịch làng này sẽ bị quan trên cách chức, nhưng nét mặt mọi người hoan-hỉ vì đã trừ được những kẻ tàn-bạo cướp của giết người và cũng từ nay dân vùng này yên lòng làm ăn, ngày đêm không còn lo-lắng gì nữa...

Đoàn người đi xem bắt cướp đã kéo nhau về các ngã đường, ánh sáng lập-lòe của những bó đuốc mật dẫn vào trong các xóm chỉ còn nghe thấy những tiếng chó sủa xa-xa hòa theo với một vài tiếng tù và ộc của tuần canh từ làng vắng lại.

## văn-chương “bình-dân” và văn-chương “bác-học”

Khi dùng danh-từ văn-chương ‘bình-dân’ cũng như ‘bác-học’ ở đây chỉ là một thói quen có sẵn từ trước đến nay để chỉ thị hai cấp bậc, hai giá-trị trong văn-chương. Chúng tôi cũng không có ý phân-định theo lối có một văn-chương của người bình-dân cũng như không có ý nói có một nền văn-chương riêng biệt cho người trí-thức. Bởi vì một lối phân biệt như thế được nhiều tự-phụ và không dựa trên một tiêu-chuẩn xác-thực nào. Chúng tôi chỉ muốn nói rằng, trong thực-tế, giới tiêu-thụ văn-chương cũng như giới sản-xuất thường có khuynh-hướng phân-định thành hai loại người viết và người đọc, một loại tác-giả dành cho một giới độc-giả riêng có những lối viết, đề-tài riêng v.v... một loại nhằm đảm đống quần-chúng độc-giả.

Trước khi có thể nói gì về vấn-đề trên, chúng ta sẽ rào qua một lượt bằng cách nhìn vào sinh-hoạt văn-nghệ báo-chí, điện-ảnh kịch-tượng hiện nay.

Trong sinh-hoạt văn-nghệ, số những người viết sách không phải là ít và số sách xuất-bản cũng nhiều, mặc dầu số tiêu-thụ không lấy gì làm khá-quan. Số sách viết ra, in thành sách mong đợi độc-giả đón nhận niếm nở thì buồn thay độc-giả không mua và cũng ít đọc. Điềm mặt những sách đó, người ta thấy tác-giả được nhiều người khen ngợi kính mến, nhưng khen là một truyện, mua lại là truyện khác. Nhưng trong khi đó thì một số sách truyện thuộc loại kiếm hiệp hay mệnh-danh là ái-tình xã-hội tiểu-thuyết v.v... bán rất chạy, cũng như loại sách của Tự-Lực văn-đoàn trước kia nay in lại cũng được một số khá đông độc-giả.

Sinh-hoạt sách truyện thì như vậy, nên sinh-hoạt báo-chí cũng ở một tình-trạng tương-tự. Người ta cũng muốn phân biệt loại báo trí-thức và báo cho người bình-dân, bà già con nít đọc. Loại báo mệnh-danh trí-thức tất nhiên không ưa gì sự có mặt của một số báo lá cải, đăng tin vịt hay ‘chuyên đăng truyện ngắn, truyện dài. Một sự hạm-hực tức tồ nhưng không dễ gì nói ra.

Trong khi đó một số báo loại hai bắt xét đến những lời bình-phẩm dư-luận và thân nhiên tăng số trang, số báo đồng thời thu tiền lời bán được. Rồi người ta thấy các báo khác cũng đua nhau đăng truyện dài tiếp kỳ sau để câu độc giả. Trước tình-trạng xuống dốc đó, các chủ báo họp nhau lại tìm cách giải quyết tình-trạng trên. Người ta đồng ý với nhau chỉ cho phép mỗi tờ báo được đăng hai truyện dài thôi. Nhưng rồi tình-trạng sau buổi họp lại như cũ, nghĩa là mặc ai mạnh thì đăng. Vấn-đề trở lại nguyên như cũ.

Trong lãnh-vực thường-thức ca nhạc điện ảnh người ta cũng thấy một tình-trạng tương tự. Có những xu-hướng thường-thức, những « gu » khác nhau tùy theo họ là người trẻ hay người già, thuộc thành-phần có học hay không có học. Giới trẻ gồm học-sinh, sinh-viên thì ưa ca nhạc, phim ảnh ngoại-quốc. Giới bình-dân lẽ tất nhiên họ khoái phim Ấn-độ, Phi-Luật-Tân vì nó giống với những tích tuồng cổ từ nội-dung đến hình-thức. Đề-tài cũng xoay quanh mấy quan-niệm trung hiếu, tiết nghĩa hay tình yêu tan vỡ.

Hiện-trạng chung là như thế và bất cứ ai cũng có thể nhận thấy nếu chịu để ý một chút. Có điều tình-cảm của mỗi người, mỗi giới phản-ứng lại vấn-đề thì mỗi người mỗi khác. Một số đông phần nản về tình-trạng thấp kém của giới thường-thức văn-nghệ. Họ phân-uất vì người khác không thường-thức như họ vì không biết phân định giá-trị nghệ-phẩm. Họ tức mình vì tình-trạng xen lẫn của một số nghệ-sĩ rề tiền đứng chung hàng ngũ với họ. Họ muốn có những cơ-quan phổ-biến và để cao những tác-phẩm giá-trị hay tìm cách nâng đỡ người có tài. Họ muốn độc-đoán trong việc thải trừ những chiến ghê ra khỏi hàng ngũ văn-nghệ. Bấy nhiêu vấn-đề, bấy nhiêu tức bực chỉ xoay quanh có một vấn-đề là cái hay người không biết đến trong khi cái dở người lại ưa.

Nhưng nếu ta có dịp quan-sát hiện-trạng báo-chỉ ở Anh hay Pháp, ta cũng thấy một hoàn-cảnh tương-tự như ở ta. Chỉ có điều khác là họ không nghĩ đến việc căm đốn những sách báo họ không ưa thích. Vì thế những loại sách báo bình-dân vẫn có một không khí tập-nập vui-vẻ.

Chẳng hạn ở Anh, có những tờ báo xuất-bản 5 triệu đến 6 triệu số một ngày. Trong một tờ báo như thế, số trang cũng lên tới 20 trang 25 trang với một giá tiền tương đương với 5 đồng bạc Việt-Nam. Giá rẻ, in nhiều không đủ tiền giấy, họ phải sống nhờ tiền quảng-cáo. Nội-dung tờ-báo ngoài một phần dành cho tin tức chính-trị, một phần lớn số trang dành cho tin-tức thể-thao hay những tin giật gân như cướp của, giết người v.v... Những tin này không đăng dưới hình-thức tin văn, nhưng đăng dưới hình-thức một tin phóng-sự hay điều tra, chiếm từ một trang báo đến hai trang báo, mục đích gọi tò-mò và hiều-kỳ của độc-giả trong lúc nhàn rỗi. Trong khi đó những tờ báo đứng đản

có ảnh-hưởng đến dư-luận quốc-tê hay trong nước thì số báo xuất-bản chỉ được từ năm mươi ngàn số đến ba trăm ngàn số.

Tình-trạng xuất-bản sách báo ở Pháp cũng vậy. Cũng vì thế gần đây trung-tâm văn-hóa Royaumont có tổ-chức một hội-nghị gồm có đông đủ đại-diện các nhà văn, nhà báo, giáo-sư, nghệ-sĩ, các nhà chuyên-môn như xã-hội-học, tâm-lý-học, kinh-tê-học, sử-học dưới quyền chủ-tọa của Georges Friedman. Đề-tài của hội-nghị này là 'Culture supérieure' và 'culture de masse'.

Trong những buổi hội-thảo này, người ta cũng thấy có hai khuynh-hướng trái ngược nhau. Một khuynh-hướng cho rằng cần phải chấp-nhận tình-trạng có nhiều trình-độ văn-hóa khác nhau của một dân-tộc, đồng thời cũng là chấp-nhận nhiều sở-thích, nhiều trình-độ khác nhau tùy theo trình-độ văn-hóa. Chẳng hạn người bình-dân như công-nhân nhà máy, người thợ chuyên-môn có những sở-thích tinh-thần không thể thay thế được. Nghĩa là hãy để cho mọi người được quyền tự chọn những gì họ thích.

Những người như Roland Barthes đã tố-cáo những sai lầm trong cách đặt vấn-đề văn-hóa trí-thức, bác-học, hay văn-hóa bình-dân. Theo ông thì người ta chỉ nhìn thấy có hai quan-niệm giá-trị của một thực-tại văn-hóa. Người ta nhìn ở văn-hóa như có hai thực-tại trong khi thực sự thực-tại đó chỉ là phản-ảnh một dư-luận quần-chúng. Văn-hóa là văn-hóa, không có văn hóa bình-dân hay trí-thức. Văn-hóa là một thực-tại duy nhất vậy.

Tuy vậy, trên thực-tê người ta vẫn phải nhận là có những lớp người, những thành-phần xã-hội được nhiều ưu-tiên trong việc sản-xuất văn-nghệ phẩm. Thật vậy, theo François Nourissier thì trong số 142 nhà văn thì có đến 55 người sống ở Ba-lê và hầu hết các văn-nghệ-sĩ Pháp bây giờ đều xuất-thân từ các trường Cao-đẳng hay Đại-học. Trong số đó có 30 người xuất-thân các trường Cao-đẳng Sư-phạm và thạc-sĩ đại-học, 50 người từ các trường đại-học và giữ nhiệm-vụ giáo-dục, 7 nhà ngoại-giao, 6 bác-sĩ. Ngoài ra chừng 10 người hành nghề tự do khác như luật-sư, thương-gia, kỹ-sư.

Những con số kể trên cho ta thấy nó đã phát-sinh ra một lớp người trí-thức trường-giả làm văn-nghệ phản-ảnh khung-cảnh trường-giả họ sống. Họ là số người dư ăn, cuộc sống vật-chất đầy đủ, đang suy-nghi, sáng-tác làm văn-nghệ. Văn-chương như thế hình như đã được dành cho một số người trong xã-hội cũng như triết-lý từ trước đến nay chỉ dành cho một số người không còn chặt-vật sinh sống và cho một số sinh-viên theo môn-triết ở Đại-học. Văn-chương như thế chắc hẳn thiếu một không-khí phong-phú rộng-rãi và không phản-ảnh được hết mọi khía-cạnh của đời sống, hay tâm-tinh của một dân-tộc. Thật



vậy, chúng ta sẽ nghĩ gì về Văn-học Việt-Nam nếu chỉ quy về một số bài Kê-Si, uông rượu tiêu-sấu, thi trượt của mấy ông đồ nho hay phản-ảnh một vài tâm-tình của người cung-nữ trong Cung-oán, người chinh-phụ trong Chinh-phụ-ngâm hay một Thúy-Kiều v.v... Hay thì thực rằng hay, nhưng chưa đủ, may mắn thay chúng ta còn một kho-tàng những áng văn-chương đủ loại từ ca vè, hát lời, phú, vịnh, ca-đao tục-ngữ.

Cũng vì thế, có lẽ chúng ta sẽ không lo ngại tình-trạng tràn-ngập của tiểu-thuyết bình-dân. Dân-trí mỗi ngày một cao, việc học càng phát-triển, văn-hóa càng có đà phát-triển. Điều lo ngại không phải vì tiểu-thuyết ba xu quá nhiều. Cái đáng lo ngại vẫn là chúng ta chưa có những văn-nghệ-phẩm có giá-trị đích-thực mà thôi. Bởi vì văn-nghệ là gì nếu không phải là sự chỗi bỏ, phủ-nhận và vươn lên sáng-tạo. Người làm văn-nghệ cũng như người thương-thức văn-nghệ đều nằm trong tiền-trình phủ-nhận sáng-tạo đó. Và có lẽ người đọc hiện nay đang ở trong tiền-trình phủ-nhận bắt buộc người làm văn-nghệ phải làm cái gì khác cái hiện nay. Họ chưa được người đọc công-nhận họ, chưa được hâm mộ thì không phải tại độc-giả hà tiện không dám mua sách hay tại độc-giả lười hay quá dốt về trình-độ văn-hóa. Điều đó có thể có, nhưng chúng ta nên nhớ là một công-trình văn-nghệ là do sự đóng-góp giữa độc-giả và tác-giả, một đóng-góp tinh-thần cần-thiết giữa hai giới. Một quyển sách do một nghệ-sĩ viết ra là một sáng-tạo còn đang-dờ đòi người đọc tiếp nối hoàn-toàn công-trình bỏ dở trên. Cũng vì thế nếu văn-nghệ không phát-triển thì chính là thiếu một giao-kèo tình-cảm và trí-thức giữa tác-giả và độc-giả. Có một sự đứt-đoạn trong mỗi giao-hào giữa người đọc và người viết. Đúng vậy, tâm-lý người đọc hiện nay là nghi ngờ giá-trị tác-phẩm của tác-giả. Họ không tin tác-giả nên e-ngại trong việc hưởng-ứng đọc tác-giả. Và ngay trong việc phê-bình, ta cũng thấy những nhà phê-bình thường tỏ ra quá chú-quan, chê tác-giả đủ điều. Hình như nếu không biết chê thì giá-trị nhà phê-bình sút kém đi có biết đâu rằng khen đúng cũng là một đố cao giá-trị nhà phê-bình không kém.

Ngoài những lý-do trên, còn phải kể đến vấn-đề giá cả, việc phát-hành cũng như quảng-cáo, về sức hấp-dẫn, về những xu-hướng và sở-thích của độc-giả, về sự phê-bình tác-phẩm. Tất cả những lý-do trên quyết định một phần nào số phận tác-phẩm cũng như tác-giả.

Một vấn-đề có tính cách tích-cực vẫn là việc phổ-biên và hướng-dẫn dư-luận một phần nào. Công việc đó nhiều nước đã đưa ra thi hành. Chẳng hạn Do-Thái có những chương-trình ngăn chặn một phần nào sự phổ-biên vô tuyền truyền hình vì họ sợ rằng những truyền-thống văn-hóa của họ sẽ bị phai mờ sút kém khi va chạm với những phương-tiện tuyền-truyền bình-dân rẻ tiến.

Nhưng vấn-đề tiên-quyết vẫn là phải có những tác-phẩm hay, có giá-trị. Thiên-tài có bao giờ bị bỏ quên như Nguyễn Du đã quá lo xa khi ông viết "bất tri tam bách dư niên hậu". Vấn-đề chính vẫn là tác-giả có đáp lại kỳ-vọng của người đọc không, còn bao nhiêu yêu-tố vừa kể trên chỉ là yêu-tố ngoại tại mà thôi. Lại còn vấn-đề bán nhiều bán ít, nghèo với giàu, người nghệ-sĩ còn xá chi đến truyện đó. Một cuốn truyện ở Pháp cũng chỉ in ra từ hai đến năm ngàn cuốn là cùng, in đến một vạn tức là đã thành công lắm rồi. Văn-chương hạ giới rẻ như bèo của Tân-Đà chắc hãy còn đúng mãi.

Đã phát-hành :

### NIPPONGO O HANASHI MASHŌ

TA HÃY NÓI TIẾNG NHẬT

*Soạn-giả :* Bác-sĩ Toru Matsumoto, Tiến sĩ Sư-Phạm Viện Đại-Học Columbia.

*Dịch-giả :* Yonosuke Takeuchi, Giáo-Sư trường Sinh-ngữ Viện Đại-học Sài-gòn

*Hiệu-dinh-giả :* Nguyễn-Khắc-Kham, Trưởng Ban Ngôn-ngữ Văn-tự Việt-Nam tại Văn-Khoa Đại-Học-Đường Sài-gòn.

Cuốn I (72 trang) giá 20\$

Cuốn II (76 trang) giá 20\$

In tại nhà in Đông-Nam-Á — Sài-gòn.

**NHỮNG TÁC-PHẨM DO SỞ HỌC-LIỆU  
XUẤT - BẢN**

Cây cỏ miền Nam Việt-Nam. G. S. Phạm-Hoàng-Hộ	150\$
Lịch-sử Triết-học đông phương, Tập IV. G. S. Nguyễn-Đặng-Thục	120\$
Lão-tử Đạo-đức-kinh. G. S. Nghiêm Toản phiên-giải	70\$
Lê-Triều Lịch-khoa Tiến-sĩ đề danh bí ký. Võ-Oanh	85\$
Quyển I	75\$
Quyển II	70\$
Quyển III	
Công-dư Tiếp-ký. Nguyễn-Đình-Diệm	50\$
Quyển I	40\$
Quyển II	50\$
Quyển III	
Quốc-triều đấng-khoa lục. Lê-Mạnh-Liêu	80\$
Tang-thương ngẫu lục. Đạm-Nguyên	75\$
Tiếng cười (Le rire của Bergson). Phạm-Xuân-Độ	32\$
Đạo-đức-học (Ethique de Nicomade của Aristote). Đức-Hình	75\$
Xã-Uớc (Du Contrat social của J. J. Rousseau). Nguyễn-Hữu-Khang	32\$
Vạn-pháp tinh lý (L'Esprit des lois của Montesquieu). Trịnh-Xuân-Ngan	30\$
Khảo về linh-hồn theo thê luân-lý (Phédon ou de l'Ame: genre moral của Platon). Trịnh-Xuân-Ngan	60\$
Kháng-biện-luận về tu-từ pháp (Gorgias của Platon). Trịnh-Xuân-Ngan	48\$
Cung-oán ngâm khúc (dịch ra Pháp-văn). Huỳnh-Khắc-Dụng	28\$
Chinh-phụ-ngâm (dịch ra Pháp-văn). Huỳnh-Khắc-Dụng	40\$
Thượng-chi Vấn-tập (toàn bộ 5 quyển của Phạm Quỳnh)	35\$
Từ quyển I đến quyển IV mỗi quyển giá	25\$
Quyển V giá	
Anh-Ngữ Đệ Thất (High School English Series, Book One). G. S. Nguyễn-Đình-Hòa	40\$
Speak Vietnamese, Book One (Revised Edition, 1963) G.S. Nguyễn-Đình-Hòa	100\$

Những sách này có bán tại tất cả các hiệu sách ở Thủ-đô, các tỉnh và tại Sở Học-Liệu số 240, đường Trần-Bình-Trọng, Sài-gòn.

HẢI-AU-TỬ

**崑山歌  
côn-sơn ca**

Bài Côn-sơn ca dịch-thuật sau đây là trích trong cuốn « Hoàng-Việt văn-tuyền » mà tác-giả là một đại anh-hùng, đại thi-bá, đại chính-trị-gia của Việt-Nam ta, tức là cụ Ưc-trai Nguyễn-Trãi soạn sau khi ngài giúp vua Thái-Tổ Lê-triều bình-định xong đất nước, rồi cáo quan lui về ẩn ở Côn-Sơn.

Ngài có dân-tích tên loạn-thần gian-ác như Đổng-Trác, và hai vị « thánh » đời nhà Chu là Bá-Di và Thúc-Tề, để nhắc nhủ hậu-thế biết: Di, Tề hai vị Thánh ăn rau vì mà được muôn đời tôn trọng, Đổng-Trác vàng đầy ồng mà rồi còn gì đâu, để muốn đời xi vủ.

Vậy không quản tài hèn biết ít, xin lục ra đây và dịch thành văn song thất lục bát để hiển Quit-vị nhân-tâm khi trả dư tiêu hậu.

崑山歌	泉石兮	其雨洗	聲冷苔	冷冷碧	照余於	以是乎	為箏篋	琴瑟中
崑山歌	有松萬	蓋千畝	翠童童	童童吾	於於乎	乎嘯唳	息其側	其中側
崑山歌	中有竹	千畝歸	去來半	生塵土	長膠階	階足胡	椒栗	八百斛
崑山歌	君不見	董伯夷	與叔齊	首陽各	自求其	所欲	樂	選往來
崑山歌	賢生還	相續	亦偶然	誰辱	由徒	曲		
崑山歌	死後誰	尚有巢	由徒					
崑山歌	勸渠聽	盡山中						

Côn-sơn hữu tuyến hể, kỳ thanh linh linh nhiên, dư di vi cảm huyền.  
Côn-sơn hữu thạch hể, vũ tày đài phò bích, dư di vi diễm tịch.  
Nham trung hữu tùng vạn cái thủy đồng đồng, ngô ư thị hổ yên tức kỳ trung.

Lâm trung hữu trúc thiên mẫu ăn liêu lục, ngô ư thị hổ tiêu vịnh kỳ trúc.  
Vân quân hổ bắt qui khứ lai, bán sinh trần thổ trường giao cốc.  
Vạn chung cửu đỉnh hà tất nhiên, âm băng phạn sơ tùy phạn tức.  
Quần bất kiến Đông-Trác hoàng kim mãn nhất ô Nguyễn-Tải hổ tiêu bát bách hộc.

Hựu bất kiến Bá-Di dữ Thúc-Tế Thủ-dương nga tử bất thực tức ?  
Hiển ngu nhị giả bất tương mẫu, diệc các tự cấu kỳ sở dục.  
Nhân sinh bách tuế nội tất cánh đồng thảo mộc, bi hoan ưu lạc diệt vãng lai, nhưt vinh nhưt tạ hoàn tương tục.  
Sơn thượng hoa ốc diệc ngẫu nhiên,  
Tứ hậu thùi vinh cánh thùi nhục.  
Nhân gian thượng hữu Sào Do đó,  
Khuyến cử thính tận sơn trung khúc !

#### Lược dịch

Cánh Côn-Sơn xuôi khe róc rách,  
Đá tro màu xanh ngắt phơ gan.  
Suối vì ta lựa cung đàn,  
Đá thay làm ghề, mưa ngàn rửa lau.  
Tàn và lọng đầu đầu cũng có,  
Bao bóng tùng nhập-nhò thấp cao.  
Hang sâu đỉnh núi tiêu dao,  
Nghỉ-ngơi thỏa sức, muốn sao mặc mình.  
Ngồi ngắm cánh xinh xinh rừng trúc,  
Hóng gió may phơ-phất đôi phen.  
Vịnh ngắm sân bút sân nghiên,  
Cung đàn thần lựa, thơ tiên tay để.  
Sao ai chẳng đi về cho sớm,  
Ham mãi chi vui sướng trần-ai.  
Muôn chung chín đỉnh cỏ nãi,  
Rời ra chỉ giấc mộng dài bên đầu !

Ta tri-túc cơm rau nước lã,  
Đệm cỏ nằm êm-à hơn nhung.  
Thương ai cương-tỏa trong vòng,  
Mãi-mê không rõ sắc không áo-huyền.  
Kìa Đông-Trác hoàng-kim đầy ổ,  
Nguyễn-Tải kìa bao sỏ hổ tiêu,  
Cống danh « nhất-phẩm đương-triều »,  
Mà rồi chớp mắt thân tiêu nghiệp tàn.  
Di, Tế, kìa nằm khàn núi Thủ,  
Thốc nhà Chu khinh bỏ không ăn.  
Sống đời hai vị « dật-dân »,  
Muôn thu lưu tiếng « đặc-nhân » để đời.<sup>1</sup>  
Hiển ngu sống mỗi người mỗi khác,  
Hỡi ai người « hậu-giác » tỉnh chưa ?  
Ngu thường tham-luẩn say-sưa,  
Hiển thì trái lại, thờ ơ sang giầu.  
Nhân-sinh có bao lâu trăm tuổi,  
Cùng cỏ cây tàn lụi như nhau.  
Bi hoan nối tiếp lo âu,  
Hoa tàn hoa nở tiếp nhau diễn trò.  
Bên sườn núi cỏ khô vài nóc,  
Giữa kinh-kỳ hoa-ốc mươì tòa.  
Yên-hà đọ với phồn-hoa,  
Ai vinh ai nhục, đâu là thanh-cao ?  
Nhân-gian còn có bao đệ-tử  
Của Hứa-Do, Sào-Phủ ngày xưa ?  
Ta khuyến chớ có thờ-ơ,  
Đọc « Sơn-trung khúc » mà lo sửa mình.



1 Dật dân. Không-Tử khen có 5 người được là dật-dân, trong đó có Di, Tế.  
Hai ông không chịu bỏ chỉ đề nhục thân (Đương Hố, "Luận-ngữ").  
2 Thánh hiền khen hai ông: « Cầu nhân nhi đặc nhân hựu hà oán ».

## VĂN-HÓA TÙNG-THU

do Nha Văn-Hóa Bộ Quốc-Gia Giáo-Dục xuất-bản

1. SỬ-LIỆU VIỆT-NAM  
Tuấn-Lý Huỳnh-Khắc-Dụng biên-soạn (246 trang). . . . . 25\$
  - 2-3. ĐẠI-NAM NHẬT-THÔNG-CHÍ: LỤC TỈNH NAM-VIỆT  
Tu-Trai Nguyễn-Tạo phiên-dịch  
Tập thượng (152 trang) . . . . . 20\$  
Tập hạ (132 trang) . . . . . 15\$
  - 4-5. ĐẠI-NAM NHẬT-THÔNG-CHÍ: TRUNG-PHẦN  
Á-Nam Trần-Tuân-Khải phiên-dịch  
Thanh-Hóa Tập thượng (122 trang) . . . . . 15\$  
Tập hạ (174 trang) . . . . . 15\$
  6. ĐẠI-NAM NHẬT-THÔNG-CHÍ: TRUNG-PHẦN  
Tu-Trai Nguyễn-Tạo phiên-dịch  
Kinh-sư (96 trang) . . . . . 15\$
  - 7-8. CỒ-ĐỒ HUỆ: Lịch-sử, Cờ-tích, Thắng-cảnh và Thi-ca  
Thái-Văn-Kiểm biên-soạn  
(487 trang, gồm 53 tranh ảnh và bản-đồ) . . . . . 70\$
  - 9-12. ĐẠI-NAM THÔNG-NHẬT-CHÍ: TRUNG-PHẦN  
Tu-Trai Nguyễn-Tạo phiên-dịch  
Quảng-Trị và Quảng-Binh (208 trang) . . . . . 20\$  
Thừa-Thiên-Phủ Tập thượng (144 trang) . . . . . 15\$  
Tập trung (152 trang) . . . . . 15\$  
Tập hạ (134 trang) . . . . . 15\$
  - 13-14. VIỆT-NAM NHÂN-VẬT-CHÍ VỤNG-BIÊN  
Thái-Văn-Kiểm và Hồ-Đắc-Hàm biên-soạn (290 trang) . . . . . 55\$
  15. HIGHER EDUCATION IN THE REPUBLIC OF VIETNAM  
(Nền Cao-học tại Việt-Nam Cộng-Hòa) "VIETNAM CULTURE SERIES" No. 6  
Nguyễn-Đình-Hòa biên-soạn (32 pages). . . . . 6\$
  16. LA LITTÉRATURE VIETNAMIENNE  
(Văn-chương Việt-Nam)  
COLLECTION "ASPECTS CULTURELS DU VIỆT-NAM" No. 7  
Nguyễn-Khắc-Kham biên-soạn (26 trang). . . . . 6\$
- Có bán tại các hiệu sách lớn ở Thủ-Đô, các tỉnh, nhà Tổng-phát-hành Thống-Nhất (329, Đường Trần-Hưng-Đạo, Sài-gòn) và tại Nha Văn-Hóa (89, Đường Lê-Văn-Duyệt, Sài-gòn).

## THI - CA

MỪNG NƯỚC TIẾN-BỘ,  
MONG DÂN TỰ-CƯỜNG

Dân nước ta nay đến vận hồng,  
Khởi vông xiềng xích được thông-dong,  
Tự-cường âu phải kiên gan sắt,  
Tiến-bộ nên mau kết dải đồng.  
Cin-giữ non sông nền gấm vóc,  
Về-vang con cháu giống Tiên Rồng.  
Tài-năng trí-thức đem thi-thố,  
Cơ-hội giời cho đề lập-công.

Đông-Viên PHẠM-HUY-TOẠI

[Tập XII, Quyển 12, (Tháng 12, 1963)]

## MỪNG CÁCH-MẠNG THÀNH-CÔNG

## I

Mừng nay Cách-Mạng đã thành công,  
 Hận nước tiêu-tan với hận lòng.  
 Muôn miệng hoan-hô tài tướng sĩ,  
 Năm châu ca-ngợi giống tiên rồng.  
 Lưỡi gươm diệt Ngụy vừa reo đó,  
 Trang sử bình Ngô đã chép xong.  
 Trở khúc Khải-hoàn âm-diệu mới,  
 Nhịp-nhàng theo tiếng gọi non sông.

## II

Nhịp-nhàng theo tiếng gọi non sông,  
 Trông mặt, ai ai cũng thỏa lòng.  
 Họa nước đã qua thời thảm-khốc,  
 Cơ trời xoay lại vận hanh-thông.  
 «Xui Ngô làm loạn» đời thêm loạn,  
 Giúp Tướng thành công sử chép công.  
 «Chế-độ Gia-dình» đã sụp đổ,  
 Tương-lai tươi sáng hãy chờ mong.

## III

Tương-lai tươi sáng hãy chờ mong,  
 Mong cả toàn dân hiệp một lòng.  
 Mong trống Tự-do vang đất Việt,  
 Mong cờ Bình-Đẳng rợp trời Đông;  
 Mong cảnh Bắc-Ái mau dờm quả,  
 Mong gốc Nhân-quyền chóng trở bông.  
 Cảnh-tượng thăng-bình mong thấy lại,  
 Dân mong thêm mạnh, nước thêm hùng.

QUỶ-ƯU (Huế)

## NGÂN-HÀNG MÁU

Tặng Ngân-Hàng Máu Việt-Nam

Tình huynh-đệ trong bình máu thắm,  
 Trái huyết-cầu ù-ấp yêu thương.  
 Trong bệnh-viện, chốn sa-trường,  
 Ngân-hàng-máu nêu cao gương xả-kỷ.  
 Người sản-phụ làm băng<sup>1</sup> rên rỉ,  
 Mạng thương-binh sợi chỉ mong manh.  
 Chơi-vơi lá rù trên cành,  
 Thoi-thóp mảnh hồn chênh-vênh vực thẳm.  
 Tiếp ngay máu hồng tươi son đậm,  
 Giọt theo giọt vào tận tim gan.  
 Màn đen tử-khí xé tan,  
 Dem nhựa sống cho muôn ngàn sinh-mạng.  
 Tay tế-độ không phân thù bạn,  
 Mối tương-lân chẳng quản sang hèn,  
 Màu da trắng, đỏ, vàng, đen,  
 Bề trong máu chảy ruột mềm như nhau.  
 Đức độ-sinh<sup>2</sup> nghĩa nặng ơn sâu,  
 Cơn hoạn-nạn em đau anh xót.  
 Máu anh, châu gieo thánh thót,  
 Đáy tim em giỏ những giọt ân-tình.  
 Anh là ai? nào biết tính danh,  
 Trong im lặng hy-sinh chia sẻ.  
 Bác-Ái, Từ-Bi, Huỳnh-Đệ,  
 Những danh-tử cao đẹp nhẹ như ru,  
 Êm-đềm như khúc nhạc mùa thu,  
 Xán-lạn như mặt hồ buổi sớm...  
 Tình nhân-loại, tình dăm ăm,  
 Cửa những bình máu thắm gửi Ngân-Hàng.

B.S. TRẦN-VĂN-BẢNG

1 Băng huyết.

2 Độ-sinh với đức cao dày (Kiều).



## NHỚ NGƯỜI THÂN Ở PHƯƠNG XA

*Gió may hiu-hắt hát thời về,  
Chạnh người xa vắng lòng tế-tát lòng.*

*Gió may hiu-hắt phất ngoài song,  
Chạnh nhớ-nhung ai thồn-thức lòng.  
Xứ lạ hoa cười thông-thả bước,  
Quê nhà lá rụng ngậm-ngùi trông.  
Sân mai sắc thắm mừng tao khách,  
Vườn cúc hương nồng nức nhụy bông.  
Lấm lức phi-trường lê gót dạo,  
Ngóng con chờ bạn lệ ươm trông.*

THƯỜNG-TIÊN

## ĐÊM LỊCH-SỬ

*Sóng gió đầy trời hệ lụy vương,  
Thương ai chiến-dấu suốt đêm trường!  
Muốn đem ách nước rời tay qui,  
Đành nề súng vào mặt đối-phương!*

*Loạt súng vang rền! loạt súng vang...  
Vòm trời khói bốc một màu tang!  
Từng đoàn anh-dũng... đoàn anh-dũng,  
Hăng-hái xông-pha chống bạo-tàn!*

*Rồi... một đêm qua, lộ ánh hồng,  
Anh-hùng diệt bạo cũng vừa xong.  
Trời Nam, cờ mở hồn dân-tộc,  
Đuốc Việt bừng lên một chiến-công!*

*Đốt mảnh hương lòng gửi gió Xuân,  
Gió ơi! nhờ chuyền đến Quân-nhân.  
Tấm tình tha-thiết người dân Nước...  
Muôn thuở nguyện ghi một «Đặc Ân»!*

BẠCH-LĂNG nữ-sĩ

## CHỮ VIẾT DÒNG ĐÔI

*Bài thơ ba bữa viết chưa rồi  
Trơ mái câu đầu: Bạn cũ ơi!  
Sương gió bẽ-bàng cây bút nhỏ  
Vì ai khôn nói hết tình ai*

*Khúc nhạc canh trường thấn vị men  
Giơ tay run-rầy chấn hoa đèn  
Nghe lòng phong vũ chìm u-tịch  
Ta viết tên người, hiện dáng quen*

*Bờ sông, quán vắng, đêm mưa rơi  
E-áp làm sao vẫn nghẹn lời  
Sóng nước có nao hồn lãng-tử  
Thành sầu dựng mãi cảnh chia phôi*

*Lối khuất vòng theo một ý thơ  
Từng trang tâm-sự sớm phai mờ  
Trời xa đợi bóng chim chiều lạc  
Hoa ngả mình gieo lệ tiễn đưa*

*Mắt người bạn cũ nhìn ngơ ngác  
Như mắt nai tơ ngắm núi rừng  
Ta thấy hương trời bay tản-mác  
Thương và thương... cho lòng rung rung*

*Thôn-nhớ chập-chờn qua huyện-ảo  
Đường dài mong đẹp mảnh thời-gian  
Hỡi người bạn cũ chiều mưa ấy  
Có thấy lòng rung một điệu đàn*

THẠCH-ẤN

## NGÃU - CẢM

— Trời đêm sương gió lạnh-lùng,  
 Kìa đàn con vạc sang sông kiếm mồi.  
 Miếng ăn miếng lụy trên đời,  
 Con chim còn thể, nửa người trần-gian.  
 — Ai giếng sung chín bờ ao,  
 Đè đàn con cá xôn-xao dớp mồi !  
 Ai sinh tài-sắc ở đời,  
 Đè cho thiên-hạ lắm người say mê !

TRẦN-CÔNG CHÍNH

## THANH-HOÀ TIẾT-PHỤ-HÀNH

Thiếp ở Thanh-Hoa, gần mỏm sông,  
 Đẹp duyên ông lái, lấy làm chớng.  
 Ham nghề buôn bán, quanh năm vắng,  
 Hạ tới, xuân qua, luống ngóng trông.  
 Thường thường buôn vải bán trên mường,  
 Vượt bề ra khơi vốn dễ-dàng.  
 Gớm cái thường luống tàn-ác quá,  
 Đánh thuyền chèo đấm dưỡi trùng-dương.  
 Chàng đi sông nước há còn đại,  
 Sóng gió đùng đùng sao chẳng hãi.  
 Tìm xác, thiếp toan xuống vực sâu,  
 Mãi nuôi con thơ, đành lui lại.  
 Bỗng không thù-tiết trải bao thâu,  
 Đáy bề còn nông, nổi hận sâu.  
 Không muốn hóa thân làm đá núi,  
 Làm chim lấp bề hóa còn đâu.

Việt-Nhân VŨ-HUY-CHIỀU

## CHIẾN-SĨ TRIỀU TRẦN

Oanh-liệt thay cho những người chiến-sĩ  
 Của triều Trần, dưng-cảm lại kiên gan,  
 Đã ba lần lấy máu giữ giang-san,  
 Dem chiến-thắng huy-hoàng về đất Việt !  
 Chớng Mông-cò hung-tàn và mãnh-liệt,  
 Tiếng kêu-hùng như sấm dậy trời Đông,  
 Thế nghiêng trời, lệch đất, chuyền non sông,  
 Như bão tố ùng ùng lừng sát-khí.

Chớng Mông-cò đã đem đoàn thiết-ky.  
 Hai lần sang đánh phá đất Đông-Âu,  
 Mang điều-tàn theo vó ngựa long-câu,  
 Nhuộm trời đất một màu sẫm âm-đạm,  
 Đã đập đổ dải Trường-thành muôn dặm,  
 Kéo binh vào chiếm-đoạt đất Trung-nguyên,  
 Diệt Liêu, Kim, chinh-phục nước Triều-tiên  
 Đè xây dựng triều Nguyên bao lớn rộng.

Chớng Mông-cò đã đập bằng đất Tống  
 Và quyết lòng thôn-tính Việt-Nam ta,  
 Mang binh hùng, tướng mạnh, đẩy can-qua,  
 Năm mươi vạn tràn qua như núi đồi,  
 Người chiến-sĩ của triều Trần hăm-hở  
 Quyết ra tài phá Lỗ lập kỳ-công.  
 Tuốt gươm thiêng, thề nguyện giữ non sông,  
 Tôi với chúa tạc lòng câu «Sát Đát».

Nắm tay nhau nhịp nhàng cao giọng hát,  
 Họ chẳng màng khờ-cực với long-dong.  
 Từ Khả-Li, Kỳ-Cấp đến Thăng-Long  
 Sang Vạn-Kiếp rồi lại về Thanh-Hóa,  
 Bao thất-bại chẳng làm sờn chí cả,  
 Họ vẫy-vùng lán-lộn giữa rừng đao,  
 Và nhấm bóng cờ đào luôn cắt bước.

Tình yêu nước dậy trong lòng não-nức,  
 Nghĩa quân-thần thúc-giục tẩm trung-can,  
 Lời hịch văn thông-thiết động tim gan  
 Của những kẻ đọc ngang trường huyệt-chiến.  
 Đông-Bộ-đầu, dưới mây thù thao-diễn  
 Khí hào-hùng lay động bóng sao Ngưu<sup>1</sup>,  
 Tướng cùng quân chung một chí tiêm-cừ,  
 Thề đánh đuổi quân thù ra cõi Việt.

Ôi! những kẻ trung-trinh bao tráng-liệt!  
 Những anh-hùng khí-tiết động trăng sao!  
 Ôi! Những lời muôn thuở đáng nêu cao  
 Của kẻ nắm binh-quyền, mưu chiến-thắng!<sup>2</sup>  
 Ôi! Cái chết hào-hùng mà bi-tráng  
 Của tướng-quân mang nặng nghĩa quân-vương:  
 Thề cùng, thà làm quỉ ở Nam-phương  
 Chẳng chịu nhục làm vương triều-khuyết Bắc!<sup>3</sup>

1 Tam q-an tỳ hồ chí thôn Ngưu (Phạm Ngũ-Lão).

2 Trần-Thủ-Độ: "Đầu tôi chưa rời xuống đất, xin Bệ-hạ đừng lo".

Trần-Quốc-Tuấn: "Xin Bệ-hạ chém đầu kẻ hạ-thần trước tôi sẽ hàng".

3 Trần-Binh-Trọng: "Ta thà làm quỉ nước Nam, không thềm làm vương đất Bắc".

Cửa gương giáo rặng ngời trong trại giặc,  
 Lời ôn-hòa mà khí sắc ung-dung,  
 Trần-khắc-Chung đi sứ đã nên công  
 Mà đảm-lực thêm phục lòng tướng địch.  
 Mang niên-thiếu bằng mình trong kiếm-kích,  
 Hoài-Văn-Hầu đã tỏ mặt kinh-luân,  
 Mà ngọn cờ "Phá địch, báo hoàng-ân"<sup>4</sup>  
 Nghìn muôn thuở vẫn còn lưu Việt-sử.

Ôi! Những trận khiến trời long đất lở!  
 Những kỳ-công rực-rỡ đến muôn thu!  
 Bến Chương-Dương, Quang-Khải giết quân thù,  
 Cửa Hàm-Tử, Chiêu-Văn-Vương phá địch.  
 Trận Tây-Kết, Toa-Đô tìm cái chết,  
 Lục-thủy-đầu, Văn-Hồ khiếp uy-danh,  
 Bạch-đăng-giang vang dậy khúc quân hành  
 Của binh Việt hoan-hô thần Chiến-thắng.

Sáu trăm năm đã qua... mà bóng dáng  
 Của những người đã đánh đuổi quân Mông  
 Còn mờng-lung phảng-phất giữa non sông  
 Như lưu-luyến đất con Hồng cháu Lạc.  
 Và những đêm trời trong, mây sáng bạc,  
 Tôi còn mơ thấy những bóng quân-binh  
 Nêu ngọn cờ phấp-phới khắp trời xanh,  
 Và hát khúc khải-hoàn rung bóng nguyệt.

ĐĂNG-PHƯƠNG \*

4 Cờ Hoài-Văn-Hầu Trần-Quốc-Toản đề sáu chữ "Phá cường địch, báo hoàng-ân".

\* Bài này do Nguyễn-Chí-Viên sưu-tầm.

## NGHE CHUÔNG SỚM

Chuông chùa ai thỉnh lúc tàn canh ?  
 Gác sớm nghe chuông cảm một mình.  
 Văng-vẳng trong không mà thấy có,  
 Bồi-hồi như tạp hóa ra thanh !  
 Mộng tan trần-thế màn sương bạc,  
 Sóng rợn từ-âm đợt lá xanh.  
 Xa vọng cửa thiền tâm ngưng-mộ,  
 Muốn quăng đao bút nguyện tu-hành.

BÔNG-XUYẾN

VỊNH THƯỢNG-TỌA  
THÍCH-QUẢNG-DỨC

Trọn đời tu-đạo chốn thiền-môn,  
 Mượn lửa thần thông tiếp-dẫn hồn.  
 Một khối đan-tâm bền sắt đá,  
 Nghìn năm thanh-sử đẹp vàng son.  
 Con thuyền tế độ dù xa bến,  
 Giọt nước cành dương chẳng cạn nguồn.  
 Đuốc tuệ rời dây soi sáng khắp,  
 Cho người mở mắt với giang-sơn.

HỒNG-THIÊN nữ-sĩ

## NHẠC CAM-LY

Thăng-cảnh du-dương nhạc bằng trầm,  
 Cam-Ly hòa đủ điệu thanh-âm.  
 Sáo tưng vi-vút trên ngàn thắm,  
 Phách suối đặt-dìu dưới bóng râm.  
 Đá xếp gập-ghềnh nghiêng-ngửa phiếm,  
 Nước tuôn ào-ạt lả-lơi giã.  
 Chim rừng gõ nhịp, ve ca xướng,  
 Khoan-nhật đờn lau tiếng đệm thăm.

BẰNG-TÂM  
(Đalat)

## ĐÊM ĐÔNG ĐỌC SÁCH

Mưỡu

Đêm đông dưới ánh đèn hoa,  
 Thánh hiền ôn truyện gần xa thêm tường.  
 Mặc cho giờ tỏa mù sương,  
 Rừng vắng bề học rộng đường tiêu-dao.

Nói

Đêm giá lạnh ai ham đọc sách,  
 Mặc trắng dờm cùng vách nghiêng tai.  
 «Giống si-thư», ai khéo cười ai,  
 Mãi nghiền-ngẫm, truyện trong ngoài đều gác cả.  
 Trước đèn hỏi thánh hiền đâu đó tá ?  
 Bên án xem kinh sử vẫn còn đây !...  
 Giờ lẫn lẫn đủ sách Đông Tây,  
 Càng đọc kỹ, càng say-sưa xúc-dộng..  
 Ai cảm thấy:  
 Như tiêu sầu, như tỉnh mộng,  
 Như thám-hiềm trong rừng sâu,  
 Như phiêu-lưu trên bề rộng.  
 Khiến tâm-hồn nương bay bổng giữa trần-ai.  
 Càng đọc nhiều, càng vững chí làm trai,  
 Càng hiểu biết, chóng gai nào xá kè !  
 Sương dù lạnh, canh dù khuya,  
 Đêm dù dài, trắng dù xẽ,  
 Ai quan-thư, đâu dễ ngại-ngùng !...  
 Rừng vắng vui ngắm trúc tùng,  
 Vui ôn kinh truyện hào-hùng bốn phương.  
 Năm châu càng rõ kịch-trường.

BÔNG-HẢI

TRUY-DIỆU  
NHẤT-LINH NGUYỄN-TUỜNG-TAM

Nhất-Linh thế thế mất rồi !  
 Tình kia cảnh nọ, lòng tôi nào sâu.  
 Nhớ kẻ sỹ bao lâu hoạt-động,  
 Vì tương-lai nòi giống Rồng-Tiên,  
 Nòi gương các bậc tiên-hiền,  
 Trừ quân tham-bạo, giành quyền tự-do.  
 Tài lực góp mở kho văn-học,  
 Trí đồng-bào sẵn sức mở-mang.  
 Đàn văn, trận bút dọc ngang,  
 Sâu cay «Phong-Hóa» uần tàng «Ngày-Nay».  
 «Nhà Ánh-Sáng» hăng say thề-hiến,  
 Đòi dân nghèo, cải-thiện bao công.  
 Một niềm phục-vụ non sông,  
 Khó càng dẫn bước, nguy không sờn lòng.  
 Thật xứng đáng «CƯƠNG PHONG» huy hiệu,  
 Đã bao lần đăm tiếu đùa chơi.  
 Tô ra cứng nhơn hơn đời,  
 Khiến trong cử-tọa bao người phải kinh.  
 Tôn quốc-thê, miệt khinh thực Pháp,  
 Hội bàn tròn Đà-Lạt vang danh.  
 Sáng ngời ý thép, lời danh,  
 Nơi nơi ca ngợi «Trường-thành quốc-gia».  
 Tùy thời-thế vui hòa các đảng,  
 Đề cùng nêu đuốc sáng duy-tân.  
 Cùng nhau khừ bạo an dân,  
 Võ-đài thế-giới, dần dần tiến lên.  
 Đâu ngờ quá đảo-diên bày quỷ !  
 Thâm độc trừ chiến-sĩ quốc-gia !  
 Thôi đành hải-ngoại bôn-ba,  
 Tắc son hứa với sơn-hà dám sai ?

Nơi rừng thẳm, gươm mài dưới nguyệt,  
 Hờn qua-phân kiên-quyết rửa hờn.  
 Bao lòng nôi dậy đòi cơn,  
 Gai nằm mặt nếm, chẳng sờn đan-tâm.  
 Thương nước phải kẻ cầm quyền-bính,  
 Sống lừa dân, mưu tính lừa dân.  
 Khiến dân khổ cực muôn phần,  
 Mất bằng của cải, hao dần thịt xương.  
 Cảnh-huống thật phi-thường bi-đát,  
 Người chí-nhân thêm nát gan lòng.  
 Đêm ngày thành-khăn cầu mong,  
 Mong sao nòi-giống thoát vòng oan-khiên.  
 Cùng các vị «Cao-hiền bất úy»,  
 Bản điều-trần cùng ký tên trao.  
 Khuyến can họ có nghe nào !  
 Thế to thành điếc, quyền cao hóa mù ?  
 Chừa sao khỏi tham, ngu, gian, ác,  
 Thôi cũng đành một thác còn hơn.  
 Thác cho tan khí căm hờn,  
 Cho đồng-bào nôi bật cơn oán thù.  
 Thác còn đề đền bù ơn nước,  
 Thác cương-thường thành đực chữ nhân.  
 Muôn năm bắt hủ tinh-thần,  
 Hoa thơm thơm mãi mộ-phần Nhất-Linh.

Tặng-Chi  
 TRẦN-VĂN-THUỘC  
 (Sát-gòn)



« CULTURE LIBRARY »

published by the Directorate of Cultural Affairs  
Department of National Education

1. SỬ-LIỆU VIỆT-NAM (Documents on Vietnamese History)  
by Tuấn-Lý Huỳnh-khắc-Dụng.  
(246 pages) . . . . . 25\$
- 2-3. ĐẠI-NAM NHẤT-THÔNG-CHÍ : LỤC-TỈNH NAM-VIỆT  
(Complete Monograph of the Great Vietnam Unified :  
The 6 provinces of South Vietnam) translated by Tu-Trai Nguyễn-Tạo.  
Part I (152 pages) . . . . . 20\$  
Part II (132 pages) . . . . . 15\$
- 4-5. ĐẠI-NAM NHẤT-THÔNG-CHÍ : TRUNG-PHẦN  
(Complete Monograph of the Great Vietnam Unified :  
Province of Thanh-Hoa) translated by A-Nam Trần-Tuần-Khải.  
Part I (122 pages) . . . . . 15\$  
Part II (174 pages) . . . . . 15\$
6. ĐẠI-NAM NHẤT-THÔNG-CHÍ : TRUNG-PHẦN  
(Complete Monograph of the Great Vietnam Unified :  
Central Vietnam) translated by Tu-Trai Nguyễn-Tạo.  
The Capital (96 pages) . . . . . 15\$
- 7-8. CÔ-ĐỒ HUẾ (Huế, the Ancient Capital)  
(History, Monuments, Sites and Anthology) by Thái-Vân-Kiểm  
(487 pages, 53 illustrations and maps) . . . . . 70\$
- 9-12. ĐẠI-NAM NHẤT-THÔNG-CHÍ : TRUNG-PHẦN  
(Complete Monograph of the Great Vietnam Unified :  
Central Vietnam) translated by Tu-Trai Nguyễn-Tạo  
Provinces of Quảng-Trị and Quảng-Bình  
Province of Thừa-Thiên Part I (144 pages) . . . . . 15\$  
Part II (152 pages) . . . . . 15\$  
Part III (134 pages) . . . . . 15\$
- 13-14. VIỆT-NAM NHÂN-VẬT CHỈ VỤNG-BIÊN  
(Glossary of Vietnamese Historical Figures)  
by Thái-Vân-Kiểm & Hồ-Đắc-Hàm (290 pages) . . . . . 55\$
15. HIGHER EDUCATION IN THE REPUBLIC OF VIETNAM  
"VIETNAM CULTURE SERIES" N. 6  
by Nguyễn-Đình-Hòa (32 pages) . . . . . 6\$
16. LA LITTÉRATURE VIETNAMIENNE  
(Introduction to Vietnamese Literature)  
"VIET-NAM CULTURE SERIES" N. 7  
by Nguyễn-Khắc-Kham (26 pages) . . . . . 6\$

On sale in all bookshops of the Capital and the provinces, in THÔNG-NHẤT (329 Bđ Trần-Hưng-Đạo, Saigon) and at the Directorate of Cultural Affairs (89 Le-Van-Duyet Street, Saigon).

NGUYỄN-ĐĂNG-THỤC

Trưởng-Ban Triết-Đông  
Đại-học Văn-khoa Sài-gòn

pháp-trị và pháp-học  
ở á-đông xưa : thề, pháp, thuật

(xin đọc V.H.N.S. từ số 87)

Sự quan-trọng của pháp-luật

Thời đại Xuân-Thu càng đi sang thời đại Chiến-Quốc, sự tiên-hóa trong tư-tưởng giới Trung-Quốc cũng bày ra có trạng-thái tư-tưởng Nhân-trị dần-dần nhường bộ cho tư-tưởng Pháp-trị, cho nên Pháp-luật càng tỏ ra là cần thiết mà Pháp-gia cũng càng ngày càng được phát-triển, bành-trướng thế-lực. Quid-Tử quyền 27, thiên Minh-Pháp giải 67, viết :

« Minh-chủ thông-nhất pháp-độ, lập nghi-thức biểu hiệu và bảo-vệ cho vững-chắc. Cho nên mệnh-lệnh ban ra, nhân-dân theo. Luật-pháp là hình-thức của thiên-hạ, và nghi-biểu cho mọi công việc. Quan lại là những người cảm tính mệnh của nhân-dân. Cho nên minh-chủ trị dân thường kẻ xứng-đáng theo pháp-luật và phạt kẻ trái pháp-luật. Cho nên lấy pháp-luật mà chu phạt thì dân có phải chết cũng không oán, lấy pháp-lượng công thì dân nhận thưởng không có chịu ơn công đức. Đây là cái công của sự lấy pháp-luật mà thi thố cắt cử. Cho nên minh-pháp nói : Lấy pháp-luật trị quốc thì chỉ là công việc thì thố cắt cử điều-hòa mà thôi. Minh-chủ cho chế-độ pháp-luật độ-lượng, nên các quan đều trị theo ngay thẳng đứng-đắn mà không dám làm gian-tà. Bách tính nhân-dân biết nhà vua và quan cai-trị căn-cứ theo pháp-luật để làm việc. Cho nên các quan cai-trị sai khiên điều gì có pháp-luật thì dân theo, không có pháp-luật thì dân không tuân theo nữa. Dân lấy pháp-luật mà cùng với quan chông cự nhau, người dưới cùng với người trên lấy pháp-luật mà cùng làm công việc. Cho kẻ dôi-trá không được khinh chủ mình, kẻ ghét ghen không được dùng lòng giặc cướp của mình, kẻ gièm-pha nịnh hót không được thi-hành sảo-quyệt. Ở ngoài ngàn dặm không ai dám tự tiện làm điều phi-pháp. Cho nên minh-pháp nói rằng : có chế độ pháp-luật thì không có thể lấy giả-dối để mà làm điều sảo-quyệt.»

[Tập XII, Quyền 12 (Tháng 12, 1963)]

(Minh chủ giả nhất độ lượng, lập biểu nghi nhi kiên thủ chi, cớ lệnh hạ nhi dân tòng, pháp giả thiên hạ chi trình thức dã. Vạn sự chi nghi biểu dã. Lại giả dân chi sở huyền mệnh dã. Cớ minh chủ chi trị dã đương ư pháp giả thường chi, vi ư pháp giả chu chi. Cớ dĩ pháp chu tội tắc dân tự tử nhi bất oán, dĩ pháp lượng công tắc dân thụ thưởng nhi vô đức dã. Thủ dĩ pháp cử thồ chi công dã. Cớ minh chủ viết: dĩ pháp trị quốc tắc cử thồ nhi dĩ. Minh chủ giả hữu pháp độ chi chế. Cớ quân thần giai xuất ư phương chính chi trị nhi bất cảm vi gian. Bách tính thi chủ chi tòng sự ư pháp dã. Cớ lại trị, sở sử giả hữu pháp tắc dân tòng chi. Vô pháp tắc chi, dân dĩ pháp dữ lại tương cự, hạ dĩ pháp dữ thượng tòng sự. Cớ trá nguy chi nhân bất đắc khi, kỳ chủ tặc đồ chi nhân bất đắc dụng kỳ tặc tâm, sảm sưu chi nhân bất đắc thi kỳ sảo, thiên lý chi ngoại bất cảm thiện vi phi. Cớ minh pháp viết hữu pháp độ chi chế giả bất khả sảo dĩ trá nguy.) (Quán-Tử 9, 21, th. Minh Pháp giải 67).

Sách *Hàn-Phi-Tử*, thiên Dung-nhân 27 viết:

«Bỏ pháp-thuật để dùng tâm mà trị, thì vua Nghiêu cũng không có thể trị cho ngay được một nước. Bỏ thước vuông tròn để đo bằng ý lám lạc thì Hề-Trọng cũng không có thể làm thành một bánh xe. Bỏ thước đo xích thốn mà so dài ngắn thì Vương-Nhi không có thể đo đúng một nửa. Nếu bảo một nhà cầm quyền trung-bình giữ pháp-thuật, hay là một người thợ vụng giữ thước vuông tròn, thước xích thốn thì trong một vạn sự không sai hỏng. Nếu nhà vua có thể bỏ được cái gì mà người hiền và khéo cũng không có thể làm được đi, và giữ cái mà kẻ bình thường vụng-vé không sai hỏng trong vạn sự thì nhân-lực thi-hành đến hết sức mà công-phu danh-dự thiết-lập vậy.» (Thích pháp thuật nhi tâm trị Nghiêu bất năng chính nhất quốc. Khứ qui củ nhi vong ý độ Hề-Trọng bất năng thành nhất luân. Phê xích thốn nhi si đoan trường, Vương Nhi bất năng bán đúng. Sử trung chủ thủ pháp thuật, chuyêt tường, thủ qui củ xích thốn tác vạn bất thất hỹ. Quân nhân giả năng khứ hiền, sảo chi sở bất năng thủ trung chuyêt chi sở vạn bất thất tác nhân lực tận nhi công danh lập) (*Hàn-Phi-Tử*, th. Dung nhân 27.)

Đây là quan-niệm pháp-trị được xưng tụng đến triệt-đề, và người ta tin-tưởng vào pháp luật thực-tiến. Sau khi đã làm ra pháp-chế, và mỗi người trong Quốc-Gia kẻ thông-trị cũng như kẻ bị-trị đã tuân theo pháp-luật và không có thể thay đổi pháp-luật tùy theo ý muốn.

*Quán-Tử*, thiên 45, nhận-định rằng:

«Pháp-luật không thông nhất thì người có nước không gặp lành... cho nên bảo pháp-luật phải lâu dài. Từ cái lâu dài của pháp-luật mà sinh ra trị loạn còn mất, và thánh-quân lấy đây làm khuôn mẫu lớn của thiên hạ. Vua tôi trên

dưới kẻ quí người hèn đều phát khởi ở đây... Muốn vật trăm sự nếu không ở trong khuôn khổ của pháp-luật thì không thể hoạt động được, cho nên luật pháp là đạo lý tối cao của thiên hạ... Cho nên bảo có người sáng-lập ra pháp luật, có người bảo-vệ cho pháp-luật, có người tuân theo pháp-luật. Vua làm ra pháp-luật, quan bảo giữ pháp-luật, dân tuân theo pháp-luật. Vua tôi, trên dưới, sang hèn, đều tuân theo pháp-luật, ấy gọi là một nước bình trị.» (Pháp bất nhất tắc hữu quốc gia bất tường... Cớ viết: pháp giả bất khả bất hằng dã. Tôn vong trị loạn chi sở tòng xuất, thánh quân sở dĩ vi thiên hạ đại nghi dã, quân thần thượng hạ qui tiện giai phát yên... Vạn vật bách sự phi tại pháp chi trung giả bất năng động dã. Cớ pháp giả thiên hạ chi chí đạo dã. Cớ viết: hữu sinh pháp, hữu thủ pháp, hữu pháp ư pháp. Phù sinh pháp giả, quân dã. Thủ pháp giả thần dã. Pháp ư pháp giả dân dã. Quân, thần, thượng hạ, qui, tiện, giai tòng pháp. Thủ vị đại trị. (*Quán-Tử* th, 45).

*Hàn-Phi-Tử* q. 2, thiên Hữu-Độ viết:

«Nước không khỏe luôn, không yếu luôn. Tuân theo thừa hành pháp-luật cương quyết thì nước khỏe, thừa hành luật pháp một cách nhu-nhược thì nước yếu... Cho nên nhà vua sáng suốt dùng các quan lại của mình không ra ngoài khuôn khổ của luật-pháp, không ân-huệ ở trong khuôn khổ pháp-luật, hành-động không ra ngoài luật-pháp, luật-pháp để ra ngoài mực thước của nó là riêng tư vậy.» (Quốc vô thường cường, vô thường nhược. Phục pháp giả cương tắc quốc cường, phục pháp giả nhược tắc quốc nhược... Cớ minh chủ sử kỳ quân thần bất du ý ư pháp chi ngoại, bất vi huệ ư pháp chi nội. Động vô phi pháp. Pháp sở dĩ lạng quá du ngoại, tư dã.» (*Hàn-Phi*, q. 2).

Xem như thế thì biết cái lý-tưởng tối cao của học-phái Pháp-gia là: «Vua, tôi, trên, dưới, sang, hèn, đều tuân theo pháp luật.» (Quân, thần, thượng, hạ, qui, tiện, giai tòng pháp) Được như thế là đại trị. Muốn thực hiện cái lý-tưởng tối cao ấy, một khi pháp-luật đã lập rồi thì Pháp-gia đi đến sự cảm đoán và độc tài, hết tự-do cá-nhân, hết tự-do tư-tưởng ngôn luận.

*Hàn-Phi-Tử* thiên 41, quyển 17, viết:

«Hoặc có người hỏi, biện-thuyết ở đâu sinh ra? — Trả lời: Ở người trên không sáng-suốt mà sinh ra vậy. Hỏi rằng: Tại sao mà người trên không sáng suốt lại sinh ra có biện-thuyết? — Đòi lại rằng: Quốc-lệnh của người minh chủ là lời nói quí nhất, Pháp-luật là việc thích-hợp nhất. Lời nói không thể cùng quí ở hai người, không thể có hai pháp-luật cùng thích hợp. Cho nên ngôn-ngữ hành-vi không theo đúng pháp-luật thì ắt phải cảm đoán. Nếu có những người không có pháp-lệnh mà có thể thủ-tiếp lấy cơ giả-dối ứng biện lưỡng-đào để sinh có lời, thì người trên phải bắt họ chịu trách-nhiệm về lời nói

của họ. Hễ lời nói của họ đúng thì cho họ lợi ích, không đúng thì bắt họ chịu trong tội. Đây là con đường mà kẻ ngu sợ tội nên không dám nói, kẻ tri-thức không có gì để tranh-biện. Vì thế cho nên không có tranh-biện nữa. Nhưng ở thời-loạn thì không như thế. Người lãnh-đạo ở trên ra lệnh mà dân lấy văn-học để làm trái lệnh. Khi nào quan trên có luật-pháp mà dân lấy hành-vi riêng tư làm sai đi. Người chủ ở trên khinh-miệt pháp-lệnh của mình mà tôn-trọng cái biết của học-giả cùng hành-vi của họ, thời buổi ấy như thế nên mới có nhiều văn-học... Cho nên, người ăn mặc mũ cao áo dài đeo kiếm thì nhiều mà người chiến-sĩ canh-nông thì ít. Những chuyện kiên-bạch, vô-hậu bành-trướng, mà hiền-lệnh luật-pháp mờ tắt, không còn hiệu-nghiem nữa. Cho nên bảo rằng ở trên không sáng-suốt thì biện-thuyết mới sinh ra vậy.» (Hoặc vẫn viết: Biện an sinh hồ? — Đòi viết: sinh ư thượng chi bất minh dã. — Vẫn giả viết: thượng chi bất minh nhân sinh biện dã, hà tai? — Đòi viết: Minh chủ chi quốc lệnh giả ngôn tòi quý giả dã. Pháp giả sự tòi quý giả dã. Ngôn vô nhị quý, pháp vô lưỡng thích. Cô ngôn hành nhi bất qui ư pháp lệnh giả tất cảm. Nhược kỳ vô pháp lệnh nhi khã đi tiếp trá ứng biện sinh lợi, chuyên sự giả thượng tất thái kỳ ngôn nhi trách kỳ thực. Ngôn đương tác hữu đại lợi, bất đương tác hữu trọng tội. Thị tất ngu giả úy tội nhi bất cảm ngôn trí giả vô đi tụng. Thử sở dĩ vô biện chi cô dã. Loạn thế tác bất nhiên. Chủ thượng hữu lệnh nhi dân dĩ văn học phi chi, quan phủ hữu pháp, dân dĩ tư hành kiêu chi. Nhân chủ cô tiệm kỳ pháp lệnh nhi tôn học giả chi trí hành, thử thế chi sở dĩ đa văn học dã... Thị dĩ nho phục đới kiếm giả chúng nhi canh-chiến chi si quả. Kiên bạch, vô hậu, chi từ chương nhi hiền lệnh chi pháp tức. Có viết thượng bất minh tác biện sinh yên.) (*Hàn-Phi*, quyển 17, thiên 41.)

Pháp-luật là mực thước tối cao để xét-đoán giá-trị của ngôn-ngữ hành-vi của dân-chúng trong một nước. Theo pháp-gia thì tất cả ngôn-luận cùng hành-vi không thích-hợp với luật-pháp đều bị cấm ngặt. Pháp-gia muốn đi đến chế-độ không chế-độc-tài, chỉ-huy toàn-thể, cho nên ta đi đến những kết-luận cực-đoan như nói ở *Hàn-Phi-Tử*, quyển 19, thiên 49:

“Trong nước của nhà Vua sáng-suốt không có văn-chương sử-sách chi có pháp-luật để dạy. Không có lời nói cách-ngôn của các tiên-vương, chỉ có quan lại làm thầy dạy học”. (Minh chủ chi quốc vô thư giản chi văn dĩ pháp vi giáo, vô tiên vương chi ngữ dĩ lại vi sư) (*Hàn-Phi-Tử*, 9, 19, thiên 49).

### Chính-danh của pháp-gia

Pháp-gia luận về thuyết cho người lãnh-đạo quốc-gia thông-trị dân-chúng. Trong những thuật ấy, về phương-diện triết chỉ có phép chính-danh là có ý

nghĩa hơn cả. Đây là phương-diện áp-dụng của thuyết chính-danh của các danh-gia vậy. *Quản-Tử*, quyển 13, thiên 38, Bạch-Vân tuyên bố: “Danh chính, pháp-luật sản đủ, thì thánh-nhân không còn việc chi nữa” (Danh chính, pháp bị, tác thánh nhân vô sự).

Và ở quyển 18, thiên 55: “Tu sửa danh mà áp dụng thực, căn cứ vào thực mà định lấy danh. Danh thực sinh lẫn nhau, sự hỗ-động tương sinh ấy là tính-chất của chúng. Danh thực đúng đáng thì nước trị, không đúng đáng thì loạn. Danh sinh ở thực, thực sinh ở đức, đức sinh ở trí, trí sinh ở chỗ đúng đáng.” (Tu danh nhi độc thực, án thực nhi định danh. Danh thực tương sinh phản tương vi tính. Danh thực đương tác trị, bất đương tác loạn. Danh sinh ư thực, thực sinh ư đức, đức sinh ư lý, lý sinh ư trí, trí sinh ư đương.) (*Quản-Tử*, quyển 18 thiên 55).

Sách *Hàn-Phi-Tử*, thiên 8, quyển 2, cũng viết về văn-đề chính danh:

“Ôi! vật có chỗ nên của nó, tài có chỗ thì thõ, mỗi cái ở chỗ đáng nên của nó, cho nên trên dưới không phải là chi hết... Trên dưới thay cho nhau mà làm việc nước, cho nên nước không trị. Dùng phương-thuật để đồng nhất thì danh là đầu tiên để đồng nhất. Danh mà chính thì vật mới định, danh không chính thì vật biến đổi, cho nên thánh-nhân đồng nhất được rồi thì ở yên tĩnh. Người làm cho danh tự nó ứng-dụng lấy và ra lệnh cho việc tự định lấy. Không nhìn thấy công việc cho nên kẻ dưới chắt-phác và ngay thẳng. Dùng người tùy tài mà nhậm chức khiến cho công việc tự họ làm lấy. Nhân công việc mà cho, và họ tự-sự lấy với họ. Vật sự đã chính và vật nào ở vị-trị của nó thì chúng đều tự định lấy. Người trên lấy danh mà cứ lên. Khi nào không biết danh của thực thì trở vi tu sửa đến hình vật thực. Vật thực và danh đã thấy phù-hợp tham-đồng thì có thể dùng được cái gì chúng để ra. Khi nào hai bên thật với nhau rồi thì kẻ dưới đem cho cái bản tính của chúng... Vua giữ lấy danh trong tay, thần dân khuôn cái thực với danh. Danh thực tham đồng rồi thì trên dưới điều hòa với nhau vậy.” (Phù vật giả, hữu sở nghi. Tài giả hữu sở thi. Các xứ kỳ nghi, cô thượng hạ vô vi... Thượng hạ dĩ dụng quốc cô bất trị. Dụng nhất chi đạo dĩ danh vi thủ. Danh chính vật định. Danh kỳ vật chỉ, cô thánh-nhân chấp nhất dĩ tính, sử danh tự mệnh, lệnh sự tự định. Bất kiến kỳ thái hạ, cô tở chính. Nhân chi nhậm chi sử tự sự chi. Nhân nhi dự chi bị tương tự cử chi. Chính dữ sử chi sử giai tự định chi, thượng dĩ danh cử chi, bất tri kỳ danh phục tu kỳ hình. Hình danh tham đồng dụng kỳ sở sinh. Nhị giả thành tín. Hạ nãi công tình... Quân tháo kỳ danh, thần hiệu kỳ hình, Hình danh tham đồng, thượng hạ hòa điệu dã (*Hàn-Phi-Tử*, th. 8, p. 2).

Lại thiên 7 cũng nói:

« Nhân chủ muốn cảm điều gian, thì xét sự thích-hợp danh với thực, ngôn-ngữ với việc làm. Làm thần-dân thì trình-bày việc mà nói, Vua lấy lời nói ấy mà giao công việc, nhưng bắt y phải chịu trách-nhiệm về công việc của mình. Khi nào công việc đúng với lời nói thì thưởng, công không đúng với việc làm, việc làm không đúng với ngôn-ngữ thì phạt, cho nên quân-thần đòi nhiều mà công lao ít thì phạt, không phạt vì công ít, mà phạt vì công không xứng với danh xưng. Khi nào quân-thần nói ít mà công việc nhiều cũng phạt không phải không bằng lòng công-lớn, mà vì không thích đáng với danh. Như thế thì sự hại còn hơn là có công lớn, cho nên phạt » (Nhân chủ tương dục cảm gian tác tâm hợp hình danh giá. Ngôn bắt dị sự dã. Vi nhân thần giả trần sự nhi ngôn quân di kỳ thụ chi sự chuyên di kỳ sự thanh kỳ công. Công đáng kỳ sự, sự đáng kỳ ngôn tác thưởng, công bắt đáng kỳ sự, sự bắt đáng kỳ ngôn tác phạt. Cồ quân thần kỳ ngôn đại nhi công tiểu giả tác phạt, phi phạt tiểu công dã, phạt công bắt đáng danh dã. Quân thần kỳ ngôn tiểu nhi công đại giả diệc phạt, phi bắt duyệt ư đại công dã, di vi bắt đáng danh dã. Hại thậm ư hữu đại công cồ phạt, (Hàn-Phi-Tử, thiên 7).

Khổng-Phu-Tử bênh-vực thuyết chính-danh, mong ở sự chính-danh để xếp lại địa-vị của xã-hội thích-hợp với lý đương nhiên của từng giai-cấp. Pháp-gia như ở những tài-liệu trên đây đã trình-bày, thì bênh vực chính-danh như là phương-tiện để cho nhà thông-trị kiểm-soát kẻ bị trị. Biện-sĩ danh-gia bênh-vực thuyết chính-danh với thực để mong thấy mỗi người thận-trọng vào điều muốn nói, và đối với Danh-gia thì một vật thực phải có một tên đi với nó.

Pháp-gia chỉ muốn duy-trì cho có sự tham đồng giữa hình danh, và như thế họ tin rằng một cái danh phải có một vật thực đi đôi với nó. Bởi thế nhà cầm quyền khi giao công việc cho một người phải bắt người kia chịu trách-nhiệm về công việc làm của y, kết-quả phải phù hợp với danh xưng công việc. Như vậy thì hình-thức phải đi đôi với danh-phận. Một khi hệ-thống hình-danh đã thiết-định, các chức công phải cố-gắng làm tròn phận-sự, như nhà cai-trị chỉ phải kiểm-soát để xem xét về kết-quả của công việc làm, đúng theo hệ-thống danh xưng. Vì thế mà « Quân thao kỳ danh thần hiệu kỳ hình. Hình danh tham đồng, thượng hạ hòa điều ».

Bởi vậy mà « Danh chính vật định, danh ý vật chí. Cồ thánh-nhân chấp nhất di tính ».

### Triết-lý vô-vi của pháp-gia với đạo-gia

Thuyết « vô vi nhi trị » của Pháp-gia, thì thầy nói ở Hàn-Phi-Tử, quyển 2, thiên 8, Dương-Quyển, như sau :

« Trời có mệnh lớn, người có mệnh lớn. Ôi mùi thơm, sắc đẹp, vị thanh, rượu nồng, thịt béo, ngọt miệng mà thương tổn đến hình đẹp lý, sáng rang ; đẹp tinh mà thương tổn cho tinh-khí. Cho nên bỏ quá lắm, bỏ thái quá, thì thân thể không có hại, quyền không thêm muốn, thầy được cái tổ phác không làm vậy. Công việc ở tại bốn phương mà cái trọng-yêu lại ở chính giữa trung-tâm. Thánh-nhân cầm giữ cái trọng-yêu, và bốn phương đến để bắt chước. Thánh-nhân hư tâm mà đợi đến, chúng tự làm lấy. Bồn bề đã che giấu, thánh-nhân ánh-sáng, cái tinh đến cái động. Khi nào tả hữu phụ bật đã thiết lập rồi, thánh-nhân mở cửa mà đón lấy. Không biến, không đổi, hai đảng đều hành-động Hành-động không dừng, ấy gọi là hành-động thích-hợp với nguyên-lý vậy. Ôi ! vật có chỗ nên của nó, tài-liệu có chỗ ứng-dụng. Khi nào mọi vật đứng ở địa-vị đáng nên của chúng, thì trên dưới không làm, vô-vi. Khi nào gà canh đêm, mèo bắt chuột, mỗi đảng đều được dùng cái khả-năng của mình, thì người trên hết phận-sự. Khi nào người trên được chỗ sở-trường của mình, thì công việc không phương-hại đến trật-tự của nó. Kẻ nào khoe mình mà thích tài-năng thì người dưới có chỗ thất vọng. Khi nào hay biện-thuyết và làm tốt thì người dưới lại thị tài mình. Trên dưới dùng thay cho nhau, lộn ngược thì nước không trị » (Thiên hữu đại mệnh, nhân hữu đại mệnh. Phù hương mi bào vi, hậu tửu phi nhục, cam khẩu nhi tạt hình mạn lý, hào si, duyệt tinh nhi tồn tính. Cồ khứ thậm, khứ thái, thân nãi vô hại. Quyền bắt dục, kiên tổ vô vi dã, sự tại tứ phương, yêu tại trung ương, thánh nhân chấp yêu, tứ phương lai hiệu. Hư nhi đãi chi bì tự di chi tứ hải. Kỳ tấn đạo âm kiên dương, tả hữu ký lập, khai môn nhi đảng, vật diên vật dịch, dữ nhi câu hành. Hành chi bất di, thị vị lý lý dã. Phù vật giả hữu sở nghi, tài giả hữu sở thi. Các xứ kỳ nghi, cồ thượng hạ vô vi, sử kê tư dạ, lịnh lý chấp thủ, giai dụng kỳ năng. Thượng nãi vô sự. Thượng hữu sở-trường, sự nãi bắt phương. Càng nhi hiệu năng, hạ chi sở khi diên huệ hiệu sinh, hạ nhân kỳ tài. Thượng hạ dịch dụng, quốc cồ bắt trị. (Hàn-Phi-Tử, quyển 2, thiên 8).

Và ở thiên 29, quyển 8 :

« Người xưa giữ cho hoàn-toàn cái thể của vật nhìn lên trời đất, quan-sát sông bể, núi đèo. Vì như mặt trăng mặt trời chiếu sáng, bốn mùa vận hành, mây che, gió động không lấy trí-thức mà ràng-buộc tâm-thần, không lấy tư-ký hệ-lụy thân mình. Gửi vắn-để trị và loạn cho pháp-thuật. Thác tất cả phải trái vào sự thưởng và phạt. Cho nặng nhẹ là thuộc về cái cân thăng bằng. Không trái với thiên-lý, không thương-tồn tính-tinh. Không thôi lòng để tìm vết. Không rửa ghét để xét cái khó hiểu. Không đi ra ngoài mực thước, không đi vào trong mực thước. Không có đầy cái gì ngoài pháp-luật, không để cho lạc

vào trong vòng pháp-luật. Họ giữ cho đúng lý, thích-hợp với trật-tự, và thích-ứng với tự nhiên. Họ phúc đền là tự ở pháp-luật chứ không tự ở sự yêu ghét. Trách-nhiệm của sự vinh-nhục là ở tại như mình chứ không ở tại như người." (Cổ chi toàn đại thế giả, vọng thiên địa, quang giang hải, nhân sơn cốc, nhật nguyệt sơ chiếu, tứ thời sở hành, vân bô phong động bất di trí lự tâm, bất di tư lự ký, ký trí loạn ư pháp thuật, thác thị phi ư thưởng phạt, thuộc khinh trọng ư quyền hành, bất nghịch thiên lý, bất thương tình tình, bất sủy mao nhi cầu tiêu tỳ, bất tây cầu nhi sát man tri, bất dẫn thẳng chi ngoại, bất thôi thẳng chi nội, bất cấp pháp chi ngoại, bất viên pháp chi nội, thủ thành lý, nhân tự nhiên. Họ phúc sinh hồ đạo nhi bất xuất hồ ái ở vinh nhục chi trách, tại hồ ký nhi bất tại hồ nhân.) (Hàn-Phi, thiên 29, quyển 8).

Nhà cầm quyền dùng hoạt-động tự-do và bóng-bột tự-nhiên của thần-dân, đồng thời giữ mực cán cân thưởng phạt trong tay để duy-trì trật-tự, bắt buộc mỗi người chịu trách-nhiệm về công việc của mình phụ-trách. Bồn-phận của nhà lãnh-đạo ví như người cầm lái thuyền. Đây là thuật của một người điều-khiển và kiểm-soát muôn người bằng cách vô-vi, vô sự.

Cái ý-tượng ấy thường thấy ở một số Lão-học như nói ở sách Trang-Tử, thiên Thiên-Đạo. "Đức của các đê-vương, lấy trời đất làm gốc; lấy đạo-đức làm chủ; lấy vô-vi làm thường. Không làm thì dùng thiên-hạ mà có thừa. Có làm thì bị thiên-hạ dùng mà không đủ. Cho nên người đời xưa qui lễ không làm. Trên không làm, dưới cũng không làm (vô vi) thế là dưới đồng đức với trên. Dưới đồng đức với trên thì không ai làm tôi. Dưới có làm trên cũng có làm, thế là trên đồng đạo với dưới. Trên đồng đạo với dưới thì không ai làm chủ. Trên tất phải không làm để dùng thiên-hạ, dưới tất phải có làm để cho thiên-hạ dùng; đó là đạo không thể thay đổi vậy! Cho nên kẻ trị thiên-hạ đời xưa trí tuy trùm trời đất, mà không tự nghĩ; biện bác tuy gọt muôn vật mà không tự nói; tài-năng tuy cùng trong bể mà không tự làm. Trời chẳng sinh mà muôn vật tự hóa. Đất chẳng nuôi mà muôn vật lớn. Đê-Vương không làm (vô vi) mà thiên-hạ biết công. Cho nên nói rằng: không gì thân bằng trời, không gì giàu bằng đất; không gì lớn bằng Đê-Vương. Cho nên nói rằng: đức của Đê-Vương sánh với trời đất. Đó là đạo cưỡi trời đất, xưa muôn vật mà dùng nhân-quần vậy. Gốc ở trên; ngọn ở dưới; cốt-yêu ở chúa; rễ-ràng ở tôi. Những việc ba quân, năm binh, là ngọn của đạo-đức; những tội năm hình, cùng thưởng, phạt, lợi, hại, là ngọn của giáo-hóa. Lễ-luật, độ, số, hình, danh, ngày càng kỹ-lưỡng là ngọn của chính-trị... Cho nên kẻ rõ đạo cả đời xưa, trước phải rõ trời, rồi thứ đến đạo, đức. Đạo, đức đã có rồi, thứ đến nhân-nghĩa. Nhân nghĩa đã rõ rồi, thứ mới đến chức-phận. Chức-phận đã rõ rồi, thứ đến hình-danh. Hình-danh đã rõ rồi, thứ

đền cắt đặt. Cắt đặt đã rõ rồi, thứ đến xét-đoán. Xét-đoán đã rõ rồi, thứ đến phải trái. Phải trái đã rõ rồi, thứ đến thưởng phạt. Thưởng phạt đã rõ mà khôn đại đáng chỗ, sang hèn đáng ngôi; phải phân từng tài, phải dò từng danh; lấy thê mà thờ trên, lấy thê mà nuôi dưới, lấy thê mà trị việc, lấy thê mà sửa mình. Trí mưu chẳng dùng, tất theo phần trời phú. Thê gọi là thái-bình. Trị đền thê là rất mực. Cho nên sách dạy rằng: "có hình, có danh". Hình và danh người xưa cũng có nhưng không phải cái đem dùng trước hết. Kẻ nói chuyện đạo cả đời xưa, năm lần biên mà cắt được hình danh, chín lần biên mà nói được thưởng phạt. (Phủ đệ vương chi đức, di thiên địa vi tông, di đạo đức vi chủ, di vô vi thường, vô vi dã tác dụng thiên hạ nhi hữu dư. Hữu vi dã tác vi thiên hạ dụng nhi bất túc. Cổ cổ chi nhân qui, phù vô vi dã, thượng vô vi vãng, hạ diệc vô vi dã. Thị hạ dữ thượng đồng đức. Hạ dữ thượng đồng đức tác bất thần. Hạ hữu vi dã, thượng diệc hữu vi dã. Thị thượng dữ hạ đồng đạo. Thượng dữ hạ đồng đạo tác bất chủ. Thượng tất vô vi nhi dụng thiên hạ, hạ tất hữu vi vi thiên hạ dụng. Thứ bất dịch chi đạo dã. Cổ cổ chi vương thiên hạ giả, trí tuy lạc thiên địa bất tự lự dã. Biện tuy điều vạn vật bất tự thuyết dã. Năng tuy cùng hải nội bất tự vi dã. Thiên bất sản nhi vạn vật hóa. Địa bất trường nhi vạn vật dục. Đê vương vô vi nhi thiên hạ công. Cổ viết mạc thần ư thiên, mạc phú ư địa, mạc địa ư đê vương. Cổ viết đê vương chi đức phôi thiên địa. Thứ thừa thiên địa, trí vạn vật nhi dụng nhân quần chi đạo dã. Bản tại ư thượng, mạc tại ư hạ, yêu tại ư chủ, trường tại ư thần. Tam quân, ngũ binh chi vạn, đức chi mạc dã. Lễ, pháp, độ, số, hình, danh, trí, tướng trị chi mạc dã... Cổ chi minh đại đạo giả, tiên minh thiên nhi đạo đức thứ chi. Đạo đức dĩ minh nhi nhân nghĩa thứ chi. Nhân nghĩa dĩ minh nhi phận thủ thứ chi. Thị phi dĩ minh nhi thường phạt thứ chi. Thường phạt dĩ minh nhi ngu trí xứ nghi, qui tiện lý vị nhân hiển bất tiêu tập tình bất phân, kỳ năng tất do kỳ danh dĩ thử sự thượng, dĩ thử sức hạ, dĩ thử trí vật, dĩ thử tu thân, trí mưu bất dụng tất qui kỳ thiên. Thứ chi vị thái bình trị chi chí dã. Cổ thư viết hữu hình hữu danh. Hình danh giả cổ nhân hữu chi nhi phi sở dĩ tiên dã. Cổ chi ngữ đại đạo giả ngữ biên nhi hình danh khả cử, cứu biên nhi thường phạt khả ngôn dã.) (Trang-Tử, Thiên Đạo).

Quan-niệm vô-vi trong triết-lý chính-trị ở đây của Trang-Tử, có ý-nghĩa là nếu nhà trị vì dùng tay tự làm tất cả công việc trong một nước thì sức không đủ, cho nên nếu vô vi mà phân phát cho mọi người trách-nhiệm chung thì thừa sức.

Phương-pháp dùng để thi-hành nguyên-lý vô-vi ấy gồm vào chín mục. Phân-công và giữ việc có nghĩa là thiết-định chức-vụ, và sự định cho đích-xác



vật nào để ở dưới sự kiểm-soát của nó. Khi đã hiểu như thế rồi thì có thể đặt một người vào chỗ phụ-trách nhất định. Người ấy là Hinh, chức-vụ là Danh. Y có thể tự-do làm tròn nhiệm-vụ. Như thế rồi thì hinh danh mới tỏ và nhân tài mà nhận việc. Nhưng nhà Vua tuy lãnh-đạm về cách điều hành công-vụ phải xem xét đến kết-quả của công-vụ. Đây là phân-biệt tốt xấu. Người có kết-quả tốt thì có lý và người ít công thì có lỗi. Đây là minh thị-phi. Cái gì phải thì thường, trái thì phạt. Khi trình-độ ấy đã đạt, hiển và bắt tiêu, qui và tiện, ai nấy ở địa vị chính-đáng của mình, thì nước được bình-trị.

Trang-Tử lại nói :

"Hèn mà không thể không dùng được, ấy là vật. Thấp mà không thể không nhờ được ấy là dân. Giàu mà không thể không làm được, ấy là việc. Thô mà không thể không bày được, ấy là phép. Xa mà không thể không ở được, ấy là nghĩa. Thân mà không thể không rộng được, ấy là nhân. Thất mà không thể không chứa được, ấy là lễ. Trung mà không thể không cao được, ấy là đức. Một mà không thể không đối được, ấy là đạo. Thần mà không thể không làm được, ấy là Trời. Cho nên bậc thánh-nhân xem ở trời mà chẳng giúp, nên về đức mà chẳng lụy, ra trị đạo mà chẳng mưu, hợp với nhân mà chẳng cây, sát với nghĩa mà chẳng chứa, ứng với lễ mà chẳng giàu, tiếp với việc mà chẳng chôi, bằng với phép mà chẳng loạn, trông ở dân mà chẳng khinh, nhân ở vật mà chẳng bỏ. Vật là cái chẳng cái gì đáng làm mà không thể không làm. Kẻ không rõ về trời sẽ không thuận về đức. Kẻ không suốt về đạo sẽ không do đâu mà có thể được. Thương thay là kẻ không rõ về đạo! Đạo là gì? Có đạo trời. Có đạo người! Không làm mà cao đó là đạo trời. Có làm mà lụy đó là đạo người. Vua ấy là đạo Trời. Tội ấy là đạo người. Đạo trời với đạo người, cách nhau xa lắm, không thể không xét được. (Tiện nhi bắt khả bắt phạm giả, vật dã. Ty nhi bắt khả bắt khôn giả, dân dã. Nặc nhi bắt khả bắt vi giả, sự dã. Thô nhi bắt khả bắt trấn giả, pháp dã. Đạt nhi bắt khả bắt cư giả, nghĩa dã. Thân nhi bắt khả bắt quảng giả, nhân dã. Tiết nhi bắt khả bắt tịnh giả, lễ dã. Trung nhi bắt khả bắt cao giả, đức dã. Thần nhi bắt khả bắt vi giả, thiên dã. Cô thánh nhân quan ư thiên nhi bắt trợ; thành ư đức nhi bắt luy; xuất ư đạo nhi bắt mưu; hội ư nhân nhi bắt thị; bạc ư nghĩa nhi bắt tích; ứng ư lễ nhi bắt vi; tiếp ư sự nhi bắt từ; tế ư pháp nhi bắt loạn; thị ư dân nhi bắt khinh; nhân ư vật nhi bắt khứ; vật giả mạc tức vi dã nhi bắt khả bắt vi, bất minh ư thiên giả bắt thuận ư đức bắt thông ư đạo giả vô tự nhi khả, bắt khả bắt minh ư đạo giả, bi phũ! Hà vị đạo? Hữu thiên đạo, hữu nhân đạo. Vô vi nhi tôn giả, thiên đạo dã. Hữu vi nhi luy

giả nhân đạo dã. Chủ giả thiên đạo dã. Thần giả nhân đạo dã. Thiên đạo chi dữ nhân đạo dã tương khứ viễn hỹ. Bất khả bắt sát dã. (Trang-Tử, thiên Tại-Hựu).

Xem như thế thì câu bình-luận của Tư-Mã-Thiên trong *Sứ-ky* đã dẫn trên kia về Hàn-Phi-Tử :

"Thích cái học về hình, danh, pháp, thuật, mà qui nguyên về học thuyết của Hoàng-Lão" (Hỷ hình danh pháp thuật chi học nhi kỳ qui bản ư Hoàng-Lão).

Lời nói ấy xác chứng rằng học phái Pháp-gia chịu ảnh-hưởng nhiều tư-tưởng của Lão-học. Lão-học quan-niệm Đạo thiết-lập ở tại hành-dộng bột-nhiên của mọi vật, và bởi thế cho nên trong sự vô vi mà sự vật thi-hành. Phô-biễn nguyên-lý ấy ra, mà áp-dụng vào triết-lý chính-trị, chúng ta thầy nhà vua phải ngồi yên tại chỗ, ở trên bè phái, dựng cơ sở ở sự tự-do và bột-nhiên của dân-chúng. Bởi vậy mà Trang-Tử bảo Thiên-Đạo là vô vi cũng như Đạo của Vua, Đạo của Người là hữu vi thuộc về thần-dân.

Có một nhóm đạo-học lý-tưởng-hóa tự-nhiên, chủ-trương nương-tựa cả vào tự-nhiên của bản-tính nhân-loại thì mọi sự-vật sẽ chính-đáng. Đây là thái-độ của Trang-Tử mà Tuân-Tử phê-bình là «mù-quáng về thiên-nhiên mà không biết đến nhân-loại.» Một nhóm khác của Lão-học chủ-trương diệt dục hay quá dục và ngu-si, tuyệt thánh khứ trí, thì người ta có thể được yên-ôn hòa-bình ở trong thái-độ phác. Đây là chủ-trương của phái Lão-Tử.

Còn một nhóm khác trong Lão-học chủ-trương vật ngoại không đáng để ý, và người ta không thể công-nhận nó được. Sự vật dù nhỏ cũng nên chú-ý và luật-pháp tuy danh thép cũng nên thiết-lập ra. Vì thế mà họ bàn-luận về phán-định, hình-danh, thị-phi, thường phạt. Mục-đích của họ là trị dân bằng luật-pháp, và vì thế mà nhóm Lão-học nay cũng như Pháp-gia chịu ảnh-hưởng của sự biến-chuyển chính-trị đương thời và do đây mà khác với các phái Lão-học kia, chỉ thuyết về không tưởng.

Pháp-gia lại còn phát-triển giai-đoạn Lão-học xa hơn nữa, thậm chí ở sách *Quán-Tử* thiên 38 và 49 chứng tỏ một ảnh-hưởng mạnh của Lão-học, và thiên 20, 21 của Hàn-Phi-Tử lại chuyện giải-thích Lão-Tử. Theo hai tác-phẩm của Pháp-gia ấy, chúng ta nhận thấy Pháp-gia sở-trường về học-thuyết của Lão-gia. Tuy-nhiên về nhóm Đạo-gia Lão-học này bàn-luận sâu xa về hình danh, thường phạt, nhưng cũng không «phi sở di tiên». Họ nói về pháp-luật như cái gì danh thép, và thừa nhận về sự vật là «người ta phải thừa nhận» đồng thời lại tả sự vật «như không đáng để ý đến». Như thế thì họ vẫn không bỏ đặc-điểm của Lão-học và do đây họ vẫn khác với Pháp-gia.

#### Địa-vị xã-hội của pháp-gia ở thời-dại Tiên-Tần

Khuynh-hướng chính-trị của Chiến-Quốc thời-dại, đang tiền-triển từ chính-thể phong-kiền qui-tộc đến quân-chủ tập-quyền. Pháp-gia kiên-thiết cho phong-trào một nền-tảng hợp lý, một ý-thức-hệ, và dùng hết tài-năng và học-thức



đề phù giúp các nhà thông-trị trong công cuộc cải-cách ấy. Vì thế mà họ bị các thế-tộc, qui-tộc của thời-đại ghét bỏ hết sức. Sách *Hàn-Phi-Tử*, thiên 11 nói:

« Những kẻ sĩ giỏi môn 'thuật' phải nhìn xa mà sáng-suốt trong sự quan sát. Không minh-sát thì không có thể soi tới cái riêng tư của người ta. Kẻ sĩ có khả-năng về pháp-luật phải cương-quyết, cứng rắn và thẳng thắn. Không cứng rắn và thẳng thắn, thì không thể uốn được kẻ gian-tà... Kẻ sĩ giỏi về thuật thì sáng-suốt, phục tòng, có thể đem ra ánh sáng cảm-tình kín đáo của người có thể-lực. Kẻ sĩ giỏi về luật-pháp, cứng rắn và chính-trực, cũng sáng-suốt và phục-tòng thì có thể uốn lại hành-vi gian tà của người có thể-lực. Như vậy kẻ sĩ giỏi về pháp-thuật được dùng, thì qui-tộc và quyền thế ở quán-thần sẽ bị gạt ra ngoài. Vì thế nên có sự cừu thù giữa kẻ giỏi luật-pháp với kẻ cầm quyền, hai đảng không thể đi đôi với nhau... (Trí thuật chi sĩ tất viễn kiến nhi minh sát. Bất minh sát bất năng chúc tư. Năng pháp chi sĩ tất cường nghị nhi cánh trực. Bất cánh trực bất năng kiến gian... Trí thuật chi sĩ minh sát thính dụng thả chúc trọng nhân chi ân tình. Năng pháp chi sĩ cánh trực thính dụng thả kiều trọng nhân chi gian hành. Cờ trí thuật năng pháp chi sĩ dụng tác qui trọng chi thần tất tại thẳng chi ngoại hỹ. Thị trí pháp chi sĩ dĩ đương đồ chi nhân bất khả lưỡng tồn chi cừu dã... Cờ tư tất bất thẳng nhi thế bất lưỡng-tồn, pháp thuật chi sĩ yên đắc bất nguy, kỳ khả đi tội quá vu giả công pháp nhi chu chi. Kỳ bất khả bị đi tội quá giả đi tư kiểm nhi cũng chi. Thị minh pháp thuật nhi nghịch chủ thượng giả bất lực ư lại chu tất từ ư tư kiểm hỹ. (*Hàn-Phi-Tử*, thiên 11). Vì thế mà kẻ sĩ giỏi pháp-thuật làm sao chẳng làm nguy, khi mà cái họ trông cậy vào tất nhiên không có thể thẳng được, và khi hai thế lực không thể cùng tồn được. Kẻ nào trông hàng sĩ giỏi pháp-thuật bị vu cáo khép tội thì đều bị xử bằng công-pháp. Kẻ nào không bị vu cáo khép tội thì bị chu diệt bằng lưỡi kiếm của tư nhân. Như thế mà kẻ sĩ giỏi pháp-thuật sẽ nghịch với chủ ở trên, nếu họ không bị chu diệt, thì tất sẽ chết bởi lưỡi kiếm tư nhân.

Quốc-Gia và Xã-hội thời ấy đang mỗi ngày một mở rộng phạm-vi hoạt-động, và tổ-chức quốc-gia xã-hội cũng trở nên càng ngày càng thêm phức-tạp. Từ đây trở đi những phương-pháp chế-độ cũ không còn thích-hợp nữa mà chế-độ mới càng thấy thiết yếu. Môn đồ của *Hàn-Phi* và các Pháp gia thời ấy tin rằng xây dựng pháp-luật phương-pháp và thiết-lập những nghi-thức và mục-độ. « Lập pháp luật thiết độ số », sẽ làm lợi cho dân-chúng, làm dễ-dàng đường lối của chúng. (Lợi dân mạnh tiện chúng thứ chi đạo dã). Và trong cuộc ấy, Pháp-gia « Không sợ cái tai-vạ của loạn-chúa và chủ ám-muội, mà tất là nghi sự làm cho dân có cái lợi nương tựa, đây là hành-động hiểu biết vậy » (Bất đoạn loạn chủ, ám thượng chi hoạn họa nhi tất tư đi tề dân mạnh chi tư lợi gia, tri chi hành dã).

(còn tiếp)

## teillard de chardin (1881-1955)

Đôi với độc-giá Việt-Nam có lẽ Teilhard de Chardin vẫn còn là một tên tuổi khá xa lạ. Nhưng đôi với tư-tưởng giới Âu-châu nhất là ở Pháp, ông đã trở thành một bộ mặt rất quen thuộc. Ngay lúc sinh-thời ông, người ta đã nói tới ông và những tư-tưởng của ông rất nhiều. Thái-độ dè-dặt của tư-tưởng Công-giáo đôi với học-thuyết của ông càng làm cho tên tuổi ông được ngấm-ngấm truyền-bá rộng-rãi hơn nữa. Ở Âu-châu hiện-tượng ấy cũng không phải là hiếm lắm vậy. Rồi từ ngày ông từ trần đến nay đã gần mười năm trời, người ta lại càng quảng-cáo rầm-rộ chung-quanh tên ông nhiều hơn nữa. Lý-do căn-bản là vì tư-tưởng của ông độc-đáo, mới-mẻ, có khi quá mới-mẻ. Nên nó đã gây ra rất nhiều phản-ứng trái ngược nhau: người ca-tụng cũng nhiều nhưng những người chống đối và dè-dặt cũng không phải ít. Vậy muốn phán-đoán tư-tưởng ấy cho đúng đắn, chúng ta cần phải nhìn rõ hướng đi và cơ-cấu của nó. Đó là mục-đích của bài này.

Trước hết xin nói về tiểu-sử và thiên-tài phức-tạp của Teilhard. Tiếp đó sẽ bàn tới những đặc-điểm trong hệ-thống tư-tưởng của ông.

Sinh năm 1881 ở Orcines, Puy-de-Dôme (Pháp), đến tuổi đi học Teilhard được cha mẹ gửi vào trường Trung-học Mongré (Villefranche-sur-Saône) dưới quyền điều-khiển của các Giáo-sĩ Dòng Tên. Về sau ông xin nhập tu ở Dòng đó. Năm 1904 nhà Dòng bị trục-xuất, Teilhard cùng với các bạn đồng-nghiệp sang sống trên quần-đảo Jersey. Từ đây cuộc đời của ông bắt đầu trở thành cuộc đời của một nhà du-hành liên-miền hầu như không mấy khi bị gián-đoạn mãi cho đến khi ông từ-trần: du-lịch vì say mê thiên-nhiên cũng có nhưng nhất là vì hâm-mộ thám-hiểm những huyền-bí của *Đất Mẹ* (Gê Mêter: Terra Mater).

Càng đi xa ra như ông càng bị lôi cuốn đi xa hơn nữa và trí óc cũng như tâm hồn ông càng được mở rộng ra theo viễn-tượng du-hành của ông. Có lần ông đã tự xưng là "công-dân của thế-giới" (citoyen du monde) như Victor Hugo nói về nhà thi-sĩ: Đâu đâu cũng là quê-hương vì ở đâu ông cũng gặp

được Thiên-nhiên, nhất là *Con Người*, vì họ là đối-tượng ông say mê và nhân-nại khảo-cứu suốt đời ông. Sau những giờ cặm-cui vất-và trong phòng thí-nghiệm mỗi khi được ra sống giữa trời và đất ông liền cảm thấy tâm-hồn tươi trẻ lại. Bài ca 'La Messe de Midi' đã phần nào nói lên những cảm-tưởng trữ-tình trẻ lại. Bài ca 'La Messe de Midi' đã phần nào nói lên những cảm-tưởng trữ-tình trẻ lại. Bài ca 'La Messe de Midi' đã phần nào nói lên những cảm-tưởng trữ-tình trẻ lại. Bài ca 'La Messe de Midi' đã phần nào nói lên những cảm-tưởng trữ-tình trẻ lại.

Sau cùng ông còn du-hành hai lần sang Java vào năm 1935 và 1937 rồi sang Phi-châu năm 1951 và 1953. Trong thời-gian du-hành liên-miền ấy, ông vẫn đặt trụ-sở thường-trực ở Trung-hoa cho tới khi tình-hình chính-trị ở đó biến-chuyển ông mới rời về New-York tại trụ-sở của Werner-Gren Foundation for anthropological Researches. Những năm về cuối đời ông sống còn tại tu-viện St-Andrews-on-Hudson của Dòng Tên, cách New-York 150 cây số. Lúc ấy ông vẫn còn tỏ ra luyện-tiêu những năm du-hành. Nhưng rồi một ngày kia bỗng nhiên ông mắc chứng não-sung-huyết (congestion cérébrale) và từ trần vào ngày lễ Phục-sinh 1955.

Hầu hết dư-luận hoàn-cấu đều ca ngợi ba đức tính đặc-sắc của ông là:

- trí-khôn thông-minh sâu-sắc,
- tư-tưởng phóng-khoảng và tiến-phong,
- tinh-tình chân-thật niềm nở.

Hai điểm trên đáng ta phải chú-ý hơn trong bài này vì Teil. thường được các người đồng-hương của ông coi ông là một thiên-tài. Nhưng thiên-tài đó là một thiên-tài rất phức-tạp. Do đó tư-tưởng của ông cũng không kém bé phức-tạp: phức-tạp không phải vì những tiêu-tiết của học-thuyết mà chính là vì *tổng-hợp* quá đơn-giản ông đã muốn thực-hiện. Đó cũng là khuynh-hướng và căn-bệnh của nhiều nhà tư-tưởng. Tuy rất hấp-dẫn nhưng khuynh-hướng ấy lại rất nguy-hiểm vì nó bó buộc phải dung-nạp những gì xem ra không thể hay

rất khó dung-nạp. VẬY trước khi đi tới việc phân-tích *tổng-hợp* ấy thiết-tượng cũng nên nhìn sơ qua những sở-trường trong bộ óc phức-tạp của Teil.

Trước hết và trên hết, Teil. là một nhà bác-học đúng hơn là một nhà Thiên-nhiên-học (naturaliste) tức gồm Sinh-vật-học (biologie), Cổ Sinh-vật-học (paléontologie) và Địa-chất-học (géologie). Đó là khuynh-hướng và khả-năng căn-bản không chời cãi được của ông. Khả-năng ấy đã chớm nở rất sớm và phát-triển mau lẹ. Ông đã thể-hiện nó một cách hết sức rõ-rệt và hùng-hậu. Theo những người viết tiểu-sử của ông thời nay, lúc còn nhỏ Teil. đã say mê học Thiên-nhiên-học, vào khoảng 25 tuổi ông đã được gửi sang Ai-cập để dạy Vật-lý-học ở một trường Trung-học do Dòng Tên điều-khiển. Ngay lúc bấy giờ Teil. đã chú-ý khảo-sát sự hình-thành của những lớp địa-chất ở đầu Đệ-tam kỳ-địa (période tertiaire) tức Hạ-tân và Tiềm-tân-kỷ (éocène et oligocène) ở Mokattam (Ai-cập). Thời-kỳ này là thời-kỳ chứa đựng những di-tích của loài nguyên-sinh-động-vật hóa-thạch (formations nummulitiques).

Ở Ai-cập trở về Paris năm 1913, ông gặp được Marcellin Boule, một nhà chuyên-môn về cổ-sinh-vật-học ngành 'Loài người' và là tác-giả quyển sách *Les Hommes fossiles* trứ danh. Ròng-rã 2 năm trời Teil. quen thân với Boule và làm việc gặt-gao tại phòng Thí-nghiệm về cổ-sinh-vật ở Bảo-tàng-viện về Giồng người (Musée de l'Homme). Lúc ấy Boule đang khảo-sát về "Con người Hóa thạch" (Homme Fossile) nhất là con người đã khai-quật được ở Chappelle-aux-Saints.

Dưới sự hướng-dẫn của Boule, Teil. cũng đã khảo-cứu được những điểm quan-trọng về Cổ-sinh-vật-học nhất là di-tích của nhiều loại vật như loài Có vú thân hình nhỏ bé, loài Ăn thịt và loài Linh-trưởng (Primates) là những di-tích lượng được tại các miền Thiệt-khoảng hạ-tầng Đệ-tam kỳ-địa Quercy và Jura.

Thê-chiến 14-18 bùng nổ, công-cuộc khảo-cứu của Teil. bị gián-đoạn vì ông bị động-viên. Tuy thế ông vẫn tìm được cơ-hội để khảo-sát các miền ông đi qua, ví dụ gần Reims, ông đã quan-sát được những 'Vi vật' (microfaune) trong những hầm đã khai-quật. Điểm này đã được Bác-sĩ Victor Lemoine — một nhà Cổ-sinh-vật-học tài-tử — khảo-cứu mà còn bỏ giờ và nhiều khuyết-diểm. Những loại vi-vật đó là những loại sinh-vật có nhiều mụn ở mình (multitubercules), loài ăn sâu bọ (insectivores), loài ăn thịt (carnivores) và Linh-trưởng (primates) v. v. . . Trong thời-gian này Teil. đã thu-lượm được nhiều tài-liệu để làm một Luận-án Tiên-sĩ trình-bày tại Sorbonne năm 1922.

Chính năm ấy ông được mời làm Giáo-sư Địa-chất-học tại Học-viện tại Học-viện Công-giáo (Institut Catholique de Paris) thê chân Albert de Lapparent.

Trong thời-gian này Teil. còn khảo-cứ những loại Có vú thuộc Hạ-tân-hạ (éocène inférieur) ở Bỉ và Pháp.

Rời từ năm 1923 trở đi với những cuộc du-hành sang Trung-hoa, nhiều miền Đông-nam Á và Phi-châu... ông đã khảo-cứ được rất nhiều điểm mới khác về địa-chất-học và cổ-sinh-vật-học, ví-dụ ở Trung-hoa cùng với giáo-sĩ Licent Dong Tien ở Thiên-tân, Teil. đã khám-phá ra được những lớp kim-khoáng quan-trọng, lớp Đại-hoàng-sa ở miền Ordos (về phía Đông của Mông-cổ cách Bắc-kinh chừng 500 hay 600 cây số) và khai-quật được một số di-tích cổ-sinh-vật quan-trọng ở đó. Teil. còn mô-tả lại những di-tích ấy và những khai-quật khác trong một tập kỷ-yêu của Học-viện Cổ-sinh-vật-học về Con người (*Institut de Paléontologie humaine*, 1928) với sự cộng-tác của Boule về quan-diểm cổ-sinh-vật và của Abbé Breuil về quan-diểm các kỹ-nghệ thời tiền-sử.

Một trong những khám-phá lớn nhất và quan-trọng nhất của ông vào thời-kỳ này là tìm ra được *Hoa-Nhân* (*Sinanthrope*) ở Chu-khâu-diểm vào năm 1930. Ông còn mô-tả cặn kẽ và minh-bạch cuộc khảo-cứ và những chi-tiết khoa-học về Hoa-Nhân trong một số bài ở tập 2 từ trang 85 trở đi (*Oeuvres complètes*, vol.2) : ta biết vào khoảng hạ-bán thế-kỷ XIX, các nhà bác-học đã tranh-luận nhau rất sôi-nổi về vấn-đề liên-lạc giữa *giồng Khỉ* và *giồng Người*. Muốn giải-quyết vấn-đề ấy một cách thỏa-đáng người ta đã nghĩ ngay đến việc phải tìm ra một *con vật trung-gian* vừa *giồng khỉ* vừa *giồng người* và họ gọi con người mở-tưởng đó là *Hầu-nhân*. Hầu-nhân đã khai-quật được trong lớp đất thượng-tân-thượng tức vào cuối Đệ-tam địa-kỷ (phòng 300.000 năm trước tây-lịch) tại Java do ông Eugène Dubois. Nhờ khám-phá này các nhà bác-học hầu hết đã đồng-ý công nhận rằng : "vòng xích lạc" (missing link) mà họ đã từ lâu băn-khoăn tìm-tòi để nối giồng khỉ và giồng người nay đã tìm ra.

Nhưng Hầu-nhân Java chưa minh-chứng được rằng Hầu-nhân có trí khôn, phải chờ tới sự khám-phá, khai-quật ở Chu-khâu-diểm mới minh-định được rõ-rệt trí-óc của Hầu-nhân. Thề thì từ năm 1921-1930 người ta đã gặp di-tích của con vật đồng-thời với Hầu-nhân và gọi là *Hoa-nhân*.

Với những dữ-kiện trên đây, chúng ta đã có những ý-tưởng rõ-rệt về sở-trường khoa-học của Teil.. Tuy chăm-chú khảo-sát tỉ-mỉ những sự-kiến khoa-học như vậy, nhưng ngẫm-ngẫm ngay từ đầu những công-cuộc khảo-cứ ông đã chú-ý đặt nền-tảng cho một *ý-hướng Tiên-hóa*. Ông đã trình-bày những quan-diểm của ông về vấn-đề Tiên-hóa trong một số thiên báo dành riêng cho những người không chuyên-môn. Trong đó ông nói trực-tiếp và rõ-ràng và lập-trường Tiên-không chuyên-môn. Trong đó ông nói lập-trường đó một cách gián-tiếp. Thực-hóa của ông ; ngoài ra, ông chỉ nói lên lập-trường đó một cách gián-tiếp. Thực vậy từ năm 1923 và trong vòng hơn 20 năm hầu hết các hoạt-động khoa-học của

ông đều hướng về những khảo-cứ ở Viễn-đông nhất là ở Trung-hoa và Mông-cổ, nhờ những khảo-cứ sinh-vật Đệ-tam địa-kỷ ông đã nhận ra được quá-trình Tiên-hóa. Trường-hợp *Tiên-hóa trực-tiền* (orthogenèse) của loại *Chuột Siphnes* (cũng gọi là loại Chuột Chũi : Rats-fouisseurs) ở Tàu. Theo ông, những loại Có vú nhỏ bé này xuất-hiện dưới những điều-kiện lý-tưởng cho công-cuộc khảo-cứ hiện-tượng Tiên-hóa, vì trong một thời-gian dài nhóm Chuột này không bị lai-giống ; những giới-hạn địa-lý của chúng đã được thiết-định rõ-rệt và chúng đã sống trên đất Trung-hoa từ hơn 20 triệu năm nay rồi. Nhờ đó trong quá-trình Tiên-hóa của chúng, ta mới nhận ra được một số những đặc-diểm về hình-thái của chúng (như accroissement de la taille, soudure des vertèbres cervicales, élévation graduelle des dents). Nhờ vậy ông mới đi đến kết-luận rằng : loại Chuột chũi này giúp ta nhận thấy có một sự biến-hóa được điều-khiển (transformation dirigée). Từ đây ông luôn luôn tiếp-tục chú-ý quan-niệm sự sống đang tiến-triển trước mắt ta như một *quá-trình không gián-đoạn từ những sinh-vật rất đơn-giản cho tới những sinh-vật rất phức-tạp và vô cùng phức-tạp* (infiniment complexe) tức *Con Người* như sau này ta còn sẽ thấy. Do đó, ta có thể nói rằng : trong lãnh-vực này Teil. đã ngẫm-ngẫm lần chần sang giới-hạn của *Triết-học*. Từ đây trở đi tư-tưởng của ông càng ngày càng trở nên phức-tạp. Tuy đọc rất ít các *Triết-gia* khác, nhưng ông vẫn đề-lộ ra trong học-thuyết của ông một ít ảnh-hưởng triết-học của một số triết-gia danh tiếng đi trước ông, trong truyền-thông Âu-châu, ví-dụ về học-thuyết Tiên-hóa ông đã chịu ảnh-hưởng khá sâu-xa của Edouard le Roy. Ông đã quen thân với Le Roy : mỗi thứ tư trong tuần trong một thời-gian khá lâu, hai ông đã từng tranh-luận với nhau tại nhà Le Roy về những vấn-đề khoa-học lớn và nhất là về những vấn-đề sinh-vật-học. Lúc ấy nhà triết-học Duy-tâm Pháp đang biên-soạn những tác-phẩm như : *L'exigence idéaliste et le fait de l'Évolution, Les origines humaines et l'évolution de l'intelligence*.

Với ông, Bergson cũng đã đóng một vai trò quan-trọng trong tư-tưởng của ông đến nỗi ông gọi Bergson là một kẻ "tiếp-xúc tác-dụng" (catalyseur) hay một kẻ "mở đường" (révéléateur). Chính Teil. còn công-nhận thề khi ông viết rằng : Bergson đã dạy cho một *phương-pháp* (tức 'cette sorte de prise directe des problèmes, qui nous met tout de suite en pleine réalité et pour ainsi dire en pleine aventure', trong *Claude Cuénot*). Hơn nữa ảnh-hưởng của Bergson còn thể-hiện ra trong cả bài Tự-thuật tinh-thần nhan-đề : "Le Coeur de la Matière".

Với Blondel, Teil. cũng đã nhiều lần trao đổi ý-kiến và thơ từ, vì thế tư-tưởng của Teil. cũng có thể gọi là một thứ "*Triết-học Hoạt-động*" (philosophie de l'Action) tức là ông cũng đã cố-gắng xác-định những quyết định siêu-việt vì chỉ có chúng mới giúp thực-hiện hoạt-động được.

Xa hơn nữa, tư-tưởng của Teil. Cũng có những điểm tương-tự như tư-tưởng của Nietzsche và Marx: Marx ảnh-hưởng tới học-thuyết Nhân-bản, nền-tảng của ông tức là ý-chí muốn giá-trị-hóa những cố-gắng của con người và như Nietzsche, ông cũng đã quan-niệm rằng con người phải được vượt qua hay đúng hơn phải tự vượt qua, nghĩa là tiến về một cái gì "Siêu-nhân" (ultra-humain). Nhưng ông lại không đặt hy-vọng vào Siêu-nhân như Nietzsche mà là vào trạng-thái ông gọi là "Cộng-đồng" (Socialisation) như tác-giả quyển *Tư-bản-luận*.

Plotin : tuy rất xa với Plotin trong thời-gian nhưng hình như Teil. đã chịu ảnh-hưởng và cảm-hứng của ông sau này đậm-đá hơn các ông khác. Sau này trong trực-giác nồng-cốt và quan-niệm về Nhất-thể và Phức-thể (l'Un et le Multiple) của ông ta sẽ nhận thấy rõ. Ở đây ta chỉ cần nhận-định ngay rằng : khuyh-hướng Huyền-niệm của ông hình như đã khởi nguồn từ học-thuyết của Plotin.

Nhưng có một điều lạ là tuy là con đẻ của Dòng Tên nhưng hình như Teil. đã không mang một di-tích gì thuộc triết-lý Kinh-viện (Scolastique) cả. Trong quyển *P. Teilhard de Chardin ou le Philosophe malgré lui*, P.B. Grenet đã nhận-xét điều ấy một cách hóm-hình như sau : «Này đây chàng thanh-niên Teil. không thỏa-mãn về những triết-lý người ta đã dạy cho ông (đúng hay sai) và như ông hiểu những triết-lý ấy (đúng hay sai).

Tuy có những điểm tương-đồng và ảnh-hưởng như trên về phương-diện triết-lý, nhưng phải nói rằng : Teil. đã là một "Triết-gia cô-đơn" (un philosophe solitaire), vì ông đã không muốn thiết-lập nên một Hệ-thông triết-học nào cả.

Nhà Thần-học : là một nhà bác-học lỗi-lạc, một nhà triết-học "giờ-giang" (Cuénot) Teil. còn là một nhà Thần-học tuy không chuyên-môn. Thực vậy; sinh-trưởng trong một gia-đình công-giáo và được huấn-luyện trong một bầu không-khí đầy công-giáo-tính của Dòng Tên, tất nhiên Teil. bị những sức mạnh của Tôn-giáo ông chi-phối một cách mãnh-liệt trong tận những nơi sâu kín của tâm-hồn ông. Tinh-thần ấy ông đã để lộ ra xuyên qua hầu hết các sách vở ông viết. Nên khi đọc tư-tưởng ông độc-giả có cảm-tưởng như bị lôi cuốn vào một trào-lưu tôn-giáo của ông bằng hai cách : hoặc là bằng một số những danh-từ khá chuyên-môn của Thần-học công-giáo, như Kytô (Christ), Mặc-khải, Tạo-hóa-cuộc, Nhập-thể, Cứu-chuộc v.v. . . hoặc bằng những suy-niệm đầy về Huyền-nhiệm. Vì thế có người đã gọi ông là Thi-giã của Ky-tô-giáo (poète chrétien), hay một Huyền-nhiệm-giã (mystique) hay đúng hơn nữa, một nhà Huyền-nhiệm Vũ-trụ-tính (cosmo-mystique). Ông đã khám-phá thấy trong "Christ cosmique" do St.Paul hé thấy một lý-do để ông yêu mến "Trái tim của Đấng đã Phục-sinh" (le

Coeur du Ressuscité). Những bằng-chứng rõ-rệt của khuyh-hướng tôn-giáo ấy đã xuất-hiện trong trực-giác nồng-cốt gọi là "La diaphanie Chrétienne de la matière" như sẽ thấy sau đây và trong 2 bài ca thời-danh : "La Messe sur le Monde" và "Le Coeur de la matière."

Tinh-thần tôn-giáo ấy mãnh-liệt đến nỗi nó đã trở thành một "kinh-nghiệm nền-tảng" (expérience fondamentale) của ông, theo nhận-xét của Giáo-sĩ N. M. Wildiers, vì Teil. đã muốn đòi-chiêu Thiên-nhiên-học với Kytô-giáo, điều mà xưa nay chưa một nhà Thần-học nào đã dám làm.

Mấy nhận-xét trên đây về những khía cạnh phức-tạp trong thiên-tài của Teil. thiết-tưởng đã đủ nói lên những nỗi khó-khăn trong việc tìm hiểu và trình-bày tư-tưởng của ông.

### Học-thuyết và những cơ-cấu trong tư-tưởng của Teilhard

Nếu phải tóm-lược tất cả học-thuyết phức-tạp của Teil. lại thời ta có thể nói một cách rất đơn-giản rằng :

- trước hết tư-tưởng ấy đã khởi nguồn từ một trực-giác nồng-cốt đơn-giản, nhưng trực-giác đó là một trực-giác nhất-tri và tích-lũy.
- tiếp đó nó được diễn-tả theo một Biện-chứng-pháp thăng-tiền theo ba Biện-tượng chnth (trois hypostases).

#### Trực-giác nồng-cốt :

Theo học-giã Claude Cuénot, trực-giác ấy đã xuất-hiện rõ-rệt nhất trong tập *la Puissance spirituelle de la matière* (1919) qua ý-tưởng sau đây : "Trong chnth vật-chất đã ngấm-ngấm chứa-chấp sự xuất-hiện trong sáng của Đấng Kytô." (La diaphanie chrétienne de la matière) nghĩa là trong suốt quá-trình tiến-hóa dài dòng của vạn-vật kể từ những vật-chất thô-sơ nhất qua các loại sinh-vật khác nhau cũng thô-sơ nhất cho tới những sinh-vật cao-đẳng nhất như con người và từ Con người — chỗ phát-xuất ra "Trí đấng" (Noosphère) để tiến lên Điểm chung-kết (le Point Omega) . . . đều thấy thể-hiện hơn kém bộ mặt thần-linh của Đấng Kytô cả.

Nên Cuénot mới nói rằng : sau một cuộc suy-tư dài dòng và gât-gao cực nhọc, Teil. đã khám-phá thấy trong *Vũ-trụ sinh-hóa* những nét bóng của bộ mặt Đấng Kytô (après une longue ascèse, Teil. a réussi à déchiffrer en filigrane dans la Cosmogénèse le visage divin du Christ).

Bất cứ trong tác-phẩm nào của Teil. đều thấy xuất-hiện y-nguyên trực-giác nồng-cốt ấy, nhưng mỗi nơi lại được diễn-tả theo những hình-thức, ngôn-ngữ và danh-từ hơi khác nhau. Tuy trong nội-dung của trực-giác trên ta đã chạm trán ngay với một điểm khá bức-tức trong học-thuyết của Teil. Điểm đó

chính là nền-tảng có tính-cách tôn-giáo và thần-học của tư-tưởng ông. Nhưng giờ đây ta hãy gạt ra ngoài những bức-tức để chỉ cô-găng nhìn thấy được những điều ông nói theo quan-điểm khoa-học và tư-tưởng triết-học thuần-túy mà thôi. Còn việc có công-nhận được những kết-luận của ông theo viên-tượng tôn-giáo hay không là tùy ở quyền tự-do và phán-đoán riêng tư của ta.

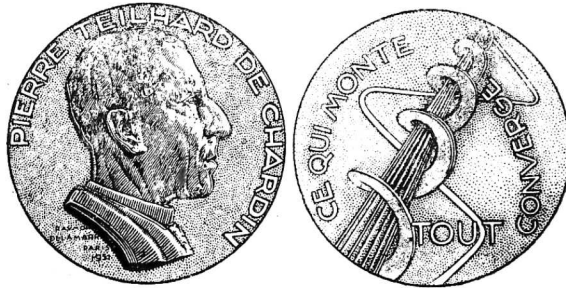
Vậy đứng trước trực-giác này, nhiều học-giả đã nêu ra những lời giải-thích và giảng-nghĩa rất khác nhau, ví-dụ Cuénot đã coi đó là một trực-giác có tính-cách tôn-giáo. Trái lại, A. Haas lại quan-niệm nó theo quan-điểm của triết-học. Thiết-tưởng vấn-đề tranh-luận giữa hai lời giải-thích nói trên không quan-hệ lắm ở đây. Điều quan-hệ là tìm hiểu trực-giác đó một cách dễ-dãi, nhất là theo một cách-thức nào đã trở thành phổ-thông trong truyền-thông của triết-học nhân-loại. Nên theo thiên-y chúng tôi thì lời giảng-nghĩa của Haas xem ra giúp dễ hiểu hơn. Vậy theo ông này, trực-giác nóng-cốt của Teil. có những liên-hệ khá mật-thiết với vấn-đề rất xưa mà chính Parménide — ông tổ của nền hữu-thê-học của Âu-châu — đã khởi xướng ra. Vấn-đề đó là vấn-đề *Nhất-thê* (le problème de l'UN) và do đó vấn-đề *Phức-thê* (du Multiple) đi kèm theo. Như thế vẫn còn theo Haas, Teil. đã có công khám phá ra được một quan-niệm mới-mẻ về *Nhất-thê*, vì ông quan-niệm *Nhất-thê* luôn-luôn đi kèm theo với *Phức-thê* và ngược lại (ông gọi đó là tình-trạng *Unitas multiplex*: *Nhất-thê* trong *Phức-thê* và *Phức-thê* trong *Nhất-thê*). Nói khác đi, *Nhất-thê* của Teil. có khả-năng vừa tự đồng-hóa với *Phức-thê*, vừa có khả-năng vượt lên trên *Phức-thê*, nhưng vượt trên mà không hủy-diệt hay hư-vô-hóa *Phức-thê*. Như vậy, Teil. đã muốn cứu-vãn tất cả mọi *Phức-thê* để không một mây-may nào bị tiêu-hao đi trong quá-trình tiên-hóa dài-dòng của Vũ-trụ vạn-vật. Nói theo triết-học thì Teil. muốn chủ-tương rằng: *Phức-thê* không còn là biểu-hiệu của *Ngẫu-nhiên-tính* (contingence) nữa như một số triết-học và tư-tưởng tôn-giáo đã chủ-tương. Trái lại theo danh-từ chuyên-môn của ông, *Phức-thê* thiết-yêu là 'phân-giả' (le multiple est nécessairement convergent.) (Có lẽ cũng vì đó mà một số nhà Thần-học đã rậm-rộ phản-đối Teil. ra như đã loại bỏ hẳn vấn-đề 'sự Ác' (le problème du Mal) trong viên-tượng học-thuyết chung của ông.)

Để minh-chứng điều đó, hình như Haas muốn cho rằng: Teil. đã không dùng những chứng-lý triết-học hay khoa-học mà đã dùng ngay chứng-lý của Thần-học. Nếu thế, một lần nữa ta lại không khỏi bức-tức! Vậy theo ông hay ít ra theo Haas, tình-trạng *Nhất-thê* và *Phức-thê* có thể hòa-hợp nói trên đã được minh-giải bằng một tín-lý của Mặc-khải thần-học công-giáo tức huyền-nhiệm về: *Thiên-chúa Tam-vị Nhất-thê* (le mystère de la Trinité). Theo giáo-điều đó, Thiên-chúa có một *Bản-tính* (unité de Nature), nhưng đồng thời lại có *Ba Ngôi-vị* (multiplicité i.e. Trois Personnes). Nói tắt, tin-điều đó là tin-điều về Thiên-chúa

*Tam vị Nhất thê*: Ba mà Một, Một mà Ba. Một là *Nhất-thê* tuyệt-đối; Ba là *Phức-thê* (đáng ra *Phức-thê* là *Ngẫu-nhiên*, tức là *ly-tán* (divergent), nhưng ở đây *Phức-thê* lại thiết-yêu là "phân-giả" (convergent), nên cũng phải gọi *Phức-thê* ở đây là *Phức-thê* tuyệt-đối, tất-yêu. Đối với lý-trí tuy xem ra có vẻ mâu-thuẫn hay ít ra khó quan-niệm một cách hợp-lý, nhưng với tín-ngưỡng căn-cứ trên uy-tín của người Mặc-khải tức chính Thiên-chúa, thời mâu-thuẫn đó phải được công-nhận là một chân-lý siêu-lý, không thể chối cãi và hoài-nghi được.

Thế thì một khi đã công-nhận trong Thiên-chúa có trạng-thái 'Unitas multiplex' tuyệt-đối, tất-nhiên cũng phải công-nhận rằng: trong Vũ-trụ sinh-hóa này cũng phải có một hình-thức nào của trạng-thái 'Unitas multiplex' đó. Vì cũng theo thần-học, Vũ-trụ này là "hình-ảnh" (imago) và "vết tích" (vestigium) của Thiên-chúa. Vậy trên Thiên-chúa đã có sự hoàn-hảo ấy thì trong *Tạo-vật* (les créatures) cũng ít ra có một *phần-danh* nào đó của Ngài.

(Nói tóm, thay vì bảo rằng: Teil. đã có một quan-niệm mới về *Nhất-thê* ta cũng có thể bảo rằng: Teil. đã có một quan-niệm mới-mẻ về *Phức-thê*, vì *Phức-thê* của ông *ly-tán* mà lại thiết-yêu "phân-giả". Để diễn-tả rõ-rệt hơn nữa và nhất là để cụ-thể-hóa quan-niệm "Phân-hối" của ông, nhà điêu-khắc Raymond Delamarre người Pháp, có lẽ dưới cảm-hứng của Teil., đã khắc họa trên một mô-hình và về sau vào năm 1951, mô-hình ấy lại được tạc trên một tấm huy-chương. Trên huy-chương ấy, mặt phải ta thấy có bán-thân của Teil. và bên kia có Phù-hiệu sau đây: (Table Ronde, số đặc biệt về Teil.).



Theo những dữ-kiện trên đây, ta không khỏi liên-tưởng đến vấn-đề nền-tảng trong triết-học Tây và có lẽ nhất là Đông-phương. Như trên đây Haas đã nhận



xét, đó là vấn-đề *Nhất-thê* và *Phức-thê*. Nhưng trong truyền-thống Tây-phương, thực ra Parménide và Héraclite, rồi cả Platon và phần nào Aristote (khi đem quan-niệm *Loại suy* giảng-nghĩa rộng quan-niệm 'Tha thê' của Platon), đã chỉ đứng trong quan-điểm thuần-túy triết-học tức hữu-thê-học và tri-thức-luận mà đặt và giải-quyết vấn-đề này mà thôi. Nhưng học-thuyết của Teil. thiết-yêu hướng về Huyền-nhiệm nhất là Huyền-nhiệm công-giáo, nói đúng hơn là hướng về chân-lý "Nhiệm-thê" của thần-học, như quan-niệm về 'diaphanie Chrístique de la Matière' đã muốn nói lên. Nếu vậy phần nào xem ra hướng đi của Teil. còn giống với những khuynh-hướng triết-học Huyền-nhiệm hơn, nhất là Plotin (theo *Biện-chứng pháp đi lên của Ba Biền Thê* (loi des Trois Hypostases) từ *Linh-hồn* (Vie: âme), lên *Tinh-thần* (Nous: Noosphère) và sau cùng hòa-đồng trong *Nhất thê* (L'UN: Oméga hay Théosphère).

Hơn nữa, cũng có những tương-tự với quan-niệm *Tiểu-ngã* phải thăng-tiến bằng khổ-tu và Yoga để có thể hòa-đồng với *Đại-ngã* (theo kiểu: Atman: Brahman và Tat tvam asi).

Rối ý-tưởng về "phân giả" (convergence) của Teil. cũng phản-ảnh phần nào quan-niệm của Lão-tử "*Phân giả Đạo chi động*" (*Đạo đức kinh*, chương 40) và "*Tự chi vi Đạo, cường chi vi danh* viết *Đại*, *Đại* viết *Thê*, *Thê* viết *Viễn*, *Viễn* viết *Phân*." (sđ. chương 25). Những quan-niệm này mãi về cuối đời và dưới ảnh-hưởng René Grousset, Teil. mới chú-ý tới diễn-tả trong tập nhỏ: *L'apport spirituel de l'Extrême-Orient. Quelques réflexions personnelles* (1947).

Với mấy so-sánh trên đây, chúng tôi chỉ có ý nêu ra để minh-giải quan-niệm nòng-cốt của tác-giả và khuynh-hướng chung của ông, nhưng không dám gán cho khuynh-hướng *Phiêm-thần* (Panthéisme) như trong các chủ-trương tương-tự. Vì thực ra cuối cùng Teil. đã phải nhấn mạnh về quan-niệm mà ông gọi là "*Nhân-vị-hóa*" (Personnalisation) trong "*Cái Siêu-nhân-vị*" (L'hyper-personnel hay Quelqu'un), để điều-chê khuynh-hướng có thể *Phiêm-thần* của ông. Có lẽ đây là điểm gay-gò nhất trong tư-tưởng của Teil. và nó đã gây ra không biết bao thắc-mắc và tranh-luận sôi-nổi giữa các nhà Thần-học. Đó là thẩm-quyền của các nhà thần-học, ta hãy thông qua...

Vậy trực-giác nòng-cốt trên đây đã được Teil. diễn-tả theo một *Biện-chứng-pháp* rất mềm dẻo và dài dòng, bao la, không có tính-cách diễn dịch theo luận-lý như của Hegel mà là *Biện-chứng-pháp thăng-tiến* (kiểu Plotin) cho tới khi đạt tới một *Nhất-trí* nội-tại. Không lạ gì mà có lúc Teil. đã đem quá-trình *Thăng-tiến thiêng-liêng nội-tâm riêng tư* của ông để làm hình-ảnh giảng-nghĩa *Thăng-tiến Tiên-hóa chung của cả Hoàn-vũ*. Thực vậy, trong *Tiểu-sử tư-thuyết* của ông, ông đã gọi *đời sống tu đạo* của riêng ông là Một "*Thăng-tiến thiêng-liêng*" (une montée spirituelle). *Thăng-tiến* đó gồm *Ba Biền-tượng* được

Teil. diễn-tả bằng những danh-từ vừa thi-vị, vừa trữ-tình, vừa tiên-tri vừa huyền-nhiệm như sau:

Ánh-hồng của Vật-chất (la pourpre de la matière).

Hoàng-kim của Tinh-thần (l'or de l'esprit).

Trạng-thái sôi-bồng của một Người nào đó (hiểu là *Đàng Kytô*) (l'incandescence de Quelqu'un).

Theo họa-đồ ấy, Teil. cũng đã muốn quan-niệm công-cuộc Vũ-trụ sinh-hóa của ông là một "*Kích-phát tiền lên Tinh-thần*" (une poussée de spiritualisation) tương-tự. *Kích-phát* ấy ông còn gọi là một *Thăng-tiến* của Ý-thức hay của Tự-do (une montée de conscience ou de liberté).

Cuộc *Thăng-tiến* của toàn Vũ-trụ sinh-hóa ấy cũng diễn-tiến theo *Ba Biền-tượng* sau đây:

- Có khi ông gọi là:
  - Sinh-đẳng (Biosphère)
  - Tri-đẳng (Noosphère)
  - Thần-đẳng (Théosphère)

- Khi khác ông gọi là:
  - Giai-đoạn sinh-lực-hóa Vật-chất (Vitalisation de la matière)
  - Nhân-hóa Sinh-lực (Hominisation de la Vie)
  - Xã-hội-hóa hay Hành-tinh-hóa Con người (Socialisation ou planétisation de l'homme)

Riêng trong quyền *Phénomène humain*, ông gọi là:

- Sinh-lực (la Vie)
- Tư-tưởng (la Pensée)
- Tôn-sinh (la Survie)

*Biện-chứng-pháp Ba nhịp* ấy đã được Teil. diễn-tả và lập đi lập lại dưới nhiều danh-từ và hình-thức khác nhau, trong các tác-phẩm tân-mát của ông. Hiện-giờ một phần lớn các sáng-tác của ông đã được xuất-bản với những quyền sau đây: *Hiện-tượng về con người* (Le phénomène humain), *Con người xuất-hiện* (L'apparition de l'homme), *Nhìn về đi-vãng* (La vision du passé), *Lãnh-vực thần linh* (Le milieu divin), *Tương-lai Nhân-loại* (L'avenir de l'homme)... Đa số các quyền trên chỉ là những bài diễn-thuyết hay những thiên báo và khảo-cứu được tuyên-hợp lại với nhau. Đọc chúng, ta chỉ có được những cái nhìn trắc-diện về học-thuyết của ông, vì ở đây khi thì ông nói tới khía-cạnh này, khi thì nói tới khía-cạnh khác trong trực-giác nòng-cốt.

Nhưng quyền *Hiện-tượng về con người* (Le Phénomène humain) phải được coi là một tác-phẩm quan-trọng, hoàn-bị và nòng-cốt trong Vũ-trụ-quan và Nhân-sinh-quan của ông. Quyền này được viết ra vào năm 1938-40, được sửa-chữa





một đảng, trước hết phải quan-sát những hiện-tượng thuộc lãnh-vực của sinh-vật-học y như những nhà Vật-lý-học hay Hóa-học quan-sát những sự-khien hay những hành-chất của họ một cách khách-quan.

một đảng, tiếp liền hay đúng hơn song-song với việc quan-sát phải biết suy-tư một cách tổng-hợp trên toàn-diện những sự-khien đã quan-sát được. Đó là cốt yếu trong quan-niệm về Hiện-tượng-luận khoa-học của Teil.

Nhưng nếu thế, Hiện-tượng-luận của ông ra như vừa có tính-cách khoa-học vừa có tính-cách triết-học. Đó là một điều khó có thể dung-hòa được nhất là trong viễn-tượng và bầu không-khí khoa-học thực-nghiệm ngày nay. Chính vì thế mà nhiều nhà khoa-học còn nặng óc và thành-kiến Duy-kiến (positivisme) đã tỏ vẻ khó chịu và hoài-nghi cả sở-trường khoa-học của Teil. vì với họ, khoa-học là khoa-học, triết-học là triết-học. Triết-học là giai-đoạn đã bị vượt qua. Bây giờ chỉ còn khoa-học mà khoa-học thì chỉ căn-cứ trên có sự-khien vì "sự-khien là lệ luật". Mà đã nói tới sự-khien tất nhiên phải là những sự-khien bao-hàm khách-quan tính (objectivité) làm điều-kiện và phương-pháp thiết-yếu. Nhiệm-vụ của nhà khoa-học là biết phân-tích minh-bạch những sự-khien đã quan-sát được và diễn-tả chúng bằng những công-thức chặt-chẽ, đích-xác như những công-thức của Toán-học, chứ không được suy-tư trên những sự-khien ấy để tìm ra một cái nhìn bao-quát.

Ngược lại, triết-học thiết-yếu là chấp nối, rồi suy-tư bao-quát trên những sự-khien theo những khái-niệm, phạm-trù và phương-pháp của luận-lý, để nhờ đó rút ra được một nhãn-quan tổng-quát có thể liên-kết những sự-khien tản-mát lại với nhau thành một hệ-thống.

Đó là hai lập-trường phản lập nhất là dưới ảnh-hưởng nặng-nề của Duy-kiến. Nhưng cùng với trào-lưu khoa-học Vật-lý vi-phân và Tương-đối-thuyết hiện-đại nhất là với những viễn-tượng mới của khoa Sinh-vật-học, Teil đã muốn vượt qua cả hai lập-trường loại trừ lẫn nhau trên kia. Theo Bác-sĩ P. Chau-chard, một nhà thần-kinh sinh-lý-học (neurophysiologiste) hiện nay, sinh-vật-học nêu lên một nguyên-tắc và do đó một phương-pháp mới cho công-cuộc khảo-sát đối-tượng riêng biệt của nó. Nên Teil chỉ triết-đề áp-dụng nguyên-tắc đó mà thôi. Ta biết nguyên-tắc đó đã do chính Claude Bernard, người sáng-lập khoa Sinh-lý học chủ-trương; theo ông, mỗi chi-tiết trong Sinh-vật-học đều chỉ có nghĩa là khi nó liên-hệ với toàn-diện vì mỗi chi-tiết chỉ là một thành-phần trong toàn-bộ cơ-thể. Cho nên nếu nhà Sinh-vật-học chỉ chú-ý đến mỗi thành-phần của một cơ-thể như một sự-khien biệt-lập không được chấp nối liên-hệ vào đâu cả thì họ đã rơi vào một lầm lẫn nền-tảng.

Đó là nguyên-tắc căn-bản của Sinh-vật-học mà nhiều nhà Sinh-lý-học và bác-sĩ đã lãng quên. Ngày nay, Teil, đề-cao và minh-chứng những hậu-quả di-

nhien của nguyên-tắc đó. Làm thế ông chỉ đứng trong cương-vị khoa-học, chứ không phải lẫn sang cương-vị của Triết-học.

Hơn nữa, làm như vậy có phải Teil đã "vượt ra ngoài khoa-học" (extra-poler la science) như nhiều nhà khoa-học đã trách cứ ông không?

Cuénot trả lời: nếu Teil, đã vượt ra ngoài theo chiều rộng thì lời trách cứ trên có thể là có lý, nghĩa là nếu chỉ nhìn bao-quát trên toàn-diện của Hoàn-vũ từ quá-khứ qua hiện-tại tới tương-lai để tìm ra một ý-nghĩa cho toàn-cục thì tất nhiên lập-trường của Teil, cũng sẽ rơi vào những khuyết-diểm hay đúng chi lập lại một cách máy-móc những Vũ-trụ-quan hay Biện-chứng-pháp như của Hegel hay Marx chẳng hạn mà thôi.

Nhưng không phải thế, trong chủ-trương "Vượt qua" Teil, đã đi xuống bề sâu của vạn-vật tức là quan-sát nội-tâm (le dedans des Choses) của mỗi sự-vật trong quá-trình Tiên-hóa chung. Nói cách khác, Hiện-tượng-luận của ông không phải để nói lên khía-cạnh mô-tả những gì đã xảy ra và để tiên-đoán được những gì sẽ xảy ra theo cùng một nguyên-tắc mà thôi; trái lại, Hiện-tượng-luận này còn bổ buộc phải khám-phá ra được khía-cạnh nội-tại của những hiện-tượng mình quan-sát nữa. Nên ông đã dụng-ý đặt ra những danh-từ khá mới lạ để diễn-tả những diễn-tiên "bên trong" của vạn-vật, ví-dụ danh-từ 'Cosmogenèse' (ông định-nghĩa là: un monde qui naît, au lieu d'un monde qui est. Về sau tất cả các danh-từ có kèm theo chữ Genèse 'Sinh-hóa' đều phải hiểu theo nghĩa đó cả.) (Vol. V, tr. 116) tạm dịch là 'Vũ-trụ sinh-hóa'.

Trong danh-từ ấy Teil, đã muốn gồm gói hai ý-nghĩa sau đây:

— một đảng, mỗi đơn-từ hay mỗi tiểu-bộ-phần tích-lũy đều cùng-thân-trương ra với toàn cuộc Sinh-hóa của Vũ-trụ, theo cương-vị vi-phân của nó (chaque monade ou particule centrée est, infinitésimalement, coextensive à là cosmogenèse tout entière.) Hay nói một cách đơn-giản hơn: "Mỗi hành-chất trong Hoàn-vũ đều được kết dệt thực-sự với tất cả mọi hành-chất khác." (Chaque élément du Cosmos est positivement tissé de tous les autres.) (Vol. I, tr. 38).

— một đảng, suy-tư (le Nous) là con đẻ của Tiên-hóa tức Vũ trụ Sinh-hóa (la réflexion est fille de l'évolution).

Rồi tiếp đến những danh-từ khác như 'Biogenèse' cũng gọi là 'Biosphère' (Sinh-hóa-đàng hay Sinh-lực-hóa) và 'Noogenèse' (Tinh-thần-hóa hay Trí-đàng) và 'Anthropogenèse' (Nhân-hóa). Nhưng không phải mỗi giai-đoạn nằm tách rời nhau, trái lại mỗi cái cũng gồm gói và tích-lũy lẫn nhau: như "Sinh-lực-hóa" được tích-lũy trong "Vũ-trụ sinh-hóa", rồi "Nhân-hóa" lại được tích-lũy trong "Vũ-trụ sinh-hóa", nhưng phải qua trung-gian của "Sinh-lực-hóa"!

Nói tóm Hiện-tượng ở đây không còn là hiện-tượng nhìn theo bề mặt hay bề ngoài nữa mà là nhìn theo bề trong và bề sâu của vạn-vật kể từ những

hành-chất *lục-diệp* (chlorophylle) ở trạng-thái Đát-cứng ở địa-xác (Lithosphère) khi vỏ Trái đất đang hình-thành cho tới những gì phức-tạp nhất trong óc não của con người và Điểm tích-lũy cực-kỳ mật-thiết là Điểm Chung-kết (point Oméga).

### Óc tổng-hợp

Với quan-niệm về Hiện-tượng-luận khoa-học trên đây, ta cũng đã thấy xuất-hiện óc tổng-hợp trong tư-tưởng của Teil. rồi nghĩa là muốn đi vào con đường của Hiện tượng luận khoa-học nói trên, nhà khoa-học luôn cảm thấy cần-thiết phải vươn lên trên những chi-tiết nhỏ bé, lẻ-tẻ biệt-lập để nhờ đó mà hiểu được toàn-cục. Nói một cách cụ-thể hơn, mỗi hiện-tượng của Hoàn-vũ phải được xâu vào một sợi dây thành một chuỗi hạt có nhất-trĩ. Hay phải nói một cách Siêu-hình nhưng xác-thực hơn rằng: óc tổng-hợp là khả-năng nhận ra được bộ mặt của "Nhất-thê" (l'UN) nằm ngấm-ngấm trong mỗi "Phức-thê" và mọi "Phức-thê" (le Multiple). Đó là tổng-hợp căn-bản nhất của Teil.

Quan-niệm tổng-hợp toàn-diện trên đã phần nào do ảnh-hưởng của khoa-học hiện đại gây nên, vì ở thế-kỷ XIX tất cả các khuynh-hướng khoa-học thực-nghiệm chỉ chú-trọng tới việc phân-tích những sự-kiện riêng rẽ, biệt lập, đó đó mỗi khoa-học lại đứng biệt lập trong lãnh-vực khảo-cứu chuyên-biệt của mình mà thôi. Chính vì thái-độ muốn sống biệt-lập ấy mỗi nhà chuyên-môn chỉ chuyên-biệt khảo-sát có những bộ-phận sơ-bản mà không lo gì đến việc tìm hiểu những định-luật Vật-lý và Hóa-học phát-xuất từ chính những cơ-câu *kiến-trúc tích-lũy* toàn-cục của những tiểu-bộ-phận ấy trong mỗi nguyên-tử và phân-tử. Ngay cả đến những khoa-học xem ra đã muốn phá đổ những "bức tường ô nhục" phân chia ranh-giới giữa hai khoa-học xưa nay vẫn được coi là riêng rẽ biệt-lập cũng vẫn chưa cảm thấy cần-thiết có một *Toán-diện*, ví-dụ những khoa Sinh-vật Hóa-học (biochimie), Tế-bào Sinh-lý-học (physiologie cellulaire) và Sinh-lý Tâm-lý-học về những đơn-tê-bào (psycho-physiologie des unicellulaires) . . .

Vì thế mà chúng chưa nhìn thấy *tính-cách độc-đáo của tình-trạng* gọi là "Tê bào tích-lũy" (intégration cellulaire). Đó mới là "bê trong nội-tại thực-thụ, sơ-bản" của bất cứ tế-bào nào. Ngày nay, khoa Sinh-vật-học đang hướng khoa-học về viễn-tượng tổng-hợp toàn-diện đó, vì càng ngày càng nhìn rõ tính-cách nhất-trĩ trong tổ-hợp hành-chất của toàn Vũ-trụ, nghĩa là bất cứ ở đâu nhà khoa-học nào cũng đều bắt gặp cùng một *Vật-chất* như nhau và cùng một số những năng-lượng như nhau.

Vì vậy Teil mới chủ-trương rằng: một *tổng-hợp toàn-diện* tất cả các khoa-học là một sự cần-thiết cấp bách của thời nay hơn khi nào hết, mặc dầu nó rất khó thực-hiện hơn khi nào. Một Vật-lý-học toàn-diện, hay Hiện-tượng-luận tích-

lũy là một khoa-học cần-thiết cho Con người thời-đại, vì họ phải chú-ý tới tất cả mọi hiện-tượng và tới toàn-diện của mỗi hiện-tượng.

Trong Sinh-vật-học, tổng-hợp ấy thể-hiện ra theo hai lãnh-vực khác nhau:

(1) *Lãnh-vực sinh-vật cá-vật* (individuel), ví-dụ khi nhà sinh-vật-học nhìn mỗi sinh-vật thời họ có thói quen đặt chúng trong "hòa âm toàn cục" của vạn-vật, chứ không chịu để một sinh-vật cá-biệt nào đứng chơ-vơ giữa trời. Rồi khi muốn giảng-nghĩa cá-tính của mỗi sinh-vật họ phải dùng tới phương-pháp *sinh-lý-học tích-lũy* (physiologie de l'intégration).

(2) *Lãnh-vực sinh-vật theo loại* (spécifique tức theo espèces). Hơn nữa, óc tổng-hợp của nhà sinh-vật-học còn nhìn được toàn-diện của những *loại vật* (espèces) khác nhau, vì trong khi quan-sát mỗi cá-vật họ đã phải đồng thời chú ý đến những *tính-chất-loại* (caractères spécifiques) của mỗi vật. Nhờ những nhận-định về *tính-cách Loại* của những cá-vật, họ đi tới quan-niệm về *Loại vật* khác nhau.

Sau đó họ còn phải đối-chiêu, so-sánh nhiều loại vật với nhau bằng cách phân-hóa ra một *Họa-đồ gồm nhiều loại sinh-vật khác nhau*, theo một lối xếp loại có đẳng-cấp. Nhờ họa-đồ xếp loại ấy họ nhận ra được tính-cách phức-tạp hơn kém của mỗi loại sinh-vật và cơ-thể của chúng. Từ phức-tạp đơn-giản họ tiến dần lên tới những phức-tạp càng ngày càng phức-tạp hơn, cho tới khi bắt gặp được một *Phức-tạp độc-đáo nhất*, tức phức-tạp của Ốc-não, đặc-điểm cốt-yếu của Con người.

Nên đối-chiêu các loại sinh-vật để đặt đúng vị-trí của Con người là một trong những khía-cạnh hữu-ích nhất của khoa sinh-vật-học hiện-đại.

### Ý-hướng thời-gian và quá-trình tiến-hóa

Nhờ óc tổng-hợp nói trên nhà sinh-vật-học đã có thể xếp loại các sinh-vật khác nhau và do đó nhận-định ra được tính-cách phức-tạp đi lên của chúng; nhưng nếu chỉ có thế thì đẳng-cấp phức-tạp kia chưa hoàn-toàn đầy đủ, vì nó chỉ mới nói lên được rằng: các sinh-vật đã có đấy như đang hiện có từ muôn thuở thành những *loại-vật cố-định* (espèces fixes). Nhưng thật-sự nếu quan-sát một cách thâm-đáo hơn nhà sinh-vật-học còn nhận thấy một đặc-điểm cốt-yếu khác nằm tự trong "nội-tâm" của mọi cá-vật và từ loài này sang loại khác. Yếu-tố đó là "Sinh-hóa" (Nhớ lại câu định-nghĩa về Vũ-trụ sinh-hóa vừa nói trên: un monde qui *nait*, au lieu d'un monde qui est), nghĩa là không phải các loại vật đã do một bàn tay tạo-hóa nào xếp-đặt và can-thiệp trong từng *trường-hợp một của mỗi loại*, nhưng là nhờ ở một năng-lượng huyền-bí khởi-thủy rồi tiến dần lên từ chỗ đơn-giản đến chỗ phức-tạp và càng ngày càng phức-tạp

theo một quá-trình liên-tục. Đó là khía-cạnh *Lịch-sử* của mỗi sự-vật, của từng loại vật và của toàn-diện quá-trình Vũ-trụ sinh-hóa. Yếu-tố ấy cũng gọi được là *Y-hướng thời-gian* mà nhà sinh-vật-học cần nhìn thấy trong tổng-hợp của mình. Cũng nhờ sinh-vật-học Bergson đã ý-thức được sự quan-trọng của *ý-hướng thời-gian* đó. Nó là yếu-tố nền-tảng dễ hiểu và giảng nghĩa thực-tại. Nếu thiếu chiều-gian ấy, bất cứ một nền Nhân-bản-học nào cũng trở thành vô công hiệu và không thể hiểu nổi.

Teil. thường diễn-tả ý-tưởng ấy một cách hình-ảnh bằng thành-ngữ : "*Viên-chùy của Thời-gian*" (*Cône du temps*). Nhờ *ý-hướng thời-gian* ta mới nhận ra được quá-trình tiền-hóa liên-tục của Hoàn-vũ và địa-vị độc-đáo của một sinh-vật cao-cả hơn hết. Do đó toàn-diện *Lịch-sử* hiện ra như một quá-trình tiền-hóa sinh-vật được kéo dài giúp sinh-vật ấy thực-hiện được hết mọi khả-năng và chiều-gian của nó. Hơn nữa, nếu cuộc tiền-hóa không có tính cách thời-gian thì cũng không thể hiểu nổi quan-niệm "*phân-giả*" nói trên, vì phân-giả tất-nhiên phải giả-thiết có thời-gian, là thời-gian trong mọi đợt của công-kuộc Vũ-trụ sinh-hóa.

Nói tóm theo Cuénot, *Lịch-sử* này không còn là một *Lịch-sử* theo niên-kỳ vật-lý mà thôi, mà còn phải là *Lịch-sử* phổ-quát cả về *chiều rộng* lẫn *chiều sâu*, hai bên phải được gắn liền với nhau và như đóng-thời hòa lẫn vào nhau. Nói cách khác, công-kuộc tiền-hóa toàn-diện ấy là một quá-trình "*sinh-trưởng phân quy*" nghĩa là nó phải trải qua những biến-tượng khác nhau, mà những biến-tượng ấy lại được lập lại ở những trình-độ và cách-thức khác nhau; những biến-tượng ấy là biến-tượng *phân-tán*, biến-tượng *phân-quy* và biến-tượng *phù-xuất*. (*L'évolution est une croissance récurrente, c'est-à-dire qu'elle traverse des phases qui se répètent à différents niveaux et de différentes façons : phases de divergence, de convergence, d'émergence*).

Nhờ những nhận-xét về cơ-cấu tư-tưởng của Teil. nói trên, ta hãy trở về tìm hiểu những chi-tiết bao-hàm trong *Biện-chứng-pháp tam-đẳng* ông đã mô-tả trong quyển "*Hiện-tượng Con người*".

(còn tiếp)

W. SOMERSET MAUGHAM

## nhân-sinh hệ-lụy

(xin đọc V.H.N.S. từ số 83)

XXI

Không bao lâu ông Perkins biết là những lời nói của ông vô-hiệu đối với Philip nên cho tới khi mãn-khóa, ông lờ cậu đi. Ông viết một thông-tin-bạ tai-hại. Khi thông-tin-bạ gửi tới nhà, bà Louisa hỏi Philip ra sao thì cậu trả lời vui-vẻ :

— Xấu quá.

— Thế à, cha-sở nói, Bác phải coi lại.

— Bác thầy cháu tiếp-tục ở lại Tercanbury có ích-lợi gì chẳng ? Cháu nghĩ nếu cháu đi Đức ít lâu thì có lẽ hay hơn.

Bà Louisa bảo :

— Sao cháu lại có ý-nghĩ ấy ?

— Bác không cho đó là ý-kiến hay hay sao ?

Sharp đã rời trường-King và đã viết thơ cho Philip từ Hanover. Cậu ta đã thực sự bắt đầu một cuộc sống và điều đó càng làm cho Philip suy-nghĩ không yên. Cậu cảm thấy không thể chịu nổi một năm ràng-buộc nữa.

— Nhưng như thế cháu sẽ không được học-bổng.

— Dù sao cháu không có hy-vọng được học-bổng. Hơn nữa, cháu thầy không muốn lên học ở Oxford.

Bà Louisa ngạc-nhiên hỏi :

— Nhưng nếu cháu sẽ thọ-giới ?

— Cháu đã bỏ ý-kiến ấy từ lâu.

Bà Louisa nhìn cậu với cặp mắt kinh-ngạc, nhưng rồi, sẵn tính tự-chủ, bà im lặng rót thêm một ly trà cho chóng bà. Không ai nói nữa. Trong chốc lát, Philip nhìn thấy nước mắt từ-từ chảy trên má bà. Lòng cậu bỗng xe lại vì cậu đã làm bà đau khổ. Trong chiếc áo dài đen chật do người thợ dưới phố may, với bộ mặt nhẵn-nheo, cặp mắt mệt-mỏi nhợt-nhạt, và mớ tóc bạc vẫn

còn quần thành đụn như hồi còn nhỏ, bà Louisa là một người kỳ-cục nhưng đả-cảm lạ lùng.

Đây là lần đầu, Philip thầy rõ những đặc-điểm của bà bác.

Sau đó, khi cha-sở vào phòng giấy cùng với cha-phó, Philip lại ôm lấy bà.

— Bác ơi, cháu rất ân-hận làm bác băn-khoăn lo ngại. Nhưng việc cháu thọ-giới có hay gì nếu cháu không có xu-hướng thành-thực, phải không bác?

Bà phản-nản :

— Bác thất-vọng quá, Philip ạ. Bác đã mong điều đó. Bác nghĩ cháu có thể sẽ là cha-phó giúp bác trai, và rồi khi hai bác chết — thực ra hai bác phỏng sống được bao lâu nữa, phải không? cháu có thể thay bác cai-quản giáo-khu này.

Philip rùng mình kinh-hãi. Tim cậu đập mạnh chẳng khác con chim cẩu mắc bẫy đang dẫy-dụa. Bà Louisa gục đầu vào vai cậu khóc thôn-thức.

— Cháu muốn bác năn-ni bác trai cho cháu thôi học ở Tercanbury. Cháu ngán nơi đó quá rồi.

Nhưng cha-sở ở Blackstable là người không hay thay đổi những sự sắp-đặt trước của ông và ông muốn Philip phải ở lại trường King cho tới khi mười tám tuổi và rồi phải lên học ở Oxford. Bất cứ lúc nào ông cũng không muốn nghe Philip nói chuyện bỏ học vì chưa báo trước và tiền học-phí trọn khóa dù sao cũng phải đóng.

— Vậy bác có báo nhà trường cho cháu thôi học vào dịp lễ Giáng-Sinh không? Philip nói với ông Carey sau một cuộc thảo-luận lãn-la và gây-cần.

— Bác sẽ viết cho ông Perkins về việc này để xem ông nói sao.

— Ô, cháu ước gì cháu đã hăm một tuổi. Thật là khổ cứ phải tùy-quyển người khác.

Bà Carey ôn-tôn bảo cháu :

— Philip, cháu không nên nói với bác trai như thế.

— Nhưng bác không biết ông Perkins sẽ muốn cháu ở lại hay sao? Mỗi đầu học trò, ông ta kiếm được chút ít tiền mà.

— Sao cháu không muốn lên học ở Oxford?

— Việc đó có ích gì nếu cháu không đi nhà thờ.

Ông Carey xen vào :

— Cháu đã ở trong nhà thờ, còn đi với lại gì nữa.

— Như thế là thọ-giới rồi à? Philip đáp lại một cách nóng-nảy.

Bà Carey vội hỏi :

— Vậy cháu định sẽ làm gì?

— Cháu không rõ, cháu chưa quyết-định. Nhưng dù làm gì đi nữa, cháu cũng cần biết ngoại-ngữ. Một năm ở Đức cháu sẽ học được nhiều hơn nhiều

là ở lại trong cái hang đó. Cậu không muốn nói là học ở Oxford cũng không hơn gì tiếp-tục đời sống ở nhà trường hiện nay. Cậu hết sức muốn mình làm chủ mình. Ngoài ra, ở Oxford những bạn cũ của cậu ở trường King sẽ không lạ gì cậu muốn xa-lánh tất cả bọn họ. Cậu cảm thấy đời sống học-đường của cậu là cả một sự thất-bại rồi.

Cậu muốn bắt đầu lại.

Một sự tình-cờ là nguyên-vọng sang Đức của Philip cũng phù-hợp với một vài ý-kiến đã được tranh-luận mới đây tại Blackstable.

Một đôi khi bạn-bè đến chơi với ông bác-si có cho nghe những tin-tức về thế-giới bên ngoài; và những người khách đó có một lối xét-đoán sự việc riêng. Cha-sở đã được nghe nói có những người không tin rằng nền giáo-dục cũ cũng ích-lợi cho thời bây giờ như thời xưa. Họ cho rằng ngôn-ngữ tân tiền đã trở nên càng ngày càng quan-trọng, khác hẳn với hồi cha-sở còn nhỏ. Ý-nghị của cha-sở thì nửa nọ nửa kia, vì một người em ông đã được gửi sang Đức khi ông ta trước một kỳ thi, như thế là một bước trước, nhưng từ khi ông ta chết ở bên đó về bệnh thương-hàn, người ta không thể nào không coi sự thí-nghiệm đó là nguy-hiêm. Qua cuộc bàn cãi, họ kết-luận là Philip nên trở lại Tercanbury thêm một khóa học nữa rồi hãy thôi. Sự thỏa-thuận đó làm Philip hải lòng. Nhưng mấy hôm sau khi trở lại trường, ông hiệu-trưởng bảo cậu :

— Tôi nhận được thư của bác anh. Hình như anh muốn sang Đức, và ông ấy hỏi xem tôi nghĩ thế nào về việc đó.

Philip ngạc-nhiên. Cậu giận bác cậu không giữ lời hứa.

Cậu nói :

— Thưa ông, tôi tưởng việc đã dàn-xếp xong?

— Xong làm sao được. Tôi đã viết thư bảo bác anh rằng đưa anh đi xa là một lỗi lầm lớn nhất.

Philip vội ngồi vào bàn và viết một lá thư cho bác. Cậu không cần nhắc lời nói. Cậu giận quá đến nỗi đêm đã khuya mà cậu vẫn chưa ngủ được và sáng hôm sau cậu dậy sớm và bắt đầu ngâm-nghĩ về cách họ đối xử với cậu. Cậu nóng lòng đợi thư trả lời. Hai, ba ngày sau thư tới. Đó là thư của bà Louisa với lời lẽ êm-đềm nhưng chứa đựng nỗi đau-khổ, bảo cậu không nên viết cho bác cậu những lời như vậy làm bác cậu buồn vô cùng. Cậu không từ-tê và trái đạo Thiên-chúa giáo. Cậu phải biết hai bác chỉ cố-gắng hy-sinh cho cậu và ông bà già hơn cậu nhiều nên có thể xét-đoán đúng hơn về những điều có lợi cho cậu. Philip nắm chặt hay bàn tay lại. Cậu đã nghe những lời đó nhiều lần rồi và cậu không thể hiểu tại sao lời đó lại có thể đúng; ông bà không hiểu tình-trạng như cậu hiểu thì tại sao ông bà lại lại có thể nhất-quyết cho rằng già hơn thì khôn hơn?



Cuối thư bà cho biết ông Carey đã rút lại bản thông-báo mà ông đã gửi cho nhà trường.

Philip ôm hận cho tới kỳ nghỉ lễ nữa, ngày lán sau họ được nghỉ chiếu thứ ba và thứ năm vì chiếu thứ bảy họ phải đi lễ ở nhà thờ. Khi học-sinh lớp sáu đi ra, Philip lùi lại sau. Cậu hỏi ông hiệu-trưởng :

— Thưa ông, chiếu nay ông cho phép tôi về qua Blackstable.

Ông hiệu-trưởng đáp cộc-lộc :

— Không.

— Tôi muốn gặp bác tôi có việc rất quan-trọng.

— Anh không nghe tiếng tôi nói "không" à ?

Philip không đáp lại. Cậu đi ra. Cậu cảm thấy quá nhục, cái nhục phải xin phép và cái nhục bị từ-chối. Lúc này cậu ghét ông hiệu-trưởng. Cậu bị quần-quai dưới cái chế-độ chuyên-chê nó không bao giờ đưa ra một lý-lẽ về một hành-động độc-đoán nhất. Cậu quá tức giận nên bắt chấp lời ông và sau bữa ăn, cậu chuồn theo lối sau ra ga vừa đúng giờ để đáp chuyến tàu đi Blackstable. Cậu đi vào nhà cha-sở và thấy hai bác cậu đang ngồi ở phòng ăn.

Ông Carey hỏi :

— Ó kia, cháu ở đâu mọc ra vậy ?

Rõ-ràng là ông không hài lòng gặp cậu.

Cậu có vẻ khó chịu :

— Cháu thấy cháu cần về gặp bác về việc cháu thôi học. Cháu muốn hiểu vì lẽ gì hôm cháu còn ở nhà bác hứa như thế mà một tuần sau bác lại làm khác.

Cậu hơi sợ vì sự táo-bạo của mình nhưng cậu đã quyết-định đích-xác là phải dùng những lời nào, và tuy tim cậu đập mạnh, cậu cũng cứ nói.

— Cháu có giấy phép về chiếu nay không ?

— Không. Cháu xin ông Perkins nhưng ông ấy từ chối. Nếu bác muốn viết thư cho ông ấy biết là cháu đã về đây thì bác có thể làm cháu bị rầy-rà lời-thối.

Bà Carey đang ngồi đan áo tay run-run. Bà không quen những khung cảnh như vậy nên bà bị xúc-cảm mạnh. Ông Carey bảo Philip :

— Đó là một cách trừng phạt xứng-đáng nếu bác cho ông ấy biết.

— Nếu bác muốn là một người tâm thường thì bác cứ việc. Sau khi viết thư cho ông Perkins như bác đã làm, bác có thể là người tâm thường lắm.

Philip điện nên mới nói những câu như vậy vì cha-sở chỉ mong có dịp đó.

— Bác không thể ngồi yên nghe những lời hỗn-xược của cháu, ông nói với vẻ nghiêm-nghị.

Ông đứng dậy và ra ngay khỏi phòng ăn rồi vào phòng giấy. Philip nghe rõ ông đóng cửa và khóa chặt lại.

— Trời ơi, ước gì cháu đã hai mươi một tuổi. Cứ bị trói buộc thế này thì khổ quá.

Bà Louisa bắt đầu khóc thút-thít.

— Ó Philip ơi, không nên nói với bác trai những câu như vậy. Hãy vào xin lỗi bác đi.

— Cháu chả ân-hận một chút nào. Bác ấy lợi-dụng một cách tâm thường. Để cháu ở nhà trường dĩ nhiên là phí tiền, nhưng bác ấy cán quai gì. Có phải tiền của bác ấy đâu. Thật là tàn-ác đặt cháu dưới sự quản-thức của một người không biết một tí gì về sự việc trên đời cả.

Philip.

Đang con tức giận Philip bỗng nhiên dừng lại khi nghe tiếng bác gái. Tiếng thốt ra từ cổ lồng đau-khổ. Cậu không nhận ra cậu đã nói những lời mỉa-mai chua-chát gì.

— Philip, sao cháu tệ bạc thế, cháu biết hai bác chỉ cố-gắng lo liệu cho cháu. Hai bác biết rõ là mình không có kinh-nghiệm nuôi trẻ. Nếu hai bác có một vài đứa con thì đâu đến nỗi. Cũng vì thế mà hai bác phải hỏi ý-kiến ông Perkins.

Tiếng bà dứt đoạn :

— Bác cố-gắng để được như là một người mẹ của cháu. Bác yêu cháu như con đẻ ra.

Bà là một người quá nhỏ bé yếu ớt và trong cái dáng-diệu già-nua của bà, có cái gì đáng thương làm cho Philip cảm-động. Cò họng cậu bỗng nghẹn-ngào và đôi mắt cậu đầm lệ.

Cậu nói với bà :

— Cháu xin lỗi bác. Cháu không muốn hư-hỏng như thế.

Cậu qui xuống bên cạnh bà, dơ hai tay ôm lấy bà và hôn vào đôi má nhàn-nheo ướt lệ của bà. Cậu khóc thồn-thức và cậu cảm thấy thương cái kiếp sống mỗi mòn của người đàn-bà đó. Trước đây, bà chưa bao giờ để cho mỗi xúc-cảm chề-ngự tâm hồn bà như vậy.

— Cháu ơi, bà nói, Bác biết bác chỉ là người bác của cháu không hơn không kém. Thật là đau-khổ cho bác, một người người đàn bà không con, cũng như cháu, một đứa con không mẹ.

Philip quên-hẳn nỗi hờn giận và mỗi quan-tâm riêng của cậu mà chỉ nghĩ đến việc an-ủi bà, với những tiếng nói rời-rạc và những cái vuột-về vụng-vé.

Thế rồi, chiếc đồng-hồ đánh chuông và cậu phải vội-vả chuồn ngay cho kịp chuyến tàu về đi Tercanbury để khỏi trễ giờ điếm danh. Khi ngồi yên



trong góc toa-xe, cậu nghĩ lại thì thấy mình đã không làm được việc gì. Cậu trách mình là nhu-nhược. Vì thái-độ kiêu-ngạo của cha-sở và vì những giọt nước mắt của bà bác mà đành bỏ qua cái mục-dịch đang theo đuổi, thật là một điều đáng khinh. Nhưng không rõ hai ông bà nói chuyện với nhau ra sao mà ông hiệu-trưởng lại nhận được một lá thư khác. Ông Perkins vừa đọc thư vừa nhún vai. Đoạn ông đưa cho Philip coi. Thư viết như sau :

*Thưa ông Perkins,*

*Xin ông thứ lỗi là làm phiền ông về chuyện thăng cháu, nhưng nhà tôi và tôi đều không yên-tâm vì nó. Nó có vẻ muốn thôi học lắm và nhà tôi thì thấy nó khổ sở. Chúng tôi thực khó biết làm thế nào vì chúng tôi không phải là cha mẹ nó. Dường như nó cho là nó học không tận-tới nếu tiếp-tục thì chỉ phí tiền. Kính mong ông giảng-giải cho cháu một lần nữa, nếu nó vẫn một mực thì tôi thấy nên để cho cháu thôi vào dịp Giáng-sinh như đã định trước.*

*Kính bút,  
William Carey.*

Philip trả lại bức thư. Cậu cảm thấy khoái-trá hãnh-diện về sự đắc thắng của mình. Cậu được làm theo sở-thích và cậu rất hài lòng ý muốn của cậu đã thắng ý-kiến của kẻ khác.

Ông hiệu-trưởng nói một cách bực-tức :

— Tôi thấy bỏ ra nửa giờ để viết thư cho bác anh cũng không ích gì nếu khi nhận được thư sau của anh, ông ấy thay đổi ý-định.

Philip không đáp, mặt cậu lạnh như tiền. Nhưng mắt cậu ngời lên những điểm lấp-lánh. Ông Perkins nhận thấy và bật cười.

— Anh đã hơi tận-tới, phải không ?

Lúc ấy Philip mỉm cười tự-nhiên. Cậu không thể giấu kín được nỗi sung-sướng.

— Anh muốn thôi học thực à ?

— Thưa ông, vâng ạ.

— Ở đây anh khổ hay sao ?

Philip đỏ mặt. Cậu rất ghét những ai định tìm hiểu những cảm-nghi trong thâm-tâm mình.

— Thưa ông, tôi không rõ ạ.

Ông Perkins thông-thả dơ tay vuốt râu và nhìn cậu với vẻ suy-nghi. Hình như ông tự-nhủ : Nhà trường là của đa số. Chỗ nào chả có lỗ và mòng nào thì lỗ ấy. Thì giờ đâu mà lo cho một người.

Rồi ông nói với Philip :

— Này, tôi muốn khuyên anh một điều. Bây giờ cũng sắp hết khóa học. Anh học thêm một khóa nữa cũng không chết nào; nếu anh muốn sang Đức thì nên đi sau lễ Phục-sinh hơn là đi vào dịp Giáng-sinh. Mùa xuân bên đó vui hơn cảnh trong đông nhiều. Nèu, cuối khóa-học sau anh còn muốn đi, tôi sẽ không ngăn-cản. Anh nghĩ sao ?

— Xin thành-thực cảm ơn ông.

Philip quá sung-sướng là đã lợi được ba tháng cuối nên không quan tâm đến khóa học thêm. Khi chắc rằng cậu sẽ thoát nạn nhà trường trước lễ Phục-sinh thì nhà trường đối với cậu không còn là một nhà tù nữa. Tim cậu như nhảy múa trong người cậu. Tồi hôm đó, tại nhà thờ, cậu nhìn một lượt các học-sinh đứng theo từng lớp và mỗi người theo chỗ của mình. Cậu mỉm cười thích-thú khi nghĩ rằng chẳng bao lâu, cậu sẽ không bao giờ gặp nữa. Vì thế cậu nhìn họ với mỗi tinh thần bè-bạn. Cậu ngắm kỹ Rose. Rose đã chiếm cái địa-vị của cậu làm một viên giám-thị đứng đắn; hẳn có ý trở nên một học-sinh có uy-tín trong trường; tồi hôm ấy đến lượt hẳn đọc bài và hẳn đọc rất hay. Philip mỉm cười khi cậu nghĩ đến việc từ bỏ hẳn mãi-mãi, và trong sáu tháng dù Rose có cao lớn khỏe-mạnh cũng không sao; và việc hẳn làm giám-thị hay trưởng đội túc-cầu cũng chẳng có gì là quan-trọng. Philip nhìn các ông giáo trong bộ lễ-phục. Ông Gordon đã chết vì trúng phong hai năm về trước, nhưng các ông khác còn đó. Giờ đây Philip biết rằng họ chỉ là một bọn người xoàng, có lẽ riêng ông Turner là có cái gì gọi là quân-tử trong con người ông. Cậu khó chịu khi nghĩ đến việc phải phục-tùng họ bây nay. Trong sáu tháng, họ cũng sẽ không đáng kể nữa. Lời khen của họ cũng chẳng có nghĩa gì đối với cậu, mà họ có khiên-trách thì cậu cũng chỉ nhún vai.

Philip đã biết cách không để lộ mỗi cảm-xúc của cậu bằng những dấu hiệu bề ngoài và cậu vẫn hay bẽn-lên, nhưng nhiều lúc cậu rất vui; và những lúc đó, tuy cậu đi lang-thang với vẻ suy-tư, im lặng và dè-dặt nhưng tim cậu hình như đang reo mừng. Đầu óc cậu triển-miền với những ý nghĩ vẩn-vơ, tâm-hồn ăn-hiện.

Lúc này, được sung-sướng, cậu có thể làm việc, và trong những tuần lễ còn lại, trong khóa học cậu cố-gắng để bù đắp lại sự chênh-mảng bấy lâu. Ốc cậu làm việc dề-dàng và cậu rất muốn cho tâm-trí hoạt-động. Cậu làm bài vở rất hay trong kỳ thi mãn-khóa. Ông Perkins đưa ra có một nhận-xét; ông nói chuyện với cậu về một bài luận cậu viết và sau những sự chỉ-trích thường lệ ông nói :

— Bây giờ anh đã quyết-định thôi không tầm bậy nữa, phải không ?

Ông nhe răng cười với Philip còn Philip còn Philip thì cúi xuống, và cười gượng. Năm sáu trò hy-vọng chia nhau số phần thưởng phát trong dịp mãn-khóa hè,

trước không coi Philip là một địch-thủ quan-trọng, nhưng nay bắt đầu nhìn Philip với vẻ khó chịu. Cậu không cho ai biết là cậu sẽ thôi học vào dịp Phục-sinh và sẽ không phải là kẻ tranh cạnh với họ; cậu để mặc họ lo sợ. Cậu biết là Rose rất tự đắc về Pháp-văn vì cậu ta đã qua Pháp trong mấy kỳ nghỉ lễ và hy-vọng chiếm phần thưởng Dean về luận Anh-văn. Philip rất khoái ngắm vẻ sợ-hãi của Rose khi cậu ta biết Philip làm những bài này hay hơn mình nhiều. Một trò khác, Norton, thì không thể nào lên học ở Oxford được trừ khi cậu chiếm được một học-bổng của nhà trường. Hắn hỏi Philip xem cậu có định thi lấy học-bổng không.

Philip hỏi:

— Anh có phản-đối tôi không?

Cậu thầy thú-vị khi thầy mình nắm trong tay tương-lai kẻ khác. Khi sắp ăn chắc những phần thưởng kia mà lại để cho người-khác vì mình không thích thì thực là có vẻ lãng-mạn. Sau cùng, ngày mãn-hạn đã tới, Philip đến gặp ông Perkins để cáo-biệt ông.

— Anh nhất-định muốn thôi học thực à?

Philip thầy ông hiệu-trưởng lộ vẻ ngạc-nhiên thực.

— Ông đã nói ông sẽ không phản-đối gì, Cậu đáp lại.

— Tôi tưởng đó chỉ là ý-định nhất-thời của anh nên tôi thầy nên chiều lòng anh. Tôi biết anh là đứa cứng đầu cứng cổ. Anh thôi học để làm cái gì bây giờ? Dù sao anh chỉ còn có một khóa nữa thôi. Anh có thể chiếm học-bổng Magdalen một cách dễ-dàng; anh sẽ đoạt nửa số phần thưởng mà nhà trường phát.

Philip nhìn ông với vẻ cau-có. Cậu nghĩ rằng cậu đã bị đánh lừa; nhưng ông Perkins đã hứa với cậu thì ông phải giữ lời.

— Thời-gian học ở Oxford sẽ vui lắm. Anh không cần phải quyết-định ngay anh sẽ làm gì sau này. Tôi tin anh sẽ nhận thầy đời sống ở đó sẽ vui thú biết bao đời với những người có đầu óc.

— Nhưng nay tôi đã thu xếp xong để đi Đức, thưa ông, Philip đáp.

— Thì những sự sắp-đặt đó lại không thay đổi được hay sao? Ông Perkins hỏi vặn lại với một nụ cười giễu-cợt.

— Anh ra đi tôi sẽ ân-hận. Trong các trường học, những trò hơi ngu-dần nhưng chịu học thường giỏi hơn những trò thông-minh nhưng biếng-nhác, còn trò nào vừa thông-minh vừa hiểu học thì sao trò đó cũng được như anh trong khóa này.

Philip đỏ mặt. Cậu không quen với những lời khen, và chưa hề có ai bảo cậu là thông-minh. Ông hiệu-trưởng để tay lên vai Philip.

— Như anh biết, nhồi chữ vào sọ những trẻ đần-độn là một công việc vô cùng chán-nản, nhưng một đôi khi anh may mắn được dạy một cậu học-trò

đang tiền lại gần anh, hiểu rõ những lời anh sắp nói, thì lúc đó, dạy học là một việc thích thú nhất trên đời.

Philip mỉm lòng vì lời tử-tê của ông hiệu-trưởng. Chưa bao giờ cậu nhận thầy ông Perkins thực quan-tâm đến việc cậu đi hay ở. Cậu cảm-động và đặc-ý lắm. Kết-thúc năm học trong vinh-quang rồi lên trường Oxford chắc sẽ thú-vị lắm: Trong chốc lát bỗng hiện ra trước mắt cậu cái đời sống mà cậu thường được nghe các trò về chơi banh kê lại hay tả rõ trong những lá thư từ trường Đại-học gửi về và được đọc cho mọi người nghe trong một phòng học. Nhưng cậu cảm thầy hồ-thẹn; nếu bây giờ cậu đầu hàng thì chính mắt cậu cũng thầy cậu là quá điên rồ. Bác cậu sẽ cười thắm khi thầy mưu-mẹo của ông hiệu-trưởng thành công. Bỏ tất cả những phần thưởng mà mình chắc được chỉ vì mình không thèm được, cho những kẻ tầm thường lấy thì là một điều mất tư-cách.

Chỉ cần thuyết phục thêm chút nữa, vừa đủ để mon-trón tính tự-ái của Philip, thì có lẽ ông Perkins đã khiến được Philip làm theo ý ông. Nhưng lúc đó, mặt Philip lạnh-lùng và rầu-rĩ, không biểu-lộ một chút nào những mối cảm-động tương-phản trong lòng cậu.

Cậu nói:

— Thưa ông, thiết-tưởng tôi nên sang Đức thì hơn.

Cũng như những người khác quen dùng ảnh-hưởng cá-nhân mình để điều-khiển mọi việc, ông Perkins trở nên nóng-nảy khi quyền-lực của ông không được người ta phục-tùng ngay. Ông có nhiều việc phải làm nên không thể phí thêm thì giờ với một đứa trẻ điên rồ ngoan-cổ.

— Được tôi đã hứa để cho anh đi nếu thực lòng anh muốn và tôi giữ lời. Vậy bao giờ anh sang Đức.

Tim Philip đập mạnh. Cậu đã thắng trận nhưng cậu không biết có phải cậu không thua trận không.

Cậu đáp:

— Thưa ông, vào đầu tháng năm.

— Được, anh phải đến thăm chúng tôi khi nào anh trở về.

Ông chìa tay bắt tay Philip. Nếu ông thuyết-phục thêm một lần nữa thì có lẽ Philip đã thay đổi ý-định, nhưng hình như ông coi vấn-đề như đã giải-quyết rút khoát. Philip ra khỏi nhà ông Perkins. Cậu không phải đi học nữa; cậu được tự-do. Nhưng cậu đâu có thầy nổi vui mừng mà cậu hằng mong đợi. Cậu đi thủng-thẳng quanh nhà chung; cậu cảm thầy chán-nản. Giờ đây, cậu muốn cậu đừng điên-khùng như thế. Cậu không muốn đi, nhưng cậu biết cậu không thể nào tự-hạ nói với ông hiệu-trưởng là cậu sẽ ở lại. Đó là điều nhục-nhã mà

cậu không thể nào để cho mình phải chịu. Cậu tự hỏi không biết việc cậu làm có phải không. Cậu bắt-bình với cậu và với mọi trường-hợp của cậu. Cậu buồn-bã tự hỏi xem có phải là khi mình được làm theo sở-thích rồi thì sau đó mình lại không muốn được như thế.

## XXII

Bác Philip có một người bạn cũ tên là cô Wilkinson ở Bá-linh, con gái một vị tu-sĩ. Hồi vị tu-sĩ này làm mục-sư ở một làng tại Lincolnshire thì ông Carey làm cha-phó với ông. Khi ông thân-sinh qua đời, cô Wilkinson, vì sinh-kê phải xoay nghề dạy học tư-gia ở Pháp và ở Đức. Cô vẫn có thư từ qua lại với ông Carey và trong mấy kỳ nghỉ lễ, cô đã sang ở nhà cha-sở tại Blackstable và cũng vẫn trả ít tiền cơm nước như những người khách bắt thường của ông Carey. Khi thấy rõ là chiều ý Philip thì đỡ phiền hơn là chông lại nó, ông bèn viết thư cho cô Wilkinson đề hỏi ý-kiến. Cô giới-thiệu Heidelberg là nơi học tiếng Đức tốt nhất và nhà bà giáo-sư Erlin là chỗ ở dễ chịu nhất. Philip có thể sống ở đó với ba mươi đồng mác một tuần và chính ông giáo-sư, một ông giáo trưởng trung-học địa-phương đó, sẽ dạy Philip.

Philip tới Heidelberg vào một buổi sáng tháng Năm. Đồ-đạc của cậu được xếp trên một chiếc xe cút-kít và cậu đi theo người phu khuân vác ra khỏi nhà ga. Nền trời xanh tươi và những hàng cây hai bên con đường cậu đi qua đều um-tùm rậm-rạp; có cái gì mới lạ trong bầu không-khí đối với Philip và trong cái vẻ bên-lên mà cậu cảm thấy khi bước chân vào một cuộc đời mới nơi đất khách quê người, có pha-trộn một thứ gì vui-vui. Cậu hơi buồn rầu vì không ai ra đón cậu và cảm thấy bơ-ngỡ khi người phu-khuân để cậu trước cổng một căn nhà trắng nhỏ rồi đi. Một thẳng nhỏ thô-lỗ dẫn cậu vào và đưa cậu tới phòng khách. Trong phòng có một bộ ghế sa lông lớn bọc nhung xanh với một chiếc bàn tròn ở giữa. Trên bàn, trong lọ nước có một bó hoa gói chụm lại với nhau trong giấy xếp hình tổ ong trông giống như chiếc xương sườn con trâu, còn rải-rác xung quanh là những quyển sách có bìa da đặc để rất gọn-gàng. Người ta thoáng ngửi thấy mùi móng-mỏc

Chợt bà giáo-sư vào, quần áo sặc mùi nấu bếp, một người đàn-bà thấp và khỏe mạnh, tóc vẫn chặt, mặt hồng-hào, mắt long-lánh như hạt trai, dáng-diệu bóng-bột. Bà cầm cả hai tay Philip và hỏi cậu về cô Wilkinson, người bạn đã hai lần đến chơi với bà và ở hàng mấy tuần. Bà nói tiếng Đức và nói tiếng Anh nhất gừng. Philip không thể nói cho bà hiểu là cậu không biết cô Wilkinson. Thế rồi hai cô con gái bà chạy ra. Họ trông không trẻ hơn Philip nhưng có lẽ

không quá hăm hăm. Cô chị, tên là Thekla, cũng thấp như mẹ, cũng có vẻ hơi tinh-quái nhưng mặt xinh và tóc đen, rậm. Anna, cô em gái thì cao và giản-dị, nhưng vì cô có nụ cười tươi nên ngay lập tức Philip thích cô hơn. Sau mấy phút chuyện-trò lễ phép, bà giáo-sư đưa cậu vào phòng của cậu rồi đi ra. Phòng ở trong cái tháp nhỏ trông ra đình ngọn cây ngoài phố; giường thì kê ở chỗ lõm xuống nên khi ngồi vào bàn giấy thì nó trông không ra cái phòng ngủ nữa. Philip mở đồ đạc và xếp sách vở ra. Thế là từ đây cậu được làm chủ mình.

Đến một giờ người ta rung chuông mời cậu đi ăn cơm trưa và cậu thấy khách nhà bà giáo tập-hợp ở phòng khách. Bà giới-thiệu cậu với chồng bà, một người đứng tuổi, cao lớn, đầu rộng và đẹp, tóc hoa râm và cặp mắt xanh đục. Ông nói chuyện với Philip bằng tiếng Anh đúng mọp nhưng hơi cổ, vì ông học bằng cách nghiên-cứu các cổ-thư chứ không phải bằng những cuộc đàm-thoại; và buồn cười là nghe ông dụng những chữ xưa mà Philip chỉ thấy trong các vở kịch của Shakespeare. Bà giáo-sư Erlin gọi nơi đây là một gia-đình chứ không phải nơi chứa trọ nhưng phải cần có cái tề-nhị của nhà siêu-hình-học mới nhận thấy rõ khác-biệt ở chỗ nào. Khi mọi người ngồi vào bàn ăn trong một căn phòng dài và tối, thông ra phòng khách, Philip cảm thấy rất bên-lên và biết là có tất cả mười sáu người. Vợ chồng bà giáo ngồi ở một đầu bàn và cắt thịt. Hầu bàn thì cũng do cái thẳng nhỏ vụng-về ra mở cổng cho Philip lúc này; tuy nó nhanh nhẹn nhưng người ta thấy rằng những người lấy món ăn đầu tiên đã ăn hết trước khi những người cuối cùng nhận được phần mình. Vì ông bà giáo-sư đề-nghị chỉ nói tiếng Đức nên dù cái tính bên-lên của cậu có cho phép cậu hay nói đi nữa, Philip cũng buộc lòng phải ngậm miệng. Cậu nhìn những người mà cậu sẽ phải sống chung với họ. Cạnh ông bà giáo-sư có nhiều bà già ngồi nhưng Philip không để ý mấy. Có hai thiếu-nữ đều xinh, nhưng một cô thì rất đẹp, mà Philip nghe thấy người ta gọi là cô Hedwig và cô Cäcilie. Cäcilie thì có chòm tóc đuôi gà xõa xuống sau lưng. Hai cô ngồi sát nhau và trò chuyện với nhau với những nụ cười kín đáo; thỉnh-thoảng họ lại liếc trộm Philip và một trong hai cô nói thì-thảm điều gì rồi cả hai cười khúc-khích làm Philip đỏ mặt vì cậu tưởng họ chế-nhạo cậu. Bên cạnh hai cô là một người Trung-Hoa với bộ mặt vàng nhợt và một nụ cười cười mờ; anh này đang nghiên-cứu về tinh-hình tây-phương tại trường Đại-học. Anh nói rất nhanh với thứ giọng kỳ-dị, khiến các thiếu-nữ bật cười. Anh cũng cười theo vui-vẻ, và đôi mắt long-lanh của anh hầu như nhắm tít lại khi anh cười. Có hai, ba người Mỹ, mặc áo dài đen, da hơi vàng và khô-khan. Họ là những sinh-viên về thần-học; họ nói tiếng Đức đó đóm, và nghe họ nói, Philip nhận thấy cái giọng mũi của người Tân Anh-quốc Philip nhìn họ với vẻ nghi-ngờ vì người ta đã dạy cậu coi người Mỹ như những người man-rợ hung dữ.

Lát sau, khi mọi người ngồi chơi trên những chiếc ghế phủ nhung xanh ngoài phòng khách, cô Anna hỏi Philip có muốn đi chơi một lúc cùng bọn cô không.

Philip nhận lời. Họ họp thành một bọn gồm có hai con gái bà giáo-sư, hai thiếu-nữ kia, một sinh-viên Mỹ và Philip. Philip đi bên cạnh Anna và Hedwig. Cậu hơi bị kích-thích. Cậu chưa từng quen một thiếu-nữ nào. Ở Blackstable thì chỉ có con gái nhà làm ruộng hay nhà buôn trong vùng. Cậu biết mặt, biết tên họ, nhưng tính cậu rụt-rè và cứ tưởng họ chề-giễu cái chân cà-nhắc của cậu. Cậu tán thành cái quan-niệm về giai-cấp của ông Carey và ông bác-si nên rõ sự khác-biệt giữa giới các ông và giới nông-dân. Ông bác có hai cô con gái nhưng đều nhiều tuổi hơn Philip và đã gả cho những người phụ-tá của ông khi Philip còn bé. Ở trường học cũng có vài ba cô mạnh-dạn hơn là khiêm-tốn quen với mấy cậu và có những mẩu truyện không hay về sự thắm lên của họ mà chắc có lẽ là do sự tưởng-tượng của phái đàn ông mà ra. Những truyện đó làm cho Philip ghê-sợ và kinh-tởm. Tri tưởng-tượng và những cuốn sách cậu được đọc đã gây ra cho cậu cái ý-thích về thái-độ của Byron, cái thái-độ kiêu-hãnh, khinh-miệt, mỉa-mai và ân-hạ; cậu bị dầy-vò giữa cái bệnh tự thấy mình là hèn kém và sự tin chắc là mình bạo-dạn là do nơi mình. Lúc này, cậu cảm thấy là cậu phải tươi cười và niềm-nở nhưng óc cậu dường như trống rỗng và cậu không nghĩ ra được gì để nói.

Anna thường nói chuyện với cậu vì có ý-thức về bổn-phận, nhưng cô khác thì không nói gì. Cô ta thỉnh-thoảng nhìn cậu với mắt long-lanh và đôi khi tự-nhiên cười khiến Philip bối-rối. Philip cho là cô ta thấy cậu đáng buồn cười. Họ đi bộ dọc theo sườn một ngọn đồi giữa những hàng thông; hương thông mát dịu làm cho Philip vô cùng thích-thú. Trời âm-áp và không có mây. Sau hết họ leo lên tới đỉnh đồi từ nơi đây họ nhìn thấy lưu-vực sông Rhin chạy dài trước mắt họ dưới ánh mặt trời. Đây là một miền mênh-mông bát-ngát, với những ánh vàng lấp-lánh rung-rinh và xa xa là những thành-thị; một con sông lượn qua như một dải bạc. Ở vùng Kent mà Philip biết thì những khoảng rộng hiem có, chỉ có biên với dải chân trời thăm-thẳm nên cái cảnh bao la mà cậu được ngắm lúc này đã đem lại cho cậu một niềm vui say đặc-biệt, khó tả. Cậu chợt cảm thấy phần-khởi. Tuy cậu không rõ điều đó, nhưng đây là lần đầu tiên cậu có dịp thưởng-thức cái đẹp mà không hề có những cảm-xúc khác. Philip và hai thiếu-nữ ngồi xuống một cái ghế vì những người kia đã đi nơi khác. Trong khi hai cô gái nói tiếng Đức liên-thoảng với nhau thì Philip tuy ngồi bên cạnh nhưng phớt-tĩnh, đôi mắt say nhìn cảnh non nước hữu tình. Vô tình cậu nói một mình : « Trời ơi, tôi sung sướng »

(còn tiếp)

## quan-vũ nhân-vật điển-hình của trung-thần nghĩa-sĩ

Nói đến Quan-Vũ, một nhân-vật anh-hùng của thời-dại Tam-Quốc, người Á-Đông nói chung, người Trung-Hoa nói riêng, từ ông già bà cả, trai gái thanh niên đồng-âu, từ nơi đô-thị phồn-hoa, đền hang cùng ngõ hẻm, không ai là không biết. Tại sao Quan-Vũ lại được đời tôn-sùng kính-ngưỡng lạ lùng đến như thế ?

Người cầm bút viết truyện Quan-Vũ từ trước đến cũng chỉ biết nói thề, chưa phân tách tại sao Quan-Vũ lại được tôn thờ trong các giới như vậy.

Nhân muốn biên-soạn một bài nói về Quan-Vũ, nên cố-gắng nghiên-cứu các sách để tìm-tòi sử-liệu về binh-sinh của Quan-Vũ, sau khi thu thập được đủ chi-tiết mới vỡ lẽ ra rằng : « Quan-Vũ có một kỳ-tích như vậy, duyên do là đạo xử-thê của ông thuần-túy hợp với tinh-tinh nghĩa-lý của hiền-thánh Á-Đông nói chung, và của Trung-Hoa nói riêng ».

Tác-phong đạo-đức, tinh-khí trung-kiên của ông đã đúc kết thành điển-hình tượng-trung cho giới ' Trung-thần nghĩa-sĩ ' hay ' Đại-trượng-phu ' của các triều-đại quá khứ và vị-lai. Vì vậy mà đời sùng-bái hết đời này sang đời khác không ngừng.

Có người hỏi : « Quan-Vũ giúp Lưu-Bị trong công-cuộc phục-hưng nhà Hán, thất-bại nhiều hơn là thắng-lợi. Vậy có gì đáng tôn-sùng ? »

Xin thưa : « Đời không căn-cứ vào thắng-bại để luận anh-hùng ». Quan-Vũ được tôn-sùng tột mức như vậy là do cách xử-thê của ông, có 4 đặc-điểm hợp đạo-lý như sau :

(1) Tư-tướng của ông là « trung vua, yêu nước ». Tư-tướng đó đã xuất-phát cho điểm « cá-nhân xử-thê » của ông, nên đôi khi có gặp phải gió bão mây mù nhưng vẫn thân như không, chứ không vì thê mà đôi tính-khí để mặt tiết-tháo.

(2) Tác-phong ngay thẳng của ông đã ngạnh lại với những cái gì mà đời gọi là « nghịch-cảnh ». Người thường gặp nghịch-cảnh thường hay uốn mình theo trào-lưu, nhưng đối với ông không khi nào chịu ép lòng để cầu lấy nếp sống an-toàn, để cho đời số mũi. Ông nghĩ sao nói vậy không cần giấu-giếm, tác-phong đó là đại-biểu đa-số cho dân-tộc-tính Á-Đông.

(3) Ông là người rất hào-hiệp nhân-nghĩa : giữ lời hứa, trọng lễ-nghĩa chịu ơn ai mong đến đáp bằng được, ghét kẻ dữ như quân thù. Không chấp-trách kẻ sa cơ yêu đuối, dám đá-kích bọn cạy mạnh lộng quyền. Vì thế nên sĩ-phu cũng như các giới hạ-tầng xã-hội Trung-quốc đều trọng-vọng đức-độ của ông, coi ông là một biểu-hiện đặc-biệt như sao Khuê-Bích.

(4) Ông có khí-khái của bậc đại-trương-phu là : « Giấu sang không tham, nghèo hèn không đổi, uy-vũ không sợ ». Vì thế mà khi nhắc lại truyện ông đã làm, trong lịch-sử ông, người ta nghe mãi không chán. Ai cũng phục ông là « người nhà trời ».

Căn-cứ vào sử sách, xin lược-giải bốn điểm nói trên để quý bạn rõ, tin rằng dù có thiếu sót, cũng không thiếu sót mấy !

*Điểm 1.* Tại sao lại gọi tư-tướng của ông là 'trung vua yêu nước'. Xem như lúc đầu ông cùng với Lưu-Bị, Trương-Phi gặp gỡ, sau khi trao đổi tâm-sự, biết hai người cùng chí-hướng khuông-phù nhà Hán như mình nên mới gặp mà đã coi nhau như bạn quen biết lâu ngày, rồi cả ba cùng kết làm anh em khác họ, thế cùng lòng góp sức, cứu nước khỏi nguy-nạn, để trên báo quốc-gia, dưới giữ an-ninh cho lễ-thứ. Đó, động-cơ nguyên-thủy của sự kết-hợp là : « Trung quân ái quốc ».

Sau đó, ông biết Lưu-bị là dòng-dõi Tôn-thất nhà Hán, theo gia-phả thì Bị đứng vào hàng chú của Hoàng-đế bấy giờ (Hiên-Đề).

Nhận thấy Bị có hành-vị biết người biết của hơn đời, lại thêm khí-độ tài-trí kiên-thức không mấy ai bằng, Quan-Vũ đã có ngay quan-niệm : « Huynh-trưởng ta là một vị lãnh-tụ anh-hùng của dân-chúng mới đứng ».

Khi theo Bị vào Hứa-đô, ông được chính mắt nhận xét Hiên-đề là người nhu-nhuộc kém tài-năng, lại bị quyền-gian áp-chèn, danh-vị là ông vua, mà quyền-vị đúng chỉ là pho tượng gỗ.

Nhìn thấy tình-trạng triều-đình như vậy, ông quay ra quan-niệm « mởn phát-triển việc cứu dân cứu nước chỉ có một phương-sách duy-nhất : « Giúp cho anh minh là Lưu-Bị để chèn-thắng quần-hùng ».

Vì thế, nên khi Đào-Khiêm ba lần nhường Từ-Châu, ông hết sức khuyến Lưu-Bị nhận lấy để làm cơ-sở bành-trướng thế-lực.

Lúc này, Quan-Vũ đã nhận ra « Lưu-Bị là một lãnh-tụ duy-nhất, nên ông đã ý-niệm vượt qua « quan-hệ anh em kết-nghĩa » đến « quan-hệ vua tôi », và xui Bị nhận lấy Từ-Châu để làm cơ-sở phát-triển.

Khi Lã-Bô từ Sơn-Đông lạc-lông đến ở nhờ, Lưu-Bị tiếp nhận, nhưng Vũ và Phi hai người hết sức đề-phòng, khi đi khi đứng, luôn luôn đi sát Lưu-Bị không rời nửa bước, vì vậy mà Bô tuy có dã-tâm cũng không dám giở trò « khách lần chủ ».

Sau Tào-Tháo dùng mẹo « hai cộp tranh mối », hạ chiêu-chỉ sai Lưu-Bị dẫn quân bán-bộ sang đánh Hoài-Nam Viên-Thiệu (Tháo có ý làm cho Lã-Bô có cơ-hội đánh úp Từ-Châu).

Nếu không đi thì mang tội « nghịch-chỉ » mà đi thì Từ-Châu bỏ trống, Vũ bèn xin để Trương-Phi ở lại giữ Từ-Châu, tự mình theo Lưu-Bị sang Hoài-Nam (sách-lược này của Vũ, trong có thể đề-phòng Lã-Bô, ngoài vẫn trung-thành tuân-mệnh Triều-đình). Ta có thể tạm gọi là « dự-liệu lưỡng-toàn ».

Khi ra quân, Vũ và Bị hết hết sức căn-dặn Phi : « Không nên uống rượu và đừng đánh-đập quân-sĩ ».

Ài ngờ Lưu-Bị, Quan-Vũ vừa dẫn-quân đi khỏi, ở nhà Trương-Phi cho bày tiệc-tập các thuộc-viên lớn nhỏ lại rồi nói :

— Khi huynh-trưởng ta đi, có dặn ta phải « cai rượu ». Vì vậy, chiếu nay ta cùng anh em vui uống một bữa cho đã, rồi từ sáng mai cùng đi « cai ».

Rượu vào, Phi càng giận Lã-Bô hơn lên, bèn kiếm chuyện đánh bỏ vợ của Bô là Tào-Báo. Bô nghe tin, đem quân Tiêu-bái lại đánh úp Từ-Châu. Phần vì say, phần vì không kịp đề-phòng, đánh bỏ Từ-Châu chạy sang Hí-Du với Lưu-Bị. Bị nghe tin Từ-Châu thất thủ, chỉ thờ dài không nói, nhưng Quan-Vũ thét như sấm, giậm chân hoa tay mắng Phi :

— Chú nói là chú giữ được Từ-Châu. Khi huynh-trưởng và tôi ra đi, đã dặn chú thế nào, rồi chú cam-kết ra sao. Còn nhớ không ?

Nay để thành-trị bị mất, hai chị bị giặc bắt. Chú còn mặt mũi nào nhìn trời đất nữa ? Phi bị mắng, vừa xấu-hổ vừa hồi-hận, bèn rút gươm ra toan tự-tử. May có Lưu-Bị giắt được gươm vật đi, nên tránh được tàn-thâm-kịch. Ta thử đặt vấn-đề : « Mặt Từ-Châu can-hệ gì Vũ phải mắng Phi tàn-tệ như vậy ? »

Xin thưa, chủ-yếu của Vũ : « Từ-Châu là cơ-sở trú-chân để mưu-đó việc lớn nay cơ-sở bị mất, biết hướng tựa vào đâu để tính việc báo-quốc an-dân ». Vì vậy mà Vũ phải nặng lời trách mắng Trương-Phi.

Sau đó, Lưu-Bị về đóng vai khách-ngụ nhờ Tháo ở Hứa-đô. Tháo cũng muốn thử lòng các quan và cũng là để dương-oai diệu-võ, nên bắt ép Hiên-đề ra săn ở Hứa-điền.

Quan-Vũ thấy Tháo ngồi kiệu đi ngang kiệu của Thiên-tử ra bãi săn, lòng đã căm-phẫn.

Khi thấy Tháo mượn cung « Bảo-điều » của vua bán được một con hươu, các quan tưởng vua bán trúng chạy ra reo « vạn-tuê » để chúc-tụng. Tháo vọt



ngựa lên trước mặt vua đón nhận lời hoan-hô. Vũ thấy Tháo đòi vua lừa trên như vậy, toan vút ngựa hươi đao ra chém.

Lưu-Bị biết ý vội đưa mắt ngăn lại.

Khi ở Hứa-diên về, Quan-Vũ vẫn hậm-hực rồi hỏi Lưu-Bị :

— Vừa rồi em định giết Tào-Tháo, sao huynh-trưởng lại không cho ?

— Chú không thấy tướng-lãnh tâm-phúc của Tháo đứng vòng trong vòng ngoài như kiến đó sao. Minh chú địch sao lại bọn chúng. Và lại, Tháo với Thiên-tử chỉ đứng cách nhau có một đầu ngựa, nếu giết không được, rồi tổn-thương đến thiên-tử, thì tội giết vua kia, anh em mình đổ cho ai được ? Việc chú định hợp-lý lắm, nhưng hoàn-cảnh và thời-gian chưa thuận-tiện.

Vũ nghe xong thở dài than :

— Anh nói cũng phải, nhưng hôm nay không giết thẳng giặc Tháo, mai đây nó sẽ là mối lo lớn cho quốc-gia !

Không nghĩ gì đến cái chết của chính mình, dám hươi đao định giết thẳng giặc đòi vua lừa trên, nếu người không có tư-tướng trung-quân ái-quốc tuyệt-đời như Quan-Vũ, ai đã dám làm ?

Giả-sử lúc đó, việc nghĩa-cử của Vũ không bị ngăn-trở, chắc chắn là Vũ sẽ giết được Tháo, tự hy-sinh mạng để trừ gian cho nước.

Điểm 2. Tại sao đời lại tặng Quan-Vũ : « Ngạnh phải tác-phong » (ngang-nghạnh không chịu uốn mình theo trào-lưu). Xin dẫn-chứng :

Khi được Tào-Tháo sai Lưu-Bị đem quân ra Từ-Châu đón đường đánh Viên-Thuật, Thuật thua chạy rồi, lúc đó chân tay của Tháo là Xa-Trụ làm quan Múc ở Từ-Châu. Tháo ngầm cho người mang mật lệnh sai Xa-Trụ giết Lưu-Bị để khỏi lo về sau. Không ngờ tin này bị Quan-Vũ bắt được, Vũ giấu không cho Bị biết, tự mình với Trương-Phi trưng cờ hiệu quân Tào, đêm đêm gõ mở cửa. Bọn quân canh báo cho Xa-Trụ tưởng là quân Tào thực ra đón rước. Trụ vừa ra khỏi điều-kiểu bị Vũ hươi chém chết, rồi tiến vào chiếm thành. Lúc đó, Trương-Phi đến nhà riêng của Xa-Trụ giết sạch cả già trẻ trong nhà y.

Đoạn, hai người mang đầu Xa-Trụ về đón Lưu-Bị.

Bị sợ quá nói :

— Các chú giết người chân tay của Tháo, tính sao bây giờ.

Vũ đáp :

— Huynh-trưởng mắng là phải. Song le, nếu chúng em không giết, chắc nó sẽ giết Huynh-trưởng. Thà rằng giết nó để tránh vạ đã, nếu Tháo đến thì đánh sợ gì. Nay xin chia quân ra giữ Tiêu-bái và Hạ-Bì để làm thế ý-dộc cho Từ-Châu. Quả-nhiên, Tháo tiến ra đánh, hạ được Tiêu-bái, cướp lại Từ-Châu, Lưu-Bị thua chạy sang Hà-Bắc nhờ Viên-Thiệu.



QUAN-VÂN-TRƯỜNG  
ngồi đọc sách



Trương-Phi chạy vào ẩn ở núi Mang-đường. Còn trở thành Hạ-Bì do Quan-Vũ giữ là còn.

Tháo cho người đèn chửi mắng nhục-nhã. Vũ không nhịn được, đem quân ra đánh, sau vì ít không chống được với nhiều, Vũ bị vây ở trên một trái núi đất, đêm đó thành Hạ-Bì cũng thất-thủ. Tháo sai Trương-Liêu đến khuyên Quan-Vũ hàng. Bất-đắc-di, Vũ đưa ra điều-kiện :

(1) Hàng Hán, không hàng Tào (Điều kiện rất kỳ khôi ngang bướng).

(2) Chiều quan-giai cấp-bậc của Lư-Bị, xem được lương-bổng bao nhiêu sẽ trích ra để cấp-dưỡng Cam, Mi hai phu-nhân.

(3) Khi được tin Lư-Bị ở đâu, Vũ sẽ tự-do ra đi, không được ngăn cản.

Một trong ba điều-kiện trên, nếu không được như ý, Vũ sẽ đánh đến chết không chịu hàng. Kết-quả Tháo chịu ưng cả ba.

Quan-Vũ đem hai phu-nhân theo Tháo về Hứa-đô.

Tháo đưa vào bãi-yết Hiền-đê, Quan-Vũ được phong « Hán-thọ đình-hầu » (Nhiều nhà bình-luận nói : Nếu không vướng có Cam, Mi, hai phu-nhân, dù Trương-Liêu có thuyết khéo như Tô-Tấn, Trương-Nghi, Vũ cũng không chịu hàng).

Điểm 3. Sự hào-hiệp đủ cả nhân lẫn dũng của Quan-Vũ có nhiều dẫn-chứng như : Việc ông và Lư-Bị, Trương-Phi sáng lập ra « Đào-viên tam kết-nghĩa ». Hình-thức này được người Trung-Quốc nói riêng và Á-Đông nói chung dùng làm điển-hình mãi mãi cho sự giao-tê kết-tập về mọi mặt trong xã-hội.

Lời thề-ước chỉ đơn-giản có mấy chữ : « Xin được cùng chết, không cầu được cùng sống » (nguyện đồng-tử, bất nguyện đồng-sinh), mà ý nghĩ dõng-dào, sấu-sa bằng vạn những lời của mây ông vua thời Chiến-quốc mà đời gọi là Minh-chủ, hay trong các văn-kiện quốc-tê ngày nay của mây ông quốc-trưởng ký với nhau rồi để-cao là « Tung-ước » hay « Hiền-chương » và « Thỏa-nhiệp » v...v..

Vì lời thề đào-viên của Lư, Quan, Trương, được giữ thủy-chung như nhất, chứ không hão-huyền như lời hứa của mây ông Minh-chủ đời Chiến-quốc hay của mây ông chính-khách quốc-tê thời nay.

Lời thề « Đào-viên » được tác-giả của nó áp-dụng một cách tuyệt-đôi, nghĩa là : « Sống chết có nhau, hoạn-nạn cùng chịu, giàu sang cùng hưởng, dù gian-khố cũng không oán trách lấy nửa lời, mà phú-quý mực nào cũng không làm mới dủ được họ thay đổi lòng dạ.»

Điểm này làm tiêu-chuẩn cho bao vạn người Á-Đông sống trong cảnh giang-hồ lục-lâm bất chước để làm biểu-hiện cho sự kết-nạp bằng-hữu.

Chính các phần-tử trong giới này cũng tôn-sùng Quan-Vũ hơn ai hết để khuyên nhau, chớ đâu có : « Khi vui thì vỗ tay vào, dè khi hoạn-nạn thì nào thầy ai.»

Thời-kỳ hàng Hán, Vũ được Tháo biệt-đãi vào hàng thượng-khách, thế mà trước sau Vũ vẫn không quên việc tìm kiếm Lưu-Bị để đi theo.

Nhưng trước khi đi, cũng phải làm một công-tác gì để báo-đáp với người tri-ký đã giấu lòng tri-ngộ với mình chứ!

Nghĩ vậy, nên khi Tháo đương cảm-cự với Thiệu, Quan-Vũ tự-động ra tiễn-tuyên chém hai đại-tướng của Thiệu là Nhan-Lương Văn-Xú để tạ ơn.

Trận Xích-Bích, Tháo bị thua chạy lạc-lõng qua lồi Hoa-Dung, chính lúc Quan-Vũ muốn bắt Tháo thì để như «thò túi lấy bạc». Nhưng khi thấy Tháo nhân-nhớ năn-nỉ, Vũ nghĩ đến xưa Tháo đã biệt-đãi mình, nên không nỡ lấy «oán báo đức» bèn tha cho Tháo rồi tự mình về chịu tội.

Tha cho Tháo, Quan-Vũ làm gì không biết luật của binh-gia: «Tha giặc tại trận» tội nặng như thế nào? Biết mà Vũ vẫn cứ làm, thực là một «giai-thoại» lưu đến ngàn muôn năm! Ai cũng phải phục: lòng nhân-nghĩa hào-hiệp của Vũ.

Khi thấy Tháo đòi vua lửa trên (săn ở Hứa-điền), tuy thế cố sức yêu, Vũ vẫn ngang-nhiên vung dao toan chém.

Thề mà rồi khi thấy Tháo bơ-phờ nhọc mệt chạy qua, run sợ xin tha mạng, chính lẽ là phải giết để lập-công, thề mà Vũ lại chông dao ngăn hãm tha cho thoát. Hành vi này hỏi mấy người đã có.

Tác-phong của Quan-Vũ không những hợp với tư-tưởng «đi đức báo oán» của Nho-giáo, mà còn hợp với triết-lý của Gia-tô-giáo do Chúa phán: «Người hãy yêu thương kẻ thù của người» (nhĩ yêu ái nhĩ địch địch-quần).

Điểm 4. Khen Quan-Vũ có phong-độ khi-khái của một trang đại-trượng-phu, xin kể sơ mấy việc để chứng-minh: Thời-gian nương thân tại Hứa-Đô, Tào-Tháo đãi Vũ «ba ngày một tiệc yến nhỏ, năm ngày một tiệc yến lớn». Về phẩm-tước thì phong hầu trao ấn, rồi tặng vàng bạc gái đẹp không biết bao nhiêu thứ. Thề mà Vũ vẫn không để ý. Tháo đưa gì, ông đều chuyển đưa Cam, Mi hai phu-nhân tạm sử-dụng, nếu còn dư, ông cho cắt đi để chờ khi dò được tin Lưu-Bị ở đâu, bây giờ sẽ treo ấn-thụ ở Công-sảnh, gái đẹp để trong Viện, vàng bạc găm lựa gói lại để trong kho trả Tháo, rồi dẫn hai chi ra đi.

Tào-Tháo nghe tin rất cảm-động về tác-phong của ông, nói với tá-hữu: — Người đó không đòi lòng vì vàng lụa, không đòi chí vì chức tước, không quên chủ cũ. Đáng là «Đại-trượng-phu»!

Khi ông bị vây ở Mạch-thành, Tôn-Quyển sai Gia-cát-Cần đến khuyên ông ra hàng. Nghe Cần nói, ông nghiêm sắc nói:

— Ta được Hoàng-thúc coi như chân tay, khi nào lại hàng giặc để trái nghĩa lớn, nếu thành bị phá, ta chết theo thành. Người về báo với Tôn-Quyển:

«Ngọc dù tan về trắng không mờ, trúc dù cháy tiết ngay vẫn giữ» (Ngọc khả toái nhi bất khả cải kỳ bạch, trúc khả phân nhi bất khả hủy kỳ tiết). Thân ta dù chết, nhân-cách của ta tuyệt đối không chịu dơ. Biêt điều thì bước ngay đứng nói nhiều nữa.

Cần về thuật với Tôn-Quyển. Quyển nghe xong, vừa cảm-phục vừa kính-trọng, than:

— Văn-Trường đúng là «Trung-thần nghĩa-sĩ!».

Một người mà hai kẻ thù (Tôn-Quyển, Tào-Tháo) đều phải phục là Đại-trượng-phu, Trung-thần nghĩa-sĩ, hãy hỏi còn ai không, tôn-sùng?

Thuật bốn điểm trên đây để so-sánh tại sao người Trung-quốc, người Á-Đông lại thờ cúng tôn-sùng Quan-Vũ? Đã đành rằng có người thờ Quan-Vũ để buồn may bán đất!

Miêu mạo thờ Quan-Vũ của người Trung-quốc có lẽ nhiều hơn miêu thờ Không-Phu-Tử, các đôi-liên trong các miêu công, người ta thường viết:

Thề phú

“Xích diện bình xích tâm, kỳ xích thổ truy phong, tri khu thời vô vong Xích-đề;

Thanh đăng quan thanh sử, trượng thanh long yên nguyệt, ấn vi xứ bắt quý thanh thiên.<sup>1</sup>

Thề thơ

Chí tại Xuân-thu, công tại Hán,

Trung đồng nhật-nguyệt, nghĩa đồng thiên.<sup>2</sup>

Các đến đài tư-gia thấy người ta thường viết:

Tam-quốc anh-hùng giai tử,

Độc-công trung-nghĩa do sinh.<sup>3</sup>

1 Sắc mặt đỏ giải tâm lòng son, dong-duôi ngựa hồng, giây phút không quên phò Hán-đế.

Bên đèn xanh, lần xem sử ngọc, hiên-ngang đao bạc, tỏ mờ chẳng quên với thanh thiên.

2 Chí ở Xuân-thu, công ở Hán.

Trung như nhật-nguyệt, nghĩa là mây.

3 Anh hùng ba nước tìm đâu thấy,

Trung nghĩa riêng ông vẫn sáng ngời.

và

Xất mã trăm Nhan-Lương, Hà-bác anh-hào giai táng đóm ;  
Đon đao phó hội Túc, Giang-đông tuần-kiệt cụ hàn tâm. <sup>4</sup>

Hay là :

Nghĩa tôn Hán-thất tam phân đĩnh ;  
Chí tại Xuân-thu nhất bộ thư. <sup>5</sup>



<sup>4</sup> Vợt ngựa chém Nhan-Lương, Hà-bác anh-hào đều mất mặt ;  
Mọt đao gặp Lê-Túc, Giang-đông tuần-kiệt thầy sờn lòng.

<sup>5</sup> Công ghi Hán-sử, thời chấn oạc,  
Chí rặng Xuân-thu, bộ sách vàng.

THANH TÂM  
sưu-tâm

## trăng bao nhiêu tuổi trăng già ?

### Một cuộc thai-nghén «trường-kỳ» . . .

Chúng ta, kẻ mộng-mị thì coi trăng là nguồn thi-cảm, người ra về khoa-học bảo nó là một khối vật-chất buồn-thảm, một cảnh chết, một vệ-tinh v.v. . .

Tuy cũng là vệ-tinh, nhưng trăng không phải là một vệ-tinh «tâm-thường» nó đủ cả «cha, mẹ» và đã sinh ra trong một trường-hợp cực-kỳ hiếm.

Chúng ta đã biết là những hành-tinh, khi mới thoát ra khỏi mặt trời, vẫn còn là những khối hơi, chạy quanh mặt trời theo những quỹ-đạo rất méo. Những quỹ-đạo ấy có điểm rất xa mặt trời và cũng có điểm rất gần mặt trời. Do dẫn-lực, mặt trời kéo tự những khối hơi lớn ấy ra những «tia» hơi dài. Các tia hơi này đọng dần lại thành các vệ-tinh, trong khi chính các khối hơi lớn kia biến thành hành-tinh. Những tia hơi nói trên rất mỏng-manh, nên khi kết-tụ lại, khối-lượng vệ-tinh so với hành-tinh rất sai-biệt, nhỏ gấp mấy mươi vạn lần.

Đằng này trái lại, so với hành-tinh chúng ta ở, là trái đất, khối-lượng của trăng chỉ nhỏ gấp có 81 lần. Tự lâu, căn-cứ vào điểm này, người ta đã nghi-ngờ rằng mặt trăng đã không xuất-hiện cùng một đường lối với các vệ-tinh khác, nhưng chưa tìm ra được câu giải-đáp, và phải chờ đến thiên-văn-gia đại-tài là Huân-Tước George H. Darwin, con của nhà bác-học danh-tiếng Darwin (người lập ra thuyết tiền-hóa của sinh-vật) mới hiểu được mặt trăng đã xuất-hiện trong trường-hợp nào.

Huân-tước cho rằng mặt trăng thoát ra khỏi trái đất cách đây khoảng hai tỷ năm (nghĩa là tương-đời không lâu lắm). Khi ấy, trái đất đã đủ nguội để từ thể hơi chuyển sang thể lỏng, và trên mặt đã bắt đầu đóng một màng vỏ mỏng. Thể lỏng là thể tương-đời không thể dón-ép được (incompressible), mật-độ của toàn-khối «trái đất lỏng» ấy có thể coi là đồng-đều, vì trên mặt và ở trung-tâm không sai biệt đến gấp đôi. Như vậy, nói rằng nguyên dẫn-lực của thái-dương

đủ bứt một phần ra khỏi toàn-khối để thành vệ-tinh, như trường hợp vệ-tinh thành hình do các tia hơi tự hành-tinh phát ra, là điều khó tin. Phải có một duyên cơ mạnh-mẽ khác thường can-thiếp vào mới được.

Trong các cuộc nghiên-cứu về khối lỏng xây tròn, huân-tước đã nhận thấy sức hút chỉ có thể làm cho khối bị «đổi» lên một cái bướt chứ không thể đâm lên một cái «gai» để rồi đứt ra, như ở thể hơi được. Nhưng nếu sức hút đến một mực độ nào đây, thì cái bướt vẫn có thể bị bứt ra để thành một vệ-tinh.

Khi quỹ-đạo của trái đất còn rất méo, chứ chưa tương-đối tròn như bây giờ, có những lúc trái đất dẹt rất gần mặt trời để chịu một dẫn-lực ghê-gớm, thì lúc ấy trái đất hẳn còn ở thể hơi. Trái lại khi đã thành thể lỏng, nghĩa là rất lâu sau khi khối đất này bứt khỏi mặt trời, thì nó đã đi khá xa, quỹ-đạo của nó đã tương-tự như ngày nay, và sức hút của mặt trời đối với nó cũng chẳng mạnh hơn bây giờ là bao nhiêu.

Chúng ta cũng từng biết là ảnh-hưởng của mặt trời hiện chỉ làm cho thủy-triều lên cao trung-bình chừng 20 phân mét thôi (tức  $1/4$  độ cao thực sự của thủy-triều,  $3/4$  kia là do sức hút của mặt trăng). Thế mà, muốn làm cho khối trái đất lỏng có được một phần bị bứt ra, phải gây một thứ thủy-triều cao hàng bao nhiêu ngàn cây số, làm sao sự-kiện này phát-sinh nổi? Nếu loại-trừ ảnh-hưởng mặt trời, ta chẳng còn thấy một lực-lượng nào tạo nên cuộc biến-thiên quan-trọng đó cả. Vậy phải cắt nghĩa làm sao đây? Xin đề huân-tước Darwin trả lời.

### Một hiện-tượng may-mắn

Huân-tước Darwin đã đưa ra một tiếng, chỉ một tiếng thôi, đủ cắt nghĩa, đó là «cộng hưởng» (résonance).

Cộng-hưởng là gì? Đối với các khoa-học-gia, ngay đối với các bạn lớp máy khâu-thanh vô-tuyến-điện, danh-từ «cộng-hưởng» này không xa lạ gì. Bất cứ một vật nào, đều có một tần-số rung-động riêng của nó. Lấy thí-dụ chiếc đu. Đây là một thứ quả lắc. Thời-gian qua lại của nó là một chu-kỳ, dài, ngắn, tùy theo bề dài của giây đu. Nếu người nhún đu không biết lựa theo tần-số giao-động của nó, cứ nhún theo ý thích của mình thì không sao đu bỗng lên được. Phải chờ lúc nó lên đến độ cao nhất, sắp rơi xuống, mới nhún xuống. Như vậy sức nhún sẽ nhập thêm vào với đà xuống của đu mà đánh mạnh hơn lên. Nói một cách khác, người đánh đu đã thích-ứng tần-số, tức nhịp nhún của mình đúng với tần-số riêng của đu, và đu càng ngày càng bỗng.

Kết-luận là nếu lực-lượng làm rung-chuyển phù-hợp với nhịp giao-động của một vật và hợp vị tướng với nó (en concordance de phase) thì sự giao-động

ấy được tiếp-sức mà lớn lên mãi. Chính vì duyên-cớ này mà khi lính qua cầu các vị chỉ-huy buộc phải bước lộn-xộn, không được bước theo nhịp «một, hai» như khi diễn binh, chỉ vì đoàn quân nếu bước đúng tần-số rung-chuyển riêng của chiếc cầu, sẽ làm cho chiếc cầu mỗi lúc một rung mạnh đến gãy, đổ được. Một chiếc tàu thủy cũng vậy, các kỹ-sư phải tính kỹ cho nhịp rung của máy không hợp với một tần-số rung-động của một bộ-phần nào, nếu không sẽ hư ngay. Khi ta mang một bát nước ta vẫn không tự hỏi tại sao nước lại dễ bị sóng ra ngoài đến như thế? Đó chẳng qua là vì nhịp sóng của nước trong bát rất gần với nhịp bước đi của ta vậy.

Trái đất, khi còn ở thể lỏng, cũng như một «bát nước đầy». Nó có nhịp giao-động riêng của nó. Những thời-kỳ hút của mặt trời trên một điểm nào đấy của trái đất, nếu hợp với nhịp giao-động riêng của đất, thì tất nhiên có «cộng-hưởng» và dần-dần các đợt thủy-triều sẽ mỗi lên cao, vô cùng tận, và lúc đó sức sẽ bứt cả một khối lớn văng ra khỏi trái đất để thành mặt trăng.

Nếu ta tính được, sẽ thấy chu-kỳ giao-động tự-do riêng của trái đất khi còn ở thể lỏng, khoảng chừng 2 tiếng đồng-hồ. Hiện nay, thủy-triều lên xuống với một chu-kỳ khoảng 12 giờ. Dù cho rằng thời đó, trái đất còn có thêm cả khối lượng mặt trăng đi nữa, thì chu-kỳ này cũng chẳng sai là bao nhiêu, vì khối-lượng cũng chỉ tăng có 1,25% và đường kính thêm có 0,4% mà thôi. Như vậy làm sao có được sự cộng-hưởng.

Huân-tước Darwin đã chịu khó tính kỹ, và thấy rằng căn-cứ vào nguyên-lý bảo-tồn mo-men góc (moment angulaire) thì khi ấy trái đất xoay tròn nhanh hơn hiện giờ nhiều lắm. Ta lấy thí-dụ một người làm trò xiếc, hay thường hơn nữa là những tay tài-tử biểu-diễn xoay tròn trên mặt tuyết như một con quay. Ta thấy họ dang tay ra quay rồi đột nhiên thu tay vào và quay rất nhanh. Tại sao vậy? Nói một cách nôm-na, ta có thể bảo rằng người đó khi lăng mình xoay tròn, là đã làm công-việc đặt vào thân họ một cái đà xoay tròn. Họ xoay rất tròn trên mặt tuyết, và với tốc-độ quay tầm-thường của họ sự cọ-xát vào không-khí không đáng kể, nên đà ấy bắt họ cứ xoay, nếu họ không hãm lại. Trong lúc họ dang tay ra, thì họ quay với một tốc-độ góc (vitesse angulaire) nào đấy, ba yếu-tố: khối-lượng của cả người họ, độ nhanh theo đường thẳng (vitesse linéaire) và chiều xa của các phần thân-thể của họ đối với trục xoay tròn, hợp lại cho biết cái «mo-men góc» của họ. Khi họ thu tay lại, thì mo-men ấy không hề thay đổi, nhưng chiều xa của hai cánh tay đối với trục xoay tròn đã rút ngắn lại, và như thế bắt buộc họ phải quay nhanh hơn lên nhiều.

Mặt trăng đối với trái đất cũng tí như cánh tay đối với nhà tài-tử nói trên kia. Khi mặt trăng nhập chung vào với trái đất thì trái đất quay nhanh hơn lên nhiều lắm, vì hiện giờ mặt trăng cách trung-tâm xây tròn của trái đất

gấp 60 lần đường kính của trái đất. Khi nhập vào đúng vị-trí của nó trong trái đất thì nó ở khoảng giữa đường bán-kính của trái đất, nghĩa là ngắn hơn hiện giờ 10 lần. Như thế nó phải xây tròn nhanh gấp  $110 \times 110 = 12.100$  lần hiện nay. Hiện giờ nó xây tròn một vòng quanh trái đất trong 28 ngày, thì khi ấy chỉ mất có 3 phút rưỡi thôi, tức nhanh hơn tốc-độ xây tròn hiện nay của trái đất 400 lần.

Nhưng khi ấy khối mặt trăng và trái đất hòa lẫn làm một, vậy thì độ nhanh chung của toàn khối sẽ là một độ nhanh trung-bình mà người ta đã tính ra là  $(1 + 400/81) = 6$  lần sức nhanh của trái đất hiện nay. Như vậy có nghĩa là toàn khối ấy xây tròn 1 lần trong  $(24/6) = 4$  giờ. Mỗi lần trái đất xây đủ một vòng thì trên mặt đất có hai lần thủy-triều dâng lên, như vậy chu-kỳ của mỗi thủy-triều là 2 giờ đồng-hồ đúng với chu-kỳ giao-động của toàn-khối.

Nhờ sự ngẫu-nhiên kỳ-lạ ấy mà phát-sinh hiện-tượng cộng-hưởng, tạo nên những đợt triều cao ngất. Người ta đã tính thủy-triều phải lên xuống khoảng 2 triệu lần mới có đủ sức bứt một khối lớn ra khỏi trái đất để thành mặt trăng. Nhân với hai giờ, ta thấy là sau thời kỳ «thai-nghén» kéo dài tới 500 năm, chị Hằng mới ra chào đời...

### Quay lại cuốn phim chị Hằng ra đời...

Do một duyên-cớ nào đây, có một lúc khối hơi sau này thành trái đất bỗng tách rời khỏi mặt trời. Trong khi hành-tinh khác của Thái-Dương-hệ đã có vệ-tinh vui-vầy thì địa-cầu này vẫn lẻ-loi cô-độc. Khối hơi của trái đất dần dần nguội đi, chuyển sang thể lỏng và trên mặt đã bắt đầu có một lần màng mỏng bao bọc. Trong khi nguội đi như thế, đường kính của nó co lại, cho đến một lúc chu-kỳ giao-động của nó vừa đúng với chu-kỳ của các thủy-triều gây ra do dẫn lực của mặt trời. Đời sống của nó liền thay đổi. Các đợt thủy-triều mỗi ngày một dâng cao. Sau 500 năm, cái bướu chắt lỏng của nó lên cao ngất và, có một lúc, bướu ấy bứt ra khỏi toàn khối. Từ đây địa-cầu có được một vệ-tinh vừa đẹp vừa lớn hơn mọi vệ-tinh khác.

Nếu thuyết của Huân-Tức Darwin đúng, thì những dự-đoán viên-vông về những «chất lạ» sẽ khai-thác được tại cung Quảng sẽ không đứng vững nữa. Thực thể, ta đã biết là trái đất này gồm nhiều khoáng-chất khác nhau, phân ra nhiều lớp. Những chất nào nặng thì ở gần trung-tâm, chất nhẹ bên ngoài. Hiện nay ngành địa-cầu vật-lý-học tạm chia vỏ đất ra làm ba lớp, lớp ngoài cùng là hoa-cương-thạch (granit), mật-độ chừng 2,7 (so với nước) dày chừng 50 đến 100 cây số. Dưới lớp này là lớp huyền-vũ-nham (basalte) mật-độ lớn hơn, và dày chừng mấy trăm cây số, đến khoảng giữa đường bán-kính của địa-cầu. Dưới nữa là một khối lỏng gồm chất sắt và nhiều kim-khí nặng khác, mật-độ ít là 10-

Chính khối kim-khí lỏng này khiến cho mật-độ trung-bình của địa-cầu là 5,5, nghĩa là gấp đôi mật-độ lớp hoa-cương-thạch ở bên trên. Tất nhiên sự phân thành từng lớp theo mật-độ ấy đã xảy ra dưới ảnh-hưởng của trọng-lực, và trong khi tất cả mọi lớp đều vẫn còn ở thể lỏng. Như vậy, cái bướu sinh ra mặt trăng nói trên kia chỉ có thể gồm những chất nhẹ của lớp hoa-cương-thạch hay thêm một phần nào chất huyền-vũ-nham mà thôi họa chăng có được tí chút (hay chẳng có chút nào) kim-khí của lớp dưới cứng. Xét như thế, mật-độ của trăng nhỏ hơn mật-độ của địa-cầu nhiều, không hơn gì mật-độ của hoa-cương-thạch và huyền-vũ-nham mây. Những vụ quan-sát chị Hằng đã xác-định rõ-rệt điểm này: người ta thấy mật-độ trên đó trung-bình là 3,3. Do đây, ta có thể tạm kết-luận là toàn khối chị Hằng chỉ là đá. Những ai mong lên đó khai-thác quý-kim sẽ thất-vọng.

### Một đũa con lêu-lổng...

Khi còn ở trong toàn khối trái-đất, mặt-trăng đã phải nhờ một sự ngẫu hợp kỳ-lạ là hiện-tượng cộng-hưởng nói trên, mới bứt ra nổi, và tự đây nó phải đi sát liền với mặt đất, tại sao ngày nay nó lại ở xa ta đến 384.000 cây số? Nguyên-động-lực nào đã khiến nó ngày một rời xa «đất mẹ» như vậy?

Đền đây, nhà bác-học Darwin lại đưa ra một lời giải-đáp có vẻ nghịch-lý là: chính sức hút giữa hai khối địa-cầu và mặt trăng đã khiến vệ-tinh này xa ra... Theo ông, chính ảnh-hưởng của thủy-triều đã đẩy lui mặt trăng, và hiện giờ vẫn còn làm cho nó đi xa thêm mãi.

Chúng ta biết rằng ảnh-hưởng của mặt trăng gây ra thủy-triều của nước biển trên trái đất. Sức hút của mặt trăng tất nhiên đối với phía đất đồi-diện với nó mạnh hơn là ở đồi-chích-diểm (antipode). Sự sai-biệt về sức hút ấy gây ra ở hai phía trái đất hai đợt thủy-triều, độ cao khác nhau, chạy theo mặt trăng. Nhưng mặt trăng lại chạy quanh trái đất chậm hơn là trái đất tự xây trên trục của nó, do đây người ta mới được chứng-kiến thủy-triều lên xuống. Trong khi các đợt thủy-triều chạy trên mặt địa-cầu, chúng vấp phải những trở-lực thiên-nhiên là những phân đất, đá, cứng, cản chúng. Sự cọ-xát của thủy-triều trên phân đất cứng đã hãm dần tốc-độ xây tròn của trái đất khiến, ngay hiện giờ, ngày của trái đất vẫn còn cứ 1.200 thế-kỷ lại chậm lại một giây đồng-hồ. Xét trong một ngày thì không máy nào đo nổi độ chậm ấy, nhưng nhờ sử-sách ghi-chép người ta đã có được một chứng-cớ là con tính ấy đúng.

Theo con tính trên, người ta có thể cho rằng cách đây 4.000 năm, ngày trên trái đất ngắn hơn hiện nay là 1/30 một giây đồng-hồ, nghĩa là tính đồ đồng từ ngày ấy tới nay, mỗi ngày chậm lại 1/60 của một giây. Nhân lên với 4.000

năm tức 1.460.000 ngày, ta thấy dồn lại đã chậm đi tất cả là 24.000 giây, tức khoảng 7 giờ.

Ta chọn khoảng thời-gian 4.000 năm, là vì thời ấy các nhà thiên-văn Ai-Cập, Babylonie và Trung-Hoa đã biết xét-nghiệm rất chính-xác những kỳ nhật-thực và nguyệt-thực và đã ghi lại trong sử-sách. Nay người ta đem ra đối-chiếu với những kỳ nhật-thực nguyệt-thực hiện-tại, quả thấy có một sự sai biệt 7 giờ thật, như vậy việc trái đất quay chậm dần (do ảnh-hưởng thủy-triều) quả là đúng.

Kể từ khi mặt trăng rời khỏi trái đất, cách đây chừng 2 tỷ năm, nếu trái đất quay chậm dần đúng như nhịp đã tính, thì ta lại thấy rằng một ngày thời đó là 4 giờ quả đã dài ra thành 24 giờ như hiện nay thực. Căn-cứ vào những định-luật căn-bản của cơ-động-học, ta biết rằng mo-men góc của hệ-thống "đất trắng" không thay đổi, như vậy thì khi quả đất quay chậm lại, thì tất tấc độ góc của mặt trăng phải tăng khiến nó lui xa dần khỏi mặt đất lên một quỹ-đạo rộng-lớn như hiện nay. Nếu tính cho thật đúng và cho rằng sự co-xát của thủy-triều đối với phần đất cứng xưa kia cũng như hiện nay, thì mặt trăng phải mất gấp đôi thời giờ, tức là 4 tỷ năm mới lên đến quỹ-đạo hiện tại. Nhưng ta từng biết rằng xưa kia, khi mới thành hình, mặt đất không lồi-lôm quá như hiện nay, không có biển sâu, núi cao. Phần lớn (có thể hầu hết) mặt đất cứng còn chìm dưới một làn nước không lầy gì làm sâu như bây giờ, do đó sự co-xát của thủy-triều trên mặt đất mãnh-liệt hơn hiện nay, và trái đất đã chậm nhanh hơn nhiều, sự lui xa của mặt trăng xưa kia cũng nhanh hơn bây giờ nhiều lắm, do vậy nó đã lên đến một quỹ-đạo xa như vậy mà không cần tới 4 tỷ năm.

Những con tính về ảnh-hưởng của thủy-triều đối với mặt trăng còn cho biết là trăng sẽ đi xa nữa, gấp mấy lần độ xa hiện nay, để rồi từ-từ xấp lại gần trái đất, đến khi quá gần nó sẽ vỡ tan (và ta cũng khó lòng sống nổi) nhưng đó là truyện còn xa, ta chẳng cần lo vội cho mặt.

### Dấu vết còn ghi rành-rành...

Nếu khỏi mặt trăng bứt ra khỏi địa-cấu khi các chất trên đất còn ở thể lỏng thì giờ đây ta chẳng hi-vọng gì tìm thấy "vết sẹo" trên địa-cấu này nữa. Nhưng theo người ta tính, thì khi đó mặt đất đã phần nào đông-đặc và không còn nhuyễn cho lắm. Độ quánh ấy tất không để cho các chất nơi khác dễ-dàng chuyển đến bù vào cái hồ lớn do mặt trăng để lại. Từ lâu người ta đã nghĩ hồ sâu ấy chính là Thái-Bình-Dương, nhưng đây mới là sự ức-đoán. Về sau, ngành địa-cấu vật-lý-học phát-giác một điểm quan-trọng, làm cho giả-thuyết kia ngành hẳn lên: Trong khi khắp nơi, kể cả lục-địa lẫn đáy đại-dương (như Đại-Tây-Dương, Ấn-Độ-Dương, Bắc-Băng-Dương) người ta đều thấy lớp trên cùng

là hoa-cương-thạch (ở lục-địa thì lớp ấy dày, còn ở đáy đại-dương thì nó mỏng hơn, nhưng bao giờ cũng có mặt). Riêng tại khu Thái-Bình-Dương thì không thấy có huyền-vũ-nham mà thôi, chẳng khác gì đã có một bàn tay khổng-lô nào đẩy nạo mặt lớp hoa-cương-thạch trên khoảng rộng-lớn này. Ngay cả đáy Thái-Bình-Dương cũng vậy, không tìm đâu ra dấu vết hoa-cương-thạch. Hơn nữa, khác với các đại-dương khác, Thái-Bình-Dương hình gần như tròn, được bao quanh bằng những dãy núi cao ngất trong đó rất nhiều ngọn phun lửa (rặng núi Andes, Kamchatka, Nhật-Bản, Tân-Tây-Lan) khiến người ta càng tin rằng sau khi khỏi mặt trăng bứt ra, những sự dồn ép của thượng-tầng về địa-cấu thuộc những khu còn lại, đã gây ra những nếp gợn lớn là núi và những rạn nứt gây ra các núi lửa.

Nhưng đến đây ta lại phải luận ra một điều mới: Khi chị Hằng ra đời, trên mặt đất đã có một lần vỏ mỏng gồm hoa-kim-thạch. Làn vỏ ấy dù cứng để bị "búng" đi hẳn một tầng, thì toàn khối của chị Hằng ngay lúc đó đã lạnh hơn trái đất này nhiều rồi. Khối của nó lại bé, như vậy giờ đây ất-hắn toàn-khối của trăng đã đã đặc cứng suốt từ ngoài vỏ đến nội-tâm.

Ta có thể hình-dung ra thời-kỳ ấy: Sau khi mặt trăng tách riêng ra, để lại một hồ sâu ở Thái-Bình-Dương, các phần vỏ cứng còn lại liền bị trọng-lực di-chuyển mạnh-mẽ, tuy không đủ sức đẩy lên lấp hẳn hồ sâu, nhưng cũng đủ làm cho đôi-chích-diềm bị rạn nứt và răn mỏng bớt, tạo nên những hồ tương-đôi không sâu lắm, nhưng cũng đủ biến thành biển cả, như Đại-Tây-Dương, Ấn-Độ-Dương chẳng hạn.

### Nhân-loại chịu ơn chị Hằng...

Nếu chị Hằng ngoan-ngoan cứ "ấp ủ trong lòng trái đất mẹ" mà không "ra ở riêng" thì khó lòng sinh-vật đã có một tương-lai đẹp-đẽ như hiện nay trên địa-cấu. Thực thể, nếu không có sự xáo-động do chị Hằng gây ra trên mặt đất như đã kể trên, nếu địa-cấu cứ êm-đềm nguội-dần, thì mặt đất sẽ gồm những lớp phẳng lý, trên cùng là lớp nước, không lầy gì làm sâu mấy. Mặc dầu sự co lại của những lớp dưới có thể làm cho những lớp trên bị dồn lại thành những "vết nhăn" và thế nào cũng có những chỗ lồi lên khỏi mặt nước, nhưng diện-tích của chúng cũng chẳng đáng kể.

May thay, nhờ có chị Hằng đột-ngột ra đi, trực-tiếp tạo ra cái hồ Thái-Bình-Dương và gián-tiếp tạo ra những hồ sâu khác, nước liền dồn về những chỗ trũng ấy, để tạo ra những miền lục-địa mệnh-mông làm nơi hoạt-động cho mọi sinh-vật, và nhờ có thế, giờ đây mới có được những thi-si để ca-tụng cái đẹp huyền-bí của chị Hằng vậy.



**"COLLECTION CULTURE"**

éditée par la Direction des Affaires Culturelles  
Département de l'Éducation Nationale du Viêt-Nam

1. **SỬ-LIỆU VIỆT-NAM** (Documents sur l'Histoire du Viêt-Nam)  
par *Tuấn-Lý Huỳnh-khắc-Dùng*. (246 pages) . . . . . 25\$
- 2-3. **ĐẠI-NAM NHẬT-THÔNG-CHÍ : LỤC-TỈNH NAM-VIỆT**  
(Monographie complète du Viêt-Nam Unifié :  
Les 6 provinces du Sud Viêt-Nam) traduit par *Tu-Trai Nguyễn-Tạo*.  
Tome I (152 pages) . . . . . 20\$  
Tome II (132 pages) . . . . . 15\$
- 4-5. **ĐẠI-NAM NHẬT-THÔNG-CHÍ : TRUNG-PHẦN**  
(Monographie complète du Viêt-Nam Unifié :  
Province de Thanh-Hóa) traduit par *A-Nam Trần-Tuấn-Khải*.  
Tome I (122 pages) . . . . . 15\$  
Tome II (174 pages) . . . . . 15\$
6. **ĐẠI-NAM NHẬT-THÔNG-CHÍ : TRUNG-PHẦN**  
(Monographie complète du Viêt-Nam Unifié : Centre Viêt-Nam)  
traduit par *Tu-Trai Nguyễn-Tạo*.  
*La Capitale* (96 pages) . . . . . 15\$
- 7-8. **CỔ-ĐỒ HUỆ** (Hué, Ancienne Capitale)  
(Histoire, Monuments, Sites et Anthologie) par *Thái-Vân-Kiểm*.  
(487 pages avec 53 illustrations et cartes) . . . . . 70\$
- 9-12. **ĐẠI-NAM THÔNG-NHẬT-CHÍ : TRUNG-PHẦN**  
(Monographie complète du Viêt-Nam Unifié : Centre Viêt-Nam)  
traduit par *Tu-Trai Nguyễn-Tạo*  
*Provinces de Quảng-Trị et Quảng-Bình* (208 pages) . . . . . 20\$  
*Province de Thừa-Thiên :* Tome I (144 pages) . . . . . 15\$  
Tome II (152 pages) . . . . . 15\$  
Tome III (134 pages) . . . . . 15\$
- 13-14. **VIỆT-NAM NHÂN-VẬT CHÍ VỤNG-BIÊN**  
(Glossaire des Personnages historiques vietnamiens)  
par *Thái-Vân-Kiểm et Hồ-Đắc-Hàm* (290 pages) . . . . . 55\$
15. **HIGHER EDUCATION IN THE REPUBLIC OF VIETNAM**  
(L'enseignement supérieur au Viêt-Nam)  
"VIETNAM CULTURE SERIES" No. 6  
par *Nguyễn-Đình-Hòa* (32 pages) . . . . . 6\$
16. **LA LITTÉRATURE VIETNAMIENNE**  
COLLECTION "ASPECTS CULTURELS DU VIỆT-NAM" N° 7  
par *Nguyễn-Khắc-Kham* (26 pages) . . . . . 6\$
- En vente chez tous les grands libraires à Saigon comme en province,  
chez **THÔNG-NHẤT**, dépositaire général (329 Bd. Trần-Hưng-Đạo, Saigon)  
et à la Direction des Affaires Culturelles (89, Lê-Van-Duyệt, Saigon).

NGUYỄN-ĐÌNH-THI

**điểm sách ngoại - ngữ**

**NOUVELLE INITIATION PHILOSOPHIQUE**

Tác-giả : Florent Gaboriau

Nhà xuất-bản : Casterman, 66 rue Bonaparte, Paris 6e.

Quyển I. L'ENTRÉE EN MÉTAPHYSIQUE, 466 trang.

Quyển II. PHÉNOMÉNOLOGIE DE L'EXISTENCE, tập I, 389 trang.

Quyển III. PHÉNOMÉNOLOGIE DE L'EXISTENCE, tập II, 616 trang.

Có thể nói bộ *Nouvelle initiation philosophique* của giáo-sư Florent Gaboriau là một bộ sách giáo-khoa triết-học mới nhất. Trình-bày triết-lý dưới hình-thức giáo-khoa là một vấn-đề cam-go, nhưng tác-giả đã thành-công bằng cách duy-nhất-hóa được cả hai đặc-tính triết-lý và giáo-khoa. Tác-giả chia mỗi quyển thành ba phần : phần bài học, phần thảo-luận, và phần tổng-lược để giúp ôn lại. Bắt đầu vào triết-học, dĩ nhiên học-viên cần được hướng-dẫn, nhưng đồng thời học-viên cũng phải đóng vai chủ-động bằng đối-thoại vì triết-học đầu phải là một môn-học khép kín và tự-mãn. Nhờ đó, sau phần học tập, phần trao đổi, học-viên có thể đạt được những kết-luận có tính-cách cá-nhân, ăn nhập với đời sống vì đúng như triết-gia Maurice Blondel nói : chân-lý chỉ có giá-trị khi nó được cá-nhân coi là chân-lý của mình.

Với phương-pháp trình-bày đó, bộ sách giáo-khoa mới này có một nội-dung rất đối-đào. Tác-giả không che đậy lập-trường triết-lý kinh-viện của mình, nhưng đồng thời tác-giả đã mở cửa đón nhận hết mọi luồng tư-tưởng mới. Vì thế, bộ-cục của bộ sách mới này khác hẳn với bộ-cục của các bộ sách giáo-khoa triết-trước đây. Cùng một trật, tác-giả vận-dụng cả hiện-tượng-học và lịch-sử triết-học để nói lên cốt-yếu của triết-lý. Tác-giả muốn giúp học-viên suy-nghi từ cuộc sống và trở về với cuộc sống. Chủ-đích của tác-giả là tìm cách làm cho học-viên có một quan-niệm đúng về triết-học, nói cụ-thể hơn, giúp học-viên suy-nghi về cuộc đời chung và riêng.

[Tập XII, Quyển 12 (Tháng 12, 1963)]

**"COLLECTION CULTURE"**

éditée par la Direction des Affaires Culturelles  
Département de l'Éducation Nationale du Việt-Nam

1. **SỬ-LIỆU VIỆT-NAM** (Documents sur l'Histoire du Việt-Nam)  
par *Tuấn-Lý Huỳnh-khắc-Dùng*. (246 pages) . . . . . 25\$
- 2-3. **ĐẠI-NAM NHẬT-THÔNG-CHÍ : LỤC-TỈNH NAM-VIỆT**  
(Monographie complète du Việt-Nam Unifié :  
Les 6 provinces du Sud Việt-Nam) traduit par *Tu-Trai Nguyễn-Tạo*.  
Tome I (152 pages) . . . . . 20\$  
Tome II (132 pages) . . . . . 15\$
- 4-5. **ĐẠI-NAM NHẬT-THÔNG-CHÍ : TRUNG-PHẦN**  
(Monographie complète du Việt-Nam Unifié :  
Province de Thanh-Hóa) traduit par *A-Nam Trần-Tuấn-Khải*.  
Tome I (122 pages) . . . . . 15\$  
Tome II (174 pages) . . . . . 15\$
6. **ĐẠI-NAM NHẬT-THÔNG-CHÍ : TRUNG-PHẦN**  
(Monographie complète du Việt-Nam Unifié : Centre Việt-Nam)  
traduit par *Tu-Trai Nguyễn-Tạo*.  
*La Capitale* (96 pages) . . . . . 15\$
- 7-8. **CỔ-ĐỒ HUỆ** (Huế, Ancienne Capitale)  
(Histoire, Monuments, Sites et Anthologie) par *Thái-Văn-Kiểm*.  
(487 pages avec 53 illustrations et cartes) . . . . . 70\$
- 9-12. **ĐẠI-NAM THÔNG-NHẤT-CHÍ : TRUNG-PHẦN**  
(Monographie complète du Việt-Nam Unifié : Centre Việt-Nam)  
traduit par *Tu-Trai Nguyễn-Tạo*  
*Provinces de Quảng-Trị et Quảng-Bình* (208 pages) . . . . . 20\$  
*Province de Thừa-Thiên* : Tome I (144 pages) . . . . . 15\$  
Tome II (152 pages) . . . . . 15\$  
Tome III (134 pages) . . . . . 15\$
- 13-14. **VIỆT-NAM NHÂN-VẬT CHỈ VƯỢNG-BIÊN**  
(Glossaire des Personnages historiques vietnamiens)  
par *Thái-Văn-Kiểm et Hồ-Đắc-Hàm* (290 pages) . . . . . 55\$
15. **HIGHER EDUCATION IN THE REPUBLIC OF VIETNAM**  
(L'enseignement supérieur au Viet-Nam)  
"VIETNAM CULTURE SERIES" No. 6  
par *Nguyễn-Đình-Hòa* (32 pages) . . . . . 6\$
16. **LA LITTÉRATURE VIETNAMIENNE**  
COLLECTION "ASPECTS CULTURELS DU VIỆT-NAM" N° 7  
par *Nguyễn-Khắc-Kham* (26 pages) . . . . . 6\$
- En vente chez tous les grands libraires à Saïgon comme en province,  
chez **THÔNG-NHẤT**, dépositaire général (329 Bd. Trần-Hưng-Đạo, Saïgon)  
et à la Direction des Affaires Culturelles (89, Lê-Van-Duyệt, Saïgon).

NGUYỄN-ĐÌNH-THI

**điểm sách ngoại - ngữ**

**NOUVELLE INITIATION PHILOSOPHIQUE**

Tác-giả : Florent Gaboriau

Nhà xuất-bản : Casterman, 66 rue Bonaparte, Paris 6e.

Quyển I. L'ENTRÉE EN MÉTAPHYSIQUE, 466 trang.

Quyển II. PHÉNOMÉNOLOGIE DE L'EXISTENCE, tập I, 389 trang.

Quyển III. PHÉNOMÉNOLOGIE DE L'EXISTENCE, tập II, 616 trang.

Có thể nói bộ *Nouvelle initiation philosophique* của giáo-sư Florent Gaboriau là một bộ sách giáo-khoa triết-học mới nhất. Trình-bày triết-lý dưới hình-thức giáo-khoa là một vấn-đề cam-gò, nhưng tác-giả đã thành-công bằng cách duy-nhất-hóa được cả hai đặc-tính triết-lý và giáo-khoa. Tác-giả chia mỗi quyển thành ba phần : phần bài học, phần thảo-luận, và phần tổng-lược để giúp ôn lại. Bắt đầu vào triết-học, dĩ nhiên học-viên cần được hướng-dẫn, nhưng đồng thời học-viên cũng phải đóng vai chủ-động bằng đối-thoại vì triết-học đầu phải là một môn-học khép kín và tự-mãn. Nhờ đó, sau phần học tập, phần trao đổi, học-viên có thể đạt được những kết-luận có tính-cách cá-nhân, ăn nhập với đời sống vì đúng như triết-gia Maurice Blondel nói : chân-lý chỉ có giá-trị khi nó được cá-nhân coi là chân-lý của mình.

Với phương-pháp trình-bày đó, bộ sách giáo-khoa mới này có một nội-dung rất đổi-dào. Tác-giả không che đậy lập-trường triết-lý kinh-viện của mình, nhưng đồng thời tác-giả đã mở cửa đón nhận hết mọi luồng tư-tưởng mới. Vì thế, bộ-cục của bộ sách mới này khác hẳn với bộ-cục của các bộ sách giáo-khoa triết trước đây. Cùng một trật, tác-giả vận-dụng cả hiện-tượng-học và lịch-sử triết-học để nói lên cốt-yếu của triết-lý. Tác-giả muốn giúp học-viên suy-nghĩ từ cuộc sống và trở về với cuộc sống. Chủ-đích của tác-giả là tìm cách làm cho học-viên có một quan-niệm đúng về triết-học, nói cụ-thể hơn, giúp học-viên suy-nghĩ về cuộc đời chung và riêng.

[ Tập XII, Quyển 12 (Tháng 12, 1963) ]

Ở phần bài học, xem ra tác-giả có hơi dài dòng ở một vài đoạn, hy vọng khi tái-bản tác-giả sẽ rút ngắn những vấn-đề ít quan-trọng và khai-triển thêm phần thảo-luận bằng cách đặt thêm câu hỏi để giúp học-viên suy-nghi.

Ngoài một vài khuyết-điểm có tính cách phụ-thuộc, bộ sách giáo-khoa-triết này là một tài-liệu rất quý cho các giáo-sư triết cấp Trung-học và Cao đẳng. Chúng ta có thể tìm thấy trong đó một phương-pháp sư-phạm mới, thiết-thực và những vấn-đề nóng-hổi mà một sinh-viên ban Triết và di-nhiên giáo-sư Triết không thể phớt qua.

#### L'ACTIVATION DE L'ENERGIE

Tác-giả Pierre Teilhard de Chardin.

Nhà xuất-bản : Du Seuil, 37 rue Jacob, Paris 6e, 432 trang

Đây là quyển thứ bảy trong bộ sách của Teilhard de Chardin. Tác-giả, hơn mấy chục năm trở lại đây đã trở nên một người rất quen thuộc của các nhà khoa-học, triết-học trên thế-giới.

Cũng như quyển thứ sáu, nội-dung của quyển này là vấn-đề Nghi-Lực Con Người. Tuy bản-thảo không được tác-giả kịp sửa lại trước lúc qua đời, nhưng theo linh-mục Wildiers, đây là những trang 'nghị-luận' vào loại quý-hóa và độc sáng nhất của tác-giả. Qua 28 bài nghị-luận được nhà xuất-bản xếp theo thứ tự thời-gian (1937-1955), độc-giả nhận thấy một cách rõ-rệt cái nhìn lạc-quan về con người và thế-giới của tác-giả trước những biến-chuyển vi-đại về xã-hội, khoa-học kỹ-thuật ở thế-kỷ thứ hai mươi. Đó không phải là một thứ lạc-quan ảo-tưởng. Nhưng cái nhìn của Teilhard cùng một lúc là cái nhìn của nhà khoa-học, của một triết-gia và cũng là của một linh-mục Dòng Tên (Jésuite). Nhân-sinh-quan và vũ-trụ-quan của Teilhard trong quyển này, cũng như trong sáu quyển trước, là một luồng gió mới, hay đúng hơn, một tia sáng mới, giúp con người thế-kỷ thứ hai mươi ý-thức được cái cao-quý của sinh-tồn và định-mệnh thiêng-liêng của mình trong và bằng công cuộc cạnh-tân vũ-trụ.

Thực ra, tư-tưởng của Teilhard quá dối-dào. Nhận-định đúng và đặt đúng Teilhard trong lịch-sử tư-tưởng nhân-loại còn là một việc đang bắt đầu. Trong công-tác cao-quý nhưng khó-khăn đó, quyển *L'Activation de l'Energie* được xuất-bản để minh-xác và làm giàu thêm giá-trị tư-tưởng của Teilhard de Chardin.

#### LA PAROLE ATTENDUE

Cahiers Pierre Teilhard de Chardin, cùng nhà xuất-bản trên, 159 trang.

Đây là quyển thứ tư trong loại 'Cahiers Pierre de Teilhard' do Hội-các-người-bạn của Teilhard chủ-trương. Tập tài-liệu này được mở đầu bằng hai tài-liệu quý

của Teilhard chưa xuất-bản, tiếp đến là loạt bài nghiên-cứu hoặc diễn-thuyết về sự-nghiệp khoa-học và tư-tưởng của Teilhard.

Giữa lúc nhân-loại đang trải qua những khủng-hoàng trầm-trọng và trên mọi bình-diện, Teilhard nói lên cái nhu-cầu khẩn-thiết của mỗi một người : cần một tia sáng dẫn đường ! Tia sáng đó, Teilhard đã hy-sinh cả cuộc đời để thắp lên và các bạn của Teilhard đang tiếp-tục.

Đọc *Parole attendue*, chúng ta có thể có một cái nhìn đại-khái về cuộc đời của nhà khoa-học và cũng là một nhà tư-tưởng. Đặc-biệt chúng ta có thể ý-thức được sự dị-đồng giữa Bergson và Teilhard mà bà Madeleine Barthélemy-Madaule đã chứng-minh trong luận-án tiền-sĩ văn-chương đệ-trình tại Sorbonne ngày 25 tháng 5 năm 1963.

#### LES HEBREUX

Tác giả Gérard Nahon, do Du Seuil xuất-bản trong « Collection microcosme, Le Temps qui court », 192 trang.

Lịch-sử dân Do-Thái giữ một địa-vị trọng-yếu trong lịch-sử nhân-loại đặc biệt trong lịch-sử tôn-giáo, thần-học. Gérard Nahon với *Dân Do-Thái* đã tổng hợp được những liên-hệ trên bằng cái nhìn của một sử-gia. Với những tài-liệu khảo-cổ-học, thánh-kinh-học... tác-giả đã giúp người đọc ý-thức được bộ mặt thực của một dân-tộc mà Hegel cũng như Berdiaeff cho là có một không hai trong lịch-sử, một dân-tộc đã chiếm trung-tâm lịch-sử. Vì thế, đọc quyển *Dân Do-Thái* của Nahon, chúng ta có thể vượt qua giới-hạn của lịch-sử để đi vào triết-học lịch-sử (la philosophie de l'histoire) nếu không phải là đi vào thần-học lịch-sử (la théologie de l'histoire) !

## SAY IT IN VIETNAMESE

(Saigon: Kim-lai Ân-Quán, 1963)

by NGUYEN DINH HOA, Ph. D.

*Hoa's Vietnamese Phrase Book* revised to give you no deadwood, but only useful sentences and phrases.

134 pages. Index.

VN\$ 75.

## SPEAK VIETNAMESE

(REVISED EDITION, 1963)

by

NGUYEN DINH HOA, Ph. D.

Based on the techniques of modern linguistics, this textbook, first published in Washington in 1955 and in Saigon in 1957, has now been revised in the light of book reviews and classroom experience.

The author is Associate Professor of Linguistics and English at the Faculty of Letters, University of Saigon.

388 pages

VN\$ 100.

## READ VIETNAMESE : A Graded Course in Written Vietnamese

by

NGUYEN DINH HOA, Ph. D.

The second book aiming at familiarizing you with the language of Vietnam.

A sequence to **SPEAK VIETNAMESE**.

202 pages

VN\$ 80.

Please order from

- VIETNAMESE-AMERICAN ASSOCIATION,  
55 Mac Dinh Chi Street, Saigon, Vietnam
- DIRECTORATE OF CULTURAL AFFAIRS,  
MINISTRY OF NATIONAL EDUCATION,  
89, Le Van Duyet Street, Saigon, Vietnam
- EDUCATIONAL MATERIALS SERVICE,  
MINISTRY OF NATIONAL EDUCATION,  
240 Tran Binh Trong Street, Saigon, Vietnam
- THE BOOKSHOP, Eden Arcade, Saigon, Vietnam

## TIN-TỨC VĂN-HOÀ

### A. TIN TRONG NƯỚC

#### 1. TRUNG-TƯỚNG DƯƠNG-VĂN-MINH VÀ THỦ-TƯỚNG NGUYỄN-NGỌC-THƠ GỬI ĐIỆN-VĂN CHÀO MỪNG TÂN TỔNG-THỐNG HOA-KỲ LYNDON B JOHNSON.

Trung-Tướng Dương-Văn-Minh, Chủ-Tịch Hội-Đồng Quân-Nhân Cách-Mạng, đã gửi điện-văn chào mừng ông Lin-đơn Gion-xơn (Lyndon B. Johnson), tân Tổng-Thống Hoa-Kỳ.

Trong bức điện-văn, sau khi nhắc lại cái chết bi-thảm của Tổng-Thống John F. Kennedy, Trung-Tướng đã nhấn mạnh rằng việc Tổng-Thống Johnson đảm-nhiệm chức-vụ Nguyên-Thủ của quốc-gia lãnh-đạo Thê-giới Tự-do đã khiến cho các dân-tộc yêu chuộng tự-do và nhân-phẩm càng tuyệt-đời tin-tưởng rằng lý-tưởng của họ vẫn được ủng-hộ cương-quyết như trước.

Trung-Tướng nói thêm :

« Riêng về phần Việt-Nam, nhân-dân Việt-Nam vẫn ghi nhớ mọi cảm-tình sâu-xa của Tổng-Thống hỏi Tổng-Thống qua thăm viếng Việt-Nam, cho nên rất tin-tưởng vào Tổng-Thống để thắt chặt thêm mối liên-lạc đoàn-kết và thân-hữu giữa hai quốc-gia ».

Đoạn, Trung-Tướng chân-thành cầu chúc Tổng-Thống thành-công trong sứ-mạng cao cả của Tổng-Thống.

Nhân dịp này, ông Nguyễn-Ngọc-Thơ, Thủ-Tướng Chính-Phủ Lâm-Thời Việt-Nam, cũng đã gửi một điện-văn chúc mừng Tổng-Thống Johnson.

Thủ-Tướng Nguyễn-Ngọc-Thơ nhấn mạnh rằng : « Thật là một niềm an-ủi lớn-lao cho tất cả các dân-tộc bạn của Hoa-Kỳ và cũng là nguồn tin-tưởng của mọi người vào tương-lai, vì từ nay Tổng-Thống đảm-nhiệm trọng-trách lãnh-đạo Hoa-Kỳ thay thế cô Tổng-Thống Kennedy, mất đi trong một trường-hợp rất bi-đát, giữa sự luyên-tiêu của cả thê-giới đang buồn thảm.

[Tập XII, Quyển 12 (Tháng 12, 1963)]

« Dựa vào những cảm-tình của Tổng-Thống đối với dân-tộc Việt-Nam và niềm ưu-ái mà Tổng-Thống đã dành cho chính-nghĩa Việt-Nam, tôi tin-tưởng rằng sự hợp-tác của hai quốc-gia chúng ta không những sẽ được duy-trì mà còn được củng-cố hơn nữa trong cuộc chiến-đấu cho tự-do và hòa-bình. »

« Với sự tin-tưởng dân-tộc Mỹ sẽ lớn mạnh và cương-quyết hơn bao giờ hết sau cơn thử-thách quyết-liệt này », Thủ-Tướng Nguyễn-Ngọc-Thơ đã kết-thúc bức điện-văn như sau :

« Tôi xin chân-thành chúc Tổng-Thống hoàn-thành được sứ-mạng cao cả và xin Tổng-Thống nhận nơi đây sự kính-mền và cảm-tình nồng-nhiệt của tôi. »

## 2. VIỆT-NAM ĐÃ ĐÓNG GÓP TRÊN 5.700 MỸ-KIM VÀO CÁC TỔ-CHỨC QUỐC-TẾ.

Do các nghị-định của Tổng-Trưởng Bộ Tài-Chánh, Việt-Nam vừa đóng góp 5.757 Mỹ-kim vào các tổ-chức quốc-tế sau đây :

- 1.000 Mỹ-kim (niên-liễm 1964) cho Viện Phát-triển Kinh-tê Á-Châu (Institut asiatique du développement économique).
- 3.582 Mỹ-kim (niên-khóa 1962) cho Á-Châu và Viễn-Đông Kinh-ủy-hội (ECAFE).
- 1.175 Mỹ-kim cho Cơ-quan Quốc-tê Kiểm-soát các chất ma-túy (Contrôle international des stupéfiants).

## 3. ÔNG TỔNG-TRƯỞNG BỘ QUỐC-GIA GIÁO-DỤC KÊU GỌI SINH-VIÊN VIỆT-NAM Ở HẢI-NGOẠI CỐ-GẮNG HỌC-TẬP ĐỀ SỚM ĐEM TÀI-NĂNG VỀ PHỤC-VỤ XŨ-SỞ.

Ông Phạm-Hoàng-Hộ, Tổng-Trưởng Bộ Quốc-Gia Giáo-Dục, ngày 7-12-1963 đã gửi lời kêu gọi các chuyên-viên và sinh-viên Việt-Nam tại hải-ngoại.

Trong lời kêu gọi, ông Tổng-Trưởng đề-cập đến sự tranh-đấu của những người con dân đất Việt đang sống ở ngoại-quốc mấy tháng gần đây chống chế-độ bạo-tàn để góp phần không nhỏ vào sự thành-công của cuộc Cách-Mạng vừa qua.

Ông cũng kêu gọi các sinh-viên ở hải-ngoại cố-gắng học-tập để sớm đem tài-năng, kiến-thức về phục-vụ quê-hương, xây-dựng dân-chủ, và hứa rằng sẽ giúp những người hồi hương có đủ phương-tiện để phục-vụ nước nhà theo đúng khả-năng.

Sau đây là nguyên-văn lời kêu gọi nói trên của ông Tổng-Trưởng Bộ Quốc-Gia Giáo-Dục :

“Các bạn thân mến,

“Cuộc Cách-Mạng tháng 11 đã đem lại cho toàn-dân một tia hy-vọng mới; hy-vọng một chế-độ dân-chủ sẽ được xây-dựng thực-sự trên công-bằng và tự-do.

“Tuy nhiên, các bạn cũng thừa biết : không phải tuyên-bô dân-chủ là có dân-chủ. Chế-độ dân-chủ không phải là một món quà, mà chính là hậu-quả của những cuộc tranh-đấu có ý-thức, có quy-cú, của mỗi tầng lớp nhân-dân và của mỗi người, đặc-biệt là những người may-mắn được hiểu biết nhiều hơn kẻ khác. Vì thế mà hôm nay, tôi muốn thân-mật ngỏ lời cùng các bạn.

“Trong mấy tháng gần đây, mặc dầu ở xa-xôi, một số đồng các bạn, không phân-biệt tôn-giáo, đã can-đảm phản-đôi chính-sách độc-tài tàn-bạo của chế-độ cũ, gây nhiều xúc-động trong dư-luận thế-giới, và do đó đã góp phần không nhỏ vào sự thành-công của cuộc Cách-Mạng vừa qua. Hội-Đông Quân-Nhân Cách-Mạng, Chánh-Phủ Lâm-Thời và đồng-bào trong nước, nhất là các giới tôn-giáo và giáo-dục, không bao giờ quên điều ấy.

“Nhưng đồng-bào còn mong đợi ở các bạn nhiều hơn nữa : đồng-bào mong các bạn để hết tâm-trí vào việc học để sớm đem tài-năng, kiến-thức về phục-vụ quê-hương, xây-dựng dân-chủ.

“Trong mấy năm qua, chế-độ cũ đã tuyên-truyền giả dối lừa gạt các bạn quá nhiều. Do đó, Hội-Đông Quân-Nhân Cách-Mạng cũng như Chánh-Phủ Lâm-Thời không muốn tuyên-bô nhiều lời mà chỉ muốn chứng-minh thiện-chí bằng hành-động. Như các bạn đã biết, thuê 5/7 đã được bãi bỏ. Rồi đây, phong-trào du-học sẽ được mở rộng và hợp-lý-hóa; các sinh-viên tại hải-ngoại sẽ được giúp đỡ chu-đáo hơn.

“Riêng đối với các bạn đã thành tài, nhân-danh Chánh-Phủ Lâm-Thời, tôi xin long-trọng hứa với các bạn : khi các bạn hồi-hương, Chánh-Phủ sẽ giúp các bạn đủ phương-tiện để phục-vụ nước nhà theo khả-năng. Các bạn nào xuất-dương trước ngày ban-hành Sắc-lệnh 22-7-1961 về quân-dịch sẽ được hoãn dịch khi về nước, và nếu sau khi mãn-hạn khê-ước tuyên-dụng, có bạn nào muốn xuất-dương lần nữa, Chánh-Phủ sẽ cho phép.

“Chuyên-viên hoặc sinh-viên nào đã tốt-nghiệp, nếu muốn về nước để tự-do doanh-nghiệp, hay hợp-tác với một xí-nghiệp tư, theo khả-năng chuyên-môn của mình, cũng sẽ được hoãn-dịch và trở ra ngoại-quốc một cách dễ-dàng.

“Trường-hợp những thanh-niên xuất-dương sau ngày 22-7-1961, cũng sẽ được xét một cách rộng-rãi.

“Đó là lời hứa danh-dự của Chánh-Phủ mà tôi muốn chuyển tới các

bạn với tất cả cảm-tình tha-thiết của một người, cách đây không lâu, còn ở trong hàng ngũ của các bạn.

« Tin-tưởng nơi lòng yêu nước của các bạn ».

Thân mến,  
 Tổng-Trưởng Bộ Quốc-Gia Giáo-Dục,  
 ký tên : PHẠM - HOÀNG - HỘ

#### 4. LỄ KỶ-NIỆM THỨ 15 BẢN TUYÊN-NGÔN QUỐC-TẾ NHÂN-QUYỀN TẠI TÒA ĐÓ-CHÍNH SÀI-GÒN.

Sáng 10-12-63, ông Phạm-Hoàng-Hộ, Tổng-trưởng Bộ Quốc-Gia Giáo-Dục, Chủ-Tịch Ủy-Hội Quốc-Gia UNESCO Việt-Nam đã đến chủ-tọa lễ kỷ-niệm thứ 15 Bản Tuyên-ngôn Quốc-tế Nhân-quyền tổ-chức tại Phòng Khánh-tiết Tòa Đó-Chính Sài-gòn.

Người ta nhận thấy sự hiện-diện của ông Marcel De Clerk, Đại-diện Tổ-chức Giáo-dục, Khoa-học và Văn-hóa Liên-Hiệp-Quốc, nhiều Khoa-trưởng và Giáo-sư Đại-học, ông Tổng Giám-Độc Trung, Tiểu-học và Bình-dân Giáo-dục, đại-diện các cơ-quan văn-hóa xã-hội và một số rất đông sinh-viên và học-sinh.

Sau khi ông Nguyễn-Đình-Hòa, Giám-Độc Nha Văn-Hóa, Tổng-Thư-Ký Ủy-Hội Quốc-Gia UNESCO Việt-Nam, đọc thông-diệp của Trung-Tướng, Chủ-Tịch Hội-Đông-Quân-Nhân Cách-Mạng gửi ông Chủ-Tịch Liên-Hiệp-Quốc ngày 2-12-63, Luật-sư Trần-Văn-Liêm, Giảng-viên trường Đại-học Luật-khoa Sài-gòn, thuyết-trình về Bản Tuyên-ngôn Quốc-tế Nhân-Quyền.

Hàng năm, vào ngày 10 tháng 12 dương-lịch, mặc dầu không phải là hội-viên Liên-Hiệp-Quốc, Việt-Nam Cộng-Hòa cũng làm lễ kỷ-niệm ngày Đại-Hội đồng Liên-Hiệp-Quốc chấp-nhận Bản Tuyên-ngôn Quốc-tế về Nhân-quyền. Nhưng diễn-giả cho rằng năm nay, ý-nghĩa của buổi lễ này khác hẳn nhờ sự thành-công của Cách-Mạng ngày 1-11-63, đã giải-phóng toàn-diện con người sau 9 năm sống dưới chế-độ độc-tài và tàn-bạo.

Sau khi phân-tích nội-dung Bản Tuyên-ngôn Nhân-quyền trên các phương-diện, diễn-giả đưa ra 2 nhận-xét: Tự-do dân-chủ phải luôn luôn đi đôi với bình-dẳng vì không có bình-dẳng, thì không thể có tự-do dân-chủ được và việc nhân-quyền được ghi trong hiến-pháp hoặc trong đạo luật không là một bằng-chứng rằng trên thực-tế Nhân-Quyền đã được tôn-trọng.

Theo ý của diễn-giả thì việc bảo-vệ Nhân-quyền là công việc của toàn-dân và ông tin-tưởng rằng với chế-độ mới được phát-sinh sau ngày Cách-Mạng,

Chính-quyền, Tòa-án và nhân-dân sẽ hợp-tác để mang lại cho xứ-sở một nền dân-chủ thích-hợp với tình-thế hiện thời và trình-độ tiên-hóa của dân-tộc.

#### 5. TIẾP-TÂN NHÂN DỊP VỊ ĐẠI-DIỆN TỔ-CHỨC VĂN-HÓA QUỐC-TẾ SẮP RỜI VIỆT-NAM

Ông Phạm-Hoàng-Hộ, Tổng-Trưởng Bộ Quốc-Gia Giáo-Dục, Chủ-Tịch Ủy-Hội Quốc-Gia UNESCO đã mở cuộc tiếp-tân tối hôm 10-12-63 tại 70 đường Lê-Thánh-Tôn, nhân dịp ông Marcel De Clerk, đại-diện Tổ-Chức Giáo-dục, Khoa-học và Văn-Hóa Liên-Hiệp-quốc, sắp rời Việt-Nam.

Ông De Clerk là một chuyên-viên về Giáo-dục căn-bản, được cử qua công-cán ở Việt-Nam từ ngày 27-12-1955. Ông đã góp một phần lớn vào công-cuộc xây-dựng và điều-hành Trung-tâm Giáo-dục Căn-bản ở Khánh-Hậu (Long-An).

Trong số các nhân-vật Việt-Nam và ngoại-quốc tới dự buổi tiếp-tân, người ta nhận thấy có các ông Trần-Ngọc-Oành, Tổng-Trưởng Bộ Công-Chánh Giao-Thông, M.Robin, Cố-văn Văn-hóa tại Tòa Đại-sứ Pháp, F.Ragot, Trưởng Phái-đoàn Viện-trợ Kinh-tê Kỹ-thuật Pháp tại Việt-Nam, giáo-sư Phạm-Biêu-Tâm, Xứ-lý thường-vụ Viện Đại-học Sài-gòn, Nguyễn-Văn-Trương, Tổng Giám-độc Trung Tiểu-học và Bình-dân Giáo-dục, Nguyễn-Đình-Hòa, Giám-độc Nha Văn-hóa và Tổng thư-ký Ủy-hội Quốc-gia UNESCO.

#### 6. LỄ KỶ-NIỆM NGÀY SINH-NHẬT CỦA HAI NHÀ BÁC-HỌC CALMETTE VÀ YERSIN.

Tối 11-12 63, Pháp-Văn Đồng-Minh-Hội và Hội Nghiên-Cứu Đông-Dương đã tổ-chức lễ kỷ-niệm ngày sinh-nhật của hai bác-si Yersin và Calmette. Nhân dịp này, giáo-sư Auguste Rivoalen tại trường Y-khoa Đại-học Sài-gòn đã diễn-thuyết về « Hai đồ-đệ người Pháp của Pasteur tại Việt-Nam: Alexandre Yersin và Albert Calmette. »

Calmette là nhà bác-học đã chế ra thuốc tăng hồng-buyết-cầu với gan cá thu, thuộc B.C.G. Bác-si Yersin là người đã sáng-lập ra Viện Pasteur Nha-Trang năm 1895, tìm ra vùng Cao-nguyên Lang-bian, thiết-lập trung-tâm nghỉ mát Đà-lạt, và khám-phá vi-trùng bệnh dịch-hạch (1894) và thuốc trị bệnh này.

Cũng chính bác-si Yersin đã đưa vào xứ Đông-Dương giống cao-su Ba-Tây (1897) và cây quinquina (1917). Bác-si Yersin đã xuất-bản nhiều loại sách khoa-học về những công-cuộc nghiên-cứu và phát-minh của ông.

Bác-si Yersin đã lần-lượt giữ các chức-vụ Giám-độc Viện Pasteur Nha-Trang (1895), Giám-độc các trung-tâm nông-nghiệp của Viện Pasteur ở Đông-



Dương (1896), Giám-độc đầu tiên của Trường Y-học Đông-Dương (1902-1904), Giám-độc các Viện Pasteur Sài-gòn và Nha-Trang (1904), Tổng Thanh-tra các cơ-sở của Viện Pasteur Đông-Dương (1924).

Buổi dạ-hội đã được đặt dưới quyền chủ-tọa của bác-sĩ Vương-Quang-Trường, Tổng-trưởng Bộ Y-Tê và ông G.Ferruche, quyền Xử-lý thường-vụ Tòa Đại-sứ Pháp. Ngoài ra, người ta còn nhận thấy sự hiện-diện của ông Phạm-Biểu-Tâm, Khoa-trưởng Y-khoa Đại-học Sài-gòn, ông Tổng Lãnh-sự Pháp và nhiều y-sĩ Việt-Nam và Pháp.

#### 7. THÀNH CỘNG-HÒA ĐÃ ĐƯỢC CHUYỂN-GIAO CHO BỘ QUỐC-GIA GIÁO-DỤC ĐỂ THIẾT-LẬP KHU ĐẠI-HỌC.

Trung-Tướng Dương-Văn-Minh, Chủ-Tịch Hội-Đồng Quân-Nhân Cách-Mạng, đã chủ-tọa sáng ngày 14-12-63 lễ bàn-giao Thành Cộng-Hòa cho Bộ Quốc-Gia Giáo-Dục để thiết-lập Khu Đại Học trong khi chờ đợi hoàn-thành Khu Đại-Học tại Thủ-Đức.

Các trường Đại-Học Dược-Khoa, Văn-Khoa và Luật-Khoa cùng trường Cao-Đẳng Nông-Lâm-Súc sẽ được dời về đây và như vậy là vấn-đề thiếu trường-sở được tạm-thời giải-quyết một phần nào.

Rất đông quan khách đã đến dự-kiến buổi lễ chuyển-giao này, như Thủ-Tướng Nguyễn-Ngọc-Thơ, các nhân-viên trong Hội-Đồng Quân-Nhân Cách-Mạng và Chánh-Phủ Lâm-Thời, ông Viên-Tử-Kiện, Đại-sứ Trung-Hoa Dân-Quốc, niên-trưởng Ngoại-giao-đoàn, cùng nhiều vị Đại-sứ và Lãnh-sự, Giáo-sư Phạm-Biểu-Tâm, Khoa-Trưởng Đại-Học Y-Khoa, Xử-lý thường-vụ Viện Đại-Học Sài-gòn và các ông Khoa-Trưởng, cùng các đại-diện các cơ-quan đoàn-thể Việt-Nam và ngoại-quốc v.v...

Trước khi Trung-Tướng Trần-Văn-Đôn, Tổng-Trưởng Bộ Quốc-Phòng, trao tượng-trưng cho ông Tổng-Trưởng Bộ Quốc-Gia Giáo-Dục văn-kiện liên-hệ việc chuyển-giao Thành Cộng-Hòa, ông Phạm-Hoàng-Hộ, Tổng-Trưởng Bộ Quốc-Gia Giáo-Dục tuyên-bổ, trong bài diễn-văn khai-mạc (có đăng trong số này), đại-khái như sau :

"Cuộc chiến-thắng thành-trì này hẳn còn in sâu trong tâm-trí của mọi người. Những tảng đá, những viên gạch ngổn-ngang trước mắt quý-vị, nếu có thể nói lên tiếng nói của giới vô-tri, sẽ mãi mãi nhắc lại chiến-công oai-hùng của lực-lượng Cách-Mạng chiêm cứ pháo-đài kiên-cố để ngày nay Bộ chúng tôi được hưởng-dụng. Tôi xin thành-tâm tưởng nhớ và tri-ân toàn-thể Chiến-ñị Cách-Mạng mà tên tuổi sẽ liên-kết với lịch-sử đấu-tranh cho tự-do tổ-quốc.

"Dưới chế-độ cũ, Thành "Cộng-Hòa" đã tự-hào tiêu-biểu cho "Thành và Tin", nhưng "Thành, Tin" ấy lại chỉ để phụng-sự cho một cá-nhân, một gia-đình chông lại nguyện-vọng chung của toàn-dân và rê-rúng quyền-lợi tòi-cao của Đất Nước.

"Ngày nay, một thời-đại đã chấm dứt, một kỷ-nguyên mới bắt đầu.

"Nhưng mỗi hoan-hỉ của tôi trong giờ phút này, chính là sự nhận-thức mỗi quan-tâm của Hội-Đồng Quân-Nhân Cách-Mạng và Chánh-Phủ đối với nền giáo-dục và sự đào-tạo nhân-tài".

Tiếp đến, một đại-diện Ban Thường-Vụ Sinh-Viên, trong khi bày tỏ cảm-tưởng nói rằng "từ một nơi trú-ngụ của những tên vệ-sĩ của một chế-độ độc-tài hôm nay bắt đầu trở thành nơi đào-tạo những con người sẽ đem sự hiểu biết của mình phục-vụ cho một xã-hội công-bằng, sẵn-sàng hy-sinh vì lý-tưởng tự-do dân-chủ.

"Cách-Mạng đã biến thành "Cộng-Hòa" này thành khu Đại-Học qua một quyết-định thích-đáng của Hội-Đồng Trưởng-Lãnh và của Chánh-Phủ. Chúng tôi muốn nhân mạnh tiếng thích-đáng ở đây, vì nó còn bao-hàm một tinh-thần Cách-Mạng nữa." (nguyên-văn có đăng trong số báo này).

Sau cùng, Trung-Tướng Chủ-Tịch Hội-Đồng Quân-Nhân Cách-Mạng đọc diễn-văn (nguyên-văn có đăng trong số báo này) mở đầu như sau :

"Tôi hân-hoan đến đây chủ-tọa lễ bàn-giao Thành Cộng-Hòa này, từ nay đặt thuộc quyền sử-dụng của Bộ Quốc-Gia Giáo-Dục.

"Ý-nghĩa của quyết-định trên, trước hết có mục-đích thực-tiến là giúp cho Sinh-viên có được một trường-sở rộng-rãi, đủ tiện-nghi ở gần Trung-tâm thành-phố để học-tập trong khi chờ đợi hoàn-thành Khu Đại-Học tại Thủ-Đức.

"Sau đó là để chứng-tỏ mỗi quan-tâm của Hội-Đồng Quân-Nhân Cách-Mạng và Chánh-Phủ đối với nền giáo-dục nước nhà, mặc dầu trong hiện-tại mọi nỗ-lực của Quốc-gia đang phải hướng về mục-tiêu chống Cộng.

"Tôi mong rằng Bộ Quốc-Gia Giáo-Dục sẽ coi sự tiếp-nhận này là một bước đầu để đi đến việc cải-thiện nền Đại-Học Việt-Nam, và cả chương-trình giáo-dục trong một tinh-thần mới."

Sau khi cùng các quan-khách xem triển-lãm đồ án sửa-chữa thành Cộng-Hòa cho các Phân-Khoa Đại-Học, Trung-Tướng Chủ-Tịch, Thủ-Tướng Chánh-Phủ, các Trưởng-Lãnh và Tổng-Trưởng đã tiếp-xúc thân-mặt với các Giáo-sư và Sinh-viên trước khi ra về.

#### 8. PHÁP CÔNG-NHẬN GIẤY-TRỊ CÁC VĂN-BẰNG DO VIỆN ĐẠI-HỌC SÀI-GÒN CẤP.

Công-báo Cộng-Hòa Pháp-Quốc trong số ra ngày 7-12-1963 có đăng một nghị-định ngày 20-11-1963, thi-hành sắc-lệnh ngày 2-8-1960 công-nhận các chứng-chỉ và văn-bằng sau đây do Viện Đại-học Sài-gòn cấp trong các niên-khóa 1962-1963:

- Chứng-chỉ học-trình và kỳ thi năm thứ hai Y-khoa (niên-khóa 1961-1962).
- Chứng-chỉ học-trình và các kỳ thi các năm thứ ba, tư và năm Y-khoa.
- Chứng-chỉ học-trình năm thứ sáu Y-khoa.
- Chứng-chỉ học-trình và các kỳ thi bốn năm đầu Nha-khoa.
- Chứng-chỉ học-trình năm thứ 5 Nha-khoa.
- Thực-tập Dược-khoa và kỳ thi tốt-nghiệp mãn-khóa tập-sự Dược-khoa.
- Chứng-chỉ học-trình và các kỳ thi ba năm đầu Dược-khoa.
- Chứng-chỉ học-trình năm thứ tư Dược-khoa.
- Chứng-chỉ Văn-chương tổng-quát.
- Chứng-chỉ Cao-học Văn-chương:
  - Văn-chương Pháp;
  - Văn-phạm và Ngữ-học Pháp;
  - Địa-lý Đại-cương.

Công-báo Cộng-Hòa Pháp-Quốc số 282 ngày 2 và 3-12-1963 có đăng một nghị-định ngày 20-11-1963 chấp nhận bằng Cử-nhân Luật khoa do Viện Đại-học Sài-gòn cấp, tương-đương với bằng Cử-nhân Luật-khoa Pháp đề thi lấy cấp bằng Tân-sĩ Luật-khoa Quốc-gia.

#### 9. NGÀY VÀ NƠI MỜ CÁC KỶ THI TRUNG-HỌC CHO NIÊN-KHÓA 1963-1964.

Theo Nghị-định số 1.730-GD/HV/NĐ ngày 14-12-1963, ngày và nơi mở các kỳ thi bậc Trung-học khóa I và II niên-học 1963-64 được Bộ Quốc-gia Giáo-Dục ấn-định như sau:

Kỳ thi	Ngày thi	Ngày hết hạn thầu đơn
Nhập học lớp Đệ Thất	Thứ Ba 5-5-1964	Thứ Bảy 25-4-1964
Trung-học Đệ Nhất cấp	Thứ Tư 13-5-1964	Thứ Bảy 4-4-1964
Tứ-Tài 2 khóa I	Thứ Tư 20-5-1964	Thứ Bảy 11-4-1964
Tứ-Tài I khóa I	Thứ Năm 11-6-1964	Thứ Bảy 2-5-1964
Tứ-Tài 2 khóa II	Thứ Tư 15-7-1964	Thứ Bảy 6-6-1964
Tứ-Tài I khóa II	Thứ Năm 16-7-1964	Thứ Bảy 6-6-1964

Về kỳ thi Trung-học Đệ Nhất cấp Nam-Phấn sẽ có 18 Hội-đồng đặt tại Sài-gòn, Gia-Định, Búng (Bình-Dương), Tây-Ninh, Biên-Hòa, Phước-Lê, Tân-An, Mỹ-Tho, Cao-Lãnh, Trúc-Giang, Vinh-Long, Phú-Vinh, Long-Xuyén, Châu-Phú, Cán-Thơ, Rạch Giá, Khánh-Hưng, Quán-Long; và Trung-phần, 13 Hội-Đồng: Quảng-Trị, Huế, Đà-Nẵng, Hội-An, Tam-Kỳ, Quảng-Ngãi, Qui-Nhơn, Tuy-Hòa, Nha-Trang, Phan-Rang, Phan-Thiết, Ban-Mê Thuột, Đà-Lạt.

Kỳ thi Tú-tài phần I, toàn-quốc sẽ có 8 Hội-đồng thi tại Sài-gòn, Mỹ-Tho, Cán-Thơ, Đà-Lạt, Huế, Đà-Nẵng, Qui-Nhơn, Nha-Trang; và về Tú-tài II sẽ có 6 Hội-Đồng tại Sài-gòn, Mỹ-Tho, Cán-Thơ, Đà-Lạt, Huế, Nha-Trang.

#### 10. LỄ KHAI-GIẢNG NIÊN-HỌC 1963-64 CỦA VIỆN ĐẠI-HỌC HUẾ.

Chiều 16-12-63, ông Phạm-Hoàng-Hộ, Tổng-Trưởng Bộ Quốc-gia Giáo-dục, đã chủ- tọa lễ khai-giảng niên-học 1963-64 của Viện Đại-học Huế tổ-chức tại giảng-đường Viện Đại-học này ở số 3 đường Lê-Lợi, thành-phố Huế.

Hiện-diện trong buổi lễ, người ta thấy có Trung-Tướng Nguyễn-Khánh, Tư-lệnh Vùng I Chiền-thuật, Trung-tá Võ Hữu-Thu, Tỉnh-Trưởng Thừa-Thiên kiêm Thị-trưởng Thành-phố Huế, các ông Lãnh-sự Hoa-Kỳ và Trung-Hoa Dân-Quốc tại Huế, rất đông đại-diện các cơ-quan, đoàn-thể, các Khoa-Trường, Giáo-sư và sinh-viên các trường Đại-học địa-phương.

Sau phần nghi-thức thường-lệ, ông Lê-Trọng-Vinh, Giảng-sư trường Đại-học Khoa-học Huế, đọc diễn-văn nhắc lại các cuộc đấu-tranh trong biên-cổ vừa qua đã giành lại quyền tự-do chính-trị và tin-ngưỡng cho nhân-dân.

Kề đó, Linh-Mục Cao-Văn-Luận, Viện-Trưởng Viện Đại-học Huế, cho biết trong mấy tháng vừa qua, Viện Đại-học Huế đã chịu ảnh-hưởng trực-tiếp của thời-cuộc, và đã ba lần thay đổi Viện-Trưởng, nhiều Giáo-sư và Sinh-viên bị bắt, công-việc bị đình-trệ, tình-trạng chia rẽ, nghi-ky cơ-hồ không thể hàn gắn nổi. Nhưng may thay, cuộc Cách-Mạng ngày 1-11-63 đã cứu-vãn được tình-thê, giúp các Phân-khoa và Trường đã được tổ-chức lại và đã khai-giảng từ tháng trước, trong bầu không-khí vui tươi và hăng-hái.

Linh-Mục Viện-Trưởng còn cho biết mặc dầu gặp khó khăn, Viện Đại-học Huế vẫn tiến-triển. Tổng-số sinh-viên của Viện, đầu niên-học này, đã lên đến 3.165 người (2.588 nam và 577 nữ), so với năm ngoài đã tăng thêm 800 sinh-viên và đã tăng gấp năm lần, so với số sinh-viên vào năm đầu mới thành-lập Viện.

Ông Tổng-Trưởng Bộ Quốc-gia Giáo-dục, nhân dịp này đã ngợi-khen những nỗ-lực về văn-hóa của Viện Đại-học Huế trong thời-gian qua, đã nói lên sự trường-tồn của giá-trị tinh-thần và sự vững-bền của công-độc văn-hóa luôn luôn tồn-tại qua những thăng-trầm chính-trị.

Ông Tổng-Trưởng Bộ Quốc-gia Giáo-dục còn ngỏ lời kêu gọi sự cộng-tác của các Khoa-Trường và các giáo-sư để góp sức vào công-cuộc xây-dựng một nền Đại-học Quốc-gia thích-hợp với tinh-thần của dân-tộc.

Buổi lễ kết-thúc sau khi các quan-khách trao văn-bằng cho các sinh-viên trúng tuyển qua các kỳ thi cuối niên-học của Viện Đại-học Huế.

#### 11. ÔNG TỔNG-TRƯỞNG BỘ QUỐC-GIA GIÁO-DỤC, CHỦ-TỊCH DANH-DỰ CỦA ỦY-BAN QUỐC-GIA TƯƠNG-TRỢ ĐẠI-HỌC QUỐC-TẾ TẠI VIỆT-NAM.

Ông Phạm-Hoàng-Hộ, Tổng-Trưởng Bộ Quốc-Gia Giáo-Dục, đã nhận lời làm Chủ-Tịch Danh-dự của Ủy-Ban Quốc-Gia Tương-trợ Đại-học Quốc-tế tại Việt-Nam (World University Service of Viet-Nam) kể từ ngày 11 tháng 12 năm 1963.

Tương-trợ Đại-học Quốc-tế (W.U.S) là một tổ-chức quốc-tế, trụ-sở chính-thức đặt tại Genève, có mục-đích phát-triển những hoạt-động về Y-tế, ăn ở, cư-xá, tương-trợ, v.v... trong công-cuộc cải-thiện Cộng-đồng Đại-học Thế-giới. Thành-phần của W.U.S. gồm các giáo-sư và sinh-viên Đại-học tình-nguyện tham-gia hoạt-động không đòi hỏi một điều-kiện gì.

Ủy-Ban Quốc-Gia Tương-trợ Đại-học Quốc-tế tại Việt-Nam đã được các nước bạn chính-thức công-nhận và hiện làm trung-gian phân-phối trợ-cấp của W.U.S. Quốc-tế cho sinh-viên Việt-Nam trong việc phát-triển những hoạt-động có tính-cách phục-vụ lợi-ích chung cho sinh-viên một cách thiết-thực hơn.

#### 12. ÔNG TỔNG-TRƯỞNG BỘ QUỐC-GIA GIÁO-DỤC VIẾNG THĂM CÁC TRƯỜNG TRUNG-HỌC Ở HUẾ.

Nhân dịp đến Huế để chủ-tọa lễ khai-giảng niên-học 1963-64 của Viện Đại-học Huế, ông Phạm-Hoàng-Hộ, Tổng-Trưởng Bộ Quốc-gia Giáo-dục, đã đến viếng thăm hai trường trung-học lớn nhất ở Huế là trường Quốc-Học và nữ trung-học Đông-Khánh vào sáng 16-12-63.

Trong khi tiếp-xúc với học-sinh của mỗi trường trung-học nói trên, ông Tổng-Trưởng đã ngỏ lời kêu gọi các học-sinh tránh những hành-động quá-khích có phương-hại đến an-ninh chung do các phần-tử phản Cách-Mạng lợi-dụng và khuyên-nhủ các học-sinh nên có một hành-động đứng-đắn hợp với truyền-thống của dân-tộc Việt-Nam.

Trước đó, ông Tổng-Trưởng đã ngỏ lời khen-ngợi học-sinh hai trường trung-học nói trên đã tích-cực hòa-minh với các chiến-sĩ Cách-Mạng trong việc lật đổ chế-độ cũ.

Tại trường Quốc-Học cũng như tại trường nữ trung-học Đông-Khánh, ông Tổng-Trưởng đã được toàn-thể học-sinh đón tiếp nồng-hậu.

Buổi chiều, trước khi đến chủ-tọa lễ khai-giảng niên-học của Viện Đại-Học Huế, ông Tổng-Trưởng còn đến viếng thăm trung-học tư-thực Bồ-Đề của Hội Phật-Giáo Trung-Phân ở Thành-Nội Huế và trung-học tư-thực Thiên-Hựu do các tu-si Công-giáo sáng-lập.

#### 13. BÃI BỎ TOÀN-THỂ "LUẬT BẢO-VỆ LUÂN-LÝ".

Theo đề-nghị của Tổng-Trưởng Bộ Tư-Pháp, và sau khi Hội-Đồng Chánh-Phủ thảo-luận, Thủ-Tướng Chánh-Phủ đã ký Sắc-luật số 2/63 ngày 18-12-1963, bãi bỏ toàn-thể Luật số 12/62 ngày 22-5-1962 mệnh-danh là "Luật Bảo-vệ Luân-lý".

Trong trường-hợp những hành-vi dự-liệu bởi Luật kể trên cấu thành sự phạm-pháp theo luật-lệ ban-hành trước, pháp-chế hình-sự cũ vẫn được tiếp-tục áp-dụng.

Sắc-luật số 2/63 ngày 18-12-1963 có đoạn mở đầu trình-bày lý-do bãi bỏ "Luật Bảo-vệ Luân-lý", như sau :

*Ly-do bãi bỏ "Luật Bảo-vệ Luân-lý".* Luật số 12/62 ngày 22-5-1962, gọi là "Luật Bảo-vệ Luân-lý" hay "Lãnh-mạnh-hóa xã-hội" một phần gồm những điều-khoản qui-định các tội-trạng đã được dự-liệu và trừng-trị thích-đáng do pháp-chế hình-sự có hiệu-lực trước khi ban-hành bản văn ấy.

Phần khác, những điều-khoản qui-định một số ít tội-trạng mới, không thích-hợp với trào-lưu văn-minh tiên-bộ hoặc không thể đem ứng-dụng vào thực-tế trong đời sống hiện-tại, lại chạm đến tập-quán và tín-ngưỡng của nhân-dân.

Thiết-tưởng nên bãi bỏ toàn-thể "luật" ấy và, trong trường-hợp các hành-vi dự-liệu trong đó cấu-thành phạm-pháp theo luật-lệ trước, sẽ trừng-phạt theo pháp-chế hình-sự cũ.

Tưởng cũng nên nhắc lại rằng "Luật Bảo-vệ Luân-lý" gồm có nhiều điều-khoản :

- cấm hành nghề vũ-nam, vũ-nữ và nhảy đầm bất cứ nơi nào ;
- cấm những cuộc thi thâm-mỹ ;
- cấm không được đấu võ hoặc tổ-chức các cuộc đấu giữa súc-vật với mục-đích trục-lợi ;
- cấm vị thành-niên dưới 18 tuổi hút thuốc lá, uống rượu trên 12<sup>o</sup> và xem các phim-ảnh và kịch đối-phong bại-tục ;
- cấm những hành-động đồng bóng phù-phép lợi-dụng lòng chât-phác của người khác ;
- cấm mua và bán dâm ;
- v v ...

14. **ÔNG TỔNG-TRƯỞNG BỘ QUỐC-GIA GIÁO-DỤC VIẾNG TRUNG-TÂM ĐIỀU-TRỊ SINH-VIÊN BỊ LAO PHÔI.**

Sáng 18-12-63, ông Phạm-Hoàng-Hộ, Tổng-Trưởng Bộ Quốc-Gia Giáo-Dục, đã đến viếng Trung-Tâm điều-trị sinh-viên bị lao phổi do Bộ Giáo-Dục và Bộ Y-Tê thiết-lập tại Bệnh-viện Hồng-Bàng.

Khánh-thành hồi tháng 10 năm 1962, Trung-Tâm này là loại đầu-tiên ở Việt-Nam dành cho sinh-viên, và gồm có 2 phòng lớn, nhiều cơ-sở vệ-sinh tối-tân, một thư-viện, một nhà bếp và một phòng giải-trí mở cửa ra một ngôi vườn.

Những sinh-viên bị lao phổi nằm điều-trị tại đây được ăn, ngủ và săn-sóc tại chỗ khỏi trả tiền, dưới sự điều-khiển của Bác-sĩ Hautier, giảng-sư tại trường Y-Khoa Đại-Học Sài-gòn kiêm phụ-trách phòng điều-trị lao phổi ở Bệnh-Viện Hồng-Bàng.

Nhiều tổ chức đã góp sức hoặc hứa góp sức vào công-cuộc xã-hội này như Hội Pháp-Việt thân-hữu, Phái-Bộ Văn-Hóa Pháp, Trương-trợ Đại-học Quốc-tê (WUS), Phù-Luân-Hội, Tổ-chức Văn-Hóa Á-Châu, v.v...

Nhân dịp này, ông Tổng-Trưởng Bộ Quốc-Gia Giáo-Dục có cho biết trong chương-trình khuếch-trương thư-viện của Trung-Tâm, sẽ có việc mua một chiếc máy quay đĩa hát trong một ngày gần đây để giải-trí cho các sinh-viên hiện đang nằm điều-trị tại đây, gồm tất cả 12 người (trong số có 8 thiếu-nữ).

Cùng đi với ông Tổng-Trưởng Bộ Quốc-Gia Giáo-Dục trong cuộc viếng thăm này, có Bác-sĩ Trương-Đình-Vy, Y-sĩ Trưởng bệnh-viện Hồng-Bàng, giáo-sư Phạm-Biêu-Tâm, Khoa-trưởng Y-Khoa Đại-Học, Xứ-lý thường-vụ Viện Đại-học Sài-gòn, Bác-sĩ Hautier, Y-sĩ điều-trị của Trung-Tâm và ông Trần-Bá-Chức, Đồng-lý văn phòng Bộ Quốc-Gia Giáo-Dục.

15. **SINH-VIÊN VÀ HỌC-SINH BIỂU-TÌNH PHẢN-ĐỐI CỘNG-SẢN • MẶT-TRẬN GIẢI-PHÓNG MIỀN NAM • VÀ GIẢI-PHÁP TRUNG-LẬP.**

Sáng 20-12-63, trên 10.000 Sinh-viên Đại-Học và Học-sinh các trường Trung-học đã biểu-tình qua các đường lớn ở Thủ-Đô chửi một tiếng đồng-hố để đá-đào Cộng-sản, «Mặt Trận Giải-Phóng Miền Nam», thuyết trung-lập và những người chủ-trương trung-lập.

Cuộc biểu-tình đã diễn ra trong hân-hoan và trong vòng trật-tự hoàn-toàn và trước sự hiện-diện của một số thông-tin-viên ngoại-quốc.

Các giới chính-quyền cho biết nhà chức-trách đã không được biết trước về cuộc biểu-tình này diễn ra trong khoảng 50 phút.

16. **CUỘC TRIỂN-LÂM ĐỒ CỎ ĐÔNG-PHƯƠNG ĐÃ KHAI-MẠC SÁNG NGÀY 21-12-63.**

Sáng 21-12-63, ông Trần-Bá-Chức, Đồng-lý Văn-phòng, Đại-diện ông Tổng-Trưởng Bộ Quốc-Gia Giáo-Dục, đã khai-mạc cuộc triển-lâm đồ cỏ Đông-Phương, tổ-chức tại Câu-lạc-bộ báo-chí Sài-gòn, dưới sự bảo-trợ của Nghiệp-đoàn Ký-giả Việt-Nam.

Ông Vương Hồng-Sên, Quán-thủ Viện Bảo-Tàng Quốc-gia, cùng các ông Hoàng-Văn-Chánh và Nguyễn-Văn-Trọng, chuyên-viên ngành đồ cỏ Đông-Phương, đã hướng-dẫn ông Đồng-lý Văn-phòng đi thăm Phòng triển-lâm.

Trong số các đồ-cỏ bằng ngọc chạm trổ, hoặc bằng cảm-thạch màu hồng, người ta chú-ý tới những bộ âm chén, độc bình, lư hương, tượng nhỏ, v.v...

Tại gian trưng-bày đồ ngà, người ta thấy có một bình-phong bằng gỗ quý, khảm ngà chạm trổ công-phu, hình-dung một bụi tre, trị giá 180.000 đồng là đáng lưu-ý hơn hết. Ngoài ra, còn có những tượng nhỏ, những bàn nhỏ chạm ngọc, những tú quý.

Gian đồ sứ trưng-bày lời 400 loại đồ cỏ, trong số người ta nhận thấy có những độc bình đủ cỡ và đủ kiểu, từ những đời Khang-Hy, Càn-Long, Quang-Tự cho đến những đời Minh, Thanh (Trung-Hoa) và Lê, Nguyễn (Việt-Nam).

Cuộc triển-lâm đồ cỏ Đông-Phương mở cửa cho tới ngày 5-1-64.

17. **TUẦN-LỄ "SINH-VIÊN NGHỊ-LUẬN" (TỪ 15 ĐẾN 21-12-63).**

Ngày Chủ-nhật 15-12-63, ba hội-đoàn sinh-viên Đại-học Sài-gòn bắt đầu chương-trình Trại Hội-thảo «Sinh-viên Nghị-luận» tại rạp Thông-Nhất, Đại-lộ Thông-Nhất (Sài-gòn).

Chương-trình Hội-thảo này kéo dài từ 15-12 đến 21-12-63, do Hội Thanh-niên Thiện-chí, Đoàn Sinh-viên Phật-giáo, và Liên-đoàn Sinh-viên Công-Giáo tổ-chức và mở rộng cho các sinh-viên Đại-học Sài-gòn tham-dự. Chương-trình bắt đầu hồi 8 giờ sáng Chủ-nhật 15-12-63 với đề-tài «Đại-học và sự tiến-hóa của dân-tộc».

Những ngày tiếp theo, cũng tại rạp Thông-Nhất, từ 19 giờ 30 trở đi, lần-lượt đề-cập đến những vấn-đề tổ-chức sinh-viên, động viên sinh-viên, tương-quan thế-hệ già và trẻ, và hệ-thống giáo-dục.

Trong buổi hội thảo cuối cùng của Tuần-lễ Sinh-Viên Nghị-luận (21-12-63), vấn-đề chuyên ngữ ở Đại-học được thảo-luận sôi-nổi và những người phát-biểu ý-kiến, giáo-sư, sinh-viên đã mong-ước Việt-ngữ sớm được dùng để giảng dạy ở tất cả các Phần-khoa Đại-học và trường Cao-Đẳng.

Vấn-đề này được nêu lên như một "nguyện-vọng tha-thiết" để phá vỡ những thành-kiến phân cách hai loại Sinh-viên hấp-thụ hai chương-trình Trung-học khác nhau trên đất nước Việt-Nam, nguy hại cho tinh đoàn-kết của giới Sinh-viên. Theo ý-kiến của những người lên phát-biểu, duy-tri Pháp-ngữ ở bậc Đại-học là một sự-thê «vô-lý», vì Pháp-ngữ chỉ được học ba giờ một tuần, và có thể chọn cùng với Anh-ngữ ở bậc Trung-học. Mặt khác, họ cho rằng, Việt-ngữ đã chứng-tỏ khả-năng để được dùng làm chuyên-ngữ ở Đại-học.

Một vài người đi xa hơn, và đề-nghị bãi bỏ các trường Trung-học Pháp tại Việt-Nam: sự tồn-tại những trường này «xâm-phạm chủ-quyền Việt-Nam», và gây chia rẽ trong hàng ngũ Sinh-Viên, thanh-niên trí-thức, đồng thời «gây tạt xấu, hôi-mại bằng cấp», như lời anh Trần-Quang-Thuận, chủ-tọa buổi thảo-luận, phát-biểu ý-kiến.

Anh Trần-Quang-Thuận, khi tóm tắt những ý-kiến đã được nêu lên, một lần nữa cho rằng đòi hỏi bãi bỏ những trường Trung-học Pháp tại Việt-Nam, theo như ý-kiến của chủ-tọa, là «chính-đáng», và nhấn mạnh rằng, Chính-Phủ nên mời nhiều Giáo-sư người Pháp sang dạy Pháp-văn tại các trường Trung-học Việt-Nam, và Phái-bộ Văn hóa Pháp mở thêm nhiều lớp học ở Trung-Tâm Văn-Hóa Pháp.

Giáo-sư Phạm-Hoàng Hộ, Tổng-Trưởng Bộ Quốc-Gia Giáo-Dục, chủ-tọa buổi hội-thảo tổng-kết này, đã lên tiếng cho biết rằng Bộ luôn luôn «quan-tâm» đến việc dùng Việt-ngữ tại Đại-học, nhưng nói thêm rằng, «sự trau-giỏi ngoại-ngữ dù sao cũng cần cho Sinh-Viên, để đi sâu vào lĩnh- vực chuyên-môn của mình».

Đề-tài của buổi dạ-thảo cuối cùng này là «Lập-trường và nguyện-vọng của Sinh-Viên», nhưng toàn-thê đã chú-trọng đến những nguyện-vọng đúc-kết sau sáu ngày hội-thảo. Những nguyện-vọng này đã được chủ-tọa. đoàn trình bày và thỉnh-giả đồng hơn bao giờ hết, đã vỗ tay tán-thưởng.

Sau đây là những điểm chính:

*Đại-Học Việt-Nam phải là một Đại-Học Dân-Tộc*: Quy-chê Sinh-Viên, Giáo-Sư phải sớm được thiết-lập và chương-trình học phải thích- ứng với nhu-cầu quốc-gia.

*Tổ-chức Sinh-Viên*: Lập một Tổng-hội tư, để Sinh-Viên có thể tự-y gia nhập.

Sinh-Viên ước mong nhiều Câu-lạc-bộ, quán ăn, cư-xá, phòng đọc sách được lập, giúp Sinh-Viên có phương-tiện học-hỏi, và đó sẽ là nơi Sinh-Viên có dịp tiếp-xúc với những bậc đàn anh, lớp bằng hồ phân-cách giữa hai thê-hệ.

*Động-viên để phục-vụ Quân-đội*: Rất cần, nhưng phải có quy-chê rõ-ràng, áp-dụng phải hết sức công-minh. Quy-chê sẽ định rõ thời-hạn phục-vụ là bao lâu. Chính-quyền ngoài ra còn nên tái-lập chương-trình Cao-Đẳng Quân-Sự, giúp Sinh-Viên trong lúc tiếp-tục học, có một khả-năng quân-sự căn-bản.

*Hệ-thống giáo dục Quốc gia*: Phải liên-tục từ mẫu-giáo, tiểu-học, trung-học, và đại-học. Tăng-cường chương-trình sinh-ngữ ở Trung-học. Mặt khác, chương-trình phải được duy-tri lâu dài, chứ không thể thay-đổi, tùy theo «cảm-hứng» của giới hữu-trách.

*Sinh-Viên và cuộc Cách-mạng Xã hội*: Sinh-Viên cố-gắng đi về nông-thôn cải-thiện đời sống dân-chúng, truyền-bá tinh-thần dân-chủ tự-do và lập-trường của dân-tộc. Sinh-Viên ước-mong giới hữu-trách tổ-chức nhiều trạm Thanh-niên đơn-giản để họ có thể đi lại trong nước ít tốn kém.

*Về vấn-đề học-bổng du-học*: Sinh-Viên mong rằng Chính-quyền giao cho Hội-Đông Giáo-Sư tuyển chọn Sinh-Viên đủ khả-năng hưởng học-bổng xuất-dương để tránh bất-công.

Buổi hội-thảo tổng-kết do anh Nguyễn-Minh-Tân, Sinh-Viên Luật-Khoa trình-bày và dưới sự chủ-tọa của ông Nguyễn-Hữu-Phi, Tổng-Trưởng Bộ Thanh-Niên và Thể-Thao. Những người tham-dự đều ước mong rằng dư-luận trong và ngoài nước nhất là báo chí và Hội-Đông Nhân-Sĩ sẽ chú-y đến những nguyện-vọng của Sinh-Viên.

Tuần lễ Sinh-Viên Nghị-Luận do ba tổ-chức Sinh-Viên kể trên đồng tổ-chức được xem như đã thành-công mỹ-mãn.

#### 18. ÔNG TỔNG-TRƯỞNG BỘ QUỐC-GIA GIÁO-DỤC VIẾNG THĂM HAI TRƯỜNG TIỂU-HỌC IRÈ EM MÙ.

Sáng 23-12-63, ông Phạm-Hoàng Hộ, Tổng-Trưởng Bộ Quốc-Gia Giáo-Dục, đã đến viếng thăm hai trường Tiểu-học dành cho trẻ em mù tại Thủ-đô.

Cùng đi với ông Bùi-Khắc-Khương, Tổng-Thư-Ký Bộ Quốc-Gia Giáo-Dục, và ông Nguyễn-Văn-Bường, Giám-Độc Tiểu-học vụ, ông Tổng-Trưởng đã tới thăm trước hết trường Tiểu-học con trai, tại đường Nhân-vị, Chợ-Lớn.

Ngôi trường này được xây cất từ năm 1920 và do Đại-úy Phan-văn-Sương điều-kiến. Ông Phan-Văn-Sương cũng bị mù cả hai mắt như phần đông các

giáo-viên trong trường. Trường này có 50 học-sinh từ 5 đến 17 tuổi. Ông Tổng-Trưởng đã đến thăm các lớp dạy văn-hóa, một lớp thủ-công và một lớp ca-nhạc.

Trường Tiểu-học cho các nữ-sinh mù được thành lập từ năm 1958, hiện nay có 15 học-sinh. Học-sinh thuộc cả hai trường nói trên đều được lưu-trú và cấp-dưỡng không mất tiền, nhờ sự đài-thọ của Bộ Quốc-Gia Giáo-Dục.

Sau khi đã thông-nhất việc áp-dụng văn Braille để dạy tiếng Việt, Bộ Quốc-Gia Giáo-Dục mới gần đây đã cho phép các học sinh mù được dự thi bằng Tiểu-học. Kết-quả rất khả-quan: trong số 17 thí-sinh, thì 14 được trúng tuyển (12 nam, 2 nữ) về niên-khóa 1962-1963. Hiện nay, Bộ đang nghiên-cứu những biện-pháp để cho các học-sinh, nếu muốn, có thể tiếp tục học được ở một trường Trung-học.

Một khóa huấn-luyện đầu tiên cho những giáo-chức ở các tỉnh muốn chuyên dạy cho trẻ em mù, hiện đang mở tại Sài-gòn. Như vậy, ngoài hai trường đã có sẵn tại Thủ-đô, các trẻ em mù ở tỉnh sẽ được theo học ngay ở các trường Tiểu-học địa-phương, dưới sự chăm nom của những giáo-viên chuyên-môn.

#### 19. VIỆT-NAM CHUẨN-BỊ GỬI CÁC HỌA-PHẨM HỌC-SINH DỰ GIẢI SHANKAR'S 1963.

Một hội-đồng gồm 9 Giáo-sư hội-họa thuộc các trường Trung, Tiểu-học Sài-gòn đã nhóm họp sáng 23-12-63 tại Nha Mỹ-Thuật Học-Vụ, để chọn lấy 250 họa-phẩm trong số 2.700 họa-phẩm của học-sinh gửi tham-dự giải Shankar's 1963.

Nha Mỹ-Thuật Học-Vụ năm nay đã nhận được 2.400 họa-phẩm của học-sinh các trường Trung-học và trên 300 họa-phẩm khác của học-sinh các trường Tiểu-học. Công việc chọn lựa họa-phẩm đã tiến-hành suốt ngày 23-12-63.

Giải Quốc-Tê Shankar's hằng năm được tổ-chức tại Tân-Đế-Li (Ấn-Độ). Tham-dự giải này có lời 100.000 họa-phẩm của 80 quốc-gia. Có nhiều giải thưởng do các nhân-vật cao-cấp trong Chính-Phủ Ấn-Độ gửi tặng.

#### 20. BAN ĐẠI-DIỆN CHÍNH-THỨC CÁC PHÂN-KHOA VÀ CÁC TRƯỜNG CAO-ĐẲNG HỢP ĐẠI-HỘI.

Hỏi 4 giờ chiều 22-12-63, các Ban đại-diện chính-thức các phân-khoa và các trường Cao-đẳng đã họp Đại-Hội tại số 4, Duy-Tân và thay thế Đại-Hội Đại-diện lâm-thời Sinh-viên Đại-học Sài-gòn.

Đại-Hội chính-thức này do anh Nguyễn-Đình-Xinh, Sinh-viên trường Cao-Đẳng Nông-Lâm Súc chủ-tọa, đã đề-cử một Ban Thường-vụ gồm đại-diện các Phái-đoàn tham-dự, trừ Phân-khoa Khoa-học, vì chưa bầu xong Ban đại-diện chính-thức. Ban Thường-vụ Đại-Hội đại-diện chính-thức này sẽ xét lại quy-chế

hoạt-động của Đại-Hội trước khi đưa ra Đại-Hội thảo-luận, và Xứ-lý thường-vụ mọi việc do Đại-Hội Đại-diện lâm-thời giao lại.

Trước đó, Đại-Hội đại-diện lâm-thời đã bàn-giao công việc cho Đại-hội Đại-diện chính-thức trước sự hiện-diện của Trung-Trưởng, Ủy-viên An-Ninh trong Ban Chấp-Hành Hội-Đông Quân-Nhân Cách-Mạng, giáo-sư Phạm-Biêu-Tâm Xứ-lý thường-vụ Tòa Viện-trưởng Đại-Học Sài-gòn, và một số các vị Khoa-trưởng. Đại-Hội Đại-diện chính-thức sẽ tiếp-tục họp những ngày tới đây để thảo-luận về những vấn-đề liên-quan tới Sinh-viên.

#### 21. LỄ KHÀNH-THÀNH CƠ-NHI-VIỆN HÒA-BÌNH, (GÒ-VẤP).

Chiều 23-12-63 ông Phạm-Hoàng-Hộ, Tổng-Trưởng Bộ Quốc-Gia Giáo-Dục, đã đến Gò Vấp (tỉnh Gia-Định) chủ-tọa lễ khánh-thành Cơ-nhi-viện Hòa-Bình tại Xóm Mới, trước sự hiện-diện của rất nhiều quan-khách, trong số có Trung-Tá Huỳnh-văn-Tồn, Tỉnh Trưởng Gia-Định, ông Phạm-Văn-Lược, Phó Tổng Giám-Độc Trung, Tiểu-học và Bình-Dân Giáo-Dục, Giáo-sư Nguyễn-Đình-Hòa, Giám-Độc Nha Văn-Hóa.

«Cơ-nhi-viện Hòa-Bình» là một cơ-quan từ-thiện do một nhóm đồng-bào Công-giáo thiết-lập từ tháng 11 năm 1958 và hiện nay do ông Chu-Vấn-Tàng, Hội-Trưởng kiêm Giám-Độc viện điều-khiển.

Kể từ 1962, Cơ-nhi-viện này thêm danh-hiệu «Trung-Tâm Thiều-Nhi Thượng», vì nơi đây vừa nuôi trẻ mồ-côi, vừa nuôi thêm thiều-nhi Thượng, từ khi có phong-trào giúp-đỡ đồng-bào Thượng-tị-nạn Cộng-sản.

Cơ-nhi viện được cất trên một thửa đất rộng hơn 1 mẫu tây và gồm có 1 nhà nguyện, 7 dãy nhà dùng làm nơi ở, trại chăn nuôi, và trường học gồm có 6 lớp từ mẫu-giáo đến lớp nhât

Trại-sinh gồm, nam lẫn nữ từ 5 đến 15 tuổi, 159 cơ-nhi gốc Việt hoặc lai Pháp, Y-Pha-Nho, da đen và 15 thiều-nhi Thượng mà viện nuôi từ một năm nay. Hiện nay, Cơ-nhi-viện đang chuẩn-bị thầu thêm 250 thiều-nhi Thượng. Toán đầu tiên độ 50 em vừa đến mấy ngày nay và các toán khác sẽ lần-lượt tới trước năm 1964.

Cơ-nhi-viện hoạt-động nhờ sự giúp-đỡ của nhân-dân Mỹ qua sự trung-gian của Hội Công-Giáo Viện-Trợ Hoa-Kỳ, của Tổng Nha Xã-Hội, Bộ Quốc-Gia Giáo-Dục v.v...

#### 22. ÔNG TỔNG-TRƯỞNG BỘ QUỐC-GIA GIÁO-DỤC GỬI TẶNG-PHẨM CHO CƠ-NHI VÀ HỌC-SINH MÙ NHÂN-DỊP LỄ GIẢNG-SINH.

Nhân dịp lễ Giảng-Sinh 25-12-63, ông Phạm-Hoàng-Hộ, Tổng-Trưởng Bộ Quốc-Gia Giáo-Dục, đã gửi tặng-phẩm bằng hiện-vật (như khăn lau mặt,



bản chải đánh răng, xà-phòng v. v...) cho 200 cô-nhi tại Cô-nhi-viện Hòa-Bình ở Xóm Cũi (Gò-Vấp).

Đồng thời, ông Tổng-Trưởng cũng đã gửi tặng-phẩm bằng hiện kim cho nam-nữ học-sinh hai Trường Mù ở Sài-gòn.

23. KẾT-QUẢ CÁC KỶ THI Ở CÁC TRƯỜNG ĐẠI-HỌC TẠI SÀI-GÒN VÀ HUẾ.

• Về niên-khóa 1963-1964, trường Đại-học Sư-phạm Sài-gòn có 826 sinh-viên nhập-học (so với 656 sinh-viên trong niên-khóa 1962-1963) trong số có 484 người chọn Ban Văn-khoa và 342 người Ban Khoa-học.

Tổng-số sinh-viên nói trên được chia ra các môn như sau:

Việt-Hán	118 người
Sử-Địa	125 -
Pháp-ngữ	156 - (trong số có 49 sinh-viên học tại Đà-Lạt).
Anh-ngữ	92 người
Triết	30 -
Toán	123 -
Lý-Hóa	128 -
Vạn-Vật	54 -

• Trong kỳ thi lấy văn-bằng Cử-nhân tại các trường Đại-học Khoa-học Văn-khoa và Luật-khoa Huế trong niên-khóa 1962-63, các thí-sinh sau đây đã trúng tuyển:

*Trường Đại-học Khoa-học*

- Ô. Lê-Vân-Nghĩa, Cử-nhân Giáo-khoa Lý-Hóa  
 Tôn-Thất-Quy, Cử-nhân Giáo-khoa Lý-Hóa  
 Tôn-Thất-Sam, Cử-nhân Giáo-khoa Vạn-vật  
 Võ-Vân-Thơ, Cử-nhân Giáo-khoa Toán

*Trường Đại-học Văn-khoa*

- Ô. Lê-Vân-Bảng, Cử-nhân Giáo-khoa Việt-văn  
 Nguyễn-Vân-Hàm, Cử-nhân Giáo-khoa Việt-văn  
 Lê-Nhật-Thăng, Cử-nhân Giáo-khoa Pháp-văn.

*Trường Đại-học Luật-khoa*

- Ô. Nguyễn-Khoa-Kiểm, Cử-nhân Luật-khoa  
 Thái-Tăng-Quý - nt  
 Nguyễn-Vân-Thường - nt  
 Nguyễn-Khánh - nt  
 Hồ-Đắc-Thái - nt  
 Nguyễn-Công-Hào - nt

• 19 thí-sinh có tên sau đây được vào văn-đáp kỳ thi lấy chứng-chỉ khả-năng hành nghề Luật-sư:

Bà Dương-Ngọc-Chân, Ô. Vũ-Trọng-Canh, cô Nguyễn-thị-Ngọc-Dung, cô Nguyễn-Như-Dung, Ô. Ngô-Tằng-Giao, Ô. Lê-Thê-Hiến, Ô. Trần-Sơn-Hà, Ô. Dương-Kiên, Ô. Nguyễn-Đức-Mậu, cô Nguyễn-thị Cẩm-Nhung, Ô. Lê-Ôn-Như, cô Nguyễn-thị Nhung, Ô. Phạm-Trung-Phổ, Ô. Vũ-Công-Quang, Ô. Nguyễn-Xuân-Sơn, Ô. Võ-Phụng-Thanh, Ô. Ngô-vân-Tiếp, Ô. Đoàn-Y, Ô. Dương-văn-Vị.

24. CHƯƠNG-TRÌNH HẠN-CHẾ CHO CÁC LỚP ĐI THI TRUNG-HỌC VỀ NIÊN-KHÓA 1963-64.

Vì những biến-cổ vừa qua, các trường Trung-học đã phải hoạt-động không đều-đặn trong một thời-gian, nên Nha Tổng Giám-Độc, Trung Tiêu-học và Bình-dân Giáo-dục đã trình ông Tổng-Trưởng Bộ Quốc-Gia Giáo-Dục một dự-án về chương-trình hạn-chế sẽ được áp-dụng cho các niên-khóa 1963-64 này. Dự-án trên đã được duyệt-y để thi-hành.

Vậy các thí-sinh Trung-học Đệ nhất cấp, Tú-tài I và II đều có thể đến Văn-phòng các trường Trung-học công, tư để xin xem mọi chi-tiết về chương-trình hạn-chế cho niên-khóa 1963-64. Đồng thời, chương-trình hạn-chế cũng sẽ được phổ-biên rộng-rãi như trên báo-chí chẳng hạn.

25. TÂY-NINH: XÂY CẤT THÊM 30 LỚP HỌC TẠI CÁC ẤP TÂN-SINH.

30 phòng học tại các Ấp Tân-Sinh: Hiệp-Định, Long-Tân, Ninh-Hưng, Cẩm-Long, Bông-Trang, Bền-Mương, Ấp Giữa, An-Thuận, Bàu-Rông, An-Bình, Khởi-Trung-Hà, Khởi-Hưng-Thành tại các quận Phú-Khương, Hậu-Thiện, Khiêm-Hạnh thuộc tỉnh Tây-Ninh vừa được hoàn-thành với kinh-phí là 1.196.000\$ do Cơ-quan Viện-trợ Kinh-tê Hoa-Kỳ (USOM) đài-thọ.

Hiện có 24 lớp đã hoạt-động với sĩ-số là 1.211 học-sinh do 20 ủy-viên giáo-dục phụ-trách.

Hiện trong toàn tỉnh Tây-Ninh có 59 trường với 454 lớp và 25.774 học-sinh.

26. NGÀY PHÁT-HÀNH TEM • KỶ-NIỆM 15 NĂM TUYÊN-NGÔN QUỐC-TẾ NHÂN-QUYỀN •

Nhơn ngày lễ Kỷ-niệm «Đệ-Thập-Ngũ-Chu-Niên Tuyên-Ngôn Nhân-Quyền» và để tăng phần long-trọng cho ngày lịch-sử tiền-bộ của nhân-loại, Ủy-

Ban Kinh-Tê và Xã-Hội của Đại-Hội Đồng Liên-Hiệp-Quốc đã gửi khuyển-nghị đến các nước Hội-viên, ước hẹn cùng cho-phát-hành một loại tem thơ đặc-biệt trong ngày lễ ấy.

Tổng Nha Bưu-Điện Việt-Nam đã hưởng-ứng lời đề-nghị này của Liên-Hiệp-Quốc. Năm 1958, Bưu-Điện Việt-Nam cũng đã cho ra loại tem Kỷ-niệm "Đệ Thập Chu Niên Tuyên-Ngôn Quốc-Tê Nhân-Quyển."

Việc phát-hành loại tem thơ "XV năm Tuyên-Ngôn Quốc-Tê Nhân-Quyển" chứng-tỏ thiện-chí của Tân Chánh-Phủ Việt-Nam Cộng-Hòa tích-cực góp phần vào mọi công-tác và hoạt-động do Tổ-chức Liên-Hiệp Quốc-Tê đề ra và sẵn-sàng sát cánh cùng các nước bạn trong công-cuộc bảo-vệ nhân-quyển, tức quyền căn-bản của con người.

Sau đây là những đặc-điểm kỹ-thuật của loại tem mới phát-hành :

Tên loại tem : 'XV Năm Tuyên-Ngôn Quốc-Tê Nhân-Quyển'

Kích thước : 26×36 mm.

Lỗi in : Chạm nổi.

Số-lượng : 4 giá tiền gồm có :

0\$70, 2 triệu, Máu da cam.

1\$00, 4 triệu, Máu hồng.

3\$00, 4 triệu, Máu xanh.

8\$00, 1 triệu, Máu nâu.

Mẫu vẽ tem thơ do Họa-sĩ Nguyễn-Minh-Hoàng sáng-tác. Ở hàng đầu, hình cây cân thăng-bằng và trái đất, tượng-trưng ý-niệm công-bình, bác-ái, phổ-biến trên khắp hoàn-cầu.

Phía sau là một cuốn sách tiêu-biểu một bản Hiến-Pháp được thiết-lập trên căn-bản tôn-trọng và bảo-vệ Nhân-Quyển do Liên-Hiệp-Quốc chủ-trương.

Như thường lệ, một con dấu đặc-biệt «Ngày đầu tiên tem thơ Kỷ-niệm XV năm Tuyên-Ngôn Nhân-Quyển» được sử-dụng tại Chánh-Thâu-Cuộc Bưu-Điện Sài-gòn, để đóng trên tem mới phát-hành, theo lời yêu-cầu của các nhà Sưu-tập Bưu-hoa.

## B. TIN NGOÀI NƯỚC

### 1. THÊM HAI SINH-VIÊN VIỆT-NAM ĐI TU-NGHIỆP TẠI TÂN-TÂY-LAN THEO CHƯƠNG-TRÌNH COLOMBO.

Hai sinh-viên Việt-Nam đã rời Sài-gòn hôm 25-11-1963 bằng đường hàng không đi tu-nghiep tại Tân-Tây-Lan theo chương-trình Colombo. Đó là cô Dương-Văn-Anh, sinh-quán ở Thanh-Hóa và cậu Nguyễn-Duy-Phước, sinh-quán ở Huế.

Sau khi đến Goen-lin-ton (Wellington) cả hai sinh-viên này sẽ dự một khóa bổ-túc Anh-ngữ tại Anh-ngữ Học-viện để trau-giồi thêm khả-năng Anh-ngữ của mình, cùng để tìm hiểu về đời sống ở Tân-Tây-Lan, trước khi theo học các môn học chính của mình vào tháng giêng 1964 là tháng bắt đầu niên-học mới ở Tân-Tây-Lan.

Tương cũng nên biết đã có chín sinh-viên Việt-Nam rời Sài-gòn trong tháng trước đây để tu-nghiep tại Tân-Tây-Lan. Tất cả các sinh-viên này cũng đều theo học các ngành đại-học gồm các môn như giáo-dục, canh-nông, điện-khí, cơ-khí, điện-tử, dinh-dưỡng và thương-mại.

### 2. VIỆT-NAM THAM-DỰ KHÓA HỘI-THẢO VỀ VẤN-ĐỀ LÃNH-ĐẠO VÀ QUYỀN-LỰC TRONG XÃ-HỘI HIỆN-ĐẠI VÀ CỎ-TRUYỀN TẠI TÂN-GIA-BA.

Ông Trương-Bừ-Lâm, Giám-Độc Viện Khảo-Cổ (Bộ Quốc-Gia Giáo-Dục) tham-dự khóa « Hội-thảo về vấn-đề lãnh-đạo và quyền-lực trong xã-hội hiện-đại và cổ truyền » tại Tân-Gia-Ba.

Khóa Hội-thảo này được Trung-tâm Nghiên-cứ Khoa học Xã-hội vùng Đông-Nam Á-Châu của Tổ-chức Văn-hóa Liên-Hiệp-Quốc tổ-chức tại Đại-học đường Tân-Gia-Ba từ 9 đến 15-12-63.

Tại khóa Hội-thảo này, 27 đại-biểu thuộc các quốc-gia vùng Đông-Nam-Á sẽ trình-bày những đề-tài liên-quan đến vấn-đề lãnh-đạo và quyền-lực tại nông-thôn, vấn-đề tuyển lựa cấp lãnh-đạo chính-trị và hành-chánh trong các quốc-gia cổ-truyền và đang mở-mang, vai trò các nhà lãnh-đạo trong sự thay đổi chế-độ chính-trị.

Trong dịp này, ông Trương-Bừ-Lâm, đại-biểu Việt-Nam Cộng-Hòa, thuyết-trình về : « Vấn-đề quyền-lực trong những thôn-xã Việt-Nam hồi tiền-bán thế-kỷ thứ XIX. »

### 3. VIỆT-NAM THAM-DỰ HỘI-NHỊ QUỐC-TẾ VỀ PHÁT-TRIỂN NGHIÊN-CỨU GIÁO-DỤC TẠI VỌNG-CÁC (THÁI-LAN).

Ông Nguyễn-Văn-Lương, Chánh-Sự-Vụ Sở Học-Vụ (Bộ Quốc-Gia Giáo-Dục) được chỉ-định tham-dự Hội-nghị Quốc-tế về phát-triển nghiên-cứu giáo-dục họp tại Vọng-Các (Thái-Lan) từ 23 đến 28 tháng 12-1963.

10 nước vùng Thái-Bình-Dương cùng 2 nước Mỹ và Bỉ và đại - diện UNESCO thảo-luận tại Đại-học-đường Chulalongkorn về « Vai-trò nghiên-cứu giáo-dục trong kế-hoạch giáo-dục ».

Ngoài ra, Hội-nghị còn nhằm mục-đích thắt chặt mối liên-lạc giữa các nhà giáo-dục Á-Châu, Úc-Châu, Tân-Tây-Lan và những vùng khác trên thế-giới; khuyến-khích mọi nghiên-cứu giáo-dục trong vùng; thành-lập một Hiệp-hội phát-triển nghiên-cứu giáo-dục trong vùng (Á-Châu và vùng Thái-Bình-Dương).

## TIN SÁCH BẢO MỜI NHẬN

*Văn-Hóa Nguyệt-San* đã nhận được sách báp mới sau đây của tác-giả hoặc của nhà xuất-bản có nhã-ý gửi tặng. Xin thành-thực cảm-tạ và ân-cần giới-thiệu với bạn đọc thân mến.

TRIỆU-HỌC ZEN (Tư-tưởng Phật-giáo Nhật-Bản và các nước Á-Châu), Tập I. Đại-Đức Thiên-Ân Đoàn-Văn-An biên-khảo, do Nhà Đông-Phương xuất-bản tại Sài-gòn, 1963, 228 trang. Sách tặng không ghi giá bán.

Bộ sách này gồm hai tập do Đại-Đức Thiên-Ân tức Đoàn-Văn-An, Tiên-si Văn-chương tại viện Đại-Học Waseda (Tokyo), hiện nay là Giảng-sư Đại-Học Văn-Khoa Sài-gòn, biên-khảo và là kết-quả nghiên-cứu và thực-hành trên đất Nhật trong mấy năm trường. 'Zen' là một từ-ngữ của Nhật-Bản, chỉ về môn Thuyết-học trong Phật-giáo, gần giống như chữ 'Jhāna' của Ấn-Độ, chữ 'Ch'an' của Trung-Hoa và chữ 'Thiền' của Việt-Nam. Theo soạn-giả, 'Zen' phát-sanh từ Ấn-Độ là một khuynh-hướng suy-lý tư-duy đã có trước Phật-giáo, sau được Đức Phật Thích-Ca đã cải-biên thuần-hóa, « tạo nên một thứ Zen tiên-bộ, hòa-hợp giữa thuyết-định và trí-huệ, bằng cách tự mình thể-nghiệm lấy ở dưới gốc cây Bồ-đề ». Lúc ở Ấn-Độ, 'Zen' đượm nhuần tính cách thuần-lý triết-học. Rồi sau, môn học này được truyền-bá sang Trung-Hoa, Nhật-Bản, Việt-Nam, v.v... Vẫn nền văn-hóa Nhật-Bản có « tính-chất thuần nghệ-thuật, hướng mạnh đến tâm-tinh, nên môn học Zen ở đây chú-trọng đi sâu vào nội-tâm lý-tánh và hướng mạnh đến tính-chất u-huyền giản-lược. »

Trong tập đầu về bộ « Triệt-học Zen » mà Đại-Đức Thiên-Ân vừa cho xuất-bản, soạn-giả mới « đề-cập đến các vấn-đề như ý-nghĩa, khởi-nguyên, giáo-lý và lịch-sử truyền-bá của phái Zhen ở Ấn-Độ và Trung Hoa, từ Đức Phật Thích-Ca, ngài Bồ-Đề Đạt-Ma, đến ngài Lục-Tổ Huệ-Năng. Trong tập hai cho xuất-bản sau, soạn-giả hứa sẽ đề-cập đến các vấn-đề khác (lịch-sử du-nhập, các tôn-phái trong phái Zen, các vị thuyết-tổ của Nhật-Bản, v.v...) và đồng-thời sẽ lược-

khảo những ảnh-hưởng của triết-học Zen trong các ngành văn-hóa, học-thuật Nhật-Bản và các nước Âu Á khác.

Chúng tôi tin-tưởng rằng tác-phẩm triết-học này do tác-giả biên-soạn rất công-phu để truyền-bá một ngành tư-tưởng thuần-túy Á-Đông sẽ được giới trí-thức gần xa hoan-nghehnh một cách xứng-dáng.

**TIỀNG THƠ THỜI-SỰ.** Một nhóm trong Quỳnh-Dao thi-dàn sáng-tác và xuất-bản, Sài-gòn, 1963, 74 trang, giá 20\$.

Thi-phẩm này do 8 tác-giả trong nhóm Quỳnh-Dao thi-dàn (Sài-gòn) sáng-tác. Đó là các nữ thi-sĩ Hồng-Thiên (một biên-tập-viên thường-xuyên của Văn-Hóa Nguyệt-San), Chung-Anh, Đình-thị Việt-Liên, Phạm-thị Việt-Liên, Văn-Nương, Thu-Nga, Tuệ-Mai và Phương-Mai.

Tập thơ trên do Thượng-Tọa Đức-Nhuận đề tựa và đại-khái đã phê-bình một cách xác-dáng như sau: « Nếu có trường thơ siêu-thực, tượng-trưng, v.v... thì ở đây, theo tôi, cũng có trường thơ: Trường thơ Tín-Ngưỡng, Ái-quốc, tôi gọi là thơ nghĩa-khí. Chính vì tín-ngưỡng mà tám tác-giả ca-ngợi Hòa-Thượng Quảng-Đức, lòng yêu nước, chí kiêu-hùng của nhà văn Nhật-Linh, tâm-hồn sắt thép của các bạn sinh-viên, học-sinh, các anh chiến-sĩ.... Tôi thấy ở đây đã lóe ra những ánh-sáng của tín-tưởng, của ý-định. Ý-định muốn đem đạo vào đời, để đời gần đạo. Đời và Đạo đã hòa đồng để rồi vụt thành tác-phẩm ».

Thư từ và bưu-phiếu xin gửi về nhà Tổng-Phát-hành Việt-Liên (193, Đường Gia-Long, Sài-gòn).

**YẾU,** tiểu-thuyết dài do Chu-Tử sáng-tác. Nhà Đường Sáng xuất-bản lần thứ hai tại Sài-gòn, 1963, 415 trang in trên giấy trắng, giá bán 150\$.

Tác-phẩm *Yêu* của Chu-Tử là một tiểu-thuyết dài trình bày lối sống thường ngày đã lỗi cuốn mạnh một số thanh-niên trí-thức trong xã-hội Việt-Nam hiện-đại. Theo lời phê-bình của nhà văn Nguyễn-Vỹ, « với lối văn vừa tha-thiết dịu-dàng, vừa dí-dỏm vui-tươi, Chu-tử đã đưa ra một đề-tài sống-động, như một cái gương soi, nhìn vào gần như thấy rõ tâm hồn mỗi người ».

Tiểu-thuyết mới xuất-bản đã bán rất chạy và có lẽ đã làm vừa lòng những bạn đọc nào ưa tiểu-thuyết tình-cảm, giải sầu, ưa lối văn bình-dân mà lại khéo gợi một ảo-tưởng trí-thức trong thời-đại này.

**SÔNG,** tiểu-thuyết dài do Chu-Tử sáng-tác. Nhà Đường Sáng xuất-bản tại Sài-gòn, 1963, 422 trang in trên giấy trắng, giá bán 150\$.

Đây là tác-phẩm thứ hai của Chu-Tử, sau khi cho xuất-bản tác-phẩm *Yêu*. Theo lời phê-bình của Linh-Mục Cao-Văn-Luân, Viện-Trưởng Viện Đại-Học Huế, « *Sông* quả là một tác-phẩm « sông » rất linh-động sâu-sắc... Chu-Tử là nhà văn của đau khổ. Những nhân-vật của Chu-tử trong tiểu-thuyết *Sông* chưa tìm thấy sự cứu rỗi, nhưng vẫn tin là có sự « cứu rỗi ». Cũng như *Sông* không để ra một triết-lý nhân-sinh, nhưng buộc người đọc phải tự tìm cho mình một nhân-sinh-quan ».

**VĂN, THI-SĨ HIỆN-ĐẠI** (Kỷ-niệm, Nhận-định) quyển II. Bằng-Bá-Lân biên-soạn, nhà Xây-Dựng xuất-bản tại Sài-gòn, 1963, 274 trang, giá bán 70\$.

Sau khi cho xuất-bản tập *Vài kỷ-niệm về mấy văn, thi-sĩ hiện-đại* (quyển I), soạn-giả nay tiếp tục cho ra mắt bạn đọc quyển II nói trên Theo lời soạn-giả, các bạn đọc sách này, « ngoài chân-dung, tiểu-sử, thủ-bút, chữ ký, còn được đi sâu phàn nào vào tâm-tình một số các nhà thơ, nhà văn hữu-danh hiện-đại qua những kỷ-niệm vui buồn, ngộ-nghĩnh hay cảm-động; được thưởng-thức những văn thơ, những áng văn đặc-sắc của các thi, văn-sĩ ấy; được biết những bài thơ nào, áng văn nào họ ưa thích nhất và sáng-tác trong trường-hợp nào; được hiểu rõ và đúng cái hay, cái đẹp của thơ văn ».

Trong số những văn, thi-sĩ mà soạn-giả đưa ra giới-thiệu trong quyển II này, bạn đọc được biết thêm về Bình-Nguyên-Lộc, Quách-Tần, Trọng-Lang, Đông-Xuyên (một biên-tập-viên thường-xuyên của *Văn-Hóa Nguyệt-San*), Nguyễn-thị-Vinh, Phi-Vân, Mộng-Tuyết và Văn-Đài.

Soạn-giả còn hứa hẹn sẽ cho xuất-bản quyển III để tiếp-tục giới-thiệu một số những Văn, Thi-sĩ hữu-danh khác trên Thi, Văn-dàn Việt-Nam hiện-đại.

**THƯ-VIỆN TRƯỜNG TIỂU-HỌC** (La bibliothèque d'école primaire et ses différentes fonctions). Nguyên-tác của Mary Peacock Douglas, bản dịch của Nguyễn-Quỳnh, do Ủy-Hội Quốc-gia Việt-Nam trong tổ-chức Văn-Hóa Liên-Hiệp-Quốc (UNESCO) xuất-bản tại Sài-gòn, 1963, 112 trang in trên giấy trắng, giá bán 15\$.

Sách này do Bà Mary Peacock Douglas, Giám-Độc các thư-viện công-lập tại Tiểu-bang Bắc Caroline (Hoa-Kỳ) soạn thảo. Soạn-giả là một chuyên-viên thường hoạt-động cho thư-viện học-đường và viết nhiều sách về văn-đề đó. Vì soạn-giả rất am-hiểu về văn-đề nói trên, nên dám tin rằng sách này, do

ông Nguyễn-Quỳnh phiên-dịch vừa sát nghĩa, vừa lưu loát dễ hiểu sẽ giúp ích nhiều cho những vị đảm-nhiệm việc thiết-lập và điều-hành hoạt-động của những thư-viện ở trường tiểu-học, cùng những vị có nhiệm-vụ khuyến-khích các bạn trẻ ham đọc sách.

**TIỀN-THỦ**, tập san tu-nghiệp của người công-chức. Đã phát hành số 26, tháng 11 năm 1963 tại Sài-gòn, 88 trang, giá 7\$.

Nội-dung gồm những bài: Tại sao người công chức Anh được tiếng có tác-phong đứng-đắn, Một vài nét chính về chuyên đi tu-nghiệp tại Hoa-Kỳ, Hiện-trạng công-chức đọc báo-chí, Vũng Rạch-Giá, Cà-Mau qua vài địa-danh, Nhiều nhà nghĩa-hiệp ngoại-quốc bị cấm tù tại Đông-Đức, Nói phải có sách huởng hổ làm việc, Ôn lại những kỹ-thuật huấn-luyện, Những gia-đình gương-mẫu, Phụ nữ Việt-Nam và nghệ-nghiệp, Voi đé, Ở hiền gặp lành, v.v...

**CHỈ-ĐẠO**, số 11 (Bộ mới) tháng 11 năm 1963, đã phát hành tại Sài-gòn, 112 trang, không ghi giá bán.

Nội-dung gồm những bài: Chào mừng Cách-Mạng 1-11-63, Ý-nghĩa cuộc Cách-Mạng 1-11-63, Lửa Cách-Mạng bùng lên, Gương anh-dũng của Đại-Tá Lawrence, Dân-Chủ là lợi-khí sắc bén phát để chiến-thắng Cộng-Sản, Sự cần thiết phải có Cách-Mạng, Chiến-thắng bằng hai bàn chân, Gián-điệp là gì?, Hiệp-Chủng-quốc trước dư-luận của Tây-Âu, Giao-tê nhân-sự trong lãnh-vực giao-tiếp với đồng-đảng, Cộng-Sản đã thất-bại trong chiến-thuật du-kích, Cái bao ngũ, v.v...

**ĐỨC MẸ LA-VANG**, số 3 (Bộ III) phát hành tháng 11 năm 1963 tại Sài-gòn, 114 trang, giá bán 10\$.

Nội-dung gồm những bài: Tia sáng trong đêm tối, Trinh-nữ Trái Tim Vàng, Vang bóng đến thờ Jérusalem, Ultima Verba. Bờ biển vàng, Cánh cửa gỗ, Bartolomé de Las Casas, người Cha của da đỏ, Lễ khai-mạc khóa II Công đồng Vatican II, Lát gươm liệt-nữ, Lavang với Thi-nhân, Thánh Phaolô Tông-đó, Duy-linh và duy-vật biện-chứng-pháp, v.v...

**MAI**, tạp-chí xây-dựng và văn-nghệ. Đã phát hành số 34 (Bộ mới) ngày 15-12-63 tại Sài-gòn, 40 trang khổ lớn, giá bán 10\$.

Nội-dung gồm những bài: Nhận-định thời-cuộc, Tôi đã gặp được gì sung-sướng?, Tự-do dưới thời nguyên-tử, Nhà thơ Jacques Prévert, Phiên-âm các tiếng ngoại-quốc sang tiếng Việt-Nam, Thiên đàng địa-ngục hai bên, Bài ca chim, Những lời xây-dựng khó nói, Vòng đất hồi-sinh, v.v...

**BÁCH-KHOA**, số 167 đã phát hành ngày 15-12-63, 132 trang, giá bán 10\$.

Nội-dung gồm những bài: Xây-dựng Đại-học, Một vài nhận-định về tâm-lý-học, phân-tâm-học và văn-học, Ấn-khảo chứng-tích, Nhân-viên ngoại-giao tại các nước, Hệ-thống tổ-chức ngành giáo-dục âm-nhạc tại Pháp; Nobel khoa-học 1963, Sự quan-hệ của tiếng Việt đối với Việt-kiểu ở Pháp, Vết hằn năm tháng, Trả lời cuộc phỏng-vấn âm-nhạc, v.v...

**VĂN-HỌC**, nguyệt-san văn-hóa xã-hội nghệ-thuật, đã phát hành số 13 tháng 11 năm 1963, 140 trang, giá bán 12\$.

Nội-dung gồm những bài: Xây-dựng nền móng, Tâm-tình của một thanh-niên, Đề tiền tới một Tổng-Hội sinh-viên, Sáu rơi, Vọng-ngôn, Mùa tuyết tuổi thơ, Đêm trong quán nước, Bên phía nhà ông Ngà, Con chồn tinh quái, Tiếng nói, Ngọn suối rừng, Lạc đường vào Lịch-sử, Sinh hoạt Đại-học, v.v...

**PHỐ-THÔNG**, số 117 phát hành ngày 15-12-1963 tại Sài-gòn, 148 trang, giá bán 10\$.

Nội dung gồm những bài: Tin-tức quê nhà và Việt-kiểu, Cuộc đời trong tâm kính, Marianne, cô bé ăn mày, Hôn đêm, Những người đàn bà lưng danh: Hoàng-Phủ Phi-Giao, Y-học không-gian, Đêm Xá-Lợi, Truyện thần-thoại Hy-Lạp, Đêm tiền đưa, Nhà văn tròn nợ, Nhạc tâu ở Đông-Phương, Mùa Cách-mạng, Tháng 8 năm 1963, Văn-Hóa nô-bộc, Tem thư quốc-tê, v.v...

**TUẦN-SAN PHÒNG THƯƠNG-MÃI SÀI-GÒN**, số 337 phát hành ngày 27-12-1963 tại Sài-gòn, 34 trang khổ lớn, giá bán 10\$.

Nội-dung gồm những bài: Sự hợp-tác giữa các đoàn-thể Doanh-nhân và Chính-quyển, Văn-đề thương-mãi hóa, Văn-đề khâu-trù trên thuê lợi-tức tư-nhân, Những thiện-chí đáng ghi, Sự tiên-triển của công-kỹ-nghệ Việt-Nam, Thời-vận kinh-tê Mỹ, Văn-đề nhân-công lớn tuổi, Tìm hiểu kỹ-nghệ đấu hòa trên thế-giới, Các chất bổ-đường trong thực-phẩm Việt-Nam, Khiếm-dụng, một văn-đề cần giải-quyết, Về thị-trường sữa đặc có đường, v.v...

**CHẶN-HÙNG KINH-TỀ**, cơ-quan thông-tin sưu-tầm và nghiên-cứu kinh-tê. Đã phát hành số 354 ngày 5-12-63, 36 trang khổ lớn, giá bán 12\$.

Nội-dung gồm những bài: Ấp Tân-sinh, Lễ mãn-khoá sinh-viên si-quan trừ-bị Thủ-Đức. Những sự giúp đỡ của Đức-quốc và Mỹ quốc cho Chính-quyển Cách-Mạng Việt-Nam Cộng-Hòa, Nước tương và tầu vị-lu qua sự khảo-

sát của Viện khảo-sát của Viện Pasteur, Dưỡng-ngư cổ-truyền ở Việt-Nam, Khả năng phát-triển chăn nuôi tại Việt-Nam, Hiện-tình và triển-vọng lúa gạo trên thế-giới, Kế-hoạch kinh-tê tại các quốc-gia chậm tiến Á-Châu, v.v...

PHÁP-LUẬT, bản nguyệt-san, cơ-quan phổ-thông luật-pháp, số 31, đã phát-hành ngày 15-12-1963 tại Sài gòn, 34 trang khổ lớn, giá bán 10 \$.

Nội-dung gồm những bài: Quyền tị-nạn trong sứ-quân, Những phương-pháp bảo-toàn, Chuyên-nhượng cửa hàng thương-mại, Trách nhiệm của xe đồ chơi với hành-khách, Khê-ước giữa Bác-sĩ và bệnh-nhân, Mắt cửa sổ tâm hồn, Trà ơn Thấy, Con chim Yên què chân, Thời-hạn quân-dịch pháp-định, Các điểm cần ghi trong sớ-hữu chứng-thư, v.v...

MINH-LÝ

Subscribe now and make sure of each issue

## VANHOA NGUYETSAN (CULTURE)

Directorate of Cultural Affairs  
V. N. Department of National Education  
Saigon, Republic of Vietnam

Please send me VAN-HOÁ NGUYET-SAN for

one year — US dollars 8.00 (postage included)  
two years — US dollars 16.00 (postage included)  
starting with the ..... issue  
(month) (year)

I enclose..... to the order of NGUYEN-DINH-HOÀ,  
(remittance) Director of Cultural Affairs

NAME.....  
(please print)

ADDRESS.....  
.....  
.....  
.....  
.....

Address all correspondence to:

DIRECTOR OF CULTURAL AFFAIRS  
DEPARTMENT OF NATIONAL EDUCATION  
89 LE-VAN-DUYET STREET  
SAIGON, VIETNAM



*phần phụ-trương*

[Tập XII, Quyển 12 (Tháng 12, 1963)]

NGUYỄN-ĐĂNG-LIÊM

M.A.

## *english grammar for vietnamese: teaching and learning problems\**

### Introduction

Discussions of learning or teaching a foreign language are characterized by two major opposite claims. On the one hand, it is said that many people, as adults, have learned to speak "perfectly" many languages. On the other hand, it is insisted that unless one begins a second language as a very young child he can never "master" it completely. Because of the vigorous conflicting assertions, one may begin to raise such questions as "*What does teaching or learning a foreign language mean?*" "*What does mastering a language mean?*".

Such questions seem especially pertinent when we remember that Vietnamese is taught to young Vietnamese native speakers in our schools for twelve years and that none of us can be said to know "all the Vietnamese words" in different fields such as politics, economics, literature, religion, psychology, physiology, etc... Thus, "*to master*" a language does not mean to know all the vocabulary of the language.

This naive point of view of mastering a language as knowing all the vocabulary has been developed naturally from the observation of a child learning his native language. As a matter of fact, when we think of a child learning his native language, we just think of his acquisition of new vocabulary. We have forgotten that the child has developed *unconsciously* a habit of producing the sounds and the structural devices of his language.

The main problem in learning a foreign language, then, is not at first that of knowing vocabulary items which accompanies our expanding experience

\* Paper delivered before the Saigon Linguistic Circle on Dec. 26, 1963.

and takes time. "It is, first, the *mastery of the sound system* — to understand the stream of speech, to hear the distinctive sound features and to approximate their production. It is, second, the *mastery of the features of arrangement* that constitute the structure of the language" (Charles C. Fries, *Teaching and Learning English as a Foreign Language*, page 3). These matters (acquired unconsciously by the native speaker in his childhood) have to become automatic habits of the learner of a foreign language. Thus, one has "learned" a language when one, *within a limited vocabulary*, has mastered the phonological system and structural devices of the language.

Consequently, in learning English as a foreign language, we must not be impatient to learn new words at the beginning. The acquisition of vocabulary will go naturally with our experience in the language. On the contrary, we must strive to get an automatic accuracy of sound, rhythm, intonation, of structural forms and arrangement within a limited vocabulary.

The understanding and producing the "stream of speech" or sounds of the English language have been the topic of one of my previous reports, "English Pronunciation for Vietnamese", that I have had the pleasure to present to this Saigon Linguistic Circle.

Let us discuss the second important feature in the learning of English. That is the English structure: how to make automatic the use of the devices of arrangement and form in English. We will see the following points:

- (1) What is English grammar?
- (2) How can we have a special "English Grammar for Vietnamese"?
- (3) What are the problems of teaching and learning grammar?
- (4) Methods of teaching and learning English grammar for Vietnamese.

### I. What is English grammar?

"Grammar" means different things to different persons. For those of us who have learned Latin, it means the memorizing of paradigms for various declensions and conjugations. For those of us who have learned French, it can mean logical definitions of the "verbs", "nouns", "adjectives", "prepositions", etc. Thus, grammar is something very technical and highly "philosophical". In other words, knowing grammar is to be able to "talk about sentences".

By grammar we do not mean either of these things — the memorizing of paradigms or logical analysis of sentences or learning of universal rules. We mean by grammar the patterns of forms and arrangement by which "words" are put together. The existence of these patterns is generally accepted. When a child uses such forms as "I swam yesterday" or "two teeth", he uses the regular pattern of past tense or plural form.

English grammar for non-native speakers of English consequently consists of *patterns* or *structural devices* which the English languages uses to signal one of its various layers of meaning. It does not attempt to legislate the use of the language or rationalize the explanation of usages. But it tends to describe facts accurately and completely.

Thus to learn English grammar is to practice structural patterns again and again until they become automatic. One may note also that there is a two-fold way of learning grammar: *recognition*, that is, to understand structural patterns when one hears them, and *production*, that is, to be able to use the patterns automatically.

### II. How can we have a special "English grammar for Vietnamese"?

The fundamental assumption in applying linguistics to the teaching of foreign languages is "The most effective materials are those that are based upon a scientific description of the language to be learned, carefully compared with a parallel description of the native language of the learner" (C. C. Fries op. cit., pg. 9). Indeed, individuals tend to transfer the forms and meanings, and the distribution of forms and meanings of their native language and culture to the foreign language and culture — both productively and receptively.

Examples of this transfer:

(1) Phonological level:

"Si vous aviez du temps, je voudrais que vous veniez me voir quelque fois".

(2) Syntactical level:

"Moi pas parler français parce que moi Vietnamien".

Now, a Vietnamese learning English will find some English features quite easy and others extremely difficult. Those elements that are similar to Vietnamese will be simple for him, and those elements that are different will be difficult. Therefore teaching and learning problems in English grammar for Vietnamese speakers are those English structural devices that are different from Vietnamese structural devices to confer the same idea.

So, let us find out the differences in the English structure, the difficulties for Vietnamese speakers.

### III. What are the teaching and learning problems in English grammar for Vietnamese native speakers?

These problems can be classified into different categories:

- form
- word order
- function words.

A. *Inflectional forms.* Since Vietnamese is an uninflectional language, any inflectional forms in English would be problems for Vietnamese native speakers :

(1) *Nominals*

Personal pronouns : subject and object forms : he, him, etc.

Plural of nouns : /z s ɔz/

Use of *a, an*, count nouns, mass nouns.

Use of *the*

Demonstrative forms : this, that, these, those

Genitive forms of personal pronouns : whose, mine, John's, other, others, another

irregular plural of nouns

indefinite pronouns : one, etc.

(2) *Verbals*

"gender" in 3rd person : /z s ɔz/

Present tense forms of *be*. Contracted forms.

Forms of *do, does*

Verb forms with collective nouns : the people *are*.

Preterit of *be*.

Use of present tense and *-ing* form to express future.

Preterit verb phrase with *-ing* form.

Regular verbs, preterit and past participle forms.

Irregular verbs, preterit and past participle forms.

Tense forms in clauses (if...)

(3) *Adverbials and others*

*-ly* ending

*-er* in comparisons

*-est* in comparisons

B. *Word order*

"subjects" and "predicates"

nouns with articles, phrase modifiers of nouns, clauses, modifiers of nouns

"subject", object pronouns

"predicate" verb plus complement

Questions, negative with *be, do, did, did*, etc.

Questions with *who, what, where*

Affirmative, negative statements and questions

*be + ing* forms

order of complements of predicates

*to* plus simple form of verb as object *ask, learn, like, want*

noun-noun combinations : coffee cup

"give me this book" — indirect object positions

position of complements of "manner", "place", "time"

requests — polite forms : please, let us

questions attached to statements.

contrastive and continuing statements (*be, do, either, too*)

*It, there*, as "logical" subjects (*It's time*)

*How, what, where, why* in questions.

*in order to* and *to for* purpose.

*to* plus simple form after adjectives : delighted *to...*

*for* after predicate adjective

*while, when* in clauses of time

*whose* in questions

sentence patterns for comparisons

word order in clauses

interrogations with *to* plus simple form of verb

(He asked *where to go*.)

*ing* form as modifier (boring man)

past participle as modifier (bored man)

adjectives after nouns (I like it green)

adjectives with "phrase" modifiers

"direct objective" + simple form of verb, adjective or past participle,  
noun

C. *Function words.*

*from, to, in, on, beside, during, from... to, at*

*all of, some of, none of*

*much, many, a few, a little*

*to + verbs*

uses of *the*

*very* and *too*

*before, until, after, for* (and its omission) in expressions of time

*some, any* after verbs

*with, without* (accompaniment or instrument)

*by* (agency, means)

*toward, into, out of, up, down, through, by, around, across* (direction)

over, under, above, below, upon, around, off, off of (position)  
 the same... as, as... as, similar, like, alike, different from, more, most  
 still, any more, any longer, already, yet, ago, since, for  
 because, since, as, for (cause or reason)  
 again and again, over and over, frequently  
 to, in order to, so as to, in order that, so that (purpose)  
 and, therefore, consequently, so that, so, so... that, such... that (result)  
 though, although  
 if, if... not, unless  
 whether or not, whether, if  
 going to  
 can, must, might, have to, will, shall  
 have + -ed form, had + -ed form  
 used to, be used to  
 could (possibility or doubt)  
 have been, had been + -ing form  
 would (customary action)  
 might, may (possibility and doubt)  
 = have got  
 = have got to  
 get  
 = become  
 + past participle  
 want, would like, wish  
 + noun  
 + to + verb  
 + noun + to + verb  
 wish + to + verb  
 + that + clause

#### IV. Methods of teaching and learning English grammar for Vietnamese

The most efficient way to learn the grammar of a foreign language is constant *oral practice*. The repeated drills on a pattern by substitution of parts of the pattern will make the use of the pattern automatic.

Examples of drills

Is he a teacher ?

Is he a student ?  
 Is he a secretary ? etc.  
 Is she a teacher ?  
 Is Helen a teacher ?  
 Is John a teacher ? etc.

From these actual oral drills, students can make statements concerning the structural devices and the student does not have to memorize any grammatical rules.

There are two levels of mastering a language: production and recognition. In the use of a foreign language, the difference between the production level, which is the lower one, and the recognition level stands out noticeably. One can recognize the meaning of many more words and structural patterns than he can use orally.

The fundamental matters of the language (the word order patterns of statements, questions and requests; the fixed positions of single word modifiers of substantives) that must be mastered on the production level should be made *unconscious habits* in the early stage of learning English. Likewise, at this early stage of learning English, one must strive to make automatic the use of common patterns (for example, be + going to + verb as a future time expression) but only to recognize other more difficult and rare patterns (will, shall + verb).

#### Conclusion — Grammar and Style

All languages have variations in style. Different grammatical and lexical inventories are used for different purposes and in different contexts. The linguistic styles used in ordinary everyday conversation naturally differ quite a bit from the styles used in formal public speaking, in letters, in novels and short stories, in poetry, in newspaper and magazine writing, etc. All of these styles are equally good and equally correct, of course, provided that they are used in appropriate situations and contexts.

To master all the stylistic nuances of a language requires many years of experience. When we learn English as a foreign language we should strive at the beginning to gain mastery of one general style which is appropriate to a wide range of social and intellectual contexts. Once we have mastered this general style, we can then begin the stylistic fringe of the language in search of variations from the general style.

## BIBLIOGRAPHY

- L. BLOOMFIELD, *Language*, 1933.
- C. C. FRIES, *Teaching and Learning English as a Foreign Language*, Ann Arbor, University of Michigan Press, 1945.
- ROBERT LADO, *Linguistics across Culture*, Ann Arbor, U. of Mich. Press, 1957.
- HAROLD WHITEHALL, *Structural Essentials of English*, New York, 1951.
- C. C. FRIES, *The Structure of English*, New York, 1952.
- PAUL ROBERTS, *Patterns of English*, New York, 1956.
- C. HOCKETT, *A Course in Modern Linguistics*, New York, 1958.
- W. N. FRANCIS, *The Structure of American English*, New York, 1954.
- H. A. GLEASON, *An Introduction to Descriptive Linguistics*, New York, 1959.
- LÊ-VĂN-LÝ, *Le Parler Vietnamien*, Paris, 1948.
- LÊ-VĂN-LÝ, *Le Parler Vietnamien, The Vietnamese Language, Part II*, English translation by Nguyễn-Đặng-Liêm, USOM Vietnam, 1962.
- NGUYỄN-ĐÌNH-HÒA, *Speak Vietnamese*, Saigon, 1963.
- NGUYỄN-ĐÌNH-HÒA, *Classifiers in Vietnamese*, WORD 13 (1957), 1:124-152.
- W. GAGE, M. JACKSON, *Verb Constructions in Vietnamese*, Cornell U. 1955.
- M. B. EMENEAU, *Studies in Vietnamese (Annamese) Grammar*, U. of California, 1951.
- NGUYỄN-ĐẶNG-LIÊM & SEAREP STAFF, *English Grammar for VNese*, USOM VN, 1963.
- NGUYỄN-ĐẶNG-LIÊM, *English Pattern Practices for Vietnamese*, USOM VN, 1963.
- NGUYỄN-ĐẶNG-LIÊM, *A tentative checklist for English Grammar for Vietnamese*, USOM Vietnam, 1963.

NGUYỄN-GIAO  
 Psychologist  
 Faculty of Letters, Saigon

## *a psychoanalytic interpretation of the lore and language of schoolchildren*

### 1. The Lore and Language of Schoolchildren

Said a sociologist: "The fraternity of children is the only one that does not run the risk of being extinguished". This assertion has been amply verified by the recent information collected from 5,000 children in England, Scotland and Wales by a couple of Oxford teachers, Iona and Peter Opie. They wanted to know a very simple fact: is it true that youth spoiled by movies, radio, television and magazines has forgotten its traditional folklore, the laws and secrets of the "good old days". The results found out were surprising. Not only nothing has been lost of their folklore but still from one generation to another children have transmitted by word of mouth secrets of several centuries old which from France to England passing through Africa, Australia, Germany, Greece, Canada and New Zealand, are absolutely alike.

Iona and Peter Opie visited country schools and bilingual institutions. Everywhere children use the same words, make the same jokes with the same variations. When a child changes of city or of residence, he communicates to his new friends all what he knows. Children transmit their secrets to an unbelievable speed. In 1956 was created an official song, the Davy Crockett ballad. In a month, all children in the world knew it and transformed it with new paroles: Crockett the Spaceman, Crockett the Patricide, Davy Crewcut, king of Teddy boys. At the end of the summer, Davy Crockett craze (costume, play) disappeared but Crockett songs continued and still continue to circulate may be for many decades.



At the time of atoms and spouniks, children in the whole world still seem to take real pleasure in evading some questions :

"What's your Dad's name ?

— Same as mine

Where d' you live ?

— In a house".

Children language has no frontier. The "cock ed snooks is named "eine lange nase" in Germany and "pied-de-nez" in France. The young contemporaries of Shakespeare expressed challenge by biting their thumb what corresponds to "faire la nique" in France and to "fare la nica" in Italy.

The street, unknowna territory full of mysteries for adults, remains common to children to preserve the mall infancy wisdom. Those secrets are "forbidden" to adults. Wishing someone to keep a secret, children ordinarily enjoin : "Keep it dark", "Don't spread it", "Mum's the word", "Don't split". In Ohio, children bind themselves to silence by saying : "Cross my heart and hope to die, lock my lips and throw away the key". A die-hard legend among children since ten years is the one of the "million bus tickets". The theme of the story is that an eccentric millionaire has left the whole of his vast fortune to anyone who has enough patience to collect a million bust tickets. Nobody knows to whom one should apply for the reward, the myth nevertheless persists, turning the children of towns into useful little scavengers who collected not only bus tickets but also match sticks, postage stamps, cigarette cards...; the word "million" has something magic about it. More curious is the fact that several juvenile witresses asserted having practiced a trick reported by Pepys in his diary in 1665. It's what is called "levitation". Children stand round a person with their thumbs pressed on the victim's head. The idea is to continue this in an atmosphere of intense concentration. The children assure that the subject becomes lighter than air and that he can be lifted as easily as if he were a cushion. Is it pure legend or collective hallucination ? How to explain that this legend has persisted since three centuries. In Viet-Nam, the trick is called "Sai ma" (ordered ghost) or "Choi bay" (flying game). Children used to recite a kind of litany believed to have a magic power.

When children accidentally say the same thing, they formulate a wish by linking each other's little finger and by saying : "Touch and whistle". They know an unexpected number of magic practices. To cure the common wart, they usually "rub beef on it and then bury the meat in the garden" or get a wheat and rub it on a wart then wrap it up and drop it on a cross road.

Secret languages are used by children to communicate with each other in ways which outsiders are unable to understand. In France they say : "Jedje vaigai augjo cidji nedje madga" for "Je vais au cinéma" which corresponds to the "eggy peggy" or to the "arague" in England. One adds "ig" or "arag" before each vowel. There are also the "argot rimé" and the "argot à l'envers". Children turn words or sometimes disguise what they are saying by inserting one syllable or occasionally two before each vowel. In Scarborough teenage girls are reported to have "thageir a gown pagttager" (pidgin english), putting "ag" before each vowel. Vietnamese children conceal the meaning of each word by dissecting it into elements and then by spelling it in one breath : "Khò-ông co-sác" for "Không có" (have not). In these codes, some of which 150 years old, we see the juvenile desire of not to be understood by adults.

What does or says the schoolchild is regulated by a rigid legislation although oral. His promises, his refusals, his oath, his claims are all linked to rigorous formulas. They reinforce the truth by swearing upon their honor, their heart, their bible. They linked their fingers, hold their hand up to God, making crosses upon their body while saying : "May I drop down dead if I tell a lie". Sometimes the oath is taken on the blade of boy's penknife : "Cut my throat if I tell a lie". If someone does tell a lie (he may have been saying "not" under his breath while swearing), he may be asked to look up to heaven without laughing (a person is supposed to have told a falsehood if a blister appear on his tongue).

Like many adults, children are superstitious. It is a common practice that they spit three times when they see a white horse. Occasionally, white horses are regarded as signs of good luck.

"White horse, white horse

Bring me good luck

Good luck to you

Good luck to everyone I see".

Even in the twentieth century, children still have ancient apprehensions ; they confide to each other that "moonlight shining on a person's face when he is asleep will make him go mad", that a nose which is too long may be shortened by "rubbing it with wet grass on the night of a new moon". They treat the beliefs and rites of their companions more seriously than those practiced by their parents but when asked how much they believe in their superstition, they will say that all superstitions are silly.

When a child goes to school alone, the world seems to him immense and the day desperately long. Thus it's normal that he tries to find on his way signs of good luck and to put chance on his side in order to assure himself, face to the challenge. This is his first reaction before the risk of existence;

"Step on a beetle, it will rain  
Pick it up and bury it, the sun will shine again".

To point at a rainbow is unlucky. Sometimes it is said that one may wish upon a rainbow...

## 2. A psychoanalytic Interpretation

An interpretation of the "wild humanity" of children in Freudian terms would be illuminating. We are struck by the schoolchildren "animist" attitude which is, like in primitive tribes, a true conception of the universe. For them, objects are not inanimate; every being or thing is endowed with an immanent force susceptible of hostility or kindness. The white horse may bring bad or good luck, Davy Crockett may become "parricide", moonlight may provoke madness and people may wish upon a rainbow or a shooting star. This is the projection upon the universe of the unconscious forces of the ego which the primitives call "the perils of the soul", the unknown titans that lie within below the surface of the self.

The schoolchildren age seems to correspond fairly well to what Freud calls the stage of "narcissism" when the "libido" still unable to bear interest on external objects, concentrates all its forces on the discovery of the self, main object of love.

Like the primitives, schoolchildren believe that they have an immense power on nature. It suffices for them to bury the beetle and the "sun will shine again", to rub a wheat, a penny on a wart to cure it, to "touch wood and whistle" to realize a wish. Amongst children throughout England the sight of an ambulance passing in the street instantly evokes a self protective charm:

"Touch collar  
Never swallow  
Never catch the fever  
Not for you, no for me  
Not for all the family". (Stoke-on-Trent)

It must be born in mind that children's beliefs are closely related to the stage of mental development ascribed to a primitive tribe by the anthropologist.

This is the "magic age", a moment of the ontogenic and phylogenic human evolution. The stage is deeply pervaded by the pleasure principle. For many philosophers the child is a perfect and complete aesthete for he lives solely in the pleasure or pain of the moment.

In spite of their refusal to accept death, children are innately aware of it. Consciously or unconsciously, they feel that there is more to the ordering of fate than appear on the surface. To see a funeral always frightens them. It's particularly unlucky to count the number of cars in the procession or to pass a coffin:

"Touch your head, touch your toes  
Hope I never go in one of those".

In fact, in the entire course of life, for children as well as for the primitive or civilized man, death phenomenon is a most irreducible "obsession". Should we adopt Freud's theory of death instinct? It's worthwhile to mention that the concept of a force living in man as well as in every being under the sun, in perpetual struggle against the life-instinct, whose obscure goal is to bring all forms of life back into the original inanimate matter has its parallel in certain metaphysic theories of the old Asia, in particular the doctrine of Buddhism Zen. So, at the very beginning of his birth, man is devoted to a fundamental contradiction or conflict, between an equal desire to live and to die. A study on suicide has shown that in certain country, the rate of infantile suicide is higher than the one of the adult.

As to aggressivity, it takes the form of the "destrudo", an autonomous instinct symbolized in our case by "Crockett-the-parricide". For Freud, life can't continue unless Eros's force or life-instinct offers a victorious resistance to the forces of destruction.

Besides, we may see in the image of "Crockett-the-parricide" and especially in the rigid legislation although oral of schoolchildren, in their oath or rigorous formulas, a manifestation of "totemism" of object tabou linked to the first notion of moral conscience or "superego". Freud, in term of the "primitive horde", showed how the primitive parricide engendered the notion of guilt and the first morale. The schoolchild, in his primitive community, conducts his business with his fellows by ritual declaration. The "barbarian" language simplicity is accompanied by gestures which constitutes a part of very remote ritual. They swear by the open sky (kissing the earth), make cross upon their own body. In Penrith a girl chants:

God send the lightning to strike my tree,  
And God send the lightning if I tell a lie'.

The hypothesis of the "primitive horde" lends force to the psychoanalytic view of man as a "family animal". In fact, at a beginning, man belongs to his family before becoming member of other vast collectivities and the primitive family is a "small horde led by a male". Thus, the child at the cost of his inner peace, has to learn early the necessity of options and the first prescriptions of morale. He learns the art of playing different roles, to wear a mask and this process of identification or "satellization" will develop throughout school and life:

"What's your name?  
- Same as dad's..."

The identification with the father's name can be interpreted as an unresolved oedipus complex. This is one way for the child who has the nostalgia of the mother's breast to solve the conflict between his need for "instinctual" gratification and the conditions of the environment that forbid such gratification. In his book *The problem of anxiety*, Freud gives account of little Hans who detoured his hostility from his father to horses because, according to Freud, Hans had a desire to possess his mother and to replace his father. The oedipus complex seems to lie deep in even very young children who designate a friend of the opposite sex as his "sweetheart". It's fashionable for the 13-year olds to have a "crush" or a "pash" for somebody. "Crush" is popularly supposed to convey the idea of "someone to whom one would like to crushed close".

The most characteristic trait of schoolchildren's behavior is what we may call the "defensive magic" or instinct of defense against aggressivity itself. For the primitive as well for the child disease is never a natural phenomena. It is rather a state created by "hostile spirits". In the former time, the Greeks believed that if a person suffering from a jaundice, fixed his eyes on an oyster catcher and that if the bird gazed back at him, the disease would disappear. Said Plutarque: "such is the nature of the bird that it draws out and catches the affection which escapes through a gaze like a stream". Thus to cure the common wart, schoolchildren usually rub beef on it and then bury the meat in the garden. They sometimes apply to it ink, castor oil, rusty water or egg yolk. Another way to remove it is to "tie a horse hair round the wart" (Girl 14' Newbridge). These children of the atomic age are sharing an experience which has been part of man's knowledge for 2000 years. Marcellus of Bordeaux in the 4th century A.D, said that to cure his wart, a man should touch with little

stones as he had warts, wrap the stones in an ivy leaf and throw them away in a thoroughfare.

It is interesting to note that the Indians in Perou mould in lard mixed with cereals the effigy of an individual they fear or hate then burn it. This is the equivalent of "burning his soul". The same practice can be found among the Moïs tribes in North Viet-Nam, in Laos and Thailand. The principle is the same with some minor variations.

In their act of aggression, all youngsters contemporary of Shakespeare expressed their challenge by "biting their thumb". For the psychoanalyst, this is indubitably an act of "aggressive autoerotism" which constitutes one of the social solutions of the libidinal unsatisfaction and of the unsatisfied aggression more or less inherent in our civilization. "One bites one's finger" when one faces an external obstacle against which the primitive human aggression through "paws and teeth" has no power. Fingers play a role both passive and active, they may allow the child to continue the oral activity of the infant deprived of their maternal breast as well as to act his aggressivity in an apparently "absurd" but real manner in order to satisfy the non-aggressive condition of our society. The schoolchild's reticence to accept the adult's presence in his world, his strong desire to live his own life, to keep his own secrets, his aggressivity most of time passive, are but manifestations of death-instinct or life-instinct in its multiplicity. Who can deny that the libidinal pulsations draw their energy from the aggressive ones. An individual without aggressivity wouldn't probably be able to maintain his existence on the surface of man's earth.

It's relatively easy to psychoanalyse all these traditional practices which give the child a number of compensation for his fears, his worries, the lack of understanding on the part of the adult, and the kind of retirement or "regression" face to a life which manifests itself always too soon for his responsibilities. The child remains on this side of progress, of science that he opposes with his restless imagination, his self-indulgence and credulity. A part of himself that is the one of nature, remains for a long time a wild land devoted to legend, exactly as in the primitive tribes. But it is at the same time the richest part that lies hidden in himself, the one of innocence that life will deceive sooner or later, always too soon may be. The child world with all its century-old traditions into which our civilization has hardly cut a breach is a living proof that humanity, always new, must start from birth, from the very beginning. This is what prevents her from aging in the "zone of returns and values".

## ADDRESS

by  
**THE CHAIRMAN OF THE MILITARY REVOLUTIONARY COUNCIL**  
at the Transfer Ceremony of the Cong-Hoa Barracks  
to the Ministry of Education  
(December 14, 1968)

Ladies and Gentlemen,  
Dear Students,

It is a great pleasure for me to preside over this Ceremony of Transfer of the Cong-Hoa Barracks to the Ministry of Education.

This decision aims at providing the students with adequate premises and facilities within the Capital city pending the completion of the Thủ-Đức University Village. It also shows the deep interest of the MRC and the Provisional Government in the educational field whilst our efforts are now devoted to fighting the Communists.

I hope that the Ministry of Education will regard this event as the first step towards the improvement of Advanced Studies and the Educational System in the new era.

Dear Students,

Your acts in the past months were highly commendable just because they reflected the loftiness of your intentions in the struggle for the survival of our fatherland.

Now as we have won the revolution you must safeguard what has been gained in order that in your joint efforts with the rest of the nation we will win the final victory. You are well aware that the primary purpose of the MRC and the Provisional Government is to fight Communism to the end, lest our designs, whatever splendid and promising they may be, be doomed to failure. We have no aggressive intentions but faced with the blunt invasion from the

Vietcong, we have no other choice but do away with them so as to be able to build up a democratic and free society.

As far as the education problem is concerned, it is our intention to implement an educational system based on reality and coping with the requirements of our country at this juncture. It will be a humanistic education reflecting the characteristics of our race and the independence of our own culture.

For this reason, you should learn to become men in the full meaning of the word, so that you will be able to take up the great responsibilities the people expect from you.

You must bear in mind that the future of our country depends largely on the part contributed by the educated, able, dedicated and honest men.

You must also bear in mind that the rule of school discipline is mandatory in the present circumstances to avoid attempts by the enemy at exploiting your enthusiasm for the sake of confusion and disorder.

On the other hand, do not forget that you are parts of the Nation and models of good behavior. It falls upon you to get along with the masses to boost their support for the Army.

Ladies and Gentlemen,

Let me say that the full confidence of the MRC and the Provisional Government goes to the Teachers and Parents in their guidance of the youth along the educational path just sketched out by the Minister.

Let me tell you also my firm belief that you will put all your minds and hearts in your studies. I trust your sense of responsibility and your dedication in your learnings to bring your part in our present historic mission.

Thank you very much.



## ADDRESS

by  
THE MINISTER OF EDUCATION  
at the Ceremony of the Taking-Over of the Cong-Hoa Barracks  
(December 14, 1963)

Mr. Chairman of the Military Revolutionary Council,  
Mr. Prime Minister,  
Ladies and Gentlemen,

It is a great privilege for me, in this very solemn hour, to take over this large edifice which the Military Revolutionary Council has obligingly placed at the disposal of the Ministry of National Education.

The occupation of this stronghold has undoubtedly left a deep imprint on the mind of everyone of us. The jumble of stones and bricks still scattered under your very eyes will forever remind us of the daring exploits of the revolutionary forces which overcame this almost impregnable fortress that is made available to us today. I wish to pay tribute and express our gratitude to all the heroes whose names will be associated with the history of our struggle for liberty.

Under the former regime, the Cong Hoa Barracks used to pride itself as a symbol of "Sincerity and Loyalty", but that "Sincerity and Loyalty" was only meant to serve an individual, a family which did its utmost to ignore the aspirations of the people and belittle the basic rights of the nation.

Today, a regime has come to an end, a new era has begun.

I should like to extend our thanks to the MRC and to the Government for having reserved for our Ministry a spacious center located in the most privileged site, right in the heart of the city.

Once remodeled to suit the needs of education, this center will bring together the Faculties of Law, Pharmacy, and Letters, and the School of Agriculture, Forestry and Animal Husbandry. Large auditoriums will replace the

now small and inadequate classrooms, unable to hold the everincreasing number of students.

Thus, the problem of school shortage will be temporarily solved to some extent in spite of the country's difficult situation and the limited means that we now have.

But my greatest joy today lies in the fact that the MRC and the Government have shown such interest in the education and training of our elite.

Although you are constantly preoccupied with revolutionary charges, the reconstruction of the country, and above all, the fight against Communism, you have not failed to give your hearty support to our youth.

The truly democratic regimes are often bold enough to close same places of confinement so as to reserve more funds for the construction of more schools. On the other hand, dictatorial regimes will oppress the intelligentsia and persecute the students to consolidate the power of an individual or a family. In the olden times, Emperor Ch'in Shih Huang burnt books and buried students alive; in our days, the totalitarian and nepotic regime of the Ngô's imprisoned intellectuals and students for having raised their voice in the name of Truth and Just Cause.

You have dedicated a well-equipped military base to the training of our elite. Moreover, the Military Engineer Corps will be working day and night to repair these buildings so that they can be turned over to the Ministry of National Education in a record time.

This noble gesture, the future generations will remember forever. I am certain that the students will not fail to live up to your expectations.

To show our gratitude to you, therefore, our Ministry will fulfil your wishes: a new system of education will materialize on this very spot. The four high and strong walls which used to symbolize oppression, will now constitute the boundaries of a distinguished site devoted to the quest of knowledge.

Ladies and Gentlemen,

Today is the starting point of a renovation of Vietnamese Higher Education in accordance with the spirit of democracy and freedom. In fact, this renovation should have been accomplished long ago, but the old regime was not much interested in the students' working and living conditions. For this reason, a number of problems have not been solved satisfactorily, for instance the problem of school shortage and that of the students' activities.

Our Ministry has endeavored to speed up the construction of the University Campus at Thu-Duc. At the same time, the building of adequate living quarters for students is under study. On the other hand, in the same spirit of reform, we shall extend more facilities to study abroad. The former regime, because of its totalitarianism and lack of appreciation of talents, has discouraged most of the students abroad to come home. Today, such problem is no more. I am confident that, in the near future, all the technicians and graduates in foreign countries may come back and contribute to the reconstruction of the country, without fear. These returnees, after having served for a period of time will be allowed to go out again if they so wish.

Ladies and Gentlemen,

The acquisition of the Cong-Hoa Barracks today has given to all of us more faith in the future. With this faith in mind, and conscious of the important mission which you, Mr. Chairman and Mr. Prime Minister, have entrusted to us, I feel deeply honored to accept this edifice on behalf of the Ministry of National Education.

Thank you very much.





## SPEECH

by  
**THE STUDENT REPRESENTATIVE**  
at the Ceremony of the Taking-Over of the Cong-Hoa Barracks  
(December 14, 1968)

Mr. Chairman of the Military Revolutionary Council,  
Mr. Prime Minister,  
Mr. Minister of Defense,  
Mr. Minister of Education,  
Ladies and Gentlemen,

Two months ago, to stand on this very spot one had to be a soldier ready to shoot at all those intended to overthrow a barbarous regime, a soldier ready to sacrifice himself to protect a clique of dictators.

During those days, and especially the days of strike conducted by the students, every time we went along Thong-Nhut Boulevard where more than once police cars were seen hurrying past fully loaded with school boys and girls, we could not help feeling ashamed though we did not have the possibility of tearing down the then arrogant walls. But the inevitable has nevertheless happened: the walls have collapsed pulling down with them a regime of oppression, thus enabling us to be here today, thanks to the success of the military revolution, and to freely submit our views and wishes.

You can easily imagine how deeply moved we are when we think that these buildings which used to house the defenders of a totalitarian regime will soon be turned into a spacious University Center for the training of young men and women whose only preoccupation is to put their talents in the service of their country.

Ladies and Gentlemen,

The former garrison will be converted into a University Center thanks to a judicious decision of the Military Revolutionary Council and the Government. It was a judicious one, because it was at the same time a revolutionary one.

The former regime took little interest in our working and living conditions. In our opinion, the expansion of our University should begin with the extension of laboratory, library and residential facilities.

The decision of the Military Revolutionary Council and the Government is thus a revolutionary one since it does not follow the beaten tracks of the former regime's educational policy. Our young hearts are full of a new hope. What is that hope?

Ladies and Gentlemen,

A University Center must not consist only of conference rooms where lectures are given. It must also include recreational facilities where students can gather to exchange their views on problems other than those involved by their various fields of study, we mean, for instance, the Students' Clubs. We think we are not asking too much. That little we are asking today was refused us by the former regime which did its best to stifle our young voices.

We should like to say how grateful we are to be granted such a beautiful and spacious center for our studious activities, and we shall never forget your noble gesture.

Thank you very much.

## DISCOURS

du  
GÉNÉRAL DE DIVISION DƯƠNG-VĂN-MINH  
PRÉSIDENT DU CONSEIL MILITAIRE RÉVOLUTIONNAIRE  
à l'Occasion de la Cérémonie de Transfert de la Citadelle 'Cộng-Hòa'  
au Ministère de l'Éducation Nationale  
(14-12-1968)

Mesdames et Messieurs,

Mes chers amis, élèves et étudiants,

C'est avec grand plaisir que je viens présider la Cérémonie de Transfert de cette Citadelle "Cộng-Hòa", désormais à la disposition du Ministère de l'Éducation Nationale.

Deux raisons ont dicté cette décision : d'abord, notre désir de donner aux élèves et étudiants — en attendant que soit achevée la Cité Universitaire de Thủ-Đức — un centre d'éducation doté d'installations confortables et situé au coeur même de la Capitale.

Cette décision symbolise également la sollicitude que le CMR et le Gouvernement entendent porter aux problèmes de l'Éducation en des temps où, pourtant, tous nos efforts sont concentrés sur la lutte anti-communiste.

Le Ministère de l'Éducation Nationale verra dans cette réception, j'en suis sûr, un premier pas vers l'adaptation au nouvel esprit révolutionnaire tant de l'enseignement universitaire national que de tous les programmes d'éducation.

Elèves et Etudiants, mes chers amis,

Vous avez accompli, dans le passé, de grandes choses en une lutte pleine de pureté et de désintéressement, la lutte de la jeunesse estudiantine consciente des problèmes de notre pays, de notre peuple.

Aujourd'hui, dans le succès de la Révolution, vous saurez conserver les fruits d'un combat méritoire en conjuguant avec le peuple vos efforts en vue de triompher du communisme.

VIII

Vous le savez bien : l'objectif du CMR comme du Gouvernement est de combattre résolument le communisme, car sinon les projets les plus beaux et les plus prometteurs resteraient à l'état de chimères. Nous ne nourrissons pas de volonté d'agression. Mais, face à l'agression infâme des Việt-công, nous sommes résolus à lutter pour bâtir une société libre et démocratique.

Pour en revenir aux problèmes de l'Éducation, nous concevons de réaliser un enseignement pratique et adapté tant aux besoins qu'à la situation du pays, de donner aux programmes d'éducation un humanisme qui reflétait les qualités millénaires de notre peuple sans être tributaire d'un programme étranger.

Le devoir des élèves et des étudiants est de s'instruire pour devenir des hommes accomplis, capables d'assumer dans l'avenir leurs responsabilités, selon les espoirs que le peuple met en eux.

Vous devez vous rendre compte que l'avenir du pays dépend de la participation de tous les éléments intellectuels, talentueux, dévoués et intègres.

Vous devez reconnaître que le maintien de la discipline à l'école est, dans les temps que nous vivons, une nécessité absolue pour empêcher l'ennemi de détourner vos jeunes énergies vers l'agitation et le désordre.

Par ailleurs, conscients de votre rôle d'exemples pour la Nation, vous vous intégrerez à la vie nationale pour pousser toutes les couches de la population à soutenir le combat de l'Armée.

Mesdames et Messieurs,

Au nom du CMR, j'ai l'honneur d'exprimer notre entière confiance aux Professeurs, Parents d'élèves et Educateurs qui ont mission de guider nos élèves suivant la nouvelle ligne que Monsieur le Ministre vient d'évoquer brièvement.

Nous faisons également pleine confiance aux élèves et étudiants qui continueront sans doute à mener leurs études, prenant conscience de leurs responsabilités d'avoir à perfectionner constamment leurs connaissances techniques et culturelles afin d'être en mesure de contribuer, avec tout le peuple, à la réalisation de la mission historique nationale.

IX

## DISCOURS

du  
MINISTRE DE L'EDUCATION NATIONALE  
à l'occasion de la Remise de la Caserne Còng-Hòa  
(14-12-1968)

Monsieur le Président du Conseil Militaire Révolutionnaire,  
Monsieur le Président du Conseil,  
Mesdames et Messieurs,

C'est pour moi un grand honneur de recevoir, en cet instant solennel, ce bâtiment que le Conseil Militaire Révolutionnaire a bien voulu mettre à la disposition du Ministère de l'Education Nationale.

La conquête de cette citadelle est un événement qui sans doute reste encore gravé dans votre mémoire. Ces pierres et ces briques encore entassées pêle-mêle nous rappellent les exploits des forces révolutionnaires à l'assaut de cette forteresse léguée aujourd'hui à notre Ministère. Permettez-moi de m'incliner devant l'héroïsme de tous les soldats révolutionnaires, dont le souvenir restera à jamais lié à l'histoire de la lutte pour la liberté.

Sous l'ancien régime, la Caserne Còng-Hòa prétendait symboliser la "Loyauté et la Fidélité", mais au service exclusif d'une personne, d'une famille, contre les aspirations de tout un peuple et au mépris des intérêts supérieurs du pays.

Aujourd'hui, le glas d'une époque a sonné, une ère nouvelle commence.

Nous aimerions d'abord exprimer notre reconnaissance envers le Conseil Militaire Révolutionnaire et le Gouvernement qui ont eu la bienveillance de nous attribuer un large terrain admirablement situé au centre de la cité.

Après des travaux d'aménagement, ce lieu abritera les Facultés de Droit, de Pharmacie, des Lettres et l'Ecole Supérieure d'Agriculture, de Sylviculture et d'Elevage, dotées d'amphithéâtres spacieux qui remplaceront les salles actuelles trop exigües pour le nombre d'étudiants en augmentation constante.

Ainsi, le problème de la pénurie des locaux qui nous préoccupe est provisoirement et partiellement résolu dans la limite de nos faibles moyens et dans la conjoncture difficile de notre pays.

Mais en cette minute, je me réjouis surtout du souci que témoignent le Conseil Militaire Révolutionnaire et le Gouvernement pour la formation des cadres.

En effet, en nous léguant cette citadelle, vous avez prouvé que malgré les lourdes tâches qu'imposent la révolution, la reconstruction et la lutte anti-communiste, vous n'avez pas oublié de manifester votre sollicitude à l'égard de notre jeunesse.

Les régimes démocratiques dignes de ce nom n'hésitent pas à réduire le nombre de prisons pour pouvoir allouer plus de crédits aux constructions scolaires. Par contre, les gouvernements dictatoriaux oppriment l'élite pour consolider la position d'une personne ou d'une famille. Dans les anciens temps, Tsin Che Houang Ti brûlait les livres, enterrait vivants les élèves; tout récemment encore, ont été jetés en prison intellectuels et étudiants, parce que leur seul crime a été d'avoir osé élever la voix contre le népotisme des Ngô pour dire la vérité et défendre la juste cause.

Vous nous avez aujourd'hui sacrifié une grande base militaire afin de contribuer à la formation de l'élite de la nation. Mieux encore, la Direction du Génie militaire travaillera nuit et jour à l'aménagement du futur Centre universitaire dans un temps record.

Ce noble geste prouve encore une fois la volonté du CMR et du Gouvernement d'instaurer la démocratie et de servir le peuple. Cette générosité restera gravée à jamais dans la mémoire des générations futures. J'ose affirmer que les étudiants ne vous décevront pas.

C'est pourquoi, pour répondre à votre sollicitude, notre Ministère aura à coeur d'inaugurer en ce lieu une ère nouvelle de l'enseignement selon les désirs du CMR et du Gouvernement. Ces murailles fortifiées qui constituaient autrefois le rempart de l'oppression, délimiteront dorénavant un Centre Universitaire propice aux études.

Mesdames et Messieurs,

Cette cérémonie marquera le début d'un ensemble de réformes de l'enseignement supérieur dans un esprit libéral et démocratique. Ces réformes auraient

dû être entreprises depuis longtemps ; mais, l'ancien régime ne se préoccupait guère des conditions de travail et de vie des étudiants.

Notre Ministère poursuit activement la construction du Centre Universitaire de Thủ-Đức et commence en même temps l'étude du projet de réalisation d'une Cité Universitaire confortable.

En outre et toujours dans le même esprit de réforme libérale et démocratique, nous encouragerons les études à l'étranger. Sous l'ancien régime, les étudiants et techniciens vietnamiens travaillant à l'étranger ne voulaient pas rentrer dans leur pays à cause de la dictature féodale qui dédaignait les jeunes talents. Aujourd'hui cet état de choses funeste ne se produira plus car la liberté et la démocratie sont la base même de notre régime. Bientôt ils pourront regagner le pays sans appréhension afin de contribuer à la reconstruction nationale. Ils bénéficieront d'un sursis pour le service militaire et auront toute liberté de repartir s'ils trouvent que les conditions de travail ne sont pas satisfaisantes.

La remise de la Caserne Cộng-Hòa nous redonne espoir, au Ministère et aux étudiants. Plein de cet espoir et conscient des responsabilités que le CMR et le Gouvernement ont bien voulu nous confier, je suis très honoré de prendre possession de cette base militaire.

## DISCOURS

du  
REPRÉSENTANT DES ETUDIANTS  
à l'occasion de la Remise de la Caserne Cộng-Hòa  
(14 Décembre 1963)

Monsieur le Président du Conseil Militaire Révolutionnaire,  
Monsieur le Président du Conseil,  
Monsieur le Ministre de la Défense Nationale,  
Monsieur le Ministre de l'Education Nationale,  
Mesdames et Messieurs,

Deux mois auparavant, pour pouvoir me montrer en ce lieu, il me faudrait être un soldat prêt à tirer sur ceux qui voulaient renverser un régime barbare, prêt à me sacrifier pour défendre les intérêts d'une poignée de dictateurs.

A cette époque, surtout pendant la grève des étudiants et des écoliers, chaque fois que nous traversions le Boulevard Thống Nhất, ce boulevard que plus d'une fois sillonnaient des camions de police chargés de jeunes gens et jeunes filles, nous ne pouvions nous empêcher d'avoir honte, bien que nous, étudiants, nous n'ayons pas été capables de bousculer ces murailles hautaines. Mais ce qui devait arriver était bien arrivé : ces murailles s'étaient écroulées, emportant un régime totalitaire, ce qui nous permet aujourd'hui, après cette glorieuse journée révolutionnaire du 1-11-1963, d'exprimer librement et sincèrement notre pensée devant vous.

Comment ne pas être bouleversés quand nous pensons que cette enceinte qui abritait les défenseurs d'un régime totalitaire se transforme aujourd'hui en un centre destiné à la formation de la jeunesse soucieuse de servir la patrie, la liberté et la justice ?

Mesdames et Messieurs,

Ce fut là une heureuse initiative du Conseil Militaire Révolutionnaire et du Gouvernement, heureuse parce qu'elle enveloppe une signification révolutionnaire.

Effectivement, l'ancien régime ne se préoccupait pas des conditions de travail et de vie des étudiants. Nous sommes d'avis que, l'augmentation des effectifs impose le développement et l'extension des établissements universitaires et, avant tout, l'élargissement des amphithéâtres, des laboratoires, des bibliothèques et des cités universitaires.

Aujourd'hui, cette décision du Conseil Militaire Révolutionnaire et du Gouvernement est révolutionnaire, car elle s'oppose à la politique universitaire et scolaire de l'ancien régime. Permettez-nous de nourrir ces pensées, car elles entretiennent notre nouvel espoir.

Quel est ce nouvel espoir ?

Mesdames et Messieurs,

Un Centre Universitaire ne doit pas seulement comprendre des salles de cours. Il doit encore favoriser les divertissements et les échanges culturels. Nous voulions faire allusion aux Clubs d'Etudiants, par exemple. Peut-être certains se moqueraient de nos prétentions. Non, nous voulons seulement un minimum de bien-être que l'ancien régime nous a intentionnellement refusé pour étouffer nos activités.

Aujourd'hui, cette mesure visant à transformer ce bastion de l'ancien régime en un Centre universitaire pour la formation d'une jeunesse avide d'un meilleur avenir, sera à jamais gravée dans notre mémoire.



Con người văn-hoá ngày nay  
bác-cổ thông-kim đọc

## VĂN-HOÁ NGUYỆT-SAN

do Bộ Quốc-Gia Giáo-Dục (Nha Văn-Hoá)  
xuất - bản

### THẺ-LỆ MUA VĂN-HOÁ NGUYỆT-SAN (kể từ năm 1963)

Mỗi số (Tư-nhân) :	12\$	1 năm	(12 số) :	120\$
		nửa năm	( 6 số) :	60\$
Mỗi số (Công-sở) :	24\$	1 năm	(12 số) :	240\$
		nửa năm	( 6 số) :	120\$

Gửi bảo-dảm, mỗi số tính thêm 8\$

- Các cơ-quan hoặc tư-nhân tại Ngoại-quốc mua dài hạn trả 8 Mỹ-kim một năm (12 số), kể cả cước-phi gửi bằng đường thủy.
- Độc-giả mua dài hạn xin gửi phiếu mua báo và ngân-phiếu về Ô: Giám-Đốc Nha Văn-Hoá (89, Đường Lê-Văn-Duyệt, Sài-gòn).

PHIẾU MUA  
VĂN-HOÁ NGUYỆT-SAN

Tôi (họ và tên).....

ở (địa-chỉ).....

nhận mua dài hạn tạp-chí VĂN-HOÁ NGUYỆT-SAN (kể từ năm 196.....) trong  
hạn một năm (12 số) hay nửa năm (6 số)<sup>1</sup> mỗi số gửi.....cuốn  
kể từ tháng..... năm.....

Tiền mua báo là<sup>2</sup>.....

trả ngày..... hoặc trả bằng bưu-phiếu<sup>3</sup>

..... số.....

ngày..... đính theo đây.

..... ngày..... tháng..... năm 196.....

KÝ TÊN,

- CHÚ-THÍCH : (1) Xin gạch những tiếng không cần dùng.  
(2) Lệ mua báo xin trả tiền trước (Thẻ-lệ mua báo xin xem ở mặt trước). Chỉ gửi tạp-chí khi nhận được bưu-phiếu.  
(3) Xin gửi phiếu mua báo và bưu-phiếu về địa-chỉ :  
Ông GIÁM-ĐỐC NHÀ VĂN-HOÁ  
(89, Đường Lê-Văn-Duyệt, Sài-gòn), lĩnh-nhận.

Phần chú-thích của Ban Quản-lý :

Bưu-phiếu hay biên-lai số..... ngày.....

tính.....

Phiếu mua báo số.....

Ghi vào số thu tiền ngày.....



Tòa-soạn **VĂN-HÓA NGUYỆT-SAN**  
NHA VĂN-HÓA (Bộ Quốc-gia Giáo-dục)  
89, Đường Lê-Văn-Duyệt, Sài-gòn  
Điện-thoại: 20.227

Chú-nhiệm }  
kiêm Chủ-bút } NGUYỄN-ĐÌNH-HÒA  
Quản-lý : BÙI-ĐÌNH-SAN  
Thư-ký : NGUYỄN-VĂN-NINH

Ấn-Quán: VĂN-KHOA  
215-217, Đường Nguyễn-Biều, Sài-gòn  
Tổng Phát-Hành bán lẻ: Thống-Nhất  
329, Đại-lộ Trần-Hung-Đạo, Sài-gòn

Giấy phép Xuất-bản  
Nghị-định số 332 Cab/Sg  
ngày 5-5-1962

In 2000 cuốn số 88  
tại nhà in Văn-Khoa  
217, Đ. Nguyễn-Biều, Sài-gòn

## THÈ-LỆ GỬI BÀI SOẠN ĐĂNG VĂN-HÓA NGUYỆT-SAN

Tòa-soạn Văn-Hóa Nguyệt-San thành-thực đa-tạ cảm-tình nông-hộ của các bạn xa gần có bài gửi đăng V. H. N. S. Về vấn-đề bàn-thảo, xin trân-trọng lưu-ý các bạn về mấy điểm sau đây:

1. Bài soạn gửi đăng Văn-Hóa Nguyệt-San, xin gửi về Ô. Chủ-bút Văn-Hóa Nguyệt-San, 89, Đường Lê-Văn-Duyệt, Sài-gòn.
2. Bài soạn xin cho đánh máy đồng đôi (có đánh lề ở cả 2 bên), hoặc viết rõ-ràng trên một mặt giấy (để giúp in-công xếp chữ đỡ thiếu sót, nhầm-lẫn).
3. Đầu bài soạn, xin ghi rõ, ngoài bút-hiệu, tên thực, chức-vụ và địa-chỉ hiện tại của tác-giả để tòa-soạn tiện liên-lạc hội-ý thêm, mỗi khi cần tới.
4. Nếu trong bài, có đoạn văn nào trích-dẫn, xin ghi rõ xuất-xứ (tên tác-giả tên sách, nơi xuất-bản, nhà xuất-bản, năm xuất-bản, và trích-dẫn ở trang nào).

*Thí-du :* Nguyễn-Văn-X. . . *Văn-Học Việt-Nam* (Sài-gòn, X. Xuất-bản-cục, 1960) trang. . .

Trần-Văn-X. . . « *Điện cổ* », *Văn-Hóa Nguyệt-San*, Tập. . . Số. . . (tháng. . . năm. . .). trang. . .

5. Bao nhiêu cước-chú đặt ở cuối mỗi trang, xin ghi số liên-tiếp cho toàn bài.
6. Những danh-từ kỹ-thuật và khoa-học khi dịch ra Việt-văn xin ghi rõ cả nguyên-văn ngoại-ngữ (Anh, Pháp. . .).
7. Bài nào đã gửi đăng báo khác, xin miễn gửi đăng V. H. N. S. Khi bài đã gửi cho đăng V. H. N. S., mà soạn-giả sau lại muốn gửi bài ấy đăng báo khác, xin báo tin ngay cho tòa-soạn V. H. N. S. để kịp thời hoãn đăng, ngõ-hầu tránh sự trùng-điệp.
8. Tòa-soạn tùy-nghị lựa chọn, sửa chữa và xếp đặt các bài đăng V. H. N. S. Những bài đã nhận đăng sẽ đăng dần, còn đăng sớm hay muộn là tùy nhiều lý-do kỹ-thuật, chuyên-môn, v.v. . ., mong các bạn thông-cảm.
9. Những bản thảo gửi quá ba tháng mà không thấy đăng hay trả lời, có thể coi như là không đăng. Những bài không đăng được, không có lệ trả lại bản thảo.
10. Mỗi tác-giả hoàn-toàn chịu trách-nhiệm về bài của mình.

CORNELL  
UNIVERSITY  
MAR 19 1964  
LIBRARY

GIÁ BÁN TOÀN-QUỐC :

1 số (tư-nhân) . . . . . 12đ

1 số (công-bố) . . . . . 24đ